

Charlie Bone lúc nửa đêm (Tập 1)

Contents

Charlie Bone lúc nửa đêm (Tập 1)	1
1. Chương 01 + 02	2
2. Chương 03	8
3. Chương 04 Phần 1	14
4. Chương 04 Phần 2	18
5. Chương 05	22
6. Chương 06	29
7. Chương 07	35
8. Chương 08	41
9. Chương 09	48
10. Chương 10 Phần 1	55
11. Chương 10 Phần 2	58
12. Chương 11	62
13. Chương 12	68
14. Chương 13	73
15. Chương 14	78
16. Chương 15 Phần 1	83
17. Chương 15 Phần 2	86
18. Chương 16	90
19. Chương 17	93
20. Chương 18	99
21. Chương 19	105
22. Chương 20	108
23. Chương 21	115
24. Chương 22	120
25. Chương 23	124
26. Chương 24 [hết]	131

Charlie Bone lúc nửa đêm (Tập 1)



Giới thiệu

Ngày xưa ngày xưa, có một ông vua đến phương Bắc sống. Người ta gọi ông là Vua Đỏ vì ông mặc m

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/charlie-bone-luc-nua-dem-tap-1>

1. Chương 01 + 02

Chuyện mở đầu bằng...

Ngày xưa ngày xưa, có một ông vua đến phương Bắc sống. Người ta gọi ông là Vua Đỏ vì ông mặc một cái áo chùng màu đỏ tươi, và trên chiếc khiên của ông có vẽ một mặt trời đỏ rực. Người ta đồn rằng ông chui từ Châu Phi ra. Ông lại còn là một phù thủy phi thường. Mười đứa con ông, đứa nào cũng được thừa hưởng một phần nhỏ quyền năng. Nhưng khi vợ nhà vua qua đời, có năm đứa trở nên độc ác, và năm đứa còn lại, vì phải tìm cách thoát khỏi sự thối nát đang bủa vây các anh chị em quỷ quái của mình, đã từ bỏ lâu đài của người cha, mãi mãi.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - gác nhỏ cho người yêu sách.]

Lòng tan nát, ông Vua Đỏ biến mất vào những cách rừng che phủ các vương quốc phương Bắc. Tuy vậy, ông không đi một mình, bởi vì có ba con mèo (chính xác là ba con báo) theo ông. Chúng ta sẽ không bao giờ được quên mấy con mèo này!

Quyền năng lạ lùng và đa dạng của Vua Đỏ được truyền cho các hậu duệ của ông, thường là bất thành linh xuất hiện ở một kẻ, mà kẻ đó cũng không hiểu những thứ này từ đâu ra. Đó chính là việc đã xảy ra với Charlie Bone, và với vài đứa trẻ mà cậu ta gặp phía sau những bức tường xám, dữ tợn của Học viện Bloor.

Charlie nghe được những tiếng nói

Vào chiều thứ Năm, ngay sau bữa trà, Charlie Bone thấy khói. Cậu ta vô tình nhìn ra ngoài cửa sổ, đúng lúc một đám mây u ám nhô lên khỏi những tán cây mùa thu. Gió thổi đám mây về hướng nam, và đám mây bay ngang trời, trông như một con cá voi khổng lồ đang trôi lênh bênh.

Đâu đó, ở đâu kia thành phố, có một đám cháy. Charlie nghe được tiếng xe cứu hỏa đang lao tới đó. Nó không hề biết rằng, bằng những cách bí ẩn và không ngờ nổi, nó có liên hệ tới đám cháy ấy, và chẳng bao lâu nữa sẽ bị lôi đến nơi đám cháy bắt đầu.

Charlie ngủ ngon lành, tỉnh dậy sáng hôm sau, và tới trường. Sau buổi học, Charlie và bạn nó, Benjamin Brown, như thường lệ, cùng nhau đi bộ về nhà. Đám mây khói đã bay đi mất, nhưng bầu trời vẫn vũ, u ám. Một cơn gió hung tợn quăng những chiếc lá đỏ, lá vàng bay thốc tháo trên đường Filbert.

Benjamin băng qua đường ở căn nhà số 9. Hầu hết những người sống trong căn nhà số 9 đều than phiền về cây dẻ lớn đứng trước nhà - nào là nó làm các phòng tối hù; nào là nó ẩm thấp, cột cà cột kẹt; và một ngày kia nó có thể đổ ụp lên mái, giết hết cả đám khi ngủ. Khỏi nói cũng biết, không ai trong nhà số 9 làm gì với cây dẻ ấy. Họ chỉ ca thán với nhau là hết cỡ. Họ là một gia đình kiêu căng đầy đủ.

Lúc Charlie leo hết mấy bậc cấp tới cửa ra vào, cái cây thở dài và rụng như mưa xuống một nắm quả dẻ ngay trên đầu nó. May làm sao, mớ tóc dày và dai của Charlie làm cho những cú đập nhẹ bớt. Tóc dày

cũng có ích lợi, dù không nhiều. Charlie lúc nào cũng bị nhắc nhở phải tắm tất lên, đúng là một việc “bất khả thi” đối với một kẻ có tóc mọc như bờ rào.

“Chào hai bà!” Charlie kêu to khi bước vào trong hành lang.

Có hai bà trong nhà số 9: bà ngoại Jones (mẹ của mẹ Charlie), bà nội Bone (mẹ của bố Charlie). Ngoại Jones tròn quay, vui vẻ và hách dịch; trong khi nội Bone mở miệng ra là than vãn. Nội Bone hiếm khi mỉm cười, và không cái gì làm bà cười ha ha nổi. Tóc bà dày và trắng. Bà mặc những cái đầm dài, cứng quèo, hết màu đen tới màu xám rồi màu nâu (không bao giờ màu hồng, là màu ưa thích của Maisie). Ngoại Jones thích được gọi là Maisie, nhưng Charlie không bao giờ dám gọi nội Bone bằng tên con gái là Grizelda. Bà muốn nhắc nhở mọi người rằng, trước khi cưới ông Bone, bà đã từng là một Yewbeam. Yewbeam là một dòng họ cổ xưa, với một gia phả có ghi tên những người có máu nghệ sĩ, cùng những người có một số biệt tài, thí dụ như thổi miên, đọc ý nghĩ, và ếm bùa.

Charlie biết rằng mình đã làm nội Bone thất vọng vì chỉ là một đứa bình thường. Tệ hơn, trong mắt bà, nó hoàn toàn hạnh phúc vì được làm người bình thường.

Mỗi khi Charlie đi học về, luôn luôn là ngoại Maisie hôn nó một cái hôn ướp nhẹ trên má, rồi ấn một món gì đó chén được vào miệng nó. Hôm nay ngoại Maisie có một cục u bự trên trán. “Cây dẻ ngu si ấy,” bà mách Charlie.

Nội Bone luôn luôn ngồi trong cái ghế bập bênh cạnh lò sưởi, phê bình việc nấu nướng của ngoại Maisie hoặc tình trạng đầu tóc Charlie. Hôm nay cái ghế bỏ trống.

Đó là điều bất thường đầu tiên.

Ngày mai, thứ Bảy, là ngày sinh nhật thứ 10 của Benjamin, và Charlie quyết định tự làm một tấm thiệp sinh nhật, thay vì đi mua. Nó đã chụp hình con chó của Benjamin - con Hạt Đậu - đang cười (đúng hơn là đang nhe mấy cái răng dài và vàng quá sức tưởng tượng).

Charlie đã nhờ mẹ nó đem hình đến phóng ở tiệm hình Kwik trên đường bà đi làm về. Nó tính sẽ vẽ một trái bong bóng bay, trên có ghi “CHÚC MỪNG SINH NHẬT, BENJAMIN!” ngay trên đầu con Hạt Đậu.

Điều bất thường thứ nhì sắp xảy ra.

Vào lúc 4 giờ 5 phút, mẹ Charlie bước vào với một hộp toàn táo với đại hoàng chín nẫu. “Sẽ làm được một cái bánh hoa quả ngon tuyệt nhé,” bà vừa nói vừa đặt cái hộp bên cạnh đĩa ăn của Charlie và hôn lên cái đầu bồm xồm của nó. Bà Amy Bone làm việc bán thời gian trong một cửa hàng rau quả, cho nên luôn luôn có đầy những quả với rau trong nhà số 9.

Charlie né người khỏi đồng quả thối. Nó hỏi, “Mẹ đã lấy hình cho con chưa?”

Bà Amy Bone thò tay vào túi đi chợ, lấy ra một cái phong bì màu cam to. Bà đặt phong bì bên cạnh đĩa ăn của Charlie.

Charlie mở phong bì ra và phát hiện: không phải Hạt Đậu. Chẳng có cái gì giống Hạt Đậu cả!

Đúng lúc này nội Bone hiện ra. Bà luẩn quẩn ở cửa ra vào, hết sờ lên cổ, vuốt đám tóc bạc trắng, lại kéo vạt váy đen cứng quèo. Trông như bà sắp hoàn tất số mệnh đến nơi. Và mặc dù ở tuổi 65, nhưng cái cách của bà khiến cho người ta có thể tha thứ được, nếu có lỡ nghĩ rằng chuyện ấy mà xảy ra thì cũng là có hơi trẻ một chút.

Tấm hình Charlie cầm trên tay có một người đàn ông ẵm một đứa bé. Ông ngồi trên một cái ghế đẩu. Tóc ông xám, mọc thưa, và mặt ông dài, nhìn sâu nảo. Ông mặc một bộ đồ nhàu nhĩ màu đen, và cặp kính thạch anh dày cộp làm cho đôi mắt xám nhợt của ông trộn trũng thất thần như hai hòn bi.

Thay vì đẩy trở lại vào phong bì, Charlie tiếp tục nhìn chăm chăm vào tấm hình.

Đúng ra là nó không cách nào giằng được mắt ra khỏi đó. Nó bắt đầu thấy choáng váng, và trong tai bỗng nổi lên những âm thanh bí hiểm, nghe rè rè, sột soạt như dò ra-đi-ô mà chưa đến đúng tần số.

“Ồ... Ừm... Cái gì đây...?” Giọng Charlie nghe xa xăm, như khuất sau một làn sương.

“Gì vậy? Charlie?” Mẹ nó hỏi.

“Có chuyện gì hả?” Nội Bone lao tới. “Eustacia gọi cho ta, bảo có điềm báo. Rốt cuộc thì con là một Yewbeam chính cống đấy chứ?”

Ngoại Maisie giận dữ nhìn nội Bone trong khi Charlie kéo kéo lỗ tai và lắc lắc đầu. Giá cái âm thanh vo vo như nghẹt mũi kinh khủng này ngừng lại được! Nó phải hét lên mới nghe được giọng mình:

“Cửa hành họ làm rồi! Con Hạt Đậu đâu?”

“Không việc gì phải hét lên thế, Charlie!”

Rồi mẹ nó nhìn với qua vai nó, kêu lên:

“Ủi trời! Rõ không phải là con chó rồi!”

“Ôi!”

Charlie rên rầm. Bỗng nhiên, từ mớ âm thanh vo vo, có những tiếng nói lẩm bầm thoát ra, nghe càng lúc càng rõ.

Đầu tiên là giọng một phụ nữ, mềm mại, xa lạ:

“Phải như chú đã không làm thế này, Mostyn.”

“Mẹ con bé chết rồi. Tôi không còn cách nào.” Lần này là giọng đàn ông.

“Dĩ nhiên là chú có cách chứ.”

“Vậy chị nuôi nó nhé?” Giọng người đàn ông.

“Chú biết là tôi không nuôi được mà.” Người phụ nữ trả lời.

Charlie nhìn mẹ. “Ai nói vậy?”

Trông mẹ nó hoang mang. “Ai nói? Nói cái gì, Charlie?”

“Có ông nào trong này hả mẹ?” Charlie hỏi.

Ngoại Maisie khúc khích, “Có mình con thôi, Charlie.”

Bỗng Charlie cảm giác như có những móng tay nhọn hoắt ấn ngập xuống vai nó. Nội Bone cúi xuống, ra lệnh, “Nghe thấy gì vậy? Nói ta nghe nào!”

Charlie thưa, “Có những giọng nói. Con biết nói ra nội sẽ bảo là ngớ ngẩn, nhưng đúng là mấy giọng nói đó phát ra từ tấm hình này.”

Nội Bone gật đầu. “Thế họ nói gì?”

“Lạy Chúa, bà Bone ơi, đừng có kì cục như vậy chứ!” Ngoại Maisie nói.

Nội Bone khinh miệt nhìn ngoại Maisie. “Tôi không kì cục đâu.”

Charlie nhận thấy mẹ nó đã lảng lạng rút lui. Bà kéo một cái ghế ra và ngồi xuống, mặt tái đi, lo âu.

Ngoại Maisie bắt đầu nện mấy cái chảo, miệng lẩm bầm, “Đáng ra bà không nên khuyến khích nó. Toàn thứ rác rưởi. Tôi sẽ không để...”

“Suyt!” Charlie ra hiệu. Nó nghe tiếng đứa bé khóc.

Người phụ nữ lạ lại cất tiếng. “Chú làm con bé sợ. Nhìn vô máy chụp hình này, Mostyn.

“Làm ơn ráng cười lên. Trông chú thiếu não quá!”

“Chứ chị muốn gì hơn nào?” Người đàn ông gắt.

Máy ảnh bấm một cái “tách”.

“Rồi. Chụp tấm nữa nhé?”

“Muốn làm gì thì làm.”

“Một ngày nào đó chú sẽ phải cảm ơn tôi.” Tiếng người phụ nữ sau ống kính. “Nếu chú định làm chuyện này thật, thì đó là thứ duy nhất để chú còn nhớ được về con bé.”

“Umm.”

Charlie để ý thấy trong tấm hình có một con mèo thò đầu ra từ phía sau chiếc ghế người đàn ông ngồi. Con mèo có màu hết sức lạ kì: đồng đỏ, rực lên như một ngọn lửa.

Từ xa xăm, Charlie nghe tiếng mẹ nó nói: “Mẹ lấy tấm hình lại nhé, Charlie?”

“Không, chưa đâu...” Charlie thì thào.

Nhưng có vẻ như tấm hình không còn gì để nói thêm nữa. Đứa bé khóc hự hự một lúc rồi cũng im bật. Người đàn ông ảm đạm kia yên lặng nhìn chăm chăm vào chiếc máy chụp hình, và con mèo...? Hình như nó gừ gừ? Vì ngoại Maisie khua nổi niêu ồn quá nên khó mà nghe được tiếng gì khác.

“Im ngay!” Nội Bone ra lệnh. “Charlie nó không nghe được.”

“Đúng là toàn chuyện nhảm nhí,” Ngoại Maisie lầu bầu. “Tôi không hiểu sao cô có thể ngồi ì ra đó vậy, Amy, bảo bà mẹ chồng đỡ hơi của cô thôi ngay đi. Charlie tội nghiệp. Nó còn bé tí. Nó chẳng có dính dáng quái gì tới lũ Yewbeam ngớ ngẩn ấy cả.”

“Nó là máu mủ của họ mà.” Mẹ Charlie lặng lẽ nói. “Mẹ không thể bỏ qua chuyện đó đâu.”

Ngoại Maisie đúng là không thể bỏ qua chuyện đó. Ngoại khép miệng lại thành một đường kẻ mỏng dính.

Charlie hết sức bối rối. Buổi sáng nó vẫn còn là một thằng bé bình thường. Nó không hề bị cây dưa phép nào chạm vào người hay gõ lên đầu. Nó cũng không bị điện giật hay té xe buýt, hay theo như nó nhớ rõ ràng là nó cũng không ăn phải trái táo tẩm độc nào. Vậy mà bây giờ, nó lại nghe được những giọng nói phát ra từ một tấm hình.

Để trấn an mẹ, Charlie bảo, “Con nghĩ chẳng có gì đâu. Tại con tưởng tượng ra thôi.”

Nội Bone cúi xuống gần hơn, thở phì phò vào tai nó.

“Nghe lại đêm nay. Mọi thứ sẽ rõ hơn sau nửa đêm.”

“Lúc đó nó ngủ rồi, nói cho bà biết!” Ngoại Maisie - người có lỗ tai thính như thỏ - kêu lên. “Toàn chuyện rác rưởi.”

“Hà! Đợi rồi biết!” Nội Bone vặn lại. Rồi bà bước đi, để lại mùi long não và bạc hà khắp trong nhà bếp.

“Lúc này con chẳng nghe thấy gì đâu.” Charlie nói khi bà nội đã đi hẳn.

“Chắc không?” Mẹ nó bồn chồn, hỏi.

“Thật. Con làm vậy chỉ để chọc nội Bone thôi mà.” Charlie cố tự thuyết phục mình lần mẹ.

“Charlie, cháu hư thật đấy!” Ngoại Maisie sung sướng kêu lên, chém phập con dao phay vào cục xương đầy thịt.

Mẹ Charlie thở phào nhẹ nhõm, mở tờ báo buổi chiều ra đọc. Charlie cất tấm hình vào phong bì. Nó cảm thấy kiệt sức. Có lẽ xem tivi một chút sẽ giúp nó thư giãn. Nhưng nó chưa kịp đứng lên thì chuông cửa đã réo vang và tiếng nội Bone hỏi, “Benjamin Brown đó hả, Charlie ở trong bếp. Nhớ để con Nám Đậu ở ngoài đó.”

“Hạt Đậu chứ không phải Nám Đậu ạ,” Benjamin đánh chính, “Cháu không để nó ngoài này được đâu. Trời đang mưa.”

“Chó khoái mưa.” Nội Bone nói.

Benjamin và con chó của nó xốc vào bếp. Benjamin là một thằng bé ốm nhách, gương mặt xanh xao, tóc màu rơm ướn. Hạt Đậu là một con chó ta, mõm dài, lông cũng màu rơm ướn. Vì một lí do nào đó mà Benjamin luôn bị tụi con trai khác trêu chọc. Người ta hay chôm chìa đồ của nó, xô đẩy nó và cười nhạo

nó. Charlie cố giúp bạn nhưng đôi khi đành bó tay. Thật ra, có lúc Charlie nghĩ rằng Benjamin cũng không nhận thấy mình là nạn nhân. Cậu sống trong thế giới riêng của mình.

Con Hạt Đậu, nghe mùi xương là chạy thẳng đến ngoại Maisie, liếm liếm hai mắt cá chân bà.

“Tránh ra!” Ngoại vừa hét văng lên, vừa búng lỗ mũi con chó.

Benjamin hỏi Charlie, “Bỏ sẽ tới dự tiệc sinh nhật mình chứ?”

“Dĩ nhiên,” Charlie đáp, đột nhiên cảm thấy có lỗi về vụ tấm thiệp.

“Tốt, vì mình mới có một trò chơi cần có hai người mới chơi được.”

Charlie nhận ra không còn ai khác có mặt trong bữa tiệc của Benjamin. Điều này càng khiến nó cảm thấy có lỗi hơn nữa. Con Hạt Đậu bắt đầu ư ử, như thể nó đã đoán ra rằng mình sẽ không thể xuất hiện trên tấm thiệp sinh nhật của Benjamin.

“Mình sẽ tới.” Charlie hớn hử nói.

Nó chưa mua quà. Có lẽ nó sẽ phải chạy ù ra cửa hàng trước khi bắt đầu cuộc săn lùng của mình. Nhưng săn lùng là săn lùng gì? Có cái gì đó đang choán giữ tâm trí của Charlie.

Benjamin phấn khởi rủ:

“Đi dạo với Hạt Đậu không?”

“Ừ.”

Khi Charlie và Benjamin bước ra khỏi nhà, ngoại Maisie hét theo câu gì đó, đại loại về chuyện ăn tối, nhưng gió mạnh thổi ù ù trên đầu hai đứa, lại thêm một tiếng sấm nổ đùng, nhấn chìm lời nói của bà. Con Hạt Đậu “ăng” lên một tiếng vì bị cây dẻ quật vào mũi một phát. Và Charlie cuối cùng cũng mỉm cười được.

Hai thằng bé và con chó chạy lóc thốc trong gió, lá bay cả vào mặt chúng, rồi mắc lại trên áo người và lông chó. Ở ngoài trời thế này Charlie thấy dễ chịu hơn. Có lẽ chuyện lúc này là nó tưởng tượng thật. Có lẽ đúng là nó đã không nghe thấy giọng nói gì cả. Tất cả chỉ là chuyện ngớ ngẩn nào đó mà nó tự làm cho mình tin, rồi nội Bone lại khuyến khích nó, làm ngoại Maisie khó chịu và mẹ nó lo lắng.

“Đúng. Toàn là rác rưởi.” Nó khoái chí thét lên.

“Lá nữa,” Benjamin thêm vào. Nó nghĩ Charlie đang nói về đám rác đang bị gió thổi trên đường.

“Ừ, lá nữa.” Charlie ngậm nga. Nó thấy một tờ báo bay về phía mình liền giơ chân ra chặn lại.

Nhưng tờ báo bất ngờ bay vồng lên theo một cơn gió rồi tự quẩn quanh bụng Charlie. Khi Charlie lôi tờ báo ra thì một tấm hình trên trang nhất đập ngay vào mắt nó.

Một anh chàng trông vẻ tiểu nhân đứng trên mấy bậc cấp của một tòa nhà màu xám. Gương mặt anh ta dài, nhọn, với một tí ria lún phún mọc phía trên cái môi mỏng dính. Tóc đen, chẻ ngôi giữa, cột túm ra sau thành cái đuôi ngựa.

“Gì thế?” Benjamin hỏi.

“Một anh chàng thôi,” Charlie đáp, nhưng nó ngờ rằng đây không phải là một anh chàng bất kì nào.

Benjamin cúi đầu, tì vào cánh tay Charlie, đọc: “Manfred Bloor, 17 tuổi, được cứu sống trong vụ hỏa hoạn tại Học viện Bloor ngày hôm qua. Manfred nói rằng cậu thật may mắn còn sống sót.”

“Không, không phải.” Charlie hốt hể.

“Bỏ bảo không phải, nghĩa là sao?” Benjamin hỏi lại.

“Không phải anh ta nói thế,” Charlie thì thầm. Và đột nhiên nó ngồi bệt ra đất, dựa lưng vào tường.

Tờ báo trải dài trên cánh tay, Charlie thất kinh vì những lời lần lượt bò ra từ bức hình.

“Ai đó sẽ phải trả giá cho chuyện này.”

“Sao bồ có thể...” Benjamin mở miệng định nói.

Charlie kêu lên, “Im coi, Ben. Mình đang lắng nghe.”

“Nghe cái gì?”

“Suyt!”

Khi Charlie nhìn chăm chăm vào Manfred Bloor, nó nghe thấy có rất nhiều tiếng la to, và rồi giọng một phụ nữ nổi bật lên khỏi những tiếng nói khác:

“Cậu đang buộc tội ai đó, phải không Manfred?”

“Đúng vậy!” Một giọng nói khàn khàn đáp lại.

“Sao cậu lại nghĩ đây không phải là một tai nạn?”

Lại giọng nói khàn khàn. “Tôi không phải là đồ ngu. Đó là lí do.”

Một người đàn ông nói: “Đội cứu hoả cho chúng ta biết có một cây nến bị cháy bùng lên. Các ông bà không tin sao?”

“Đủ rồi!” Người nói câu này có giọng nói rít sâu đến rợn xương. Charlie đánh rơi tờ báo. Tờ báo cuộn bay ra xa rồi rơi tùm vào trong máng xối.

“Charlie, chuyện gì vậy?” Benjamin nôn nóng hỏi.

Charlie thở dài thượt. Nó bảo, “Mình nghe thấy những giọng nói.”

“Ồ, thôi đi. Giọng nói kiểu gì?” Benjamin tới ngồi sát bên Charlie. Con Hạt Đậu nép mình bên Benjamin. Benjamin không bao giờ và chưa bao giờ nói, “đó là chuyện rác rưởi, vớ vẩn.” Nó coi mọi thứ trên đời là nghiêm túc hết, điều này không phải lúc nào cũng dễ.

Charlie kể cho Benjamin nghe về bức hình con Hạt Đậu bị nhầm thành hình một ông ẵm đứa bé.

Charlie rầu rầu, “Đáng lẽ đã có một tấm thiệp sinh nhật bắt ngờ cho bồ. Giờ thì không còn nữa. Mình xin lỗi.”

“Không sao, không sao. Kể tiếp chuyện tấm hình đi.” Benjamin háo hức.

Charlie giải thích rằng nó đã nghe thấy những tiếng nói khi nhìn vào người đàn ông và đứa bé; thậm chí còn nghe đứa bé khóc và tiếng con mèo kêu rư rư.

“Kì quái.” Benjamin thì thầm.

“Mình đã cố tự nhủ là do mình tưởng tượng ra thôi.” Charlie nói, “Nhưng khi thấy tờ báo thì chuyện đó lại xảy ra. Mình nghe được các phóng viên phỏng vấn cái anh có hình trên trang nhất. Mình cũng nghe được cả giọng nói của anh ta nữa. Nghe có vẻ bần tiện và quỷ quyết lắm. Rồi lại có ai đó nói, ‘Đủ rồi!’, đó là giọng nói gớm nhất mình được nghe trong đời.”

Benjamin run rẩy. Con Hạt Đậu tru lên ra điều đồng cảm.

Hai đứa ngồi đó, vai kề vai, trên vỉa hè ướt át, không biết phải làm gì. Gió thổi lá cây tấp vào chúng. Sấm nổ ầm ầm xa xa.

Trời bắt đầu đổ mưa. Con Hạt Đậu huých khuỷu tay Benjamin, rên ư ử. Nó ghét bị ướt. Và rồi, cùng lúc với tiếng sấm đình tai, một người đàn ông hiện ra sừng sững ngay trước mặt bọn nhóc. Ông ta mặc áo mưa, mái tóc ướt dính bết thành một mảng đen rậm.

“Trời mưa,” người đàn ông thông báo. “Hai đứa bây không để ý thấy sao?”

Charlie nhìn lên và kêu to kinh ngạc:

“Ông cậu Paton!”

Ông cậu Paton là em trai của nội Bone, ông nhỏ hơn bà hai mươi tuổi và hoàn toàn không hợp nhau. Ông cậu Paton sống một cuộc đời bí hiểm, thậm chí ăn cũng không ăn chung với mọi người. Ông không bao giờ ra ngoài vào ban ngày.

“Ở nhà mọi người đang truy lùng mày,” Ông cậu Paton bảo Charlie.

Charlie và Benjamin đứng dậy, lắc lắc đôi cằm tê như. Đây là điều bất thường thứ ba xảy ra trong ngày hôm nay. Trời chưa đủ tối mà ông cậu Paton dám liều ra ngoài.

Charlie tự hỏi có chuyện gì xảy ra mà gây nên hành động quyết liệt đến như vậy.

2. Chương 03

Những bà cô nhà Yewbeam

Thật khó mà chạy theo kịp ông cậu Paton. Ông lướt gió xé mưa mà đi, như thể trên hông cũng có một cặp bột vậy.

“Mình chưa bao giờ thấy ông cậu ra ngoài ban ngày cả,” Benjamin thở hỗn hển. “Ông ấy hơi kì dị hả?”

“Hơi hơi,” Charlie đồng tình, nhưng vẫn hơi sờ sợ người ông kì dị của mình. Nó rời cả lên vì ông cậu Paton đã chạm đến những bậc cấp nhà số 9.

Benjamin rút lại đằng sau. Nó nhóng gọi Charlie, “Có chuyện gì trong gia đình bồ rồi. Hi vọng ngày mai bồ vẫn đến dự sinh nhật mình.”

“Không gì ngăn được mình đâu,” Charlie vừa nói vừa chạy tới chỗ ông cậu.

“Không cho chó vào,” ông cậu Paton nói, ngay lúc Benjamin và con Hạt Đậu bám kịp họ.

“Ồi, làm ơn mà ông?” Benjamin nài nỉ.

“Hôm nay không được,” ông cậu Paton cương quyết. “Đây là chuyện gia đình. Về nhà đi.”

“Thôi được, chào nhé Charlie.” Benjamin lê bước ra đi, theo sau là con Hạt Đậu với tai cụp, đuôi cụp lúng lẳng thả giữa hai cẳng. Trông thực hết sức hèn hạ.

Ông cậu Paton dẫn Charlie vào nhà bếp rồi biến mất lên lầu.

Charlie thấy mẹ và hai bà nội bà ngoại ngồi bên bàn ăn. Ngoại Maisie trông có vẻ phiền lòng, nhưng một nụ cười bí hiểm lại đậu trên môi nội Bone. Mẹ Charlie bồn chồn khuấy tách cà phê. Charlie không thể hiểu nổi sao mẹ lại khuấy như thế, mẹ nó vốn không uống đường mà.

“Ngồi xuống, Charlie,” Nội Bone ra lệnh cứ như sắp sửa trình bày một việc hoàn toàn vì lợi ích của nó.

“Đừng để nhà Yewbeam dất mũi cháu nghe chưa!” Ngoại Maisie thì thầm, cầm tay Charlie, vỗ vỗ.

Charlie hỏi, “Có chuyện gì vậy ạ?”

“Các bà cô nhà Yewbeam sắp đến,” Mẹ nó đáp.

“Sao thế?” Charlie thắc mắc.

Các bà cô Yewbeam tức là ba người em chưa chồng của nội Bone. Charlie chỉ gặp họ vào Giáng sinh, và nó đã hình thành một ấn tượng rằng họ thất vọng về nó sâu sắc. Họ cứ để lại những món quà kì quặc, đại loại như hộp bút vẽ, nhạc cụ, mặt nạ, áo choàng, thậm chí cả một lô những hoá chất. Nó thấy chẳng có món nào trong số đó có ích tí ti gì. Vấn đề là nó thích bóng đá và tivi.

Nội Bone nhòai người qua bàn. Mắt quắc lên đầy bí mật.

“Mấy cô em của ta sắp đến đây để kiểm tra con đây, Charlie. Nếu thấy rằng con xứng đáng - có nghĩa là con có phép thuật, như ta vẫn ngờ ấy - thì họ sẽ cung cấp tiền của cần thiết để gởi con đến Học viện Bloor.

“Con? Đến Bloor?” Charlie thất kinh. “Chỗ đó dành cho bọn thiên tài mà!”

“Đừng lo, cưng. Cháu sẽ thi tốt cho coi,” ngoại Maisie nói chắc nịch. Bà đứng lên, lẩm bẩm, “Dĩ nhiên lại cái thân già Maisie này phải lo chuẩn bị để đón tiếp mấy Mụ Hâm chứ gì? Không biết tại sao tôi lại phải lo lắng thế chứ.”

“Sẽ có một bữa tối dọn lên đãi các bà cô,” mẹ Charlie giải thích. Những dao nĩa bạc đẹp nhất, những đồ pha lê tinh xảo nhất, những đồ sứ quý giá sẽ được mang từ hầm chứa lên, đặt trong cái phòng ăn giá lạnh - một căn phòng chỉ dùng vào những dịp các bà cô nhà Yewbeam đến. Ngoại Maisie đang rã đông gà, cá và mấy món khác có trời mà biết, cố thật lẹ hết sức.

Vì tin chắc rằng mình sẽ không thể nào qua được cuộc kiểm tra của các bà cô, nên Charlie không thấy lo lắng gì. Nó nhớ lại mình đã từng cố gắng thế nào để vẽ một bức tranh tặng họ nhưng thất bại thê thảm. Rồi nó đã vô vọng đến mức nào trong việc chơi vĩ cầm, thổi sáo, gảy đàn hạc hay đánh piano. Nó cũng từng đeo đồng mặt nạ họ cung cấp: mặt nạ thú, mặt nạ hề, cướp biển, cao bồi, người ngoài hành tinh, nhưng loay hoay thế nào cũng chỉ ra được đúng thằng Charlie Bone. Cuối cùng nó đành thừa nhận rằng mình không có tài phép.

Cho đến khi chờ các bà cô nhà Yewbeam đến, Charlie không thấy sợ như đáng ra nó phải sợ.

Benjamin, trái lại, hết sức lo sợ. Charlie là bạn thân nhất của nó, bạn duy nhất của nó. Bất cứ việc gì xảy ra với Charlie đều sẽ gián tiếp xảy ra với nó. Có những biến cố mang điềm gở đang tiến đến gần thằng bạn thân của nó. Benjamin ngồi bên cửa sổ phòng ngủ nhà mình, theo dõi căn nhà của Charlie. Khi bóng đêm đổ xuống, đèn đường bừng lên, thì trong ngôi nhà phía sau cây đề, ánh sáng nhấp nha nhấp nháy: dưới tầng hầm, trên gác mái và trong tất cả những phòng ngủ. Chuyện gì đang xảy ra vậy?

Gió thổi mạnh lên. Sấm ùng ọang, chớp loá loá. Có nghĩa là bão đang ở ngay trên đầu. Benjamin bám lấy con Hạt Đậu, và con chó to giấu mặt vô ông tay áo của Benjamin.

Đường phố lúc này vắng tanh, ngoại trừ ba bóng người mờ ảo. Khi ba cái bóng tiến đến gần, một hàng dù đen che sùm sụp hết, chỉ chừa lại những cái la của ba chiếc áo khoác đen và sáu chiếc ủng: bốn chiếc màu đen và hai chiếc màu đỏ. Mặc cho gió giật, họ vẫn chuyển động theo nhịp điệu lạ lùng, như thể đang có khiêu vũ bên dưới những tán dù rộng. Đúng như Benjamin lo sợ, ba bóng người dừng lại bên cây đề. Rồi họ leo lên những bậc tam cấp vô nhà Charlie.

Lần đầu tiên trong đời, Benjamin vui mừng rằng mình không phải là Charlie Bone.

Trong nhà số 9, bàn ghế đã dọn xong, những khúc củi ẩm cháy âm ỉ trong lò sưởi. Khi chuông cửa reng, Charlie được phái ra mở cửa. Ba bà cô nhà Yewbeam lướt vô. Họ giậm giậm chân xuống sàn nhà lát gạch bông, lắc lắc những chiếc dù ướt, quăng những áo choàng vút qua hành lang, đậu lên người Charlie, như thể nó là một cái mắc áo vậy.

“Nhặt lên chứ, thằng kia!” Bà cô Lucretia ra lệnh trong khi Charlie vùng vẫy bên dưới mớ vải vóc ướt sũng. “Đây là lông chuột chũi quý chó có phải giẻ rách đâu!”

“Nào, đừng cộc cằn thế chứ, Lucretia!” Bà cô Eustacia nhỏ nhẹ.

“Charlie có một bí mật sắp kể cho chúng ta nghe, đúng không con?”

“Dạ,” Charlie lẩm bẩm.

“Đừng mắc cỡ nữa. “ Bà cô Venetia, trẻ nhất, ưỡn ẹo đi lại gần nó.

“Chúng ta muốn biết mọi chuyện.”

“Nhà Yewbeam, vô đây, vô đây!” Nội Bone gọi với ra từ phòng ăn.

Ba bà cô oai vệ bước qua ngưỡng cửa: Lucretia, lớn tuổi nhất, đi đầu. Venetia trẻ nhất, đi cuối. Giật lấy những li rượu xê-ri từ tay nội Bone, họ ngồi tùm quanh cái lò sưởi leo lét, giữ giữ những chiếc váy ướt, vỗ

vỗ những mớ tóc dày. Tóc Lucretia trắng như tuyết, tóc Eustacia màu muối tiêu, tóc Venetia vẫn còn đen nhánh, quấn quanh đầu như đôi cánh quạ.

Charlie lùi lại, chạy tọt ra nhà bếp, nơi mẹ nó và ngoại Maisie đang bận rộn nấu nướng.

Mẹ nó dịu dàng:

“Con mang xúp vô được chứ, Charlie?”

Charlie không muốn ngồi ngoài đó một mình với các bà cô nhà Yewbeam, nhưng trông mẹ nó có vẻ nóng nực và mệt lử, nên mẹ bảo gì nó làm vậy.

Liền xúp nặng chịch. Charlie cảm giác những tia mắt sáng quắc của các bà cô nhà Yewbeam bám theo sau nó dọc quanh cái bàn ăn dài. Nó đặt liền xúp lên một tấm lót đĩa rồi chạy đi lấy tô, trước khi nội Bone kịp kêu ca về mấy giọt xúp sóng ra ngoài.

Khi tất cả mọi thứ đã sẵn sàng, nội Bone rung lên một hồi chuông mà Charlie cho là hết sức ngớ ngẩn. Mọi người ai mà chẳng thấy thức ăn đã dọn cả lên bàn rồi. Nó hỏi:

“Sao nhà ta lại cần chuông vậy?”

“Truyền thống,” Nội Bone cáu kỉnh. “Với lại mũi Paton không ngửi được.”

“Nhưng ông cậu Paton có bao giờ ăn chung với chúng ta đâu!”

“Hôm nay,” nội Bone nhấn mạnh, “ông ấy sẽ ăn.”

“Và vụ đó sẽ chấm hết.” Ngoại Maisie nói, cười toe toét, nhưng cái cười héo úa ngay khi bốn bà kia quay sang nhìn ngoại chòng chọc.

Cậu Paton bước vô, trông có vẻ bực bội, và bữa ăn bắt đầu. Ngoại Maisie đứng đã cố hết sức, nhưng mười phút là hơi ngắn để chế biến một bữa ăn có cái gì đó cho độc đáo. Xúp mặn chát, thịt gà bị khô, bánh nướng nhân thịt trông ảm đạm, nhão nhoét. Nhưng không ai phàn nàn gì. Mọi người ăn nhanh chóng và thật tình.

Ngoại Maisie và mẹ Charlie dọn bàn. Ông cậu Paton và Charlie phụ một tay. Đã đến giờ làm bài sát hạch. Charlie phát hiện ra mẹ nó không được có mặt. Nó nói:

“Con sẽ không vô đó đâu nếu không có mẹ! Con không vô đâu!”

Mẹ nó bảo:

“Charlie, con phải vô. Nhà Yewbeam có nhiều tiền. Mẹ không có gì cả.”

Ngoại Maisie thở dài:

“Tôi thất vọng quá vì đến cô cũng muốn Charlie đi học cái trường lỗi bịch đó.”

“Vì cha nó,” mẹ Charlie đáp.

Ngoại Maisie liếm môi, không nói gì nữa.

Ba Charlie mất rồi, vậy sao việc này lại quan trọng đến vậy? Mẹ nó có lẽ sẽ chẳng nói gì cho nó biết, chỉ đẩy nhẹ nó về phía phòng ăn, và nó đi vô.

“Cháu muốn mẹ cháu ở đây, nếu không cháu sẽ không làm đâu,” Charlie nói.

Bà cô Venetia liền trêu nó ngay, “Ồi chao, ối chao, có thằng bé đòi mẹ kìa!”

Bà cô Lucretia lạnh lùng, “Con nít mới đòi mẹ kiểu ấy, lớn rồi nha Charlie. Đây là việc nhà Yewbeam. Chúng ta không muốn bị rối trí.”

Lúc này ông cậu Paton tính lên đi, nhưng bà chị cả gọi giật ông lại:

“Paton, cậu cần ở đây. Làm bốn phần của mình một lần đi xem nào.”

Charlie bị ấn ngồi vô một bên bàn, đối diện với bốn bà. Ông cậu Paton ngồi ở cuối bàn. Charlie tự hỏi không biết họ sẽ sát hạch nó bằng cách nào đây. Coi bộ không có nhạc cụ, cũng không có mặt nạ hay cọ vẽ ở trên bàn. Nó chờ đợi còn mọi người thì dòm nó.

Bà cô Lucretia đột nhiên thắc mắc:

“Thằng bé moi đâu ra cái thứ tóc này nhỉ?”

“Bên nhà mẹ nó,” nội Bone giải thích. “Đúng là một thằng mọi xứ Wales.” Bà nói, tựa hồ như không có mặt Charlie ở đó vậy.

“A...,” cả ba bà cô cùng thở dài, chán chường.

Bà cô Lucretia lục lọi trong một cái túi da to sụ. Cuối cùng bà lôi ra một gói giấy màu nâu thắt dây đen. Bà tháo sợi dây và cái gói mở bung ra, để lộ một xấp hình trông như đồ cổ.

Nội Bone đẩy cái gói qua phía Charlie, những tấm hình trải rộng ra khắp bàn.

“Cháu làm gì với mấy cái này?” Charlie hỏi mà biết thừa họ muốn nó làm gì.

Các bà cô mỉm cười động viên.

Charlie cầu nguyện cho đừng có gì xảy ra, cầu sao cho nó có thể liếc bộ sưu tập bụi bặm này một cái rồi ngoảnh đi ngay, trước khi nghe thấy những giọng nói. Nhưng, nhìn thoáng qua một cái, nó đã biết những người trong hình đang gây ra bao nhiêu tiếng ồn: Họ chơi đàn - hồ cầm, dương cầm, vĩ cầm. Họ khiêu vũ, hát cười đùa. Charlie giả bộ như không nghe. Nó thử đẩy xấp hình về phía bà cô Lucretia. Bà đẩy trở lại nó.

“Con nghe thấy gì, Charlie?” Nội Bone hỏi.

“Không thấy gì ạ,” Charlie đáp.

“Coi nào, Charlie, cố lên,” bà cô Venetia giục.

“Và đừng có nói dối đấy,” bà cô Eustacia nhắc nhở.

“Không thì chúng tao sẽ làm mày khóc thét lên bây giờ,” bà cô Lucretia gầm gừ.

Câu nói đó khiến Charlie tức giận. Nó sẽ không khóc thét lên vì bất cứ ai. Nó đẩy mấy tấm hình ra xa rồi nói:

“Cháu không nghe gì.”

Bà cô Lucretia đẩy lại:

“Không nghe thấy gì chứ. Mày phải nói ‘không nghe thấy gì’, chứ không phải không nghe gì. Ngữ pháp để đâu hử, thằng kia. Không ai dạy mày à?”

“Rõ ràng nó cần phải vô Học viện,” bà cô Eustacia nhận xét.

“Chỉ cần nhìn vô mấy tấm hình thôi mà, Charlie cưng!” Bà cô Vebetia ngọt ngào. “Nhìn một phút thôi, và nếu không có gì xảy ra thì chúng ta sẽ để con yên, xong rồi chúng ta...” (Bà vẩy những ngón tay trắng dài) “... tan biến luôn.”

“Thôi được,” Charlie hậm hực đồng ý.

Nó nghĩ nó có thể thoát khỏi vụ này - chỉ cần nhìn vô mấy bức hình và bỏ ngoài tai những âm thanh. Nhưng đâu được. Tiếng hồ cầm, dương cầm, giọng nữ cao hát Opera chen lẫn những tiếng cười rú lên ủa vô tai nó, tràn ngập cả căn phòng. Các bà cô đang nói gì đó với nó mà nó chỉ thấy môi họ mấp máy, chứ không thể nghe được lời nào giữa bể huyên náo dễ sợ của mấy tấm hình.

Cuối cùng Charlie chụp mấy tấm hình và quẳng mạnh đi, gục mặt xuống bàn. Không gian im lặng đột ngột quả là sự xoa dịu tuyệt vời. Các bà nhìn nó chằm chằm, lặng lẽ nhưng đặc thảng.

Bà cô Venetia là người đầu tiên cất tiếng:

“Thấy chưa, đâu đến nỗi phải không Charlie?”

Charlie nhận ra nó đã mắc bẫy. Trong tương lai, nó cần phải dè chừng bà cô Venetia. Rõ ràng là bà ta quý quái hơn mấy bà chị của mình. Charlie đau khổ hỏi:

“Tất cả những người đó là ai vậy?”

“Tổ tiên của cháu đấy, Charlie,” Bà cô Lucretia đáp. “Dòng máu Yewbeam chạy trong huyết quản họ và cả trong huyết quản cháu, thằng cu thông minh à.” Thái độ của bà đã thay đổi hoàn toàn. Nhưng bà Lucretia khi dễ thương cũng đáng sợ không thua gì khi bà Lucretia hiểm độc.

“Giờ con đi được rồi đó, Charlie,” nội Bone nói. “Chúng ta cần bàn luận đôi chuyện. Thu xếp chuyện tương lai cho con.”

Charlie nghe thấy được đi thì mừng quá. Nó nhồm dậy, bước ngay ra cửa. Trên đường đi, nó bắt gặp gương mặt của ông cậu Paton, trông có vẻ ủ ê và xa vắng, khiến nó tự hỏi tại sao ông đã không nói lấy một lời nào suốt thời gian có mặt trong phòng. Ông cậu Paton cười nhẹ với nó một cái rồi nhìn đi chỗ khác.

Charlie vội vã ra nhà bếp, nơi ngoại Maisie và mẹ nó đang nôn nóng chờ kết quả cuộc sát hạch. Nó rầu rĩ loan báo:

“Con nghĩ con đậu rồi.”

Ngoại Maisie thờ người ra, nói:

“Ừm, ngoại cũng nghĩ vậy. Lúc này ngoại tưởng con thoát được vụ đó chứ, Charlie. Lại mấy cái âm thanh đó hả?”

Charlie gật đầu trong thê thảm. Ngoại Maisie lắc đầu:

“Bọn Yewbeam điên rồi.”

Tuy nhiên, mẹ Charlie không đến nỗi quá buồn. Cô bảo:

“Học viện sẽ tốt cho con.”

Charlie giãy nảy:

“Không. Con không muốn đi đâu. Chỗ cũ kĩ chán phèo đó cho bọn thiên tài nó ở. Con không hợp. Ở tuốt đầu kia thành phố, con đâu quen ai ở đó. Nếu con không chịu đi thì sao, mẹ?”

Mẹ nó nói, khoát tay trở khắp nhà bếp:

“Nếu con không chịu đi... tất cả những thứ này sẽ biến mất.”

Charlie sững sờ. Vậy các bà cô của nó là phù thủy sao? Làm sao mà nhà cửa biến mất chỉ bằng một cái vẩy đũa phép, hay vẩy cái dù? Nó hỏi lại:

“Ý mẹ nói là cái nhà có thể biến luôn?”

“Không hẳn vậy,” mẹ nó nói. “Nhưng cuộc sống của chúng ta sẽ thay đổi. Ngoại Maisie và mẹ không có gì cả. Không cả một hạt đậu. Khi ba Lyell của con qua đời, chúng ta sống nhờ vào lòng thương của nhà Yewbeam. Họ cung cấp tất cả mọi thứ. Họ mua nhà, thanh toán các hoá đơn. Mẹ xin lỗi, Charlie, nhưng con phải đi học ở trường Bloor nếu như họ muốn thế.”

Charlie cảm thấy hết sức mệt mỏi.

“Thôi được, giờ con đi ngủ đây.”

Nó đã quên khuấy cái phong bì màu cam, nhưng khi vô giường, nó thấy cái phong bì đã nằm trên gối. Hẳn mẹ nó đã phải giải cứu cái phong bì khỏi đồng đồ ăn và chén đĩa trên bàn. Charlie quyết định sẽ không dành thêm giây nào nữa để nhìn người đàn ông ẵm đứa bé. Ngày mai nó sẽ mang thẳng ra tiệm hình Kwik để lấy hình con Hạt Đậu.

Khi mẹ đến chúc ngủ ngon, Charlie nín mẹ ngồi lại trên giường để trả lời mấy câu hỏi của nó. Cảm thấy mình xứng đáng được biết thêm về bản thân trước khi đặt chân vô trường Bloor, nó hỏi:

“Trước tiên, con muốn biết thật sự điều gì đã xảy ra với ba con. Mẹ kể lại cho con nghe đi.”

“Mẹ đã kể cho con bao nhiêu lần rồi còn gì, Charlie. Trời đầy sương mù. Ba con mệt mỏi lái xe chệch khỏi đường và lao xuống hầm đá sâu một trăm mét.”

“Tại sao mình không có hình của ba? Không có lấy một tấm nào.”

Một thoáng tối sầm lướt qua gương mặt mẹ.

“Có chứ. Nhưng một hôm, khi mẹ đi vắng, thì tất cả hình biến mất. Ngay cả bức nhỏ xíu mẹ lồng trong mặt đá hình trái tim cũng biến luôn.”

Charlie chưa bao giờ nghe chuyện này.

“Sao lại thế?” Nó hỏi.

Cuối cùng mẹ đành kể cho nó nghe sự thật về nhà Yewbeam - họ đã hoảng hốt ra sao khi Lyell yêu Amy Jones, một cô gái bình thường, chẳng có tài năng gì xuất chúng. Tóm lại là không có phép thuật.

Nhà Yewbeam cấm hai người lấy nhau. Luật lệ nhà Yewbeam cổ xưa và nghiêm ngặt. Phụ nữ có thể cưới người họ chọn, nhưng đàn ông nhà Yewbeam chỉ được cưới một cô gái có phép lạ nào đó. Lyell đã phá luật. Anh và Amy Jones chạy trốn qua Mexico cưới nhau.

Mẹ Charlie thở dài, nói tiếp:

“Ba mẹ có một kì trăng mật tuyệt vời. Nhưng khi về đến nhà, mẹ biết rằng ba con rất lo lắng. Rốt cuộc ba không thể thoát khỏi họ. Ba luôn phải ngoái nhìn lại sau lưng, trốn chạy những cái bóng theo đuổi. Rồi một đêm mù sương, khi con được hai tuổi, ba con nhận được một cú điện thoại. Một trát triệu hồi, đúng vậy. Nội Bone bệnh, ba con phải về ngay. Cho nên ba lái xe hơi đi và... lao xuống hầm đá.”

Mẹ Charlie nhìn trân trân vô khoảng không mất một lúc, lẩm bầm:

“Hôm đó ba con lạ lắm, không phải là ba nữa. Có một cái gì đó đã xảy ra. Cứ như ba bị ếm bùa vậy.”

Rồi cô quệt một giọt nước mắt:

“Mẹ không nghĩ trong nội Bone có lấy một gờ-ram tình yêu nào. Đối với những người trong nhà Yewbeam, việc Lyell chết chỉ là kết thúc một giai đoạn xui xẻo. Nhưng họ lại quan tâm đến con, Charlie. Biết đâu con lại có phép thì sao? Họ nhận ra phải chăm sóc con cho đến khi biết con có phép không. Cho nên họ cho mẹ một căn nhà, cho ngoại Maisie sống chung. Sau đó nội Bone đến. Để canh chừng chúng ta mà. Rồi tới ông cậu Paton, bởi vì... à... mẹ nghĩ chắc tại ông ấy không có chỗ nào khác để ở. Mẹ biết ơn tất cả mọi thứ, cho đến khi tất cả đám hình biến mất. Đó là điều mẹ không thể hiểu nổi. Dĩ nhiên nội Bone nói là nội không hề động đến chúng.”

Charlie lắng nghe câu chuyện của mẹ rồi lắp ráp các sự kiện lại với nhau. Nó lẩm bầm:

“Con biết vì sao tất cả hình của ba biến mất rồi. Nội Bone không muốn con nghe thấy điều ba con cần phải nói.”

“Nhưng Charlie, lúc đó con mới có hai tuổi. Lúc ấy nội không hề biết con có cái tài kì cục là nghe được tiếng nói.”

“Nhưng nội đoán được,” Charlie nói. “Trong dòng họ thế nào cũng có người như vậy rồi.”

Về mặt nghiêm trọng của nó khiến mẹ nó phì cười. Cô hôn nó và bảo nó đừng lo lắng về nhà Yewbeam nữa. “Và cũng đừng lo lắng gì vụ Học viện Bloor. Dù gì thì ngày xưa ba con học ở đó ra mà.”

“Ba có tài phép chứ mẹ?”

“Ồ, có chứ,” mẹ nó nói khi ra đến cửa. “Nhưng không phải như kiểu của con, Charlie à. Ba không có phép. Ba là một nhạc công.”

Khi mẹ đi rồi, Charlie trần trọc không sao ngủ được. Có quá nhiều thứ ngổn ngang trong đầu nó. Quả là không yên ổn nổi khi nghĩ mình lại là con cháu của một dòng họ kì quái như vậy. Nó muốn biết nhiều hơn.

Nhiều hơn nữa. Nhưng bắt đầu từ đâu bây giờ? Có lẽ Ông cậu Paton sẽ cung cấp vài câu trả lời. Xem ra ông không lạnh lùng băng giá như những bà chị của mình.

Bão đã ngừng. Mưa cũng thôi rơi. Gió dừng lại và đồng hồ nhà thờ lớn gõ chuông nửa đêm. Đến hồi chuông thứ mười hai, bất thành linh, Charlie cảm thấy ngạt thở. Có cái gì đó xảy ra trong nó. Cứ như là nó đang đi qua một khoảnh khắc giữa sự sống và cái chết. Nó nghĩ đến Lyell, người cha mà nó không sao nhớ ra nổi.

Cái khoảnh khắc đó trôi qua, và Charlie thấy mình tỉnh như sáo, nhưng bồn chồn. Vài phút sau, nó nghe tiếng ông cậu Paton cọt két đi xuống cầu thang, vô nhà bếp lục đồ ăn. Từ bé tới lớn, Charlie vốn đã quen với sự ngao du đêm hôm của ông cậu Paton. Việc đó đêm nào cũng làm nó thức giấc, nhưng thường nó chỉ trở mình một cái rồi ngủ lại ngay. Đêm nay nó nhảy ra khỏi giường, mặc quần áo vô.

Khi ông cậu rời khỏi nhà, Charlie rón rén đi xuống lầu, bám theo. Trước giờ nó vẫn muốn làm điều này nhưng không bao giờ có gan làm. Tối nay thì khác, nó cảm thấy tự tin và dứt khoát. Ông cậu Paton đi lệ quá. Lúc Charlie vừa kèp cửa trước, ráng thật nhẹ nhàng, thì ông cậu Paton đã quẹo khuất góc phố. Ép sát mình vô những ngôi nhà, Charlie chạy tới cuối đường.

Ông cậu Paton dừng lại nhìn ra sau. Charlie vội thu mình vô một góc tối. Con đường mà họ mới quẹo vô được thấp sáng bằng những bóng đèn nhỏ hình quả chuông, toả ánh sáng dịu lên mặt đường rải sỏi ướt. Ở đây, cây cối mọc sát nhau hơn, những bức tường cũng cao hơn. Đúng là một nơi im ắng, huyền bí.

Ông cậu Paton đi tiếp, nhưng những sải chân của ông, lúc trước gấp gáp đầy chủ đích, giờ đã như dạo bộ thảnh thơi. Nhảy cóc từ thân cây này tới thân cây kia, chẳng mấy chốc Charlie đã chỉ cách ông cậu có vài bước.

Một cơn gió rừng mình rít qua tai Charlie và nó bỗng tự hỏi liệu cuộc bám gót nửa đêm này của mình sẽ đưa đến đâu. Rốt cuộc ông cậu Paton vẫn chưa hóa thành ma cà rồng hay biến thành người sói. Có thể ông chỉ thấy sung sướng khi được ở trong bóng đêm mà thôi. Charlie đang định quay lại, tìm đường về nhà thì bỗng nhiên ông cậu Paton dừng phắt lại. Ông đứng cách một cột đèn chừng một mét, và từ ông phát ra tiếng vo vo kiểu gì đó rất lạ. Chính xác thì không phải tiếng vo vo, vì Charlie không thể nghe rõ được. Đúng hơn là một cảm giác vo vo, như thể không khí quanh ông ngập tràn một thứ âm nhạc không tiếng động.

Ánh sáng từ bóng đèn bỗng rực sáng hơn, sáng lóa đến nỗi Charlie gần như không nhìn thẳng vô nó được. Thế rồi một tiếng “crắc” bé xíu, bóng đèn vỡ tan, những mảnh thủy tinh sáng lóa rơi lả tả xuống đất. Charlie há hốc miệng kinh ngạc. Nó dụi mắt. Không chừng đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên: có thể đúng lúc ông cậu nó đứng đó thì bóng đèn nóng quá, thủy tinh không chịu được mà vỡ ra thôi.

Ông cậu Paton bước tiếp và Charlie đi theo, vẫn núp sau những thân cây. Khi tới một cột đèn nữa, ông cậu chậm bước lại, nhưng lần này, mặc dù bóng đèn trở nên sáng lóa dữ dội, ông vẫn bước ngang qua trước khi cái bóng thủy tinh vỡ tan. Rồi sau đó, không hề quay đầu lại, ông nói:

“Tại sao lại bám theo ta?”

3. Chương 04 Phần 1

Những con mèo lửa

Charlie tê cứng người. Nó không ngờ đã bị ông cậu trông thấy. Nhưng rồi câu hỏi kia lại vang lên, “Charlie, tại sao mày lại bám theo ta?”

Từ sau một thân cây, Charlie bước ra.

“Sao ông cậu biết?” Nó lí nhí.

Ông cậu Paton quay lại nhìn nó.

“Nếu đúng như mày đang nghĩ, thì ta trả lời luôn: ta không có mắt sau gáy.”

“Không, con không nghĩ thế,” Charlie nói. “Nhưng làm sao ông cậu biết?”

“Nhóc, ta thấy mày ngay lúc quẹo ở góc đường. Thật ra ta cũng có đoán trước. Ta nghĩ mày cũng khó mà ngủ được sau buổi tối hãi hùng vừa rồi.”

Ông cậu Paton cười nhếch mép.

“Tài phép của ông cậu đó hả?” Charlie hỏi. “Kích sáng bóng đèn ấy?”

“Đáng khing quá phải không? Ta hỏi mày chứ cái trò đó được tích sự gì? Giá mày đừng thấy thì hơn.”

Ông cậu Paton ngắm nghía mấy ngón tay chắc khỏe của mình:

“Nào, đưa mày về thôi. Tối nay ta làm đủ rồi.”

Ông nắm tay Charlie và cả hai cùng đi về nhà.

Charlie nhìn thấy một khía cạnh mới của ông cậu. Nào có mấy người chỉ cần đứng đó thôi mà kích được bóng đèn. Đúng ra, theo như nó biết, thì trước nay chưa có ai làm được điều này. Đèn điện hết sức cần cho cuộc sống về đêm của một thành phố. Ông cậu Paton hẳn đã có lúc tung hoành dưới phố - nơi mà ánh đèn lấp lánh và rục rờ tứ bề.

“Đã bao giờ ông cậu... ừm... ông cậu làm như vừa nãy với nhiều bóng đèn cùng lúc chưa?” Charlie hỏi. “Tỉ như ở nhà hát, rạp chiếu bóng hay là quán rượu ấy?”

Mất một lúc, Charlie nghĩ là ông cậu Paton không trả lời, và lẽ ra nó không nên hỏi, thì ông bỗng lăm bằm:

“Có, cách đây lâu rồi. Ta đã làm điều đó vì một cô gái.”

“Úi! Chắc cô ấy ngạc nhiên lắm?”

“Cô ấy chạy mất,” ông cậu Paton buồn rười rượi, “và không bao giờ nói chuyện với ta nữa.”

“Con hiểu rồi. Vậy ông cậu ra đường ban ngày không an toàn hơn sao? Ý con là, ban ngày thì không có nhiều đèn sáng.”

“Hừ! Mày giỡn chắc,” ông cậu nói. “Mặt tiền cửa tiệm nào mà chả có đèn trưng hàng. Đâu đâu cũng có đèn. Vả lại ban ngày người ta sẽ trông thấy ta. Ngoài ra, cũng thành thói quen rồi. Chẳng qua ta không thích ánh sáng ban ngày nên không muốn phơi ra thôi.”

Họ về đến cửa nhà số 9, và Charlie vội vã trèo lại lên giường trước khi có ai đó trong nhà thức giấc. Nó thiếp đi ngay tức thì và mơ thấy ông cậu Paton kích đèn trên mọi vì sao, cho đến khi tất cả nổ tung, hết như pháo bông.

Sáng ra, Charlie tỉnh giấc với cảm giác bứt rứt khó chịu. Dù thích hay không, chẳng bao lâu nữa nó sẽ phải vô Học viện Bloor. Chỉ nghĩ thế thôi đã khiến nó phát bệnh. Cổ lắm cả bữa sáng nó cũng chỉ nuốt được một lát bánh mì nướng. Nó cũng không hề đụng tới món trứng và thịt xông khói mà ngoại Maisie đã đặt trước mặt.

“Thằng nhỏ lo đấy. Đúng không, con?” Ngoại Maisie chắt lưỡi. “Cái nhà Yewbeam khốn khổ ấy. Sao con lại phải đến cái trường to đùng xấu xí đó chứ? Tụi ta sẽ ra tiệm kẹo mua một ít sô-cô-la cho con vui lên vậy.”

Nội Bone không có mặt. Bà luôn dùng điểm tâm trong phòng riêng. Còn ông cậu Paton thì chỉ ăn vào đêm khuya, như Charlie trước giờ vẫn thấy thế.

Nó liếc mẹ nó, trông cô như đang ở trong một giấc mơ màng, cách xa đâu đó hàng hàng dặm.

“Con có phải mặc đồng phục đặc biệt gì không, mẹ?” Nó hỏi.

Mẹ nó giật mình ngược lên. “Áo chùng xanh,” cô đáp. “Các nhạc công mặc áo màu xanh. Xanh ngọc bích, một màu tuyệt đẹp.”

“Nhưng con không phải là nhạc công,” Charlie phản đối.

“Biết vậy,” mẹ nó đồng ý. “Nhưng họ không có khoa nào hợp với tài phép của con, Charlie à. Con sẽ được xếp vô khoa nhạc, giống như ba con. Có những lớp học sáo. Mẹ chắc sẽ như vậy.”

“Thế nữa?” Charlie nghi ngờ. Nó chưa bao giờ giỏi nhạc và nó chỉ thổi sáo khi nào bị bắt thổi. “Khi nào thì con phải bắt đầu?”

“Nội trong vòng một tháng,” mẹ nó đáp.

“Lẹ vậy sao?” Charlie hốt hoảng. “Ngay giữa học kì?”

“Mẹ xin lỗi, Charlie,” mẹ nó nói, vẻ ân hận. “Nhà Yewbeam nghĩ như thế là tốt nhất. Họ bảo không được để phí một giây nào, bởi vì con... à không... bởi vì họ đã dứt khoát.”

“Tội nghiệp thằng bé,” ngoại Maisie lẩm bẩm.

Trời lại đổ mưa, ngoại Maisie lôi ra một cái áo mưa màu hồng tươi. Mẹ Charlie rút từ tủ âm tường ra một cây dù. Cô không thích mặc áo mưa.

“Ngoại với mẹ ra cửa hàng không lâu đâu,” cô bảo Charlie. “Con có muốn mẹ lấy tấm hình về lại không?”

Charlie hầu như đã quên phéng tấm thiệp sinh nhật của Benjamin. Không rõ vì sao lúc này nó hơi do dự, thấy mất tấm hình luôn cũng được.

“Thôi,” nó đáp. “Nhưng mẹ mua cho Benjamin một tấm thiệp sinh nhật được không? Chắc con không dùng hình con Hạt Đậu nữa đâu.”

Ngoại Maisie và mẹ vừa đi khỏi, Charlie tốt lên lâu, vớ lấy chiếc phong bì màu cam. Nó mới mở phong bì, rút tấm hình ra thì nghe có tiếng chuông cửa. Chẳng ai ra mở. Chắc chắn nội Bone đã ra phố, còn ông cậu Paton thì ban ngày đến chuông điện thoại còn không trả lời nữa là chuông cửa.

Vẫn cầm tấm hình trên tay, Charlie lao xuống mở cửa. Một người đàn ông lạ hoắc đứng ngay bậc thềm. Lạ hơn nữa, có ba con mèo quần quanh chân ông.

“Onymous và những con mèo lửa,” người đàn ông tự giới thiệu. “Đội diệt chuột.” Ông moi từ chiếc áo khoáy giả lông ra một tấm thiệp.

“Onymous?” Charlie hỏi.

“Phải,” người đàn ông nói. “Onymous. Có hơi khác một tí. Orvil Onymous.”

Ông cười với Charlie một nụ cười thật rộng, phô cả hàm răng sắc bóng. “Tôi tin là nhà ta đang có vấn đề. Chuột hả?”

Đoạn ông thực hiện một cú nhảy thật tức cười, rồi đáp xuống ngay cạnh Charlie.

“Cháu không biết,” Charlie đáp. Nó vẫn được dặn là không để cho người lạ vô nhà. Nhưng cái ông này đã lọt vô nhà mất rồi. Nó hỏi: “Có người gọi ông đến hả?”

“Có một cái gì đó gọi tôi đến. Ngay lúc này thì tôi không thể nói được đó là thứ gì. Có thể cậu sẽ không tin tôi.”

“Thật thế á?” Charlie nổi cơn tò mò.

Lũ mèo nãy giờ vẫn theo bèn gót ông Onymous, giờ đi đi lại lại vợ vẫn dọc hành lang dọc hành lang ở cửa ra vô. Chúng là những con mèo lạ lùng nhất. Con đầu tiên màu đồng rực, con thứ hai màu cam tươi và con thứ ba màu vàng chói. Con màu đồng có vẻ như biết Charlie. Nó đứng lên trên hai chân sau và lắc nắm cửa nhà bếp càn cạch.

“Bình tĩnh nào, Dương Cừ,” ông Onymous nhắc. “Mi sẽ không bao giờ học được sao?”

Con Dương Cừ đã xoay được nắm đấm cửa. Cửa nhà bếp bật mở và con mèo phóng vô trong, theo sau là hai con kia.

“Xin lỗi về chuyện này,” ông Onymous nói. “Nó là một con nóng nảy, con Dương Cừ ấy. Con Sư Tử cũng hơi tí huênh hoang, nhưng con Nhân Mã lại rất có phong cách. Xin lỗi, tốt hơn là tôi phải dòm chừng chúng.”

Trước khi Charlie kịp quay lại, ông Onymous đã sượt qua mặt nó và phóng vô nhà bếp, gọi “Bọn mèo lửa, đừng có làm ta mất mặt đấy. Làm ăn tử tế coi nào.”

Giờ thì cả ba con mèo đang đi đi lại lại trước cái kho chứa thực phẩm. Charlie nhớ ra mớ trái cây nẫu, và trước khi đám mèo tự mở bung một cánh cửa nữa, Charlie mở cánh cửa đó ra cho chúng vô.

Thế là bắt đầu những cú vồ, cú phóng cùng những tiếng gầm gừ. Rõ ràng là trong kho đầy chuột. Loáng một cái, bọn mèo đã tóm gọn lũ chuột, hết con này đến con kia, rồi xếp những cái xác chuột thành hàng ngay ngắn dọc theo bờ tường.

Charlie lui ra xa. Trước giờ nó không hề biết là trong kho thực phẩm có chuột. Sao ngoại Maisie và mẹ nó cũng không nhận ra nhỉ? Có lẽ lũ chuột mới kéo đến sống hồi sáng này, do mùi trái cây thối đưa đẩy. Charlie khá là thích chuột, cho nên nó ước gì không phải chứng kiến cảnh hàng thây xám ngoét đang ngày càng dài thêm.

Khi hàng xác đã dài được mười lăm con, lũ mèo tỏ vẻ đã hoàn tất công việc. Chúng ngồi xuống và liếm cật lực bộ lông tinh tươm của mình.

“Một tách cà phê có được không nhỉ?” Ông Onimous hỏi. “Tôi mệt lắm rồi.”

Charlie thấy rõ này giờ ông Onimous không hề nhấc một ngón tay, chẳng làm tí gì để gọi là cực nhọc cả. Bọn mèo quán xuyến hết. Nhưng ông Onimous đã ngồi vô bàn ăn, nhìn hau háu vô ấm nước. Charlie không nở lòng nào làm ông thất vọng. Tay nó vẫn cầm tấm hình, cho nên nó đặt tấm hình xuống và đi rót nước vô ấm.

“A,” ông Onimous kêu lên. “Đây rồi. Cái này sẽ giải đáp được mọi chuyện.”

“Cái gì giải đáp ạ?” Charlie nhìn vô tấm hình, mà lúc này ông Onimous đang giơ ra trước ánh sáng.

Ông Onimous chỉ con mèo ở cuối tấm hình. “Con Dương Cừu đấy,” ông giải thích. “Cách mấy năm rồi, nhưng nó vẫn không quên. Nó biết là cậu đã phát hiện ra nó. Chính vì thế mà nó dẫn tôi tới đây.”

“Sao cơ?”

Charlie cảm thấy xây xẩm. Nó ngồi phịch xuống.

“Có phải ông nói đó là con Dương Cừu?” Nó chỉ vô con mèo màu đồng, “Con Dương Cừu biết cháu đã xem hình nó?”

“Không hẳn thế,” ông Onimous gãi cái đầu trông như lông thú của mình. Charlie nhận thấy móng tay ông cần phải được cắt tỉa đến nơi đến chốn. Ngoại Maisie không bao giờ để sống một ai có mớ móng tay dài ngắn ấy.

Ấm nước sôi e e và Charlie pha cà phê cho ông Onimous. “Ông uống cà phê như thế nào?” Nó hỏi, đặt cái tách trước mặt vị khách.

“Vui lòng cho ba cục đường,” ông Onimous đáp.

Charlie nóng lòng thấy ba cục đường vô tách cà phê.

Ông Onimous hớn hở hẳn lên. Ông nhấp một ngụm, mặt lại sáng lên lần nữa, và rồi, chồm gần tới Charlie, ông nói, “Nó biết cậu đã được nối kết, con Dương Cừu ấy. Và đúng vậy; cậu có tấm ảnh. Những con mèo này không phải mèo bình thường; chúng hiểu chuyện. Chúng chọn tôi vì tôi có phong thái đặc biệt đối với thú vật. Chúng dẫn tôi đi đây đi đó, cố dẹp trừ bọn gian tà. Tôi chỉ đi theo và giúp đỡ khi có thể. Trường hợp này,” ngón tay ông chạm vô người đàn ông ẵm đứa nhỏ, “là tệ hại nhất. Con Dương Cừu lúc nào cũng điên tiết lên vì chuyện ấy. Biết bao lần nó cố lập lại trật tự, nhưng chúng tôi cần cậu, Charlie.”

“Cần cháu?” Charlie hỏi.

“Cậu là một trong những người có phép thuật, đúng không nào?” Ông Onimous hạ giọng, như thể đó là một bí mật, không được nói to lên.

“Họ nói thế,” Charlie đáp. Nó không thể không nhìn vô tấm hình, theo ngón tay ông Onimous chỉ mà như buộc tội lên mặt người đàn ông. Ngay khi vừa nhìn vô, Charlie nghe tiếng đứa bé khóc.

Con Dương Cưu xô tới, bắm những cái vuốt lên đùi Charlie, gào lên một tiếng xé màng nhĩ. Tiếng gào của nó lập tức được con Sư Tử cam và con Nhân Mã vàng hưởng ứng. Tiếng ồn thật khủng khiếp, Charlie lại rúm người lại, áp tay bịt chặt vô hai lỗ tai.

“Im!” Ông Onimous ra lệnh. “Cậu nhỏ đang suy nghĩ.”

Đợi tiếng gào của lũ mèo tắt hẳn, ông Onimous nói:

“Cậu thấy đấy, cậu đúng là có liên hệ với tấm hình. Giờ hãy kể cho tôi nghe tất cả việc này đi.”

Mặc dầu rõ ràng là lập dị, nhưng trông ông Onimous rất tử tế, đáng tin cậy, và Charlie thì đang hết sức cần có sự trợ giúp. Nó kể cho ông Onimous nghe về cuộc náo loạn với những tấm hình, những giọng nói, những bà cô khủng khiếp nhà Yewbeam và quyết định của họ gửi nó đến Học viện Bloor. “Và thực lòng cháu chẳng muốn tới đó.” Charlie kết luận. “Cháu nghĩ cháu thà chết còn hơn.”

“Nhưng, Charlie à, đó là nơi cô bé đang ở,” ông Onimous giảng giải, “đứa bé mất tích ấy. Ít nhất thì đó cũng là suy luận của bọn mèo. Và chúng không bao giờ sai.”

Ông đứng lên, “Nào nào, lũ mèo, chúng ta phải đi thôi.”

“Ông bảo đứa bé trong hình bị mất tích sao?” Charlie hỏi. “Làm thế nào mà người ta có thể đánh mất một đứa bé?”

“Tôi không nói được,” ông Onimous bảo. “Cậu hãy mang tấm hình trả lại đúng chỗ của nó, và có lẽ người ta sẽ nói cho cậu biết.”

“Nhưng cháu không biết nó là của ai,” Charlie nói, bắt đầu phát hoảng. Ông Onimous sắp sửa biến đi mà chẳng giúp được nó cái gì.

“Dùng cái đầu của cậu đi, Charlie. Đó là tấm ảnh phóng to chứ gì? Hãy tìm bản gốc, cậu sẽ thấy trên đó ghi một cái tên và địa chỉ.”

“Thật à?”

“Chắc chắn,” ông Onimous vuốt vuốt mặt nhưng mịn màng của tấm áo choàng, bẻ cổ áo lên và hướng ra cửa.

Charlie đứng đực ra, bối rối, những câu hỏi nổ bong bong trong đầu. Khi chạy ra được tới cánh cửa vẫn còn để mở, thì tất cả những gì của vị khách mà nó có thể thấy được chỉ còn là một cái bóng đang bé lại, biến mất dần, theo sau là một dải màu nóng, giống như cái đuôi rực rỡ của một ngôi sao chổi.

4. Chương 04 Phần 2

Charlie đóng cửa lại rồi vọt lên lầu. Chộp vội chiếc phong gù màu cam, nó lắc lấy lắc để và từ đó rơi ra một tấm hình nhỏ - bản gốc của tấm hình phóng to dưới nhà. Nó lật mặt sau ra, quả đúng vậy, có một cái tên và một địa chỉ được viết theo lối chữ in đậm, bay bướm:

CÔ JULIA INGLEDEW

NHÀ SỐ 3 PHỐ NHÀ THỜ

Phố Nhà Thờ ở đâu, và làm cách nào mà tới được đó? Bắt buộc nó phải rời nhà trước khi ngoại Maisie và mẹ về. Họ sẽ không đời nào đồng ý cho nó lang thang một mình, tới một nơi mà nó không biết. Và nếu nó không hành động ngay bây giờ, không chừng sẽ không kịp về dự sinh nhật Benjamin. Nhưng nó phải để lại tin nhắn, kéo mẹ lại lo sốt vó.

Theo như Charlie nhớ thì nó chưa từng bao vô phòng ông cậu Paton. Tấm biển XIN ĐỪNG QUÁY RẦY treo thường trực trên cánh cửa. Đạo này Charlie bắt đầu thắc mắc ông cậu làm cái gì suốt ngày trong đây. Thỉnh thoảng có tiếng thịch thịch nho nhỏ vọng ra. Còn thường thì im lặng.

Hôm nay Charlie sẽ phải làm ngơ tấm biển.

Nó gõ cửa, ban đầu ngập ngừng, sau mạnh dần lên.

“Gì đó?” Giọng ông cậu Paton cau kỉnh.

“Ông cậu Paton, cho con vô nghe?” Charlie hỏi.

“Chi vậy?” Ông cậu Paton hỏi.

“Vì con phải đến chỗ kia, và con muốn ông cậu giải thích cho mẹ con.”

Một tiếng thở dài thượt. Charlie không dám mở cửa cho đến khi tiếng ông cậu lạnh lùng:

“Vô đi, nếu mày thấy cần phải vô.”

Charlie vặn nắm đấm cửa và lách vô. Nó bật ngửa trước những gì trông thấy. Phòng ông cậu ngập ngụa những giấy là giấy. Giấy treo tòn teng trên kệ, giấy rơi lả tả trên bậu cửa sổ, giấy phủ hết mặt bàn giấy, giấy quần dập dềnh như thủy triều quanh mắt cá chân ông. Cái giường kê ở đâu nhỉ? Có lẽ là dưới một đồng mền bằng sách, Charlie đoán vậy. Sách xếp đầy hết những bức tường, nghễu nghện từ sàn tới trần nhà, thậm chí sách còn leo lên quanh bàn thành từng chồng cao xiêu vẹo.

“Sao?” Ông cậu Paton hỏi, ngược mắt lên từ sau một ụ giấy.

“Ông cậu làm ơn cho con biết phố Nhà Thờ ở đâu được không?” Charlie hồi hộp hỏi.

“Chứ mày nghĩ nó ở đâu? Dĩ nhiên là cạnh nhà thờ rồi.”

Vào ban ngày, ông cậu Paton là một người khác hẳn - lạnh nhạt và đầy hăm dọa.

“Ồ,” Charlie kêu lên, thấy mình đứng là thằng khùng. “Vâng, con sẽ tới đó ngay bây giờ. Nhưng ông cậu nói với mẹ con được không? Mẹ con sẽ muốn biết con đi đâu, và...”

“Ừ, ư,” ông cậu Paton lầm bầm, kèm theo cái phất tay nhẹ hều, ra hiệu cho Charlie biết đi.

“Cảm ơn ông cậu,” Charlie líu ríu, ráng đóng cửa lại khê khàng hết sức.

Nó trở về phòng riêng, hối hả khoác lên cái áo gió, nhét vội tấm hình vô chiếc phong bì màu cam, bỏ vô túi. Rồi nó ra khỏi nhà.

Từ cửa sổ phòng mình, Benjamin thấy Charlie đi ngang qua, vẻ kiên quyết.

Nó mở cửa sổ ra và hỏi với theo:

“Bỏ đi đâu đấy?”

Charlie ngóng lên.

“Tới phố Nhà Thờ.”

“Mình với con Hạt Đậu đi theo được không?” Benjamin hỏi.

“Không,” Charlie gạt phắt. “Mình đi mua quà cho bồ. Bồ sẽ phải ngạc nhiên cho coi.”

Benjamin đóng cửa sổ lại. Nó tự hỏi liệu Charlie sẽ kiếm được thứ quà quý quái gì trong nhà thờ? một cây viết khắc tên nhà thờ ấy à? Nhưng nó có khối viết rồi.

“Hừ, tao chả quan tâm,” Benjamin thì thầm với con Hạt Đậu. “Miễn là nó đến dự sinh nhật tao.”

Con Hạt Đậu quật đuôi đồm đụp xuống cái gối của Benjamin. Nó đang nằm ở nơi mà nó không được phép nằm: trên giường. May là không ai ngoài Benjamin biết chuyện này.

Nhà Thờ nằm trong khu phố cổ. những con phố rải sỏi hẹp tí tí. những cửa hàng còn bé hơn; và trong những ô kính được thấp sáng dịu dịu, quần áo cùng đồ trang sức đắt tiền được trưng trên những súc lụa

và nhưng. Trông dãy phố như thể là nhà riêng của ai đó giàu có, đến nỗi Charlie có cảm tưởng rằng mình đang xâm phạm bất hợp pháp chốn này.

Khi ngôi nhà thờ cổ kính lù lù hiện ra phía trên đầu, thì cũng là lúc những cửa hàng nhường chỗ cho một dãy nhà cũ kĩ. Thế nhưng, nhà số 3 phố Nhà Thờ lại là một hiệu sách. Trên cửa gắn một tấm biển đề: TIỆM SÁCH INGLEDEW - theo kiểu chữ cổ. Sách nằm trong những ô kính bày hàng trông xưa cũ và bụi bặm. Có vài cuốn được bọc da, với gáy sách mạ vàng.

Charlie hít một hơi thật sâu rồi bước vô. Một tiếng chuông khẽ ngân lên ngay lúc nó đặt chân vô tiệm, và một phụ nữ xuất hiện nơi tấm rèm quây thu ngân. Cô ấy không già như Charlie nghĩ, nhưng chừng cỡ tuổi mẹ nó. Mái tóc dày màu hạt dẻ chải dựng trên đầu và đôi mắt màu nâu nâu.

“Chào cháu, cháu cần gì nào?” người phụ nữ hỏi.

“Có ạ. Cô là Julia phải không ạ?”

“Phải.” người phụ nữ gật đầu.

“Cháu đến về chuyện tấm hình của cô,” Charlie nói.

Người phụ nữ vội đưa tay lên bịt miệng.

“Trời!” Cô nói. “Cháu tìm thấy nó?”

“Vâng ạ,” Charlie nói, đoạn đưa ra chiếc phong bì màu cam.

Người phụ nữ mở phong bì và hai tấm hình rơi xuống mặt bàn.

“Ôi, cảm ơn,” cô kêu lên. “Cô không biết nói với cháu làm sao, nhưng có lại được mấy tấm hình này cô mừng quá.”

“Vậy cô có cầm tấm hình của cháu không?”

Charlie hỏi. “Tên cháu là Charlie Bone.”

“Vô đây,” cô Ingledew nói, ngoắc cho nó theo cô đi qua tấm rèm.

Charlie cẩn thận bước vòng qua quây thu ngân, chui khỏi tấm rèm che bức tường sách. Nó thấy mình lọt vô một căn phòng chả giống hiệu sách tí nào. Cũng lại sách, nhưng được cột chặt trên kệ hoặc xếp thành đồng ngôn ngang. Đó là một căn phòng ẩm cúng, đại loại vậy; đậm đặc hương của những từ hoa mỹ và những ý tưởng thâm sâu. Một ngọn lửa cháy lép bép trong cái lò sưởi nhỏ xíu, và những chiếc đèn bàn hắt ánh sáng qua những cái chụp đèn màu da thuộc.

“Đây rồi,” cô Julia Ingledew ồ lên và cô lôi ra từ ngăn kéo một chiếc phong bì màu cam.

Charlie cầm lấy cái phong bì và hấp tấp mở ra. “Vâng, đúng là con Hạt Đậu,” nó nói. “Con chó của bạn cháu. Cháu tính làm một tấm thiệp sinh nhật từ hình này.”

“Ý hay đó,” cô Ingledew trầm trồ. “Riêng tư hơn. Cô luôn thích những gì riêng tư. Nó chứng tỏ mình biết quan tâm, đúng không?”

“Dạ,” Charlie nói mà không chắc lắm.

“Thế đấy... Cô rất biết ơn cháu, Charlie Bone,” cô nói. “Cô thấy cháu xứng đáng được thưởng một thứ gì đó. Cô không có nhiều tiền, nhưng cô nghĩ...”

“Không có gì mà cô,” Charlie xua đi, hơi lúng túng, mặc dù nó có thể dùng món tiền nhỏ đó để mua quà cho Ben.

“Không, không, thật mà. Cô nghĩ cháu đúng là người cần phải nhận món quà đó. Cô cảm thấy hình như chúng đang chờ đợi cháu.”

Cô chỉ tay về góc phòng, và Charlie thấy ngay rằng ấn tượng đầu tiên của mình về căn phòng này đã sai bét. Căn phòng không phải chứa toàn là sách. một chiếc bàn trong góc chất đống các loại hộp: hộp gỗ, hộp kim loại, và cả những thùng các-tông to bự.

“Có gì trong những cái thùng và hộp đó vậy cô?” Charlie hỏi.

“Của em rồi cô đấy,” cô Ingledew trả lời. “Đó là tất cả những gì chú ấy để lại. Chú ấy mới mất tuần rồi.”

Charlie cảm thấy một cục nghẹn chạy tọt lên cổ họng. Nó lúng búng, “Ừm...”

“Ồ không, đó không phải là hộp đựng cốt của chú ấy đâu, Charlie. “Cô Ingledew vội nói. “Mà là... cô phải gọi chúng là gì nhỉ... phát minh của chú ấy. Mới được gửi đến hôm qua. Chú ấy đã gửi bưu điện một ngày trước khi chết. Có Chúa mới biết tại sao chú ấy lại để những thứ ấy lại cho cô.”

Cô cầm lấy một cái hộp, mở nắp lấy ra một con chó bằng kim loại, trông như chó máy.

“Cô chẳng dùng làm gì cả,” cô bảo. “Cháu có muốn lấy không?”

Charlie nghĩ đến con Hạt Đậu, rồi đến Benjamin.

“Nó có làm được gì không ạ?” Charlie hỏi. những món phát minh thường vẫn hay làm được cái gì đó.

“Dĩ nhiên rồi. Để cô coi nào.”

Cô giật đuôi con chó. Nó sủa lên hai tiếng, và một giọng nói cất lên:

“Tôi là số 2. Quý vị vừa giật đuôi tôi, như vậy quý vị biết cách kích hoạt tôi. Để tua tới: ấn tai trái tôi. Để tua lui: ấn tai phải tôi. Để thu băng: ấn mũi tôi. Để dừng lại: nhắc chân phải tôi. Để thay băng: mở bụng tôi.”

Giọng chỉ dẫn này Charlie nghe quen quen.

“Có dùng được gì không?” Cô Ingledew hỏi. “Hay cháu thích món khác?”

“Tuyệt lắm,” Charlie nói. “Tuyệt. Nhưng giọng nói... Em rě cô... Có phải...?”

“Đúng. Em rě cô, tiến sĩ Tolly. Thiết bị này là một trong những phát minh đầu tiên của chú ấy, nhưng chú ấy chẳng bao giờ bận tâm tới việc đem bán nó cả. Lần nào phát minh ra cái gì mới cũng vậy. Chú ấy lười lắm, Charlie à. Thông minh, nhưng lười chảy thây.”

“Cái ông trong hình chính là chú ấy, phải không?” Charlie không để lộ là nó nhận ra giọng nói, làm sao nó có thể để lộ được!

“Phải, đó là tiến sĩ Tolly. Có lần chú ấy chế ra một thứ kinh khủng.”

Miệng cô Ingledew mím chặt lại như sợi chỉ.

“Vậy tại sao cô muốn tấm hình của chú ấy?” Charlie hỏi.

Người bán sách quắc mắt thoát một cái, như thể muốn nhảy xò vô vô lấy nó. “Đứa bé mới là thứ cô muốn. Tấm hình là tất cả để cô nhớ được về nó.”

Rồi đột nhiên cô Ingledew kể cho Charlie nghe về cái ngày thê lương khi em gái của cô, Nancy, qua đời; ngay trước ngày sinh nhật thứ hai của con gái, và một vài ngày sau, chồng của Nancy, tiến sĩ Tolly, đã đem đứa con gái đi cho như thế nào.

“Cháu không nghĩ là người ta lại có thể đem con đi cho,” Charlie buột miệng, dựng tóc gáy.

“Ừ,” cô Ingledew nhất trí. “Cô bị ép phải giữ bí mật. Lẽ ra cô phải nhận con bé, cháu biết đấy. Nhưng cô đã ích kỷ và vô trách nhiệm. Lúc đó cô nghĩ là mình không nuôi nổi. Kể từ đó, không một ngày nào trôi qua mà cô không hối hận về quyết định của mình. Cô cố tìm kiếm xem nó được đem cho ai, nhưng tiến sĩ Tolly không bao giờ hé răng với cô. Con bé đã biết dạng trong cái hệ thống lọc lừa, giả dối và mảnh khẻ. Giờ nó mười tuổi rồi và cô sẵn sàng đổi bất cứ thứ gì để chuộc được nó về.”

Charlie nhấp nha nhấp nhồm. Nó lại rơi vô một tình huống chẳng thích thú gì. Phải chi nó đừng nghe thấy những giọng nói trong tấm hình. Làm sao nó có thể nói với cô Ingledew rằng ba con mèo nghĩ đứa trẻ mất tích đang ở trong Học viện Bloor. Cô ấy sẽ không đời nào tin nó.

Trong một góc tối tăm, chiếc đồng hồ đứng to cộ đánh mười hai tiếng, Charlie nói:

“Cháu phải về nhà không mẹ cháu lo.”

“Phải đấy. Nhưng cầm con chó này, Charlie, và...”

Cô Ingledew thành linh phóng tới chỗ cái bàn, moi từ dưới chồng hộp với thùng lên một cái thùng dài màu bạc.

“Lấy cả cái này nhé?”

Không đợi trả lời, cô cứ ần lết vô một cái bao in dòng chữ TIỆM SÁCH INGLEDREW. Đưa cái bao cho Charlie, “Cháu bỏ con chó vô luôn đi, có đủ chỗ mà.”

Cái bao nặng không thể tưởng tượng nổi. Charlie thận trọng đặt cái hộp đựng con chó lên trên cái thùng kim loại. Xong, nó lao đảo đi ra cửa, tự hỏi làm thế quái nào nó có thể tha nổi cái bao này về tới nhà.

Cô Julia Ingledew giúp nó leo ngược trở lại mấy bậc cầu thang, mở cửa ra, lại một tiếng chuông thánh thót cất lên.

“Cháu hi vọng cô không bực nếu cháu hỏi,” Charlie rụt rè, “nhưng có gì trong thùng này thế ạ?”

Câu trả lời khá bất ngờ:

“Cô không biết,” cô Ingledew đáp. “Và cô cũng không muốn biết. Tiến sĩ Tolly đã đổi đứa bé lấy cái thùng này. Dù cái thùng này là gì đi chăng nữa thì cũng chẳng thể nào đáng giá bằng con bé, đúng không?”

“Đúng... đúng ạ,” Charlie nói. Nó đặt cái bao xuống đất.

“Làm ơn mang đi đi, Charlie. Có lẽ cháu là người thích hợp để giữ nó. Cô cần phải tống khứ nó ra khỏi nhà, cháu biết đấy.” Cô hạ thấp giọng và đảo mắt một vòng khắp phố. “Và cô có thể yêu cầu cháu giữ bí mật được không?”

“Hơi khó,” Charlie nói, càng lưỡng lự hơn khi nghĩ đến chuyện phải nhận cái thùng. “Cháu không thể kể với bạn thân nhất của cháu à?”

“Không được nói với người mà cháu không tin bằng cả mạng sống mình,” cô Ingledew đáp.

5. Chương 05

Cái thùng của nhà phát minh

Trước khi Charlie kịp nghĩ ra điều gì để nói, thì người bán sách đã vẫy tay chào nó thật lạ và đóng sập cửa lại. Nó đứng chơ vơ trên con phố tối om, trên tay là một thứ đã từng dùng để đổi lấy một đứa bé.

Tại sao cho đến giờ cô ý vẫn chưa mở cái thùng này ra? Ở trong đó có cái gì? Charlie bắt đầu đọc thoại khi ịch lê bước trên sỏi, và mấy người qua lại nhìn nó đầy nghi ngờ. Có lẽ họ nghĩ nó vừa chôm được cái bao này. Nó quẹo gắt vô một con phố và xém nữa đụng phải một con chó to xù bụi tở.

“Coi chừng!” Charlie hét lên, làm rớt cái bao. “Ủa, Hạt Đậu, mày hả!”

Con Hạt Đậu nhảy phóc lên cái bao và liếm mặt Charlie.

“Xuống, xuống!” Charlie la to. “Đồ quỷ đó.”

Benjamin hốt hơ hốt hải chạy đến.

“Xin lỗi,” nó thở phà phà phò. “Mình không ngăn nó nổi.”

“Bỏ đi theo mình hả?” Charlie hỏi, nó mừng hóm khi gặp Benjamin.

“Không hẳn vậy. Mình chỉ đưa con Hạt Đậu đi dạo. Mình nghĩ chắc nó ngửi thấy mùi của bồ.”

Rồi Benjamin nhìn trân trối vô cái bao đen thùi lùi: “Trong đó có cái gì vậy?”

“Quà sinh nhật của bồ,” Charlie nói, “nhưng bồ sẽ phải phụ mình khiêng cái bao này. Nó nặng tới cả tấn.”

“Chà, cái gì đây? Không, đúng ra mình không nên hỏi,” Benjamin nói, vẻ bẽn lẽn.

Charlie đành phải thú nhận rằng có một món bí hiểm khác trong bao, nhưng sau khi liếc vụt qua một cái, Benjamin bảo ngay rằng nó sẽ chẳng bận lòng tí nào nếu hồi nữa chỉ nhận được cái hộp giấy nhỏ, thay vì cái thùng kim loại to.

“Mua quà chỗ đó thì ngộ thật,” Benjamin vừa nhận xét vừa quay lại liếc cái nhà thờ lừng lững.

“Mình không nghĩ là sẽ kiếm mua quà ở đó,” Charlie nói. “Mình tới đó chỉ để kiếm tấm hình con Hạt Đậu.”

Nó kể cho Benjamin nghe về người phụ nữ bán sách và cái thùng bí mật mà nhà phát minh lười đã gửi cho cô ấy.

Mỗi đứa xách một quai, hai thằng bắt đầu tha cái bao đen về nhà. Chúng không nhận ra là mình đang bị theo dõi. Nếu chúng mà nhìn sau lưng, chắc hẳn sẽ thấy một thằng bé tóc đỏ lẹ như chồn, cải trang vụng về thành một ông già, đang núp sau những bụi cửa và trườn theo chúng.

Con Hạt Đậu gù gù trong họng và huých mõm vô cái bao, cố giục hai thằng đi lẹ lên. Tình thế thật khó xử cho con chó. Có cái gì đó đằng sau nó và cái gì đó trong bao coi bộ đều không minh bạch.

Không Charlie và Benjamin quẹo vô đường Fibert, con Hạt Đậu quay ngoắt lại và chạy xỏ về kẻ lén lút theo đuôi, sửa giận dữ. Thằng tóc đỏ vội né con chó rồi lủi nhanh khỏi con đường.

“Gì đó?” Benjamin hỏi khi con chó hậm hực quay lại.

Con Hạt Đậu không thể giải thích.

Lúc chúng về tới nhà Benjamin, Charlie hỏi Benjamin xem nó có thể mang cái bao vô nhà luôn không. Nó không muốn ngoại Maisie hay nội Bone nhúng mũi vô chuyện này.

Benjamin lừng khừng. “Mình không biết. Để nó ở đâu bây giờ?”

“Dưới gầm giường hay đâu đó. Làm ơn đi, Benjamin. Hai bà của mình lúc nào cũng xông vô phòng mình, còn bồ thì chẳng bị ai quấy rầy cả.”

“Thôi được,” Benjamin đồng ý.

“Đừng mở món quà ra cho tới khi mình quay lại nha,” Charlie dặn Benjamin. “Giờ mình về đây, không thì lòi thôi to.”

Charlie toan quay đi thì chợt nghe một tiếng ‘thịch’ từ trong cái bao vọng ra. Benjamin nhìn lên, hơi sợ sợ, nhưng Charlie giả đồ như không nghe thấy và chạy xuống các bậc cấp.

Về đến nhà, nó lò dò vô bếp, nơi hai bà nó đang đấu khẩu kịch liệt. Khi Charlie xuất hiện, họ dừng lại dòm nó lom lom.

“Charlie Bone!” Ngoại Maisie quát. “Làm sao mà dám thế hả? Hư hết không biết. Như thế này là thế nào?” Bà trở vô hàng chuột chết. Charlie hoàn toàn quên mất lũ chuột.

Nó bèn giải thích việc ông Onimous và lũ mèo đã xông vô nhà như thế nào trước khi nó kịp ngăn họ lại:

“Sau đó con phải vội ra ngoài để đổi lại tấm hình,” nó hươ hươ chiếc phong bì màu cam. “Con xin lỗi. Con quên mất đồng chuột này.”

“Mèo vàng, mèo cam?” Nội Bone hỏi, giọng cạnh khóe. Charlie dám thề là bà đang lo sợ.

“À, thế thì tôi nghĩ họ làm việc xuất sắc đấy chứ,” ngoại Maisie bắt đầu tha thứ cho Charlie. “Tốt hơn là để tôi dọn chỗ này đi.”

Nội Bone không có được tâm trạng tha thứ.

“Ta biết ngay mà,” bà phần nộ lắm bầm. “Mày rước chúng tới đây, cái thằng lưu manh. Mày như một cục nam châm vậy. Dòng máu xấu đúng là chẳng bao giờ hòa nổi với dòng máu phép thuật. Ta không thể yên nổi cho đến khi mày bị nhốt vô trường Bloor.”

“Nhốt? Ý bà nói là con sẽ không được ra ngoài?”

“Khốn nạn ở chỗ là cứ cuối tuần thì mày lại được ra,” nội Bone đáp lại.

Rồi bà lướt ra ngoài, đôi ủng đen nện xuống sàn nhà như hai cái dùi trống.

“Con không biết là người ta sẽ nhốt con lại,” Charlie gào thảm thiết.

“Ngoại cũng không biết, con à,” ngoại Maisie thở phì phò, đang bận tổng vệ sinh sàn nhà. “Ngoại thì biết gì về mấy cái trường lạ lùng đó nào? Lẽ ra mẹ con không nên lòi về nhà quá nhiều sản vật thế này. Ngoại thắc mắc làm sao mà đội diệt chuột lại biết được điều đó. Ngoại chưa bao giờ nói với họ cả.”

“Mấy con mèo,” Charlie nói. “Chúng nó biết nhà mình có chuột.”

“Con sắp nói là mấy con mèo đó biết bay chứ gì,” ngoại Maisie lẩm bẩm.

Charlie nghĩ bụng, không chừng mấy con mèo đó biết bay thật. Dương Cưu, Sư Tử, Nhân Mã không phải là những con mèo bình thường, điều đó là chắc chắn. Và Charlie nghi ngờ rằng nội Bone cũng biết điều này. Nhưng cơ sao bà lại sợ chúng?

Charlie chui vô phòng nó để làm tấm thiệp sinh nhật cho Benjamin. Nhưng nó thấy khó mà tập trung nổi. Tấm thiệp bị méo xẹo, nó viết thiếu mất chữ ‘h’ trong từ ‘nhật’; rồi sau đó lại vẽ quả bóng bay lẩn vô hai tai con Hạt Đậu. Charlie liệng mạnh cái kéo xuống. Kể từ khi nó khám phá ra mình có thể nghe tiếng nói trong những tấm hình, thế giới của nó bị lộn tùng phèo. Giá như nó có thể giữ kín vụ những giọng nói thì đã không phải đến học ở cái trường quỷ quái kia, nơi nó bị cầm tù từng tuần một với những đứa trẻ kì dị biết làm những điều kì quái.

Nó nghe tiếng mẹ nó bước vô nhà và gọi ngoại Maisie. Giá như mẹ có thể đứng về phía nó mà đấu tranh với nhà Yewbeam. Nhưng xem ra mẹ sợ họ. Có lẽ Charlie sẽ phải tự mình đấu tranh với họ thôi.

Ngoại Maisie đã nấu xong món mì rau cho bữa trưa. Charlie vẫn thắc mắc về lũ chuột trong kho chứa thực phẩm, nhưng nó giữ những ý nghĩ đó lại, không nói ra. Mẹ nó vừa mới mua cho nó một cái áo chùng màu xanh ngọc bích. Cô ép nó phải thử áo ngay khi ăn xong món mì. Cái áo thông xuống, gần chấm đầu gối nó. Có đường xẻ ở hai bên để cánh tay có thể thọc qua, và một chiếc nón mềm lật phật sau lưng.

“Con sẽ không mặc áo chùng ra đường đâu,” Charlie nói. “Dứt khoát đấy. Người ta sẽ cười con.”

“Nhưng mà Charlie này, sẽ có nhiều đứa trẻ khác mặc áo chùng mà,” mẹ nó dễ dàng. “Có đứa còn mặc màu tím và màu xanh lá cây nữa đấy.”

“Nhưng không phải ở khu phố này,” Charlie vùng vằng, lột cái áo ra. “Tất cả bọn chúng đều ở Khu Nhà Lầu.”

Khu Nhà Lầu, tức là Khu Đồi Cao, nằm trải dài trên một sườn đồi cây cối rậm rạp, nhìn xuống thành phố. Nhà cửa ở đó cao và rộng, và những người sống trong đó chẳng thiếu thứ gì. Những khu vườn mênh mông trồng đầy hoa là hoa, hình như nở rộ quanh năm.

“Mẹ biết rõ là không phải đứa bé nào cũng xuất thân từ Khu Nhà Lầu,” mẹ Charlie nói. “Có một cô bé ở cách nhà mình hai dãy phố, tên Olivia Vertigo, đã được lên báo. Cô bé ấy sẽ học khoa kịch, nên con sẽ gặp nó mặc áo chùng màu tím.”

“Hự!” Charlie phụng phịu. “Nếu mẹ nói nó ở đường Con Rồng thì cũng sang trọng như Khu Nhà Lầu vậy.” Nó quyết định sẽ tếm cái áo chùng này dưới áo khoác cho đến khi đến cửa Học viện.

Ngay cả ngoại Maisie cũng bắt đầu nhượng bộ.

“Đẹp quá chừng,” bà nói về cái áo chùng màu xanh. “Màu ngọt quá.” Charlie dùng dùng mang cái áo lên phòng nó và nhét một múi vô ngăn kéo. (Sau đó mẹ nó lên và cẩn thận treo cái áo vô tủ âm tường). Xong, nó dứt tấm thiệp sinh nhật của Benjamin vô chiếc phong bì màu cam và chạy xuống lầu.

“Con đi dự sinh nhật Benjamin đây,” nó thông báo cho mẹ nó.

Đến nơi, con Hạt Đậu đón chào nó bằng một tiếng sữa lớn. Chú ta thậm chí còn không để cho Charlie đi qua cửa trước.

“Có chuyện gì với con Hạt Đậu vậy?” Nó hét lên khi Benjamin sầm sập lao xuống lầu.

“Tại cái thùng mà bỏ để lại đó,” Benjamin nói. “Nó ghét cái thùng ấy. Mình đã đẩy cái thùng vô gầm giường như bỏ dận, nhưng con Hạt Đậu cứ gầm gừ rồi sửa hoài, xong lại lôi cái thùng trở ra. Nó nhai rách cái bao, xong lấy móng cào nắp thùng.”

Charlie ráng lách qua cửa trong khi Benjamin đẩy con Hạt Đậu ra xa. Cuối cùng, con chó học lên một tiếng, vút qua hành lang rồi xuyên qua lỗ cửa dành cho chó, phóng ra sau vườn.

Giờ thì Charlie đã đến, nên Benjamin muốn mở gói quà của mình. Nó chạy lên lầu lấy xuống.

Tuyệt đối không có dấu hiệu nào cho thấy sắp diễn ra một bữa tiệc. Cha mẹ Benjamin đi làm suốt tuần, kể cả thứ Bảy. Charlie tiếc hùi hụi, phải chi nó nhờ ngoại Maisie làm cho thằng bạn mình một chiếc bánh, nhưng tại lúc này đầu óc nó chứa quá những chuyện rồi.

“Hết sảy đây,” Benjamin nói, lắc lắc hộp quà. “Nào nào, vô phòng khách đi.”

Ở đây cũng chẳng có dấu hiệu gì của tiệc tùng.

Benjamin ngồi bệt xuống sàn, mở hộp ra.

“Chà! Một con chó!” Nó reo lên.

Charlie giật đuôi con chó và giọng của tiến sĩ Tolly cà giật tuôn ra lời chỉ dẫn.

Benjamin mê mẩn đến độ không thốt nên lời. Cuối cùng nó mới lắp bắp:

“Cảm ơn, Charlie... Cảm ơn... chà... Cảm ơn!”

“Đúng ra mình phải thay cho bồ một cuộn băng mới,” Charlie nói. “Sau đó bồ...”

Nhưng con Hạt Đậu đã ngắt ngang lời nó, lao vút vô phòng, sửa nhặng xì. Hạt Đậu hì hụp quanh con chó máy, nhìn chăm chăm vô đấy rồi lại rít lên.

“Nó ghen tị đó,” Benjamin bảo. “Thôi mà.” Nó vòng tay ôm quanh người con Hạt Đậu, vỗ về, “Tao yêu mày Hạt Đậu. Mày biết điều đó mà. Tao không thể sống nếu thiếu mày.”

Con chó to liếm mặt Benjamin. Nó là tất cả đối với Benjamin: mẹ, cha, anh, chị, em, ông, bà. Luôn luôn nó kè kè bên Benjamin mỗi khi cha mẹ Benjamin đi vắng. Và thằng bé có thể đi bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, ngày hay đêm. Miễn là có Hạt Đậu đi cùng là nó được an toàn.

Charlie trao cho Benjamin tấm thiệp sinh nhật.

“Cuối cùng mình cũng làm được,” nó nói.

Benjamin không hề nhận ra bất cứ lỗi kỹ thuật nào của Charlie. Chiêm ngưỡng tấm hình, nó tấm tắc với Charlie rằng đó là tấm thiệp đẹp nhất nó từng nhận được trong đời. Bỗng, con Hạt Đậu ngược nhìn trần nhà và tru lên.

“Thịch! Thịch! Thịch!” Âm thanh nhẹ nhưng rõ rệt. Phòng của Benjamin ở ngay trên đầu chúng.

“Cái thùng sắt đó,” Benjamin thì thào. “Giá mà bồ mang nó đi. Không chừng có bom ở trong, hoặc thứ gì đó.”

“Trông cô Ingledew chẳng giống một tên khủng bố tí nào,” Charlie nói. “Tiến sĩ Tolly cũng thế.”

“Sao bồ biết?” Benjamin vặn lại. “Bọn khủng bố thường cải trang rất khéo... Lên lầu xem sao nào.”

Con Hạt Đậu gầm gừ nho nhỏ, bám theo hai thằng, lên lầu. Lần này nó thậm chí không dám bước vô phòng ngủ.

Charlie kéo cái bao ra khỏi gầm giường, và hai thằng cùng lôi cái thùng ra. Tiếng thịch thịch đã im bật. Charlie tháo những móc gài hai tay nắm thùng, nhưng cái thùng vẫn không mở ra. Cái thùng đã bị khóa, và chìa khóa thì đã mất.

“Bà đó không nói cho bồ biết trong thùng có gì sao?”

Benjamin hỏi.

Charlie lắc đầu. “Cô ấy bảo cô cũng không muốn biết. Là cái gì đi chẳng nữa thì người ta đã mang nó đổi lấy một đứa bé. Đây là đứa cháu gái độc nhất của cô ấy.”

“Một đứa bé?” Miệng Benjamin há to. “Thật kinh khủng.”

Charlie bắt đầu cảm thấy có lỗi.

“Tụi mình đem bỏ nó vô cái tủ âm tường dưới lầu đi,” nó nói. “Để đó bồ sẽ không nghe thấy gì nữa. Rồi mình sẽ quay lại chỗ cô Ingledew và hỏi cô ấy chìa khóa.”

Chúng kéo lê cái bao xuống lầu, và đem giấu nó sau đồng quần áo cũ mà mẹ Benjamin đã quăng trong cái tủ âm tường. Khi cửa tủ đã đóng lại, con Hạt Đậu đứng bên cầu thang tru lên thật thê lương. Benjamin chỉ có thể ngăn không cho nó tru tiếp bằng cách hét tướng lên:

“Mày muốn ra ngoài hả?”

Trời tối dần mà vẫn không thấy bóng dáng cha mẹ Benjamin đâu. Benjamin coi bộ cam chịu hơn là bực bội.

“Mình sẽ tự làm một cái bánh nướng cho mình vậy,” nó nói.

Và nó làm thật. Đó là một chiếc bánh sôcôla, và rồi nó cắm mười cây đèn cầy lên trên. Sau đó nó cùng Charlie hát bài ‘Chúc mừng Sinh Nhật’. Chiếc bánh hơi bị bể một chút, nhưng rất ngon.

Charlie nhìn đồng hồ đeo tay thì thấy đã bảy giờ rưỡi. Nó biết mình phải về nhà, nhưng nó không muốn bỏ Benjamin lại một mình, nhất là trong ngày sinh nhật như thế này. Cho nên nó nán lại thêm một tiếng nữa, chúng cùng chơi trốn tìm với con Hạt Đậu, kể vốn là cao thủ trong trò này.

Tám giờ rưỡi, cha mẹ Benjamin vẫn chưa về. Thế là Charlie quyết định rủ bạn sang nhà nó để dùng một bữa ăn nóng hổi của ngoại Maisie. Chỉ còn có một quả trứng và một hộp sữa nhỏ trong tủ lạnh của Benjamin.

“Bữa tiệc thế nào?” Ngoại Maisie hỏi khi hai thằng bé và một con chó đi vô.

“Tuyệt,” Charlie đáp, “nhưng tụi con vẫn còn đói bụng.”

“Có một thằng nhỏ nom kì dị lắm, tới nhà mình cách đây khoảng hai tiếng,” ngoại Maisie nói. “Nó đóng giả làm ông già nhưng ai mà chẳng thấy nó là một thằng nhóc. Nó bảo con cầm cái thùng gì đó của nó bị bỏ nhảm trong một cái bao, bây giờ nó muốn xin lại. Ừm... Ngoại có lên phòng con tìm nhưng chỉ thấy có túi đựng giấy. Thằng nhỏ coi bộ rất cáu. Nó không tin ngoại. Cái thằng mất dạy. Giờ hai đứa ra tạm ngoài kia cho ta dọn đồ ăn lên bàn coi.”

Ra đến ngoài cửa nhà bếp, Charlie thì thầm:

“Đừng nói với ai về cái bao nhé, đặc biệt là không được nói về cái thùng.”

“Sao vậy?” Benjamin hỏi.

“Vì người ta giao nó cho mình và mình cảm thấy phải có trách nhiệm với nó,” Charlie nói. “Mình nghĩ tụi mình nên cất cái bao thật kĩ cho đến khi biết rõ thêm về nó.”

Và Charlie quyết định bây giờ chưa nói cho Benjamin nghe về ông Onimous và những con mèo của ông ấy.

Đúng lúc đó nội Bone lừ lừ xuất hiện ra ở bậc thang trên cùng.

“Con chó đó làm gì ở đây?” Bà hỏi, trừng mắt nhìn con Hạt Đậu.

“Hôm nay là sinh nhật của Benjamin,” Charlie nói.

“Vậy sao?” Bà hỏi lạnh lùng.

Hạt Đậu ngóng lên sữa nội Bone và trước khi bà kịp xỉ vả thêm, Charlie kéo Benjamin trở lại nhà bếp.

“Nội Bone đang cáu,” Charlie nói với ngoại Maisie.

“Bà ấy lúc nào chả thế,” ngoại Maisie chép miệng. “Rồi sẽ xẹp xuống khi nào con vô trường Bloor.”

Charlie chưa muốn thông báo tin này cho Benjamin trong ngày sinh nhật của nó, nhưng giờ thì lộ rồi, Charlie có cảm giác mình là kẻ phản bội.

Benjamin trở mắt nhìn Charlie đầy vẻ kết tội.

“Bloor là cái gì?” Nó hỏi.

“Đó là một ngôi trường lớn ở gần Khu Nhà Lầu,” Charlie giải thích. “Mình không muốn đến đó, Benjamin à.”

“Thế thì đừng đi.”

“Nó phải đi, con ơi. Mẹ nó đã mua đồng phục rồi,” ngoại Maisie nói. Ngoại đặt hai đĩa đậu nướng và xúc xích lên bàn nhà bếp:

“Ăn đi. Sinh nhật của con mà coi bộ con sắp chết đói rồi kìa, Benjamin Brown.”

Benjamin ngồi xuống nhưng nó đã không còn cảm giác ngon miệng, nó lén gạt một miếng xúc xích cho con Hạt Đậu khi ngoại Maisie quay đi.

“Mình sẽ không đi cho đến hết học kì này,” Charlie nói với bạn.

“Ồ,” Benjamin nhìn đăm đăm vào cái đĩa của nó, không cười.

Xui xẻo làm sao, mẹ Charlie lựa đúng khoảnh khắc đó mà bước vô cùng với bộ đồ ngủ của Charlie.

“Không có bộ cũ nào khác cho con, Charlie à,” cô nói. “Nhà Yewbeam sẽ cung cấp toàn bộ quần áo mới cho con vô Học viện.”

“Đồ ngủ?” Benjamin ngược lên. “Bỏ sẽ ngủ ở đó sao?”

“Mình sẽ về vào mỗi cuối tuần,” Charlie trấn an.

“Ồ,” Benjamin lừa vài hạt đậu vô miệng rồi đứng lên. “Mình về đây. Chắc ba mẹ mình về rồi.”

“Để mình đưa...?” Charlie đề nghị.

“Khỏi. Được mà. Mình có con Hạt Đậu.”

Charlie chưa kịp nói thêm lời nào thì Benjamin và Hạt Đậu đã bước đi khỏi. Đuôi và tai con chó cụp rũ xuống thê thảm, luôn là dấu hiệu rằng chủ nó đang xuống tinh thần ghê gớm.

“Cái thằng tức cười,” ngoại Maisie bình luận.

“Con nghĩ con phải chạy sang coi nó có sao không,” Charlie nói. “Dù gì cũng là sinh nhật nó.”

Nhưng khi vừa mở cửa trước, nó trông thấy ông cậu Paton bước ra khỏi nhà. Điều này làm nó nảy ra một ý.

“Ông cậu Paton, cho con đi cùng với?” Charlie gọi, cầm cổ chạy theo ông cậu mình.

“Chi vậy?” Ông cậu Paton đã dừng lại để đút một bó thư dày cộp vô hộp thư.

“Tại... tại...” Charlie đuối kịp ông cậu. “À, con muốn rủ ông cậu đi với con đến chỗ kia kìa.”

“Chỗ nào?”

“Một tiệm sách. Ở gần nhà thờ, và con không muốn đến đó một mình... Ghê lắm!”

“Tiệm sách?” Ông cậu Paton thích thú, đúng như Charlie hi vọng. “Nhưng, Charlie này, vào giờ khuya khoắt này thì ngay cả tiệm sách cũng đóng cửa rồi.”

“Dạ, nhưng con nghĩ sẽ có người trong tiệm, ngay dù nó có đóng cửa,” Charlie đáp và sau đó không kìm được, nó kể tuồn tuột cho ông cậu Paton nghe về cô chiếc và cái thùng bị khóa. Rốt cuộc nó cần phải tin ai đó, và bản năng mách bảo nó rằng ông cậu Paton đứng về phía nó, dấu ông là một Yewbeam. Một tia sáng bí hiểm lóe lên trong đôi mắt đen của ông cậu Paton:

“Vậy mày muốn người phụ nữ bán sách đưa chìa khóa cho mày? Nói cho ta biết đi, Charlie, cái thùng đó đang ở đâu?”

Charlie ngần ngừ.

“Con không muốn bất cứ ai biết,” nó nói. “Có người đang săn lùng nó. Nhưng nếu ông cậu thật sự...”

Ông cậu Paton cầm tay nó.

“Mày biết giữ bí mật là khôn ngoan đấy, Charlie. Chừng nào cảm thấy đến lúc thì nói cho ta hay. Giờ thì, tới tiệm sách nào!”

Họ rong ruổi qua những con đường nhỏ, nơi mà tài kích bề bóng đèn của ông cậu Paton sẽ không bị ai để ý. Họ đi vô những con phố vắng tanh gần nhà thờ, bước đến đâu là những bóng đèn nhá lên nhịp nhàng đến đó, sáng rồi tắt, hết như trong một tiết mục ảo thuật.

Một tấm bảng ‘ĐÓNG CỬA’ treo phía sau một ô kính trên cửa tiệm sách cô Julia, nhưng có một ngọn đèn nhỏ thấp bên khung kính bày hàng, chiếu sáng những cuốn sách cổ bọc da. Ông cậu Paton dí sát mắt nhìn mấy cuốn sách đầy thềm muốn.

“Lê ra ta nên ra ngoài thường xuyên hơn,” ông lẩm bẩm.

Charlie nhấn chuông.

Một giọng nói xa xăm cất lên. “Đóng cửa rồi. Đi đi.”

“Cháu mà, cháu Charlie Bone mà,” Charlie nói. “Cho cháu gặp cô một chút được không, cô Julia?”

“Charlie hả?” Cô Ingledew có vẻ ngạc nhiên, nhưng không giận dữ. “Khuya rồi mà.”

“Gấp lắm, cô Julia... về cái thùng.”

“Ồ?” Gương mặt cô hiện ra nơi ô kính nhỏ trên cửa ra vô. “Chờ một chút nhé, Charlie.”

Đèn trong cửa hàng bật lên. Tiếng dây xích kêu lách cách, tiếng chốt cửa trượt và cánh cửa mở ra cùng với một tiếng chuông “kính coong” quen thuộc.

Charlie bước vô cửa hàng, theo sát là ông cậu.

“Ồi!” Cô Julia hét hồn, lùi phắt lại. “Ai đây?”

“Ông cậu Paton của cháu,” Charlie nói và nhìn ông cậu, hiểu ra vì sao cô Ingledew lại có vẻ hãi hùng như thế. Ông cậu Paton là một khối đen cao lớn, và trong tấm áo khoác dài sù sụ, trông ông khá nham hiểm.

“Tôi hết sức hi vọng không làm cô hoảng sợ,” ông cậu Paton nói, chìa bàn tay ra đầy kiêu cách. “Paton Yewbeam, rất hân hạnh.”

Cô chiếc nắm lấy bàn tay ông cậu, run run giới thiệu, “Julia Ingledew.”

“Julia,” ông cậu Paton lặp lại. “Tên đẹp quá. Thành cháu yêu cầu tôi cùng đi với nó.”

Charlie không thể chắc được là ông cậu đang kênh kiệu hay rụt rè. Có lẽ là cả hai.

“Cháu tới để xin chiếc chìa khóa, cô Ingledew,” nó nói. “Chìa khóa mở cái thùng mà cô đưa cho cháu ấy.”

“Chìa khóa? Chìa khóa?” Cô chiếc có vẻ hoang mang. “Ồ, cô tưởng chúng đi cùng với cái... ờ... để cô xem xem. Làm ơn vô... ờ... phòng tôi... ờ... kéo người ta nghĩ tôi lại mở cửa hàng tiếp.” Cô bật cười luống cuống và biến mất qua tấm rèm sau quầy thu ngân.

Charlie và ông cậu đi theo. Căn phòng nhỏ xíu sau tiệm sách lung linh những ánh màu êm dịu, và đôi mắt ông cậu Paton hăm hở quét khắp lượt các dãy sách. Rõ ràng lúc họ tới thì cô Ingledew đang đọc sách, vì có một cuốn sách to đang để mở trên bàn cô.

“Người Chinca,” ông cậu Paton quan sát, đọc tựa đề chương sách. “Đề tài hấp dẫn đấy.”

“Vâng,” cô Ingledew tiếp chuyện, vẫn còn bối rối.

Cô đã tìm thấy một chiếc hộp thiếc nhỏ đựng chìa khóa mà cô đã cất đi khi dọn dẹp bàn. Hầu hết các chìa đều có nhãn đính kèm, nhưng có vài chiếc không đính nhãn.

“Làm sao mà biết được chìa nào đây?” Cô nói. “Nhiều chìa quá, Charlie, cô nghĩ tốt hơn hết cháu nên đem tất cả mớ chìa khóa không đính nhãn này về đi, xem chìa nào vừa. Cô thật chẳng biết làm gì hơn được.”

“Chúng tôi chỉ mong có thể thôi mà,” ông cậu Paton nói.

Cô chiếc nhú mày nhìn ông, bỏ đồng chìa khóa vào một bọc ni lông và đưa cho Charlie.

“Đây, cháu mang về thử hết đi,” cô bảo.

“Cám ơn cô Ingledew.”

Charlie cầm bọc chìa khóa, và xem ra không còn gì để nói hay làm nữa, nó lần đường quay trở lại tấm rèm.

Cô Ingledew theo sau họ để đóng và chốt cửa. Nhưng khi đã ra tới đường, ông cậu Paton thốt nhiên quay lại hỏi:

“Cô Ingledew, tôi có thể gọi điện lại cho cô không?”

“Dĩ nhiên rồi,” cô Ingledew nói, vẻ ngạc nhiên. “Đây là tiệm sách mà, làm sao tôi có thể ngăn anh được?”

“Đúng,” ông cậu Paton mỉm cười. “Nhưng sau khi trời tối có được chứ?”

Cô Ingledew trông có vẻ sợ sệt:

“Thứ Sáu tôi mở cửa đến 8 giờ,” cô nói và đóng cửa lại.

Trong một thoáng, ông cậu Paton nhìn chằm chằm vào cánh cửa như thể bị ế bùa, rồi ông quay ra, thỉnh linh tuyên bố:

“Một phụ nữ mới duyên dáng làm sao!”

Câu đó được ông cậu thốt ra mãnh liệt đến nỗi cái bóng đèn gần nhất cháy bùng lên, rồi một cơn mưa bụi thủy tinh nhẹ rơi xuống con đường rải sỏi, cũng với một tiếng lanh canh thoảng như tiếng nhạc.

6. Chương 06

Mắc kẹt trong bóng tối

“Ông cậu Paton à, ông cậu đúng là kẻ phá hoại của công!” Charlie nói.

Một tiếng cười khàn đục vang dội khắp con phố hẹp. Từ trước tối giờ, Charlie gần như chưa từng nghe ông cậu mình cười.

“Sẽ có ai đó bị kết tội vụ làm bể bóng đèn này,” nó nói nghiêm trang, “và con dám chắc người đó không phải là ông cậu.”

“Tất nhiên,” ông cậu Paton đáp. “Lẹ lên nào, nhóc. Mình nên quay về trước khi bà mẹ đáng thương của mày lo quỳnh lên.”

Khi hai người bước phăm phăm qua thành phố, chốc chốc Charlie lại phải chạy mới kịp được với những sải chân dài của ông cậu Paton.

“Đi càng lẹ càng đốt những năng lượng,” ông cậu Paton giải thích, “như thế sẽ bớt gây ra... tai nạn.”

“Con hỏi ông cậu một việc được không?”

“Mày có thể hỏi, nhưng ta có thể không trả lời,” ông cậu Paton đáp.

“Chuyện đó bắt đầu xảy ra hồi nào vậy? Ý con là ông cậu có nhớ lần đầu tiên phát hiện ra mình có khả năng làm nổ bóng đèn là khi nào không?”

Ông cậu Paton đăm chiêu:

“Chuyện đó xảy ra vào sinh nhật thứ bảy của ta. Ta quá phấn khích đến nỗi phóng bể sạch bóng đèn... Miếng thủy tinh vương vãi khắp nơi... Bọn con nít vừa kêu la thất kinh vừa gỡ thủy tinh bể ra khỏi tóc. Tất cả bọn chúng đều bỏ về sớm, để mặc ta hoang mang và buồn hết sức. Ta không hề biết mình đã gây ra có sự cho đến khi các chị ta nói với ta. Họ quá sức hài lòng. Họ rú lên, “Tạ ơn đấng tối cao, thằng này bình thường,” cứ như làm bể được thủy tinh là bình thường, còn nếu không làm bể được thủy tinh thì là ‘không bình thường’ vậy. Cha mẹ ta cũng vui mừng khôn xiết. Ta không có tài cán gì khác, may thấy đó. Hôm đó họ để ta chén hết chỗ kem của mọi người, sau đó ta lăn ra bệnh.”

“Ông cậu có buồn vì mình là một Yewbeam không? Nhất là nếu biết rằng như thế là khác người?” Charlie hỏi.

Chỉ còn cách nhà số 9 vài căn, ông cậu Paton dừng phát lại.

“Này, Charlie,” ông nghiêm nghị nói. “Mày sẽ thấy rằng đó chỉ là vấn đề điều khiển đám đồ vật thôi. Nếu mày giữ kín được tài cán của mày, thì mọi chuyện sẽ ổn. Như người ta hay nói ấy, ‘giữ trong nhà dùng thôi’. Và đừng bao giờ dùng nó vì những lí do ngông cuồng và ngớ ngẩn.”

“Benjamin có biết chuyện con nghe được những giọng nói,” Charlie thú nhận. “Nhưng nó sẽ không nói cho ai đâu.”

“Ta cũng tin nó sẽ không nói với ai,” ông cậu Paton nói và bước tiếp. “Thằng đó là một đứa bé hơi lạ. Với tất cả những gì chúng ta biết được, thì rất có thể, nó là một người con của Vua Đỏ.”

“Vua Đỏ?” Charlie sững sờ.

Ông cậu Paton phóng lên mấy bậc tam cấp nhà số 9.

“Để lần khác ta sẽ kể cho mày nghe về Vua Đỏ,” ông nói. “Mà này, nếu ta là mày, ta sẽ không hé một lời nào về người bán sách với nội Bone đâu.”

Nhưng trước khi Charlie kịp hỏi tại sao thì ông cậu Paton đã mở được cửa.

Phía sau cánh cửa, nội Bone đứng sẵn, nét mặt như nổi sầm.

“Hai người vừa ở đâu vậy?” Nội Bone hỏi gặng.

“Không phải chuyện của chị, Grizelda,” ông cậu Paton vừa nói vừa sải chân vụt qua mặt bà.

“Còn mày sẽ nói cho tao biết chứ?” Bà hỏi Charlie.

“Để thằng bé yên,” ông cậu vừa nói vừa dùng đòn lên cầu thang. Chỉ tích tắc sau đó, cửa phòng ông cậu đóng lại đánh sầm.

Charlie lách lẹ vô bếp trước khi nội Bone có thể hỏi nó lần nữa. Mẹ nó đang ngồi một mình, đọc báo.

“Con đi với ông cậu Paton,” Charlie nói với mẹ, “đi dạo thôi.”

“Ô,” trông mẹ Charlie có vẻ lo âu. “Mẹ nghĩ là con biết... biết việc ông cậu làm?”

“Dạ. Cũng hay mà, mẹ. Con thấy chuyện đó không có gì để lo hết. Thực tình, biết được trong nhà có người khác cũng làm được... ừm... mấy việc kì quái thì cũng nhẹ cả người.”

Charlie không kìm nổi cơn ngáp. Hôm nay, nó đã đi bộ một đoạn đường xa nhất từ trước tới nay, mà lại đi lẹ nữa chứ.

“Con đi ngủ đây,” nó uể oải nói.

Nó sắp sửa ngủ thiếp đi thì chợt nhớ đến mớ chìa khóa trong túi áo khoác. Nên giấu chúng thật kĩ đi thì hơn. Ngày mai nội Bone chắc chắn sẽ lục soát phòng nó. Bà đã nghi ngờ rồi. Tại sao bà cứ phải biết tất tạt mọi

thứ thế nhĩ? Thật không công bằng chút nào. Nó nhét sâu bịch chìa khóa vô trong một chiếc giày đá banh. Hi vọng sẽ không muốn nhìn vô một nơi bốc mùi như vậy.

Sáng hôm sau, ăn sáng xong, Charlie lấy bịch chìa khóa ra khỏi giày và cất trở lại bên trong túi áo khoác. Xui xẻo thay, một tiếng lóc xóc bật lên khi nó xuống còn ba bậc thang cuối cùng. Việc xảy ra đúng lúc nội Bone từ trong bếp đi ra.

“Tiếng gì vậy hả?” Bà hỏi.

“Tiền trong túi con,” Charlie nói.

“Không, không phải. Đưa tao coi mày giấu cái gì trong áo đó.”

“Sao con phải giấu chớ?” Charlie kêu lên thật to. Nó hi vọng ai đó sẽ đến giải cứu.

“Mày đã mua báo cho ta chưa, Charlie?” Ông cậu Paton hỏi, ngó mắt qua những tay vịn cầu thang.

“Dạ chưa,” Charlie đáp, lòng đầy biết ơn.

“Nó không được đi đâu hết, cho đến khi nó đưa ta xem nó đang giấu cái gì,” nội Bone uy quyền.

Ông cậu Paton thở hắt ra, vẻ cáu tiết:

“Tôi mới đưa nó một nắm tiền xu để mua báo đấy. Chị Grizelda, đứng có vớ vẩn như thế.”

“Cậu gan thật đấy!”

Trong một khoảnh khắc, nội Bone trông như sắp nổ tung vì phẫn uất.

Charlie chớp lấy thời cơ. Nó vọt lẹ qua cái hình hài đang nổi đóa và phóng ra ngoài cửa trước. Ngay trước khi cánh cửa đóng sập lại sau lưng, nó còn kịp nghe nội Bone gầm gừ, “Cậu sẽ phải hối tiếc về điều này, Paton!”

Charlie băng ào qua đường đến nhà Benjamin. Nó phải rung chuông nhiều lần cửa mới mở.

“Bỏ cần gì?” Benjamin vẫn mặc đồ ngủ.

“Có chìa khóa mở cái thùng rồi,” Charlie nói. “Mình vô được không?”

“Ba mẹ mình đang ngủ,” Benjamin rầu rầu nói.

“Mình sẽ không làm ồn. Mình hứa.”

“Thôi được,” Benjamin miễn cưỡng để Charlie vô nhà. Rồi, đi chân không, nó nhón bước tới cái tủ âm tường dưới gầm cầu thang.

“Bỏ làm đi,” nó vừa nói vừa mở cửa tủ ra.

“Chứ bỏ không muốn xem có cái gì trong thùng sao?” Charlie hỏi.

“Không.”

“Đừng vậy chứ, Benjamin,” Charlie nài nỉ. “Mình đâu có lỗi gì nếu phải đi học ở cái trường kinh khủng đó. Bỏ cũng biết là mình đâu có muốn thế, đúng không? Nhưng mình không thể làm khác được, nếu không thì mẹ mình và ngoại Maisie sẽ bị đuổi ra ngoài đường.”

“Vậy à?” Mắt Benjamin tròn xoe.

“Nội Bone là chủ căn nhà. Hôm kia, mấy bà cô biết tin mình nghe được những tiếng nói trong hình, thế là họ đến để kiểm tra mình. Nếu mình không làm điều họ muốn, họ sẽ tống cổ tụi này ra khỏi nhà. Mẹ mình và ngoại Maisie không có lấy một xu.”

Benjamin thở gấp. “Hoá ra đó là điều mấy bà khách kinh dị bữa đó đã làm sao?”

Charlie gật đầu. “Họ nói mình phải đến Học viện vì mình có phép thuật... tức là, nghe được tâm hình nói. Mình đã cố giả bộ như không có phép, nhưng bị họ gài bẫy. Mấy bà đưa cho mình mấy tấm hình ồn khiếp đảm, đến nỗi tiếng của mình mà mình còn không nghe được.”

“Thật tồi hết sức,” Benjamin nói với vẻ hối hận. “Mình xin lỗi, Charlie. Mình cứ nghĩ là bồ tính giữ bí mật với mình.”

“Không đời nào. Chỉ vì mình không muốn báo tin đó vào sinh nhật của bồ thôi,” Charlie nói.

Có tiếng sữa nho nhỏ phía trên, hai đứa ngược lên thì thấy con Hạt Đậu đang ngồi giữa cầu thang. Trông nó có vẻ lưỡng lự không muốn leo lên tiếp nữa.

“Thôi nào, Hạt Đậu. Đến coi trong thùng có gì nào,” Benjamin dỗ ngọt.

Con Hạt Đậu không thể để bị dỗ ngọt được. Nó rên ư ử nhưng vẫn không chịu nhúc nhích.

“Thôi kệ mày,” Benjamin nói.

Nó mở cánh cửa tủ âm tường và bước vô. Charlie vừa định bước vô theo thì nghe tiếng Benjamin la lên:

“Biến mất rồi!”

“Chắc không đó?” Charlie không thích chút nào khi nghe thấy như vậy.

“Mình giấu nó sau giỏ quần áo rồi mà. Cái giỏ biến mất, cái thùng cũng biến mất luôn.” Benjamin lục tung đồ đạc trong tủ, nhấc mấy cây chổi lên, hạ mấy cái hộp xuống, nâng đồng sách, đá đám ủng.

“Không có ở đây, Charlie ơi.” Benjamin bước ra khỏi tủ âm tường. “Thiệt tình, mình xin lỗi...”

“Hỏi coi má bồ để nó ở đâu,” Charlie nói.

“Không được. Má sẽ nổi tam bành nếu đánh thức má vào sáng Chủ Nhật.” Benjamin bắt đầu cắn cắn môi.

May thay, trước khi Benjamin trở nên quá bấn loạn, thì con Hạt Đậu làm nó bớt tập trung bằng cách ào xuống cầu thang và lao về phía cửa sau.

Hạt Đậu đứng trên hai chân sau, bấu chặt móng vô tấm kính cửa sổ, sữa như điên như dại.

Hai thằng bé cũng lao ra cửa, đến nơi chỉ vừa kịp trông thấy một luồng sáng vụt biến sau một thân cây.

“Những con mèo lửa,” Charlie thở gấp.

“Mèo lửa? Mèo lửa nào?” Benjamin hỏi.

Charlie kể cho bạn nghe về ông Onimousi và mấy con mèo.

“Ồi, mèo,” Benjamin nói. “Hèn gì con Hạt Đậu mới nổi điên lên vậy.”

Sau này Charlie hẳn vẫn luôn luôn thắc mắc: phải chăng những gì xảy ra tiếp theo đó là có liên quan đến ba con mèo lửa của ông Onimousi? Chính mấy con mèo đã khiến chúng phải chạy ra cửa sau. Và nếu chúng không ra đó, thì sẽ chẳng bao giờ nghe được tiếng động nhỏ phát ra từ sau một cánh cửa khác, ở ngay cạnh chúng.

“Có cái gì trong đó?” Charlie hỏi.

“Cửa tầng hầm,” Benjamin trả lời. “Nguy hiểm lắm. Bậc thang mục hết rồi. Nhà mình không bao giờ xuống đó.”

“Có ai đó đã vô đây.”

Charlie mở cửa. Dưới chân nó là một khoảnh sân nhỏ xíu, và một khoảng không đen ngòm. Charlie thận trọng bước qua cửa hầm và nhìn xuống. Nó chỉ thấy có một cái thang gấp trông rệu rã dẫn tuột vô bóng tối. Một tiếng “thịch” yếu ớt phát ra từ chân cầu thang rồi ngưng bật.

“Có đèn đấy,” Benjamin nói, nhấn công tắc bên trong cánh cửa.

Một bóng đèn treo trên trần tầng hầm soi sáng căn phòng bụi bặm trông như đã bỏ không. Giờ thì Charlie có thể thấy mấy bậc thang nguy hiểm đến chừng nào. Cái thì nứt toác, cái thì đã gãy hẳn.

“Ba cứ nói là sẽ sửa lại, nhưng chả bao giờ ba có thời gian,” Benjamin nói.

“Mình xuống đây,” Charlie cương quyết. Nó đã thấy cái thùng màu bạc nằm cạnh bậc thang cuối cùng.

“Đừng,” Benjamin ngăn lại. “Bồ sẽ bị tai nạn khủng khiếp và đó là lỗi của mình.”

“Không đâu,” Charlie bắt đầu leo xuống. “Mình sẽ mở cái thùng đó ra.”

“Sao phải mở?” Benjamin hét lên. Hạt Đậu tru theo phụ họa.

“Mình muốn biết trong đó có gì trước khi vô Học viện. Ối!”

Charlie trượt chân. Nhưng nó xoay được người, đu vô một bậc thang chắc chắn hơn, quyết đi nốt quãng đường còn lại, cố bấu chặt hai bên chiếc thang, trong khi bàn chân dò dẫm tìm những bậc có thể chịu nổi sức nặng. Bằng cách ấy, sai vài cú hựt và trượt, nó cũng mò xuống được đáy hầm.

“Mang cái thùng lên đây đi,” Benjamin, lấy hết can đảm để quỳ sát bên miệng hầm, nói vọng xuống.

Charlie đã tra cái chìa đầu tiên vô lỗ khóa.

“Mình sẽ mở cái thùng dưới này luôn,” nó nói. “Ai mà biết được nhờ đâu trong này có cái gì.”

Chìa khóa đầu tra không khớp, chiếc thứ hai cũng thế. Không có âm thanh gì nữa phát ra từ cái thùng, và Charlie bắt đầu tự hỏi không biết tiếng ‘thịch’ lạ lùng kia là tiếng ống nước chảy, hay tiếng chuột chạy dưới ván lót sàn. Nó thử chiếc chìa khóa thứ ba nhưng cũng không khá gì hơn.

Cô Ingledew đã đưa cho Charlie mười chiếc chìa khóa cả thấy, khi thử đến cái thứ năm, nó có cảm giác là sẽ không có chìa nào hợp với cái thùng bạc. Có vài cái lớn đến nỗi không thể lọt được vô lỗ khóa. Thở dài, Charlie lấy ra cái chìa thứ sáu.

“Không được hả?” Benjamin hỏi.

“Chả có cái nào vừa,” Charlie ủ ê. “Dưới này lạnh kinh khủng. Mình sẽ...”

Một tiếng gõ thật to phía cửa ra vô ngắt lời nó. Con Hạt Đậu sửa vang và Benjamin nhồm phất dậy.

“Mình phải làm sao bây giờ?” Benjamin hốt hoảng.

“Tốt nhất ra coi đó là ai trước khi ba mẹ bỏ thức dậy,” Charlie nói. “Nhớ đóng cửa hầm lại, nhớ khi người đó vô nhà.”

Charlie không dă động gì đến cái bóng đèn, nhưng trong lúc lo lắng, Benjamin đã vô ý tắt phụt đèn trước khi đóng cửa hầm lại.

“Ê!” Charlie thì thầm to hét cỡ một tiếng thì thầm.

Benjamin đi rồi. Charlie còn lại một mình trong bóng tối. Nó không thấy được cái thùng lẫn mớ chìa khóa. Tuy vậy, nó vẫn có thể cảm nhận bằng xúc giác; và khi đưa tay sờ soạng mặt thùng gỗ ghe, nó nhận ra có một mảng lõm nhỏ bên hông thùng. Chầm chậm, ngón tay nó lần theo các từ: MƯỜI HAI TIẾNG CHUÔNG CỦA TOLLY.

Phần Benjamin, đầu óc nó quay cuồng lúc chạy ra mở cửa. Nó cố tưởng tượng xem ai mà lại ở ngoài bậc cửa sáng Chủ Nhật bảnh mắt thế này. Có nên cho người đó vô không; và nếu cho vô rồi thì liệu nó có thể quay lại với Charlie không? Bây giờ nó mới nhớ ra mình đã bỏ Charlie lại trong bóng tối.

Benjamin mở hi hí cửa, và dòm quanh. Một người phụ nữ đứng trên bậc thềm. Bà ta có mái tóc đen, mặc một cái áo khoác sẫm trông mướt mà. Mặc dầu đã được một cây dù che kín đến phân nửa người, nhưng ngay lúc trông thấy bà, Benjamin đã biết chắc đó là ai. Nó nhận ra đôi ủng đỏ. Đó là một trong những bà cô Yewbeam của Charlie.

Nó hỏi, “Chi đó ạ?” Nhưng không mở cửa rộng thêm chút nào.

“Xin chào cháu!” Người phụ nữ có giọng nói nhừa nhựa, ngọt lịm. “Cháu là Benjamin đúng không?”

“Dạ,” Benjamin đáp.

“Thằng cháu của bác có ở đây không?” Thằng Charlie ấy? Bác biết nó là bạn cháu.” Bà ta mỉm cười ngọt ngào.

Ngay lập tức, con Hạt Đậu cất tiếng gầm gừ trong họng, thế là Benjamin thoát được rắc rối, khỏi phải trả lời.

Bà ta cười khẩy, nói:

“Ồ. Nó không thích ta sao, con chó ấy?”

Benjamin đi đến kết luận rằng, dù với bất kì lí do gì, nó cũng tuyệt đối không được nói Charlie đang ở đâu với nhân vật Yewbeam này.

“Bạn ấy không có ở đây,” nó nói. “Cháu không gặp bạn ấy từ hôm qua.”

“Thế à?” Người phụ nữ nhướn một bên chân mày đen dài lên. Bà ta không còn cười nữa. “Kì thật. Nó nói nó đến gặp cháu kia mà.”

“Không, bạn ấy không đến,” Benjamin chối.

“Ồ, sao mày biết là nó không đến?” Bà ta chẳng còn gờ-ram ngọt ngào nào nữa.

“Vì nếu bạn ấy đến thì này giờ bạn ấy đứng đây.” Benjamin trả lời, không một chút ngắc ngứ.

Lúc này con Hạt Đậu bắt đầu sửa hung tợn và Benjamin đã có thể đóng sập cửa lại trước mũi bà ta. Khóa cửa và cài chốt xong, nó hé nhìn qua khe nhòm và thấy bà ta đang nhìn nó trừng trừng, mặt trắng bệch ra vì tức giận.

Benjamin lùi khỏi cửa và nhón chân quay lại tầng hầm.

“Charlie,” nó thầm thì, mở cửa hầm ra. “Một trong mấy bà cô của bồ tới.”

“Ôi, không,” tiếng thì thào đặc nghẹt của Charlie vang lên trong bóng tối. “Bật đèn lên, Benjamin.”

“Xin lỗi, xin lỗi,” Benjamin bấm công tắc đèn và nhìn xuống, thấy Charlie đang quỳ cạnh cái thùng.

“Bà cô nào vậy?” Charlie hỏi.

“Bà tóc đen, áo dài đen, ủng đỏ và mặt trắng bệch ấy,” Benjamin nói nhỏ nhẹ.

“Venetia,” Charlie thở ra. “Bà ấy gian xảo lắm.”

“Coi bộ bà ấy sẽ không đi khỏi bậc cấp trước nhà đâu. Bồ nên ra bằng lối cửa sau.”

Nhưng Charlie còn bốn chiếc chìa khóa cần thử trước khi chào thua trong nhục nhã. Chẳng có cái nào vừa cả.

“Mình phải tìm cho ra,” nó hét lên.

“Suyt! Bà ta nghe thấy bây giờ,” Benjamin nhắc.

“Mình lên đây.” Charlie bắt đầu leo lên. Lần này khó khăn hơn. Vài bậc thang đã gãy rúm trên đường nó leo xuống, và có vài bậc bây giờ nó phải đu lên bằng hai tay.

“Úi!” Nó suýt xoa khi bị một mảnh dằm đâm vô ngón tay cái.

“Suyt!” Benjamin nhắc nữa.

Cuối cùng Charlie tới được bậc thang trên cùng, và hai đứa cùng nhau rón rén đi ra cửa trước.

Benjamin dán mắt vô khe nhòm.

“Bà ta đi rồi,” nó nói.

“Không biết như thế thì xấu hơn hay tốt hơn,” Charlie nói. “Bà ta có thể rình rập ở đâu đó rồi bất thành linh xông ra.”

“Bồ có thể đi ngang vườn sau nhà rồi dòm qua tường coi bà ta có ở đó hay không,” Benjamin gợi ý, “may ra có thể thoát bằng cách đó.”

“Ý hay,” Charlie nhất trí.

Chúng ra cửa sau, với Hạt Đậu đi theo, sửa ông ổng khoái chí, mong một cuộc đi dạo.

“Ầm ỹ vậy mà ba mẹ bỏ vẫn có thể ngủ được nhỉ,” Charlie nhận xét.

“Ba mẹ mình mệt,” Benjamin nói, rồi nó hỏi, “Chuyện mở cái thùng sao quan trọng vậy? Mình cứ để nó khóa luôn không được sao? Vứt nó vô sọt rác hay gì gì đó.”

“Đâu được,” Charlie phản đối. “Món đồ ở bên trong thùng đã được dùng để đổi đứa bé. Giờ cô Ingledew có thể dùng nó để chuộc đứa bé về. Tụi mình phải giữ cho cái thùng được an toàn.”

“Lỡ nó là một thứ khủng khiếp mà không ai muốn giữ thì sao?”

Charlie đã nghĩ tới điều này, nhưng rồi nó quả quyết rằng đây là thứ mà có người rất cần. Tại sao mấy bà cô lại quan tâm đến thế? Tại sao lại có một thằng tóc đỏ đến hỏi về cái thùng?

“Chắc chắn là có người rất cần món đồ đó,” Charlie nói, “nhưng họ sẽ không có được nó cho đến khi nào mình tìm được đứa bé, và theo ông Onimousi nói, thì đứa bé đang ở Học viện Bloor.”

Charlie mở cửa sau, nhảy xuống các bậc tam cấp và phóng vọt qua khu vườn.

Benjamin nhìn thằng bạn cứ thế lao vù qua cổng mà không chịu để ý hai phía.

“Nó sẽ bị bà cô kinh khủng kia tóm mất thôi.” Benjamin thở dài. Đôi khi Charlie chẳng nghĩ ngợi cẩn thận xem mình đang làm gì cả.

Con Hạt Đậu lộ vẻ thất vọng vì không được đi dạo, Benjamin quyết định làm cho nó một bữa sáng thật xôm tụ. Nghĩ tới món xúc xích nướng thì đến Benjamin cũng cảm thấy đói bụng.

Khi xuống bếp, Benjamin chợt thấy ngay giữa bàn bếp có một tấm danh thiếp ghi dòng chữ ‘Orivil Onimousi và những con mèo lửa’, bằng chữ in nhũ vàng.

Tấm danh thiếp nằm đây từ lúc nào? Làm sao nó chui được vô đây? Và tại sao nó lại chui vô đây?

Charlie đã chạy hết con hẻm sau nhà Benjamin. Giờ thì nó đang ở khúc đường mà hôm nọ, lần đầu tiên, nó bắt gặp ông cậu kích bể bóng đèn. Nó liếc thật lẹ qua trái, rồi qua phải, để biết chắc là bà cô không có trên đường.

“Mình lừa được bà ấy rồi,” Charlie hí hửng. Nó chạy tới đường Filbert, quẹo cua và...

“Tóm được rồi!” Một giọng nói vang lên.

Bà cô Venetia cầm những móng tay dài ngáp vai Charlie.

“Đi theo ta nào, thằng kia,” bà Venetia rù rì đầy đe dọa. “Chúng ta có điều muốn hỏi mi. Và nếu chúng ta không nhận được câu trả lời thỏa đáng thì đáng tiếc cho mi đấy. Rất đáng tiếc.”

7. Chương 07

Kì nghỉ bị hỏng

Bà cô Venetia lôi Charlie về nhà, móng tay bà bầu chặt cổ nó. Charlie hết thụt xuống lại vùng vẫy suốt dọc đường, nhưng không sao thoát khỏi những móng vuốt cứng như thép đó.

Nội Bone đang đứng đợi họ ở hành lang, mặt bà nặng như đeo đá.

“Tốt lắm, Venetia. Cần phải có đôi chân trẻ khỏe để bắt một tên tội phạm.”

“Cháu mà là tội phạm?” Charlie phản đối.

Nó liếc đôi ủng đỏ của bà cô Venetia. Đôi chân của bà ấy không lấy gì làm trẻ khỏe cho lắm. Bà ấy chỉ gian manh, thế thôi.

Nội Bone thúc nó vô bếp; nó ngồi xuống, xoa bóp cái cổ của mình.

Mẹ Charlie ngược lên khỏi trang báo:

“Có chuyện gì vậy?”

“Chúng ta có một thằng hư đồn,” nội Bone xối xả. “Phải vậy không, Charlie? Và một thằng dối trá.”

“Không phải,” Charlie lầm bầm.

“Ô! Tao nói ‘phải’ đấy.” Nội Bone ngồi đối diện và ngó lăm lăm vô mặt Charlie. “Nó có một cái thùng không phải là của nó, nhưng nó không thể mở cái thùng ra được.”

Charlie chưa kịp ngăn cho nội Bone ngừng nói, thì bà cô Venetia đã thọc tay vô túi áo nó và rút ra bịch chìa khóa.

“Cái gì đây?” Bà vừa hỏi, vừa rung mớ chìa khóa lạch cạch trên đầu nó.

“Charlie, chìa khóa đó của ai?” Mẹ nó hỏi.

“Không của ai cả. Đó là... một người bạn cho con. Chơi thôi mà.”

“Đồ nói láo,” nội Bone gầm lên.

“Đừng gọi nó như vậy chứ,” mẹ Charlie giận dữ. “Sao mẹ biết được chuyện đó là không có thật?”

“Amy thân yêu, tôi biết rõ con trai cô hơn cô đấy,” nội Bone lạnh lùng. “Một kẻ đứng lí ra phải biết rành hơn về cái thùng đã cho thằng bé cái thùng. Một kẻ nào đó không có quyền giữ cái thùng đó, và cái thằng ngu này lại đem giấu nó đi, chắc chắn là ở trong nhà thằng Benjamin.”

“Con không hiểu nội đang nói gì,” Charlie cãi. Nó nhất định không trả lời thêm một câu hỏi nào nữa, và cuối cùng nội Bone đành bỏ cuộc.

Với nụ cười hiểm độc, bà cô Venetia thấy mớ chìa khóa xuống bàn.

“Tốt hơn con nên trả chúng về nơi của chúng,” bà nói, khá ngọt ngào.

Charlie chớp lấy đồng chìa khóa.

“Việc này chưa xong đâu,” nội Bone đe nẹt.

“Để thằng bé yên đi,” mẹ Bone bảo.

“Giờ bọn ta sẽ để mặc nó.” Nội Bone nhìn bà cô Venetia đầy ngụ ý. “Chúng ta vẫn còn con cá khác để tóm.”

Charlie nhẹ cả người khi hai bà đội nón, đeo găng tay và lướt lẹ ra đường, chắc lại quấy nhiễu ai đó. Nếu Benjamin là nạn nhân họ nhắm tới thì họ sẽ không đời nào vượt qua được con Hạt Đậu.

“Charlie, chuyện gì vậy con?” Mẹ nó hỏi khi chỉ còn hai mẹ con.

“Không có gì đâu, mẹ. Nội Bone muốn biết mọi thứ, nhưng con có quyền giữ bí mật của mình chứ, phải không mẹ?”

“Ồ. Nhưng coi bộ đây là loại bí mật khá nghiêm trọng. Con không thể nói với mẹ đó là gì sao?”

Trông mẹ lo lắng quá, Charlie ghét nhất là phải nói dối mẹ. Nó quyết định ít ra cũng nên hé cho mẹ biết một phần nhỏ của vấn đề.

“Vụ này là về một đứa bé,” nó bắt đầu.

Mẹ nó há hốc miệng kinh ngạc, “Một đứa bé!”

Charlie mong sao mẹ nó đừng có hoảng sợ như vậy.

“Yên tâm đi mẹ, con không đánh cắp ai hay cái gì cả. Bây giờ nó không còn bé nữa, con bé ấy... nó là con gái... cỡ bằng tuổi con. Khi nó còn nhỏ xíu, mẹ nó mất và ba nó đã đem đổi nó lấy một thứ khác...”

“Cái gì?” Mẹ nó vội đưa tay bịt miệng lại.

“Kính khủng quá mẹ nhỉ? Nhưng mà, ba con bé ấy mới mất. Người bà con duy nhất còn sống của nó muốn gặp lại nó, nhưng bà này không tìm ra cháu mình được. Vì thế con định sẽ đi tìm con bé.”

“Con ấy hả, Charlie? Con không thể đi khắp nơi tìm trẻ lạc được. Ai mà biết được con bé đó đang ở đâu.”

“Ừm, nhưng con nghĩ con biết nó ở đâu. Con không nói thêm được nữa đâu, mẹ ạ. Con xin lỗi. Mẹ sẽ không nói gì với nội Bone hay với mấy bà cô chứ mẹ? Con không nghĩ họ về phe mẹ con mình đâu.”

“Mẹ đồng ý,” mẹ Charlie nói, vẻ khổ tâm.

“Con sẽ tìm con bé đó, mẹ ạ,” Charlie cương quyết. “Tức cười thật, nhưng tự nhiên con thấy đó là việc con phải làm.”

Trước sự xúc động cực độ của Charlie, mắt mẹ nó bắt đầu long lanh, nhòa lệ.

“Con giống ba con quá,” mẹ nó dịu dàng. “Mẹ sẽ giữ bí mật cho con, Charlie. Nhưng phải cẩn thận. Bọn họ rất mạnh, con biết đó, những người mà con đối đầu ấy.”

Ánh mắt mẹ nó liếc nhanh lên cửa sổ nói cho Charlie biết chính xác mẹ muốn ám chỉ ai.

Chuông cửa reng. Nghĩ đó là ngoại Maisie lại quên chìa khóa, mẹ Charlie bảo nó ra mở cửa.

Thay vì thấy ngoại Maisie ngoài ngưỡng cửa, nó thấy một thằng bé có nét mặt rạng rỡ. Thằng bé cao hơn Charlie một chút, tóc sáng, màu nâu nhạt, hơi giống với màu mắt.

“Anh là Fidelio Gunn,” thằng bé nói. “Người ta yêu cầu anh giúp em học nhạc. Anh sẽ là gia sư của em. Em là người may mắn lắm đấy nhé.”

Charlie á khẩu.

“Hôm nay là Chủ Nhật mà,” cuối cùng nó nói.

Thằng bé toét miệng cười đến mang tai:

“Cả tuần anh bận lắm, không đi được. Anh vô được không?” Nó xách theo một hộp đựng vĩ cầm.

Charlie đã bình tĩnh lại. “Ai gửi anh đến đây thế?”

“Dĩ nhiên là Học viện Bloor,” thằng bé nói một cách nồng nhiệt. “Họ bảo với anh là phần âm nhạc của em cần phải làm việc lại.” Nụ cười của nó thậm chí còn ngoác rộng hơn nữa.

“Âm nhạc của em làm gì có,” Charlie nói, nhe răng cười lại.

Thằng bé lạ mặt bước vô hành lang, không đợi mời. “Đàn piano ở đâu?” Nó hỏi.

Charlie dẫn nó vô căn phòng chỉ dùng cho những dịp viếng thăm của người nhà Yewbeam. Ở cuối phòng, một cây đàn piano kê sát tường. Theo trí nhớ của Charlie thì chưa ai từng đụng đến cây đàn.

“Bùm,” Fidelio mở nắp đàn. Nó lướt những ngón tay khắp các phím ngà. Một giai điệu đích thực nổi lên, một giai điệu khá đẹp.

“Cần phải điều chỉnh,” Fidelio nói, “nhưng cũng không cần lắm. Có ai chơi cây đàn này không?”

Charlie chợt nhanh nhẩu nói, “Hình như ba em có chơi. Em không biết. Ba em mất rồi.”

“Ồ.” Lần đầu tiên kể từ lúc đến, Fidelio trông có vẻ nghiêm túc.

“Chuyện xảy ra lâu lắm rồi,” Charlie hấp tấp nói.

Nụ cười của Fidelio xuất hiện trở lại. Nó kéo ghế đàn ra, ngồi xuống và chơi đàn thật vang thật hân hoan.

“Các con đang làm gì đó?” mẹ Charlie đứng ở ngưỡng cửa, mặt bà trắng bệch như bị ma nhát.

“Chào cô!” Fidelio nói. “Cháu là Fidelio Gunn. Cháu đến để dạy nhạc cho Charlie.”

“Sao lại thế?” Mẹ Charlie hỏi.

“Vì em ấy là một trong những người có phép thuật, và cho dù em ấy không bao giờ là nhạc sĩ, thì em ấy cũng không thể đến Học viện mà mù tịt được, phải không ạ?”

Fidelio nở một nụ cười ấm áp với mẹ Charlie.

“Cô cũng nghĩ thế,” mẹ Charlie nói một cách yếu ớt. “Không ai chơi cây đàn piano đó từ... từ rất lâu rồi.” Cô hắng giọng, cổ họng cô khản đặc, “Ừm... các con tiếp tục đi,” cô nói rồi đi ra, đóng cửa phòng lại.

Charlie không thích người ta biết nó có phép thuật.

“Làm thế nào mà anh biết em... có...?” Nó hỏi Fidelio.

“Nếu em sắp vô học khoa nhạc, mà không biết đàn lấy một cây xúc xích, thì bảo đảm em phải là một kẻ trong đám đó rồi,” Fidelio nói. “Số còn lại bọn anh đều chỉ có tài thôi.”

Charlie tò mò. “Còn bọn như tụi em nhiều không?”

“Không nhiều,” Fidelio nói. “Anh không biết hết mấy đứa như em. Một số đứa trong số đó thực sự có tài, lại vừa có phép thuật. À mà, em có phép gì?”

Charlie cảm thấy không muốn kể ra lúc này vụ nó nghe được những tiếng nói.

“Em sẽ nói cho anh nghe vào lúc khác,” nó bảo.

Fidelio nhún vai. “Cũng được. Giờ thì tiếp tục học nhạc nào.”

Chúng bắt đầu bằng “mổ cò”, và Charlie vô cùng ngạc nhiên là chỉ sau vài lỗi kinh khủng thì nó cũng xoay sở để đánh được một số nốt nhạc cơ bản bằng cả hai tay, trong khi Fidelio chọn lựa giai điệu.

Chỉ sau một tiếng đồng hồ, Charlie có thể chơi các thang âm trên những phím khác nhau, và cả một hợp âm rải. Fidelio là một giáo viên vô cùng ôn ào. Nó nhảy lộp cộp quanh Charlie, nhịp chân, gõ lên đàn, xướng âm. Cuối cùng, nó lấy cây vĩ cầm ra và bắt đầu đệm cho Charlie. Chúng tạo nên âm thanh thật tuyệt.

“Giờ anh phải về đây,” Fidelio ngân nga, vung vẩy và đưa cho Charlie. “Coi kĩ những cái này và học thuộc các nốt nhạc đi. Được không?”

“Được ạ.” Đầu Charlie vẫn còn văng vẳng tiếng nhạc khi nhìn Fidelio đi ra.

Chiều hôm đó, Charlie mang mấy bản nhạc Fidelio đã để lại cho nó ra xem. Nó nhanh chóng nhận ra là nếu ngồi bên đàn piano thì sẽ dễ học thuộc các nốt nhạc hơn.

Nhưng nó chỉ mới ấn được vài phím thì nội Bone bắt ngờ xông vô, yêu cầu được biết vì sao nó lại ồn ào lên như vậy.

“Con phải học nếu sắp tới vô khoa nhạc, đúng không ạ?” Charlie nói.

Nội Bone khịt mũi và sau đó đặt một cuốn tập to cộ lên cái bàn phòng ăn.

“Học nhạc xong thì bắt tay vô cái này, nghe chưa,” bà bảo.

Charlie không thích cái tập giấy dày cộp, đen thui đó. Ngoài bìa là dòng chữ được in nhũ vàng: HỌC VIỆN BLOOR.

“Đó là cái gì vậy?” Nó hỏi.

“Bài tập,” nội Bone đáp. “Những câu hỏi. Con phải trả lời mọi câu hỏi trong đó. Ta sẽ kiểm tra bài làm của con vào cuối mỗi ngày. Nếu sai thì phải làm lại. Ta nghĩ cần ít nhất một tuần để trả lời hết.”

“Như thế không công bằng,” Charlie líu lưỡi. “Tiêu hết cả kì nghỉ của con rồi còn gì.”

“Không đâu,” nội Bone mỉm cười. “Con có mấy vi tính, đúng không? Cứ nghĩ xem, trong vòng một tuần con sẽ biết được bao nhiêu là thứ. Rồi con sẽ gần như một nhà thông thái, phải không Charlie?”

“Con không muốn thông thái,” Charlie làu bàu.

“Nếu mày trả lời không xong mấy câu hỏi này thì tao dám chắc là mày sẽ khốn khổ khốn nạn ở Học viện Bloor đây.” Nội Bone nổi cáu. “Chứ mày muốn ngay từ đầu đã không ra gì hay sao thế?” Rồi, vẫn mang một nụ cười gằn bực bội, bà rời khỏi phòng.

Charlie không thể tin nổi sao mình đen đủi tới vậy. Nó mở cuốn tập ra và đảo qua danh sách câu hỏi. Có năm trăm lẻ hai câu! Và, với cái liếc sơ, nó biết mình không thể trả lời bất kì câu nào. Tất cả đều hỏi về lịch sử xa xưa, về những địa danh, về những con người nó chưa từng nghe nói đến. Gay nhất là những câu hỏi về toán và khoa học. Dù với mấy vi tính thì nó cũng phải mất nhiều thế kỉ mới trả lời hết phân nửa.

Charlie rên rỉ. Nó đành phải từ bỏ âm nhạc mà xách cuốn tập bìa đen lên lầu. Khi đi ngang qua cửa phòng ông cậu Paton, chợt nảy ra một ý, nó bèn gõ cửa, hơi ngần ngại.

“Gì đó?” Giọng nói câu kinh quen thuộc vọng ra.

“Con đây mà, ông cậu Paton,” Charlie nói. “Con xin lỗi đã quấy rầy ông cậu, nhưng con có chuyện này hết sức rắc rối cần được giúp đỡ.”

“Vậy thì vô đi,” ông cậu Paton nói trong tiếng thở dài.

Charlie bước vô. Phòng ông cậu trông còn hỗn độn hơn lần trước. Vài mẫu giấy còn mắc cả vô tay áo ông.

“Chuyện gì?” Ông cậu Paton hỏi.

Charlie đặt cuốn tập lên bàn ông.

“Nội Bone kêu con phải trả lời toàn bộ những câu hỏi này trong một tuần. Hơn năm trăm câu.”

Ông cậu huýt gió, và nói: “Một yêu cầu quá sức đấy, Charlie.”

“Làm sao con làm được, ông cậu Paton?”

“Mày sẽ cần rất nhiều giấy.”

“Thôi mà. Nghiêm túc đi mà,” Charlie đau khổ nói.

“Ta coi là mày đang xin ta giúp đỡ đi,” ông cậu Paton dò đưa. “Nếu vậy thì ta cũng không thể bỏ công việc của ta hôm nay được. Nhưng ngày mai chắc chắn ta sẽ làm những gì có thể làm được cho mày. Kiến thức bách khoa của ta cũng đáng kể đấy. Chúng ta sẽ giải quyết đống này gọn gàng thôi, ta chắc đó.” Ông cậu vỗ vỗ lên tập giấy đen. “Bây giờ thì đem cái thứ xấu xa này đi đi, và để cho ta yên.”

“Con cảm ơn, ông cậu Paton. Cảm ơn, cảm ơn ông cậu!”

Lòng tràn trề biết ơn, Charlie nhảy vọt ra cửa, nhưng lần này, trước khi ra khỏi, nó không thể kìm được, hỏi:

“Chính xác thì công việc của ông cậu là gì vậy?”

“Ta đang viết một cuốn sách,” ông cậu trả lời mà không nhìn lên. “Lâu nay ta vẫn viết, và chắc chắn sẽ viết mãi.”

“Sách về cái gì ạ?”

“Lịch sử, Charlie.” Ông cậu Paton giờ đang viết lia lịa một cách giần dữ vô một cuốn sổ. “Lịch sử dòng họ Yewbeam và ông tổ của họ là Vua Đỏ.”

Lại là Vua Đỏ.

“Ông ta là ai vậy?” Charlie hỏi.

“Ông ta là ai à?” Ông cậu Paton nhìn Charlie chằm chằm, như thể không trông thấy nó, như thể ý nghĩ của ông đang ở tận đâu tận đâu. “Một ngày nào đó, ta sẽ kể cho mày nghe nhiều hơn. Còn bây giờ, tất cả những gì ta có thể nói là, ông ấy là một vị vua... đã biến mất.”

“Ồ,” Charlie quyết định tốt nhất là nó nên biến đi, trong khi ông cậu vẫn còn đang vui vẻ. Nó đóng cửa lại, thật sè sàng sau lưng.

Ông cậu Paton đã giữ lời. Hàng ngày ông cho Charlie vô phòng, rồi hai người cùng nhau giải từ đầu đến cuối cái danh sách câu hỏi dài thượt ấy. Ông cậu Paton thực đã không ngoa về kiến thức tổng quát của mình. Quả là đáng nể.

Charlie giải đáp một trăm câu mỗi ngày; như thế, theo ông cậu đã tính toán, nó sẽ hoàn thành vào tối thứ sáu và sẽ có một ngày nghỉ cuối tuần trước khi vô Học viện.

Vào các buổi tối, nội Bone cho phép Charlie mở đàn piano ra và tập mấy nốt nhạc mà Fidelio đã đưa cho nó để học thuộc. Nhưng có một hôm, nó quên. Nó đói quá nên phải vô bếp kiếm bánh mì bơ ăn. Mới cắn được vài miếng thì nó gục đầu xuống bàn và thiếp đi. Nó choàng dậy thì thấy nội Bone đang nắm tóc kéo đầu nó lên.

“Học nhạc, Charlie!” Bà gào lên với nó. “Không học cho xong thì đừng có mà ăn tối.”

Charlie lê bước đến bên cây đàn piano. Nội Bone dõi theo nó như một con điều hâu, cho đến lúc nó kéo cái ghế đàn ra và ngồi xuống. Nó mệt đến nỗi không nhấc nổi ngón tay; thế nên nó không cố nữa. Ngả người ra sau, khoanh tay trước ngực, nó lằm bằm:

“Phải chi có ba ở đây, ba sẽ dạy mình. Mình nghĩ chỉ có ba mới thích hợp với cây đàn này.”

Nội Bone đã dợm bỏ đi, nhưng ngay lập tức, bà buột miệng:

“Ba con có một cây piano lớn, dựng giữa một căn phòng rộng, sáng trưng. Căn phòng đó chỉ có hai thứ thôi: đó là cây đàn piano và ba Lyell của con. Nhìn qua dãy cửa sổ dài là thấy một hồ nước, nhưng ba con không bao giờ nhìn ra đó, ba con chỉ dán mắt vô bản nhạc trong khi mười ngón tay bấm phím đàn. Thế rồi, Lyell bẻ vỡ lời nguyện.”

“Sau đó chuyện gì xảy ra?” Charlie dừng cảm hỏi. Nó gần như nghe thấy một tiếng “crắc” trong người nội Bone, khi bà vụt thoát khỏi cơn mơ màng.

“Ba mày đã phá luật, Charlie. Việc xảy ra là vậy. Cẩn thận đừng để việc đó lặp lại với mày đó.”

Trong tích tắc, bà biến mất, và Charlie nhận thấy mình đã tỉnh như sáo. Nửa giờ sau, nó đã thuộc nhiều nốt nhạc đến nỗi có thể đọc được một giai điệu đơn giản, và thậm chí còn đàn được cả giai điệu ấy.

Kể từ khi bị lừa đến nỗi tự phản bội chính mình, Charlie tránh không xem báo hay tạp chí nữa. Nó không muốn nghe những tiếng nói. Nó không muốn nghe trộm chuyện riêng tư hay lắng nghe chuyện bí mật của người khác nữa. Mỗi lần mẹ nó mở báo ra đọc, nó lại ngoảnh đầu đi. Nhưng ngoại Maisie bảo phép thuật bẩm sinh của nó nên được sử dụng, để cho vui thôi vậy mà. Cuối cùng ngoại cũng thuyết phục được Charlie lắng nghe hình hai ngôi sao màn bạc mà bà ngưỡng mộ: Gregory Morton và Lydia Smiley.

Bức hình chụp bên hồ bơi. Ban đầu Charlie chỉ nghe được một tiếng tóe nước nhỏ xíu. Nó định đẩy tờ tạp chí ra chỗ khác, đang hi vọng thế là đã mất hẳn cái biệt tài không mong đợi đó, thì một giọng nói vang lên, “Phải giảm cân đi thôi em gái. Người em nứt ra khỏi cái bikini kia.”

Đó chắc chắn là giọng của tay phó nháy, bởi vì liền ngay theo sau là giọng của Gregory Morton vang tục khùng kiếp, “Mày có để người yêu của tao yên không, mày là đồ *****!! Tao thích mũm mĩm, trông...”

Lydia Smiley vang tục thậm chí còn nhiều hơn Gregory, cô ta nói, “Đủ rồi. Tao chịu hết nổi tụi bay rồi. Cả hai thằng *****!!”

Charlie lặp lại những gì nó đã nghe được cho ngoại Maisie và mẹ. Họ phá ra cười lẫn cười bò, cười chảy cả nước mắt. Charlie thấy chuyện đó đâu có mắc cười lắm, nhưng tiếng cười của ngoại Maisie dễ lây nên cuối cùng nó cũng bật cười theo hích hích.

“Ôi, Charlie, nghe thêm nữa đi,” ngoại Maisie nài nỉ. “Để coi, tấm này được không?”

Ngoại lại đẩy tờ tạp chí về phía Charlie, chỉ vô hình ngài thủ tướng và gia đình.

Charlie chưa kịp liếc nhìn tấm hình thì cửa mở tung, và nội Bone hiên ngang đi vô. Ngay lập tức bà đoán được chuyện gì đang xảy ra, bèn phăm phăm đến bên bàn, giật lấy tờ tạp chí và kẹp vô nách.

“Sao các người dám làm chuyện này?” Bà hét lên, lườm ngoại Maisie trước tiên rồi lườm mẹ Charlie. “Thằng bé này được ban phép thuật,” bà thò một ngón tay dài dí mạnh vô đầu Charlie, “và các người đang khuyến khích nó lạm dụng phép thuật.”

“Con chỉ...” Charlie cất tiếng.

“Tao thừa biết mày đã làm gì,” nội Bone lạnh lùng. “Ngồi trong bếp mà cười sằng sặc thì đâu có gì đáng hoàng. Mày không xứng đáng với tài phép của mày, thằng ngu. Bây giờ mày biết mày có phép thuật rồi thì phải có trách nhiệm trau dồi nó chứ. Phải trau dồi, phải tôn kính, phải nuôi dưỡng của thừa kế đó chứ... chứ đâu phải lãng phí vô những trò rác rưởi, lố bịch như vậy. Liệu mà dùng nó vô những việc quan trọng.”

Charlie tính cãi là thủ tướng cũng quan trọng vậy, nhưng nó lại suy nghĩ xa hơn. Nó còn hai ngày và hai trăm câu hỏi cần trả lời, nó không muốn phá cơ hội có một ngày cuối tuần rảnh rỗi.

“Tôi chẳng hiểu tại sao lại không để thằng Charlie thỉnh thoảng được vui vẻ một tí,” ngoại Maisie phẫn nộ. “Nó cũng là cháu tôi vậy.”

“Đó là điều không may cho nó,” nội Bone tát lại. “Charlie, về phòng học bài.”

Charlie vội vã chuồn lên lầu, vô phòng mình, để mặc ngoại Maisie và nội Bone ở lại mắng mỏ nhau.

Nó vừa tính ngồi vô bàn thì trông thấy Benjamin băng qua đường. Charlie vẫy tay và mở cửa sổ ra.

“Có chuyện gì vậy?” Benjamin gọi. “Sao mấy ngày nay không thấy bồ? Mình có nhấn chuông nhà bồ hoài nhưng không ai cho mình vô.”

Charlie giờ cuộn tập đen lên.

“Mình có năm trăm câu hỏi phải trả lời,” nó nói với Benjamin. “Giờ chỉ còn hai trăm câu thôi. Mình sẽ rảnh vào cuối tuần. Còn cái đó sao rồi?”

“Tệ lắm,” Benjamin nói. “Nó vẫn phát ra tiếng động. Có một bà cô đáng sợ của bồ đến. Bà ấy giả bộ đi quyền góp từ thiện, nhưng mình biết mặt bà mà. Bà này cũng giống như bà kia thôi, có điều già hơn.”

“Bồ không để bà ấy vô nhà chứ?” Charlie lo lắng hỏi.

“Không, Con Hạt Đậu tung ra cú sủa chết người là bà ấy chạy mất.”

“Thằng Hạt Đậu khá lắm. Bây giờ mình phải đi làm bài thôi, Benjamin.” Charlie thở dài náo nề. “Hẹn gặp bồ vào thứ sáu khi mình đã làm xong các câu hỏi.”

“Ờ.” Benjamin phẩy tay một cái. “Kì nghỉ điên thật! Mình chẳng gặp được ai cả. Mình sẽ dẫn con Hạt Đậu đi coi phim.”

“Ngoài rạp có chiếu ‘Trái tim chó’ đó,” Charlie nói. “Con Hạt Đậu sẽ thích cho coi.”

Nó đóng cửa sổ lại và quay về với những câu hỏi. Nhưng nó không sao tập trung được. Đầu óc nó cứ nghĩ đến cái thùng màu bạc. Trong đó có gì? Và tại sao những người nhà Yewbeam lại nôn nóng muốn đoạt cho được cái thùng đó đến vậy?

8. Chương 08

Bị thôi miên

Vào tối thứ sáu, nội Bone chấm điểm một trăm câu hỏi cuối cùng của Charlie. Nó đã kiểm tra kĩ với ông cậu Paton, và nó chắc chắn tất cả những câu trả lời đều đúng. Nhưng nội Bone lại đeo một bộ mặt đánh sắt khi đọc những dòng chữ ngoằn ngoèo của Charlie, làm tim nó bắt đầu thót lại.

Trong phòng nội Bone nóng hầm hập, đã thế Charlie phải đứng kế lò sưởi trong khi bà nó thì ngồi bên chiếc bàn nhỏ trước mặt. Đôi cẳng gầy guộc của bà xoắn dài ra dưới gầm bàn, hướng về phía lò sưởi, và Charlie

không thể không nhận thấy hai ngón chân cái xương xẩu lòi ra khỏi chỗ đầu vớ lủng. Nó cảm thấy gớm guộc.

Rốt cuộc thì nội Bone cũng phết một dấu kiểm bé xíu bên cạnh hàng cuối cùng của trang cuối cùng. Bà ngược nhìn lên, “Chữ viết của mày thật ô nhục.”

“Nhưng con trả lời đúng đấy chứ?”

“Ừ,” bà khịt khịt và hỉ mũi. “Mày có gian lận không?”

“Gian lận?” Charlie hơi run. “Không... không.”

“Coi bộ mày không chắc lắm.”

“Con chắc chứ,” Charlie cãi lại. “Ý con là, có đúng là nội cho con được phép tra cứu hoặc dùng máy vi tính, đúng không? Và con làm y vậy.”

“Đây là mười câu hỏi nữa.” Bà đưa cho nó một tờ giấy. “Mày phải ngồi tại cái bàn này và trả lời ngay tại chỗ. Ngồi đây tao mới canh chừng mày được. Dễ lắm, cho nên mày không cần phải tra cứu đâu.”

“Nhưng lúc trước thỏa thuận đâu có vụ này đâu,” Charlie rú lên. “Thật không công bằng.”

“Cuộc đời vốn không công bằng,” nội Bone nói. Bà lão đảo lê bước tới cái giường lồi lõm, rộng rinh của mình, và lăn kềnh xuống đồng gối. “Làm đi... càng sớm bắt đầu càng mau kết thúc.”

Charlie lặng lẽ nghiêng chặt răng. Tất cả đều là bài tập toán. Nó rên rầm và bắt đầu. Hai bài đầu ngón mắt của nó cả thế kỉ, và nó vừa chuẩn bị giải bài thứ ba thì chợt nghe có tiếng ngáy đằng sau.

Nội Bone đã ngủ tự hồi nào. Miệng bà há hốc và một âm thanh ùng ùng, ụt ịt đang phát ra từ đó. Charlie kiễng chân đi ra cửa, mở thật khẽ khàng, và lỉnh ra hành lang. Một tiếng ‘kẹt’ nhỏ vang lên khi nó đóng cửa lại, nhưng nội Bone vẫn không thức giấc.

Chẳng buồn khoác thêm áo khoác, Charlie lên ra đường và chạy tọt sang nhà Benjamin. Lúc nhảy lên mấy bậc cấp, nó nghe tiếng con Hạt Đậu sủa, tiếp liền là ba tiếng ré đĩnh tai. Charlie nhấn chuông.

Nó nhận thấy có một con mắt hiện ra ở đầu bên kia của lỗ nhòm, và rồi cửa mở ra.

Charlie kinh ngạc khi thấy đứng sừng sững trước mặt nó, không phải Benjamin, mà là ông Onimous.

“Chính là cậu,” ông Onimous nói, cùng với một cú nhảy lò cò. “Chúng tôi đang chờ cậu. Vô đi, vô đi!”

Khi Charlie bước vô nhà, lại có thêm một tiếng sủa điên tiết nữa.

“Thôi nào, Đậu Ván,” ông Onimous gọi. “Lịch lãm tí nào. Lũ mèo lửa của ta không ưa bọn chó thô lỗ đâu.”

Rồi ông nhảy chân sáo qua hành lang cho tới khi chạm đến cửa tầng hầm. Đằng sau cánh cửa là Benjamin đang đứng, một tay túm chặt cổ con Hạt Đậu. Hạt Đậu ta vẫn cứ thò mõm xuống những bậc thang ọp ẹp; tiếng gừ của nó đã biến thành một tràng rống giận dữ.

Charlie đã thấy lí do ngay lập tức: dưới chân cầu thang, ba con mèo của ông Onimous đang lượn lờ vòng quanh cái thùng kim loại. Con Dương Cừu đột ngột gừ lên một tiếng kì quái và nhảy phốc lên cái thùng. Con Sư Tử, đuôi quật đen đét, giơ vuốt ra tấn công ổ khóa, trong khi con Nhân Mã ngoạm một cái móc gài.

“Cố lên, lũ mèo lửa của ta,” ông Onimous khích lệ. “Bọn bay có thể làm tốt hơn thế mà. Hãy cho chúng ta thấy bản lĩnh của tụi bay coi!”

Lũ mèo ngóng lên nhìn ông Onimous, những cặp mắt lạ lùng sáng lấp lánh, và ngay sau đó, chúng làm một việc hết sức kì lạ. Chúng bắt đầu chạy vòng quanh cái thùng. Mũi con này chạm đuôi con kia, chúng nối nhau tạo thành một vòng tròn, và khi chúng chạy, vòng tròn ấy sáng dần, sáng dần, cho đến khi biến thành một quang sáng chói lòa. Những sinh vật đang bốc cháy ấy chạy càng lúc càng lẹ, và thoáng chốc, không còn thấy con mèo nào nữa, chỉ thấy lửa cháy rừng rực quanh cái thùng kim loại. Lửa liếm, lửa đốt, lửa cháy sém cái thùng. Mùi khét lẹt giăng kín tầng hầm, Charlie và Benjamin bật ho sặc sụa. Con Hạt Đậu cong đuôi biến mất, rú lên thảm hại.

Nhưng cũng chẳng được gì. Khi ngọn lửa tắt đi, lũ mèo lại hoàn mèo, cái thùng vẫn còn khóa, tro tro.

“Cậu phải đi tìm cho ra đúng chìa khóa, Charlie,” ông Onimous nói. “Tiến sĩ Tolly biết mình làm gì khi niêm phong cái thùng này. Có lẽ ông ta cố ý để nó bị khóa lại vĩnh viễn.”

Đám mèo thoăn thoắt leo lên những giống thang mỏng mảnh. Charlie cảm nhận hơi nóng vẫn còn cháy lèo xèo trên lông chúng khi chúng quệt nhẹ vô đuôi nó.

“Chúng là nguồn an ủi to lớn trong những đêm lạnh lẽo,” ông Onimous nói. “Liệu có được một tách cà phê không đây?”

Trong khi nhấm nháp tách cà phê đậm nhạt do Benjamin pha, ông Onimous nói với Charlie rằng trước đó chính ông đã đem cái thùng xuống cất dưới tầng hầm.

“Tôi đã vô nhà khi chàng Benjamin trẻ tuổi này đang ở bên nhà cậu,” ông Onimous nói. “Hôm ấy là ngày sinh nhật của anh chàng, tôi đoán thế. Không còn dư miếng bánh sinh nhật nào nữa.”

“Làm sao ông vô nhà được?” Charlie hỏi, vẻ nghi hoặc.

“Bà mẹ tốt bụng của Benjamin đã mở cửa cho tôi vô,” ông Onimous nói. “Lúc đó bà ấy vừa về tới nhà. Ừm, trước đó tụi tôi, tức là tôi và mấy con mèo lửa, đã thấy cái bà mặc áo đen đi ủng đỏ ấy đang đi thu thập quần áo cũ. Tụi tôi đã biết trước là thế nào bà ấy cũng sẽ tới cửa nhà số 12, hỏi xin quần áo cũ. Mẹ của Benjamin, ừ trời, thế nào cũng sẽ nói, “Bà cứ lấy luôn đi. Đồ bỏ ấy mà.” Và một khi bà ủng đỏ kia có được cái thùng rồi thì chấm hết, đúng không nào?... Nhưng cuối cùng, chính tôi với mấy con mèo lửa lại là những kẻ mà mẹ của cậu Benjamin kia cho vô thăm cái tủ âm tường, để tìm diệt chuột mà, cậu hiểu chưa, và trong khi bà ấy pha cho tôi một tách cà phê ngon tuyệt, thì lũ mèo lửa đề nghị tôi nên chuyển cái thùng xuống tầng hầm. Cậu rõ chưa?”

“Làm thế nào mà mèo có thể đề nghị chuyện này chuyện kia?” Benjamin hỏi.

“Bằng mắt, Benjamin à,” ông Onimous nói, “bằng tiếng meo meo, bằng đuôi quất vun vút, bằng móng vuốt khéo léo.”

Ông đứng lên, vuốt bàn tay nhỏ đầy lông lên tấm áo khoác, và nói:

“Charlie, tôi muốn chúc cậu may mắn. Không dễ gì khi phải đối trường đâu, ngay cả những lúc thuận lợi nhất. Và Học viện Bloor không phải là một nơi dễ sống. Những gì cậu cần phải làm sẽ rất khó khăn và nguy hiểm, nhưng hãy nhớ, cậu được chọn làm người giải cứu một cuộc đời bị đánh cắp. Chà, một khởi đầu nghề nghiệp mới hoành tráng lắm sao!”

Ông chìa bàn tay móng dài như vuốt ra.

Charlie bắt tay ông.

Benjamin hỏi, “Ai đã chọn cậu ấy?”

Ông Onimous chưa kịp trả lời, Charlie hỏi tiếp, “Việc này có liên quan gì tới một ông Vua Đỏ không ạ?”

“Liên quan tất,” ông Onimous đáp.

Ông không nói thêm lời nào nữa, nhún nhún đi ra cửa và biến xuống đường. Hai thằng bé nhìn theo cái bóng nhỏ thó của ông lướt đi và biến mất chỗ khúc quẹo, theo sau là những cái đuôi của bọn mèo lửa, sáng rực lên.

“Tụi mình quên không hỏi vì sao ông ấy biết chỗ mình giấu cái thùng...” Benjamin tiếc rẻ.

“Còn rất nhiều thứ mình cũng quên không hỏi ông Onimous,” Charlie nói “Ông ấy là người lẹ mắt lẹ tay nhất mình từng gặp trên đời.”

Cái thùng của tiến sĩ Tolly lúc này đang được an toàn, nhưng nhà Yewbeam sẽ phải mất bao lâu nữa để đoạt được nó? Nó cần phải được chuyển đến một nơi chắc chắn hơn, nơi mà họ không bao giờ nghĩ là sẽ tìm thấy nó.

Charlie nảy ra một ý.

“Fidelio Gunn!” Nó thốt lên.

“Đó là cái gì?” Benjamin hỏi.

“Một anh kia,” Charlie nói. “Thầy dạy nhạc của mình. Chủ Nhật này đến đi, bồ sẽ gặp anh ấy. Fidelio có thể giúp tụi mình. Mình biết thể nào anh ấy cũng giúp.”

Benjamin coi bộ còn nghi ngờ. “Tụi mình sẽ đi kiếm ngay.”

Khi Charlie về tới nơi thì nội Bone đã ra khỏi nhà, đi thăm mấy bà em. Mãi đến khuya bà mới về, cho nên Charlie tránh được mọi sự không hài lòng của bà vì đám câu hỏi chưa được trả lời.

Sáng hôm sau, ngoại Maisie là người duy nhất đã thức giấc khi Charlie bò xuống lầu.

“Con đi vui vẻ nhé, Charlie,” ngoại nói, dúm một trái chuối vô túi nó. “Vui được bao nhiêu thì cứ vui cho đã, trước khi quá trễ.”

Charlie không nghĩ “vui” là từ thích hợp để mô tả việc nó sắp làm. Nó cảm thấy việc này quá quan trọng, không thể dùng từ “vui” được. Nhưng nó không nói cho ngoại Maisie biết.

Benjamin đang chờ bên ngoài căn nhà số 12. Nó đã để con Hạt Đậu ở nhà canh giữ cái thùng. Tiếng chó tru lên đau khổ lắng nghe theo chúng tới tận đầu đường.

“Tụi mình đi không lâu đâu nhỉ?” Benjamin nói trong cảm giác có lỗi.

Charlie không chắc. Lại một ngày u ám, lạnh lẽo nữa. Thịnh thoảng những loạt mưa đá và mưa tuyết quất vô mặt hai đứa, và chúng phải cúi rạp người xuống mà bước để tránh bị những hòn nước đá tấp vô, đau nhói.

Người qua lại thưa thớt và con đường dẫn đến Nhà Thờ gần như hoang vắng. Nhưng khi hai thằng đến gần tới tiệm của cô Ingledew, thì bỗng có hai bóng người xông ra khỏi bức màn mưa tuyết, hai thằng bé cỡ mười sáu hay mười bảy tuổi gì đó. Chúng dừng lại khi thấy Charlie và Benjamin, rồi hơi tách nhau ra, choán hết cả cái vỉa hè hẹp veo. Khi Charlie bước xuống lòng đường để né chúng, thì một trong hai thằng cất tiếng, “Charlie Bone phải không?”

Charlie giật bản mình. Trước kia nó đã từng nghe giọng nói này rồi. Nó nhìn lên và nhận ra anh chàng đã nhìn ra anh chàng đã nhìn nó trùng trùng từ một tờ báo: Manfred Bloor.

“Đi đâu đấy, Charlie Bone?” Manfred hỏi.

“Không phải việc của anh,” Charlie đáp, trong lòng thì hơi run, nhưng giọng thì căng lên.

“Ồ, không phải sao?” Thằng thứ hai vừa cười vừa cất tiếng the thé.

“Đó là việc của anh,” Manfred nói. “Nhưng anh biết rồi. Mày tới một tiệm sách được gọi là Ingledew để xin cái bà Ingledew ấy kiểm chìa khóa cho mày, để mở một cái thùng không phải của mày, cũng chẳng phải của bà ấy.”

Charlie chẳng nói gì. Nó khom người luồn quanh Manfred và định nhảy xuống lòng đường, nhưng bàn tay Manfred đã vươn ra giật mạnh cánh tay Charlie lại. Thằng kia, cái thằng tóc đỏ, lẹ như chồn, chớp lấy Benjamin.

“Anh có tin không vui cho mày đây,” Manfred nói bằng giọng khào khào, lạnh tanh. “Mày sẽ chẳng tới được bất cứ tiệm sách nào cả. Và mày cũng đừng hòng có cái chìa nào! Không ai mở được cái thùng đó cho đến khi nó được giao lại cho anh.”

“Em không hiểu anh đang nói cái gì cả,” Charlie đôi co ráng vặn vẹo thoát khỏi gọng kềm của Manfred.

“Tụi em chỉ muốn mua một cuốn sách thôi,” Benjamin thêm vô.

“Chúng mày sẽ chẳng tìm thấy cuốn sách con nít nào trong tiệm mụ Ingledew đâu,” thằng tóc đỏ nói.

“Buông tôi ra,” Charlie thét lên. “Tôi muốn đi đâu thì đi chứ! Các anh không có quyền chặn tôi.” Nó vùng bàn tay còn tự do và dấm cho Manfred một cú vô tai, nhưng thằng cao hơn liền chụp luôn cả hai tay Charlie, siết càng lúc càng chặt lại, và vật nó lăn ra đất.

“Nhìn tao đây!” Manfred ra lệnh.

Charlie nhìn. Nó không thể cưỡng lại được.

“Nhìn sâu vô mắt tao,” tiếng thầm thì ghê rợn thốt ra.

Đôi mắt Manfred giống như hai cục than đá, đen xì và sâu hoắm hoắm. Charlie dòm chăm chăm vô chúng, vừa cố kháng cự lại, vừa bị cuốn hút vô. Nó cảm thấy mình chìm dần, chìm dần. Và giờ, nó sắp chết đuối, vì nó không thể thở được nữa. Thế giới bên ngoài hai con mắt đen như than của Manfred dần biến mất, và Charlie thấy mình rơi vô một thế giới khác: chính xác là bên trong một chiếc xe hơi.

Chiếc xe đang lao đi với tốc độ kinh hoàng, xuyên qua một khu rừng, và hóa ra Charlie lại đang cầm lái. Hai con mắt đen thui giờ ở bên cạnh nó, và cái giọng rít rịt nhắc lại:

“Hãy nhìn vô mắt tao!”

Đột nhiên, một cú nảy xóc kinh người, và Charlie bị quăng khỏi xe. Nó quỳ mọp trên miệng một cái hố trong khi chiếc xe nhưng một chiếc xe màu xanh da trời nhưng lộn nhào khỏi bờ rìa. Sự tĩnh lặng của khu rừng bị phá vỡ bởi tiếng gào thét của bọn chim chóc tán loạn, và rồi, xa xa bên dưới, một tiếng ầm ội lên.

“Charlie! Charlie!”

Charlie mở mắt ra và thấy mình đang ngồi bệt dưới đất, lưng tựa vô một cột đèn. Mặt Benjamin đang dí sát vô mặt nó.

“Chuyện gì xảy ra với bồ vậy?” Benjamin hỏi với giọng khiếp đảm.

“Mình không biết,” Charlie đáp.

“Trông như là bồ ngủ thiếp đi vậy,” Benjamin bảo. “Mình lay bồ này giờ cả thế kỉ luôn.”

“Sao mình lại ngủ?” Charlie hỏi, cảm thấy u tối, mù mịt.

“Lúc ấy bồ nhìn vô mặt cái thằng đó,” Benjamin nói. “Mình nghĩ chắc là nó đã thôi miên bồ.”

“Ai? Lúc nào?” Charlie không thể nhớ nổi điều gì. “Mình đang làm gì ở đây?”

“Ôi, Charlie!” Benjamin vặn vẹo hai tay. “Bồ đã quên sạch sành sanh rồi. Tụi mình đang trên đường tới tiệm của cô Ingledew để hỏi xin cái chìa khóa, sau đó có hai thằng chặn tụi mình lại, và một trong hai thằng, cái thằng cột tóc đuôi ngựa ấy, bắt bồ phải nhìn vô mắt nó, và tự nhiên trông bồ rất kì cục, ngủ mê luôn.”

“Ồ!” Charlie bắt đầu nhớ ra. Nó run bần bật. Không khí xung quanh lạnh cóng, nhưng kí ức về đôi mắt của Manfred còn thấu xương hơn.

“Giờ tụi mình có đến tiệm cô Ingledew nữa không?” Benjamin hỏi.

“Mình thấy không khỏe,” Charlie lẩm bẩm, cổ nhắc đôi chân. Benjamin lo lắng quá, nó chưa nghe thằng bạn mình nói như thế bao giờ. Charlie vẫn luôn khỏe mạnh mà.

Khi hai đứa quay về nhà, qua những con đường lổn nhổn hạt mưa đá, Charlie bắt đầu lảo nhảm về việc lái xe qua một khu rừng, và một chiếc xe xanh da trời lộn nhào xuống hầm đá. Benjamin nghĩ là Charlie đang bị mộng du hoặc phát rồ. Nó vẫn không hiểu được gì trong những lời Charlie nói, cho đến khi bất ngờ Charlie dừng lại và, chớp lấy cánh tay nó. Charlie nói. “Đó là điều đã xảy ra với ba mình, Benjamin à. Ba mình đã lái xe lao xuống một hầm đá.”

“Thật không?” Benjamin ngạc nhiên. “Mình cứ thắc mắc hoài. Thật ra có lúc mình nghĩ là ba của bồ bỏ đi.”

“Không phải,” Charlie quả quyết. “Ba mình đã bị giết.”

Benjamin không biết phải nói gì trước điều này. Cuộc sống của Charlie dạo này bỗng nhiên trở nên không chỉ rối rắm, mà còn nguy hiểm nữa. Đến đây thì chúng về tới nhà Charlie, và Benjamin quyết định tốt nhất nên để thằng bạn mình nghỉ ngơi. Vả lại, nó đã nghe tiếng con Hạt Đậu sữa inh ỏi. Nó hi vọng con chó không sửa suốt từ lúc nó đi tới giờ.

“Thôi để chuyện cái thùng mai hẵng tính,” Benjamin nói. “Mình sẽ đến vào giờ học nhạc của bồ.”

“Giờ học nhạc nào?” Charlie coi bộ không hiểu.

“Fidelio Gunn ấy mà,” Benjamin ân cần nhắc.

“Ừm.” Gương mặt nhợt nhạt của Charlie đang dần hồng trở lại. “Được rồi. Hẹn mai gặp lại, Benjamin.”

Charlie khó nhọc lết lên những bậc cấp nhà số 9. Trong nhà im ắng. Mùi đồ ăn ngoại Maisie nấu phảng phất trong hành lang, nhưng thay vì khiến cho Charlie cảm thấy đói lại khiến bụng nó quặn lên.

Nó lên lầu và nằm vật ra giường. Chắc là mấy người sau khi bị mổ xong cũng cảm thấy như thế này đây, Charlie nghĩ, như thể họ không còn kết nối hoàn toàn với thế giới thực nữa.

Manfred Bloor hẳn đã biết Charlie là ai. Nhưng bằng cách nào mà biết được? Charlie nhớ ra tấm hình. Lần trước, khi nhìn vô hình, nó nghe những tiếng nói, con mèo Dương Cừu cũng đã nhìn ra và trông thấy nó. Bằng cách nào đó, vậy là đã hình thành một sự liên kết, cho dù đã tám năm trôi qua. Không lẽ khi nó nhìn hình Manfred trên báo, Manfred cũng nhìn thấy nó, và biết nó là ai?

Charlie quyết định làm một thí nghiệm. Nó có cất đâu đó một tấm hình Benjamin, được chụp cùng ngày với bức hình con Hạt Đậu nhe răng cười. Charlie lục lọi trong ngăn kéo và lôi ra gương mặt thất thần của Benjamin. Ánh đèn chớp của máy chụp hình đã làm Benjamin giật mình, sững sốt.

Charlie dòm lom lom vô gương mặt thẳng bạn. Trong một thoáng, Benjamin cũng dòm lại nó, và rồi một giọng nói vang lên, “Charlie, mình không thích bị chụp lên.”

Tiếng nền là một con chó đang sủa, và rồi giọng của chính Charlie, “Cười lên nào Benjamin. Cười nào. Đẹp lắm. Rồi, xong!”

Thế thôi. Không có thêm giọng nói nào nữa. Chỉ có tiếng con chó thở hồng hộc, và rồi một tiếng chó ngáy dài.

Trong căn nhà số 12, Benjamin vừa mở một hũ ya-ua dâu lớn ra. Nó vừa tính thọc muỗng vô, thì bất chợt, gương mặt của Charlie hiện ra, trôi lênh bênh trong đám dâu. Benjamin thấy bụng dạ lộn nhào. Nó bèn để cái hũ dâu trở lại trong tủ lạnh.

“Dâu bị hư rồi,” Benjamin nói với Hạt Đậu. “Tội mình ăn phô mai thay vậy.”

Con Hạt Đậu mừng rơn khi nghe thế. Nó khoái trá ve vẩy cái đuôi.

Mẹ Charlie đánh thức nó dậy ăn trưa, nhưng ngay sau đó nó lại ngủ li bì. Vào bữa trà, ngoại Maisie hỏi xem nó có bị bệnh không, bởi vì trông nó thật quái lạ và chẳng hề đụng tới bánh mì kẹp.

“Con không bị bệnh gì hết,” Charlie nói. “Con nghĩ con đã bị thôi miên.”

Ngoại Maisie và mẹ nó cười ồ lên.

“Nội Bone đang muốn gây sự,” ngoại Maisie nói. “Bà ấy muốn gặp con nói chuyện phải quấy về vụ mấy câu hỏi, nhưng có điện thoại gọi, thế là bà ấy đi thăm mấy bà Yewbeam rồi.”

Sau bữa trà, Charlie lại ngủ tiếp. Mãi cho đến khi vào nửa đêm, nghe thấy tiếng ông cậu cọt kẹt xuống lầu, thì nó mới tỉnh giấc.

Charlie nhẹ nhàng đi xuống nhà bếp. Đầu óc đã tỉnh táo hơn và nó đang đói ngấu. Nó bắt gặp ông cậu đang ngồi bên bàn bếp, xơi thịt gà nguội ngắt với với đậu xanh và xà lách. Có một ổ bánh bột cuốn trên bàn và một chai rượu. Li rượu to của ông cậu Paton với còn một nửa.

Ánh sáng duy nhất trong phòng hắt ra từ một ngọn nến cắm trên chiếc chân đèn bằng bạc, chạm trổ cầu kỳ, đặt ở giữa bàn.

Ông cậu Paton neho mắt nhìn xuyên qua đốm lửa đèn cầy. Cuối cùng ông nhận ra Charlie đang đứng xó rọ trong bóng tối cạnh cửa.

“Vô đi, mày,” ông cậu Paton nói. “Thích gà không?”

“Thích không ấy ạ?” Charlie kéo ghế. “Giờ thì cái gì con cũng ăn hết.”

Ông cậu Paton đưa cho nó một cái đùi gà trên đĩa và hỏi. “Hôm nay thế nào?”

“Kính khủng,” Charlie kể cho ông cậu Paton nghe về những chìa khóa của cô Ingledew, về Manfred Bloor, và về vụ bị thôi miên quái đản.

Ông cậu Paton buông rơi cái nĩa. “Ý mày định nói với ta là mấy thằng ranh kia cố ngăn không cho mày tới tiệm sách?”

“Dạ, đúng vậy,” Charlie nói. “Manfred rắp tâm lấy chìa khóa từ tay cô Ingledew trước con, và sau đó hẳn sẽ đi tìm cái thùng. Hình như tất cả mọi người đều đang lùng kiếm cái thùng.”

“Cần phải bảo vệ người phụ nữ duyên dáng đó,” Ông cậu Paton lầm bầm. “Nói cho ta biết đi, Charlie, tại sao mày lại nhất quyết giữ cái thùng phiên toái đó?”

“Dù bên trong nó chứa cái gì, thì cái đó cũng đã từng đem đổi lấy một đứa bé. Con muốn đổi đứa bé lại một lần nữa, để giúp cô Ingledew gặp lại được đứa cháu gái. Thật không công bằng tí nào nếu người bà con duy nhất của đứa bé lại không tìm ra nó, đúng không ông cậu?”

“Ta tự hỏi tại sao người phụ nữ dễ thương ấy lại không đem cái thùng đi chuộc đứa bé về?” Ông cậu Paton trầm ngâm.

“Cô ấy mới nhận được cái thùng thôi mà,” Charlie giải thích. “Trước đó thì người ta lừa cô ấy, nói dối cô ấy, làm cô ấy tẩu hỏa. Lúc có được cái thùng thì cô ấy đã bỏ vụ tìm kiếm từ lâu rồi.”

“Xem ra mày biết nhiều đấy,” ông cậu Paton nói. Ông mang cái đĩa không để ra bồn rửa chén.

“Charlie, tuần sau mày sẽ không cục cựa gì được, cho nên để ta mang trả chìa khóa cho cô Ingledew. Nếu cô ấy tìm được đúng chìa thì ta sẽ đưa nó cho mày về nhà vào cuối tuần, nhưng ta nghĩ, mày nên chỉ cho ta xem cái thùng. Ta muốn có mặt khi mày mở nó ra. Cần thận vậy mà.”

“Cần thận cái gì ạ?” Charlie hỏi lại.

“Ai mà biết trong đó chứa cái khỉ gì?” Ông cậu Paton nói. “Phải có mặt người lớn ở đó. Mày không đồng ý hả?”

“Con nghĩ,” Charlie lại bắt đầu thấy đau nhói ở bụng. Lần này là vì ông cậu Paton nhắc tới chuyện nó phải xa nhà suốt tuần nhưng bị giam trong Học viện Bloor.

“Ông cậu Paton à, tại sao lại bắt con phải đi học ở Bloor chỉ vì con có phép thuật?” Charlie hỏi.

“À, để họ có thể trông nom, ngó chừng mày. Họ không dám để mày đi bất cứ nơi nào khác, phòng ngừa việc mày dùng phép thuật mà họ không biết. Họ thích kiểm soát mà.”

“Con nghĩ là ông cậu ngày xưa cũng có học ở Bloor?”

“Dĩ nhiên,” ông cậu Paton đáp.

“Thế ông cậu có thích không?”

“Thích không phải là từ ưa dùng. Nó đúng ra, ta đã luôn lách cho xong chuyện. Ta đã chịu cúi đầu, và ít nhiều gì họ cũng đã để ta yên.” Ông cậu Paton thở dài. “Ta cho rằng đó luôn luôn là cái không hay ở ta. Ta cứ cúi đầu hoài, trong khi thỉnh thoảng đáng ra ta phải ngẩng đầu lên. Hừ, có lẽ giờ cũng chưa đến nỗi quá trễ.”

Có tiếng kẹt cửa bên ngoài nhưng cửa mở tung cùng với một tiếng sấm và ánh sáng ủa vô. Nội Bone đứng sững ngay ngưỡng cửa. Bà trợn mắt nhìn Charlie, hỏi. “Cái gì thế này? Tiệc tùng lúc nửa đêm à? Lên giường mau, Charlie Bone! Sáng mai phải làm cho xong mấy bài toán đấy. Thứ Hai đi học rồi. Làm sao mà theo nổi nếu không ngủ hả?”

“Chúc nội ngủ ngon! Chúc ông cậu ngủ ngon, ông cậu Paton!”

Charlie ba chân bốn cẳng vù qua bà nó. Khi leo lên cầu thang, nó nghe tiếng nội Bone quát ông cậu Paton:

“Chuyện gì đây, hả Paton? Tôi không thể tin tưởng ở cậu nữa. Cậu đứng về phe nào, hả? Trả lời tôi coi!”

9. Chương 09

Phá luật

Benjamin và Fidelio đến trước thềm nhà Charlie cùng một lúc. Benjamin biết ngay tức khắc rằng cậu trai trông vui vẻ này là thầy giáo dạy nhạc của Charlie. Bởi lẽ, cậu ta một tay xách hộp nhạc, tay kia xách hộp đàn vĩ cầm. Với lại, trông cậu ta mang dáng dấp nghệ sĩ. Chúng tự giới thiệu với nhau và Fidelio nhấn chuông cửa.

Nội Bone ra mở.

“Về đi,” bà nói với Benjamin. “Charlie sắp sửa học nhạc. Mày đến chỉ vướng víu thôi.”

“Không đâu,” Fidelio nói. “Chúng cháu sẽ chơi một bản tam tấu. Cần có Benjamin.”

“Tam tấu?” Nội Bone nhướng một bên chân mày xám, rậm rì lên. “Ta không tin.”

Benjamin toan quay đi thì Fidelio níu cánh tay nó lại. “Chúng cháu cần bạn ấy, thưa bà Bone,” Fidelio khẳng khái. “Giáo sư Saltweather, trưởng khoa nhạc, bảo chúng cháu phải tập nhóm nhạc để Charlie quen dần với việc tham gia lớp học.”

“Hừm. Bọn con nít chỉ nói dóc. Khỏi tin đi.” Nhưng có lẽ vì cũng không chắc đó là lời nói dối hay thật, cho nên bà để cho Benjamin vô.

Lúc Fidelio và Benjamin bước vô thì Charlie đang luyện thang âm.

“Có tiến bộ đấy,” Fidelio khen. “Hôm nay chúng ta sẽ làm ồn dữ lắm đây, bởi vì cả ba đứa sẽ cùng hòa tấu.” Nó mở hộp nhạc lôi ra một ống sáo và đưa cho Benjamin.

“Em không biết cách chơi...” Benjamin mở miệng.

“Rồi sẽ biết ngay,” Fidelio nói.

Đúng vậy, không đầy mười phút sau, Benjamin đã thổi được sáo. Ba thằng gây ồn ào khủng khiếp. Charlie nơm nớp lo nội Bone có thể hiện ra trút mưa bão xuống đầu chúng vào bất cứ lúc nào. Nhưng không! Thật là một cảm giác tuyệt vời khi có thể gõ đàn cật lực, cười nói hết cỡ và hát vang cả đầu, lấy cớ là cho học tập. Nó chờ đến khi Fidelio cho nghỉ mới bàn tới chuyện cái thùng.

Cuối cùng, khi Fidelio đặt cây vĩ cầm xuống, Charlie nói lẹ:

“Tụi em có một việc, anh Fidelio à. Và tụi em muốn hỏi liệu anh có thể giúp được không?”

“Được chứ,” Fidelio nhiệt thành. “Nói tiếp đi.”

Charlie kể cho Fidelio nghe về cái thùng bị khóa và đám chìa khóa. Nó bỏ qua không nói về đứa bé. Nó không biết Fidelio có đủ tốt để nó nói ra được điều đó hay chưa.

“Cho nên hai em muốn anh giấu giếm cái hộp chứ gì,” Fidelio nói. “Dễ ợt. Nhà anh đầy thùng đựng nhạc cụ. Anh có thể giấu cái thùng của tụi em dưới những cái hộp khác.”

“Vấn đề là, tụi em đang bị theo dõi,” Charlie nói. “Các bà cô của em biết cái thùng đang được giấu ở nhà Benjamin. Cho nên chúng ta phải tìm một cái gì đó to to để đút cái thùng vô và khiêng đi.”

“Để anh mang cái thùng mộc cầm của ba anh tới,” Fidelio sốt sắng. “Nó to khổng lồ luôn. Mặc cười là chính các em cũng thấy mình đang bị theo dõi. Tại anh dám thề là hôm nay anh có thấy thằng Asa Pike ở bên kia đường. Nó cải trang, như mọi khi vẫn thế. Nó học kịch nhưng không diễn xuất được. Hôm nay nó khoác áo trùm dài, đội nón quá chiêu, đeo ria mép giả. Nhưng bất cứ khi nào trông thấy Asa là anh cũng nhận ra nó liền... Nó có đôi mắt vàng khè, hung tợn như mắt sói.”

“Và tóc đỏ phải không?” Charlie hỏi. Thằng bạn của Manfred có cặp mắt vàng.

“Chính nó đấy. Nó là thằng hầu của Manfred Bloor. Nó có thể làm bất cứ điều gì cho thằng kia. Kể cả bán đứng mẹ nó, nó cũng dám làm.”

Charlie kể cho Fidelio nghe về vụ thôi miên.

“Anh có nghe nhiều lời đồn đại về Manfred,” Fidelio nói rành rọt. “Họ nói nếu ai không đứng về phe nó, thì có thể bị... tàn hại mãi mãi. Anh khuyên tụi em nên tránh xa nó ra.”

Cửa bật mở và nội Bone thò đầu vô.

“Ta đoán chừng là mấy đứa đã học xong,” bà nói.

“Bà đoán rất đúng, thưa bà Bone,” Fidelio nói. Nó bắt đầu thu dọn nhạc cụ và tập nhạc.

Charlie và Benjamin nhìn theo Fidelio ra cửa, nhưng trước khi đi hẳn, Fidelio nói:

“Hẹn gặp lại ngày mai, Charlie. Và hẹn sớm gặp lại em, Benjamin!”

Charlie nhìn quanh quất khắp con đường trước khi đóng cửa lại. Không hề thấy bóng dáng Asa Pike, hay bất cứ ai mặc áo dài và đeo rìa giả. Quay qua Benjamin, nó thì thào:

“Hôm qua bồ có trông thấy cái mặt mình không, khoảng lúc bữa trà ấy?”

Benjamin ngạc nhiên quá đổi:

“Mình thấy mặt bồ trong hũ ya-ua. Làm mình muốn bịnh luôn,” nó nói.

“Xin lỗi bồ nha, đó chỉ là một thí nghiệm thôi.”

Benjamin cố đoán xem đó là loại thí nghiệm gì, nhưng rồi lại quyết định là nó không muốn biết nữa.

Nội Bone cho phép Benjamin ở lại dùng bữa trà, nhưng nó bị tổng cổ về ngay sau đó, để Charlie còn đóng gói hành lí và chuẩn bị cho ngày đầu tiên tới Học viện Bloor.

“Con không cần phải mang theo nhiều đâu,” mẹ Charlie nói khi bày ra bộ đồ ngủ mới. “Thứ Sáu con sẽ lại về nhà mà.”

Charlie ước gì mẹ nó đừng đưa nó bộ đồ ngủ in hình gấu Teddy, nhưng vì không muốn bị coi là vô ơn, nên nó yên lặng. Nó sắp bỏ vô túi một chiếc sơ-mi sạch, đồ vệ sinh cá nhân, vớ, đồ lót để thay đổi... và cái áo chùng màu xanh da trời.

“Mẹ nghĩ con phải mặc cái này, Charlie,” mẹ nó nói, lôi chiếc áo chùng ra. “Mẹ đã thêu tên tắt của con ở phía sau bằng chỉ xanh lá cây, coi đây này. Tại mẹ không còn chỉ màu nào khác.”

Charlie đẩy cái áo chùng trở lại:

“Tối đó con mới lấy ra mặc.”

Ngày mai, vì là ngày đầu tiên, nên mẹ nó sẽ đưa nó tới cổng Học viện. Mọi thủ tục giấy tờ đăng kí nội Bone đã lo liệu xong cả. Thứ Sáu nó sẽ về nhà bằng xe buýt đầu đường Filbert.

“À, còn một thứ này nữa có thể con sẽ muốn mang thêm,” mẹ nó lẩm bẩm.

Cô rời phòng và, một loáng sau khi quay lại, cô cầm một gói giấy mềm màu trắng.

“Họ bảo con sẽ đeo cà vạt màu xanh da trời,” cô nói. “Và nội Bone đã mua cho con một chiếc, nhưng mà...”

Cô bẻ oặt gói giấy mềm và rút ra một chiếc cà vạt xanh da trời. Ở một đầu cà vạt có thêu một chữ “Y” màu vàng trang trí bằng lụa bóng.

“Cái này là của ba con,” cô bảo Charlie. “Chữ ‘Y’ tức là Yewbeam, mặc dù họ của ba con là Bone, nhưng ba mang dòng máu Yewbeam, và do đó phải mang trọng trách đi học ở Bloor. Nhà Yewbeam rõ ràng là có quan hệ với nhà Bloor.”

“Quan hệ là sao? Ý mẹ là anh em họ?” Charlie tự hỏi tại sao trước đây mẹ nó lại không đề cập đến khía cạnh quan trọng như thế này.

“Anh em họ xa.”

“Có liên quan gì đến một ông Vua Đỏ không mẹ?” Charlie hỏi.

“Ba của con hay nhắc đến ông ấy.”

“Sao nội Bone lại đưa con chiếc cà vạt không có thêu chữ ‘Y’?”

“Có lẽ để chờ con phải tự khẳng định mình trước đã, Charlie. Có thể họ nghĩ con sẽ lạc đường lạc lối... giống như ba Lyell của con vậy.”

Cô rút chiếc cà vạt vô giỏ xách của Charlie.

“Vội lại, con không bao giờ biết đâu, có thể con sẽ cần tới nó.”

Khi mẹ đi khỏi, Charlie lấy chiếc cà vạt ra xem xét. Chất liệu mềm và bóng, có lẽ bằng lụa hay bằng xa-tanh. Nó áp cà vạt lên mặt và hít hít. Có mùi giông giống như mùi mẹ nó, khi mẹ còn quần áo đẹp để để mặc. Tất cả những bộ đồ đẹp nhất của mẹ đều sờn cũ. Bất giác, Charlie chợt nhận ra, bây giờ mẹ nó trông có hơi rách rưới.

Sáng hôm sau, ngoại Maisie dọn cho Charlie một đĩa điểm tâm đầy tú hụ. Ráng lăm nó cũng chỉ trệu trạo nhai được một chút thịt lợn xông khói, không hơn. Bụng nó lại đang nhộn nhạo cả lên.

Nhà bếp hình như toàn những người cũng đang hồi hộp. Ngay cả ông cậu Paton cũng có mặt.

“Đáng ra ta lái xe tới đó, nhóc con,” ông bảo Charlie. “Nhưng quanh đó một đám không có chỗ đậu xe. Giáo viên ở đó chỉ khư khư giữ chỗ đậu xe cho họ thôi.”

Tất cả mọi người đều lộ vẻ không thoải mái, biết rằng dù gì thì ông cậu Paton cũng không thể ra ngoài vào ban ngày, sau đó nội Bone bảo:

“Đã kêu taxi rồi. Tới bây giờ.”

“Con không muốn đi Taxi,” Charlie kêu lên. “Trông con như thằng khùng vậy.”

Trong nước mắt và những nụ hôn của ngoại Maisie, trong một cái vẫy tay của ông cậu Paton, và trong một nụ cười trang nghiêm của nội Bone, Charlie và mẹ nó bị tổng đại vô chiếc taxi. Họ được thả xuống bên lề một con đường dẫn tới Học viện, và đi bộ qua một quảng trường thời Trung cổ, có sỏi và đá cuội bao quanh một đài phun nước bằng đá, hình đàn thiên nga. Thẳng tới là một tòa nhà xám, cao vợi, nguy nga và mang vẻ cổ xưa. Những bức tường cặp sát quảng trường cao cỡ một tòa nhà năm tầng, với những cửa sổ của một trong hai tòa tháp. Mặt cô tái mét, và trong một thoáng, Charlie nghĩ là mẹ nó sắp xỉu đến nơi.

“Có chuyện gì vậy, mẹ?” Nó hoảng hốt.

“Mẹ nghĩ là có ai đó đang nhìn mẹ,” cô lẩm bẩm. “Charlie, mẹ phải đi ngay đây.”

Cô hôn nó thật nhẹ rồi quàng quả băng qua quảng trường.

Charlie lúc này mới nhận ra những đứa trẻ khác đến bằng những xe buýt, đậu ở cuối quảng trường. Trong chớp mắt, nó bị bao kín bởi những đứa trẻ nhảy nhót, chạy, đi bộ, và la hét, tất cả đều bận áo chùng xanh da trời, hoặc xanh lá cây hoặc màu tím.

“Charlie, mặc áo chùng vô!” Một giọng nói vang lên. “Nếu không sẽ bị rắc rối đấy.”

Fidelio len lỏi từ đám đông chen rộn, chui ra.

“Em có mang áo chùng không vậy? Anh quên mất không dặn em.”

“Có.” Charlie lôi tấm áo chùng từ giỏ xách ra và mặc vô.

“Tốt, giờ thì đi với anh,” Fidelio nói. “Đi sát vô. Sáng thứ Hai trường náo nhiệt lắm.”

Giờ thì chúng đã vô trong một khoảng sân lát gạch. Khi Charlie theo sau Fidelio, mắt nó chợt chạm phải một trong những ô cửa sổ nhìn xuống sân. Mảng tường xám bên dưới ô cửa sổ loang lổ những vết nám đen kịt.

“Đó là nơi Manfred suýt bị thiêu chết,” Fidelio thì thầm, giọng rin rít.

“Trong đám cháy?” Charlie hỏi.

Chúng đã tới một lối vô, có hai cánh cửa mở toang, được trang trí bằng những bức phù điêu bằng đồng. Charlie sợ hãi nhìn chòng chọc vô những bức phù điêu. Nó thấy mình bước vô một hành lang dài, nền đá, và thỉnh thoảng, tất cả những tiếng cười, tiếng la hét tắt lịm. Chỉ còn nghe tiếng bước chân nện lộp cộp lên nền đá.

Ráng không để Fidelio lọt khỏi tầm mắt, Charlie chen lấn vượt qua đám trẻ đang đi lại như mắc cửi trong hành lang và biến mất vô những cánh cửa bên trên có treo hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau.

Chúng sắp đến nơi thì, bỗng nhiên, một tiếng thét kinh hãi thét lên, rồi ai đó giật mạnh áo chùng của Charlie. Nó quay lại thì nhìn thấy một nữ sinh tóc nhuộm tím ngả sóng xoài trên nền đá. Trông con nhỏ thật quái đản: ngoài mái tóc tím và áo chùng tím, nó còn dán một miếng hình màu tím trên trán và mang giày màu tím, gót giày gập đôi lại. Chiếc ba lô của nó rơi xuống, xổ ra, sách bút văng tung tóe.

“Xin lỗi,” con nhỏ nói xong, bật cười khúc khích. “Giày là lí do làm tôi xiêu vẹo hoặc xiêu lòng.” Rồi nó bò ra cười ngặt nghẽo.

Charlie định giúp cô nàng đứng dậy thì một giọng ra lệnh:

“Để đó, Bone!”

Asa Pike, cũng màu tím rậm, đứng nhìn trợn trừng xuống con nhỏ.

“Olivia Vertigo, luật lệ đâu? Nhắc lại coi!”

Lồm cồm bò dậy, cô nữ sinh ngậm nga:

“Im lặng trong hành lang

Không được nói lan man

Im lặng khi bị ngã

Không được khóc hay la,

Lá! Lá! Lá! Lá! Lá!”

Asa chộp cánh tay con nhỏ.

“Láo xược là chuyện không đùa được,” nó sửa. “Đi theo tao.”

Rồi nó bắt đầu lôi xềnh xệch con bé đi khỏi.

“Sách của tôi,” Olivia rên rĩ.

Charlie hốt vội đồng sách với bút văng tứ tán, trong khi Fidelio, đặt một ngón tay lên môi, đi tìm ba lô của Olivia và giúp Charlie cho tập, sách vô.

Ngay khi chúng đi qua cánh cửa bên dưới hai cây kèn trumpet bắt chéo, Fidelio bảo:

“Giờ thì tụi mình nói được rồi.”

Chúng vô một căn phòng để áo khoác lát gạch bông, với những dây tủ ngăn chạy suốt hai bức tường, và những hàng mắc áo hai bức tường còn lại. Một dãy bồn rửa xếp đều giữa phòng.

“Rồi nhỏ đó sẽ gặp chuyện gì?” Charlie hỏi.

“Nó chắc chắn sẽ bị cấm túc nhưng tức là, phải nghe một bài rao giảng nổi da gà của Manfred, và sau đó không được phép về nhà cho đến Chủ Nhật. Nó cũng mới vô đây thôi, nhưng đã bị cấm túc những hai lần rồi. Đáng lí ra nó đã bị đuổi học rồi nếu như không có tài đồng kịch xuất sắc. Có một lần anh được phái đến lớp của nó để tìm thầy Irving, đúng ngay lúc nó đang diễn một màn độc thoại... Mê hồn luôn.”

Fidelio chỉ cho Charlie tủ đựng đồ của nó, rồi dẫn Charlie tới hội trường, có sàn được lót ván gỗ sồi. Một nhóm nhạc công đang đứng ở trên sân khấu, say sưa tấu nhạc cụ.

“Trước tiên tụi mình sẽ hát bài Học viện Ca, sau đó mới đăng kí lớp học,” Fidelio nói.

Charlie theo chân Fidelio tới những băng ghế dài ở hàng phía trước. Từ từ, thính phòng đông dần những nam sinh, nữ sinh trong áo chùng xanh. Chắc phải đến hàng trăm đứa trẻ từ mười một đến mười tám tuổi. Charlie nghĩ có lẽ nó là nhỏ nhất, cho đến khi một thằng bé loắt choắt sà tới ngồi bên cạnh nó.

“Chào anh,” thằng bé con cất tiếng. “Em là Billy Raven.”

“Anh là Charlie Bone!” Charlie nói.

Thằng nhỏ toét miệng cười. Tóc nó trắng phau và mắt màu đỏ sậm, rất lạ.

“Em bị bạch tạng,” nó giải thích. “Em nhìn không rõ, nhưng em nghe rất thính.”

“Coi bộ em hơi nhỏ so với trường Bloor hả?” Charlie nói.

“Năm nay em bảy tuổi,” Billy đáp. “Em là con mồ côi nên người ta đưa em vô đây. Ngoài ra, em còn có phép thuật.”

“Anh cũng vậy,” Charlie lúng búng.

Billy nhìn Charlie, hớn hờ.

“Em rất vui,” nó thì thào. “Giờ thì tụi mình có ba người.”

Charlie không có thời giờ hỏi xem ai là nhân vật thứ ba có phép thuật, bởi vì một người đàn ông cao lêu khêu, tóc trắng đã bước ra sân khấu.

“Giáo sư Saltweather đây,” Fidelio nói thầm. Nó ngồi cạnh Charlie, phía bên kia.

Có năm giáo viên dạy nhạc khác đang ở trên sân khấu: hai phụ nữ trẻ, một ông già đeo mắt kiếng, một ông trông vẻ vui nhộn, tóc quăn tít, và một người nữa. Charlie thấy mình cứ nhìn chăm chăm vô ông này nhưng chưa bao giờ nó trông thấy một bộ mặt vô hồn như thế. Ông ta cao, quắc thước, tóc đen, rõ ràng đã quên chải đầu. Nét mặt của ông không hề biểu lộ sự thay đổi nào, dù chỉ một lần, ngay cả khi dàn nhạc dạo lên và tất cả mọi người cất tiếng hát.

Khi bài hát tập hợp chấm dứt, Fidelio dẫn Charlie tới cánh cửa bên hông sân khấu. Một tấm biển treo ở cửa đề: THẦY PALTRY - KÈN SÁO.

“Gặp lại em giờ giải lao nha,” Fidelio nói. “Anh tới lớp đàn dây của cô Chrystal đây.”

“Những giáo viên trên sân khấu khi là ai vậy?” Charlie hỏi.

“Ừm, em sẽ học lớp thầy Paltry già... Không ai tị với em chuyện đó đâu... rồi đến thầy O'Connor, dạy ghita và mấy thứ đại loại vậy. Hai cô giáo kia dạy đàn dây. Giáo sư Saltweather dạy kèn đồng và hợp xướng.”

“Còn thầy đứng phía đầu nhưng cái ông cao cao ấy?”

“À, Thầy Pilgrim.” Fidelio nhả mặt. “Thầy dạy piano nhưng hầu như không ai học lớp thầy cả. Thầy rất lập dị.”

“Lập dị là sao?”

“Thầy không bao giờ nói gì cả. Mình sẽ không thể biết được mình học tốt hay dở. Ba anh dạy anh chơi piano. Ba anh dạy ở trường thường. Anh phải đi đây. Trễ mất.”

Vậy là, ba của Fidelio dạy trong một trường bình thường. Vậy thì phải như thế nào mới được là giáo viên của Bloor? Thú vị thật, Charlie nghĩ. Nó nhìn người bạn mới bay vèo qua hành lang tới một cánh cửa khác, rồi đi vô lớp thầy Paltry - Kèn Sáo.

Thầy Paltry không thích những đứa trẻ có phép thuật. Ông tỏ rõ thái độ này cho Charlie thấy. Bọn trẻ có phép làm ông mất thì giờ. Chúng có những biệt tài của riêng chúng, nhưng những biệt tài đó chẳng có ích lợi gì cho ai cả, theo như thầy Paltry thấy thế.

Vào cuối buổi học kém thoải mái và vô tích sự đó, Charlie được bảo là phải đem cất áo chùng trong phòng mặc áo để ra vườn chạy.

“Thưa, vườn ở đâu ạ?” Charlie hỏi.

Nó nghĩ đây là một câu hỏi chính đáng, nhưng thầy Paltry lại xem như thể là làm phiền.

“Chứ trò nghĩ nó ở đâu?” Ông nạt nộ.

May thay, Charlie gặp Fidelio trong phòng mặc áo.

“Tất cả mọi người đều phải ra vườn chạy sau tiết học đầu tiên,” nó bảo Charlie. “Đi theo anh.”

Khu vườn chẳng hề giống như cái mà Charlie vẫn thường gọi là vườn. Nhìn ngút tầm mắt mà vẫn không thấy đầu kia đâu. Cũng chẳng có tường hay hàng rào. Sau lưng Học viện nhìn ra một sân chơi rộng bát ngát, nơi bọn trẻ đi bộ hay chạy thành từng đám hai, ba đứa, và thỉnh thoảng có đứa chạy một mình. Một khu rừng rậm rạp bao quanh sân chơi, và phía xa xa, thấp thoáng một bức tường xám, đỏ đỏ, mắt hút vô trong rừng cây. Fidelio bảo Charlie rằng đó là khu bỏ hoang.

“Hàng trăm năm trước, nó là một lâu đài nguy nga,” Fidelio kể. “Nhưng giờ chỉ còn là một đồng hoang tàn đổ nát. Mái sụp gần hết, nhưng vẫn còn vài lối đi rợn cả người, mấy bức tượng rất quái đản, cầu thang thì mục nát. Cây mọc đầy xung quanh lâu đài, mọc cả ở bên trong, làm lâu đài trông càng giống như có Manfred vậy.”

“Anh đã ở trong đó lần nào chưa?” Charlie hắt hàm về phía bức tường trông ghê sợ.

“Anh ấy hả?” Fidelio ngoác miệng cười. “Cứ đến mùa đông, vào cuối tháng 11, là tội này lại chơi trò hủy diệt ở đó. Tất cả mọi người đều phải vô đây, cho dù có muốn hay không. Hai năm trước, có một con bé đi vô và không bao giờ đi ra nữa!”

Fidelio bắt đầu chạy quanh sân, và Charlie chạy bên cạnh.

“Sao đó họ có tìm thấy con bé ấy không?” Nó hỏi.

“Không bao giờ,” Fidelio nói. Nó hạ thấp giọng. “Người ta nói trước đây cũng đã từng xảy ra chuyện như vậy rồi. Chỉ tìm thấy áo chùng, nhưng không bao giờ thấy... ở... ở...”

“Xác?” Charlie gợi ý.

Fidelio gật đầu.

“Tự dừng biến mất thôi.”

Sau 15 phút chạy, một tiếng còi sấm rúc lên, vang vọng khắp sân, và bọn trẻ lú lú, lủ lượt quay trở vô tòa nhà.

“Tiết học lúc này của em là tệ lậu nhất đấy,” Fidelio bảo Charlie. “Không gì ngăn ngấm hơn thầy Paltry. Tiếp theo sẽ là tiết tiếng Anh, tội mình cùng học chung, nhưng trước tiên phải lấy áo chùng đã. Tội mình chỉ được cởi ra để chạy hay chơi trò chơi thôi.”

Khi Charlie vô phòng để áo khoác, áo chùng của nó đã biến mất. Trên mắc chỉ còn treo một cái áo rách te tua, với những vết xé lổm chổm ở một góc.

“Mặc vô đi, Charlie,” Fidelio khuyên. “Thế còn hơn không. Chắc có đứa nào lấy lộn áo của em rồi.”

Charlie không mặc cái áo rách tươm bươm đó.

“Không phải áo của em. Nhỡ đâu ai vô kiểm lại thì sao,” nó nói.

Fidelio có vẻ bồn chồn, thấp thỏm:

“Thôi nào, Charlie. Làm ơn mặc vô đi, không thì phiền phức lắm.”

Nhưng Charlie nhất định không mặc. Nó đã không biết phiền phức mà Fidelio nhắc tới là phiền phức gì. Nếu biết, chắc chắn nó đã làm theo lời bạn.

Giáo viên môn tiếng Anh, thầy Carp, là một người vạm vỡ, mặt đỏ gay. Ngay khi Charlie bước vô, không áo chùng, đôi mắt hí rị của thầy Carp liền gấn tịt vô nó. Cái thằng Charlie này, thầy muốn biết, nó đang nghĩ gì đây? “Trang phục thiết yếu” đâu rồi?

“Nếu thầy định nói tới áo chùng, thì thưa thầy, em không tìm thấy nó đâu cả,” Charlie nói một cách vô tư. Thầy Carp cầm một cây ba-toong. Thầy vụt đánh ‘đét’ xuống mặt bàn.

“Đi ra!” Thầy rít lên.

“Nhưng, thưa thầy,” Fidelio nói. “Đó không phải là lỗi của trò ấy.”

“Im, Gunn!” Thầy Carp quát. Thầy to con nhưng giọng nói lại hơi the thé.

“Trò,” thầy chỉ cây gậy vô Charlie. “Ra ngay!”

Không muốn gây ra thêm rắc rối nữa, Charlie vội vã rời khỏi phòng học, lẹ hết sức. Nhưng khi đã ra đến ngoài rồi, nó lại không biết phải đi đâu. Nó cứ đứng ngây như phỗng bên cạnh bức tường và nhìn trân trân xuống tiền sảnh dài, vô cánh cổng đôi cao lớn dẫn ra thế giới bên ngoài. Tiền sảnh đá lạnh toát, và ý nghĩ phải ngủ đêm tại Học viện Bloor càng lúc càng đáng ngán ngấm.

Ngay khi Charlie nghĩ tiết tiếng Anh có thể đã hết, và Fidelio có thể đến giúp nó tìm chiếc áo chùng bị mất, thì có người ló ra khỏi cánh cửa títt đằng kia hành lang. Đó là Asa Pike.

Thằng tóc đỏ nhếch cho Charlie một nụ cười ác hiểm và bước lại gần.

“Ồ ồ, phải Charlie Bone đây không,” Asa cười hềnh hếch. “Tao thấy mày đã phạm luật ngay ngày đầu tiên.”

“Phạm cái gì?” Charlie nói.

“Tao có kêu mày mở mồm không vậy?” Asa ngưng cười. “Áo chùng của mày đâu?”

“Tôi không biết.”

“Đi gặp huynh trưởng ngay.” Asa thộp tay sau gáy Charlie và đẩy nó dọc theo hành lang. Charlie thấy chúng đang tiến về phía cánh cửa đề: HUYNH TRƯỞNG.

Asa mở cửa và đẩy Charlie vô trong.

Có một đám con trai lớn hơn ở trong phòng, nằm ngời ngả ngón trên những ghế bành và ghế tựa. Vài đứa liếc mắt nhìn Charlie rồi lại đọc sách hoặc tán dóc tiếp.

Bên dưới một cửa sổ ở títt cuối phòng có một cái bàn dài, và đằng sau bàn là Manfred Bloor ngồi, khoác áo chùng tím. Đối diện Manfred, có hai chiếc ghế. Trên một trong hai chiếc ghế là con bé tóc tím đang ngồi, đu đưa bàn chân. Asa ấn Charlie ngồi vô chiếc ghế còn lại. Olivia nhe răng cười với nó.

“Không áo chùng,” Asa mách.

Charlie vội quay đi khỏi ánh mắt chăm chăm của Manfred. Nó không muốn bị thôi miên lần nữa.

Manfred khệnh khạng hỏi:

“Không ai nói cho mày biết nội quy sao, Charlie Bone?”

“Không,” Charlie nhìn sượng qua đầu Manfred.

“Người ta gửi nội quy học sinh trước khi nhập học mà. Mày không nhận được sao?”

“Không,” Charlie nhìn chong chong ra cửa sổ đằng sau Manfred. “Chắc là người ta cho bà nội em và bà quen đưa cho em.”

Xem ra rất có khả năng nội Bone đã chủ tâm giấu tờ nội quy đi, Charlie nghĩ, để gài cho nó rơi vô rắc rối.

Manfred mở một cái hộp đựng hồ sơ màu đỏ, rút ra một tờ giấy và đưa cho Charlie:

“Nội quy đây. Xem và học đi, Bone.”

Rồi, hướng sang Olivia, nó nói:

“Còn mày, Olivia Vertigo, coi bộ mày không thể học nổi nội quy. Anh sẽ phạt cấm túc cả hai đứa bay vào đêm thứ Sáu. Cha mẹ tụi bay sẽ được thông báo về vụ này. Họ sẽ đến đón tụi bay vào thứ Bảy.”

“Anh không được làm thế,” Charlie nhੌm dậy, phản đối. “Đây là tuần đầu tiên của em. Mẹ em sẽ...”

“Mẹ?” Manfred nó, vẻ khinh khỉnh.

“Mẹ?” Asa lặp lại. “Trong cái trường này chúng tao không nói tới mẹ.”

“Những bà mẹ không tồn tại ở đây!” Manfred thêm vô, giọng hắc ám.

10. Chương 10 Phần 1

Căn phòng của Vua Đỏ

Olivia và Charlie bị điệu ra cửa rồi bị tống ra ngoài hành lang.

“Sao bây giờ?” Charlie rầu rĩ hỏi.

“Đến phòng để áo khoác đi, ở đó nói chuyện được,” Olivia thì thầm.

Charlie đi theo Olivia xuống tiền sảnh, qua một cánh cửa bên dưới hình hai chiếc mặt nạ màu vàng, một mặt cười một mặt khóc. Phòng để áo khoác tím thú vị hơn phòng để áo khoác xanh da trời. Ở đây chứa đầy nhóc các loại trang phục lạ lùng: nón cắm lông, nón kị sĩ, nón chóp nhọn... Trên các bức tường treo đầy hoa và mặt nạ; sàn nhà la liệt những ủng với giày, đủ mọi kích cỡ và kiểu dáng. Olivia hất văng đôi giày tím đang mang ra, xỏ chân vào một đôi giày mềm, gót thấp, trông mộc mạc.

“Thấy cái này được không?” Nó hỏi Charlie. Charlie nhún vai.

“Đừng có làm mặt rầu rĩ vậy chứ. Chuyện đâu đến nỗi tệ lắm đâu. Tổ bị cấm túc hoài. Tổ đi thám hiểm. Tổ đã biết được bao nhiêu chuyện hay ho về chỗ này.”

“Nhưng rồi không kiểm lại được áo chùng thì sao? Mình sẽ lại bị cấm túc nữa.”

“Tổ nghĩ tổ biết kiểm nó ở đâu,” Olivia bảo Charlie. “Lúc giải lao tổ có vô phòng giữ áo khoác của đảng ấy để tìm ba lô của tổ... mà đảng ấy đã tử tế nhặt lại giùm đấy. Còn một người duy nhất ở đó là cái anh chàng mặt dài, tóc rũ rượi. Lúc tổ bước vô là nó chạy vọt ra, coi bộ lăm lăm lét bí mặt gì đó. Nó cầm một cái áo chùng xanh ngọc bích.”

“Bồ có biết tên người đó không?” Charlie hỏi.

“Gabriel gì-gì-đó,” Olivia trả lời. Nếu nó đã đổi áo của đảng ấy rồi thì tốt nhất là đảng ấy cứ mặc áo của nó đã, cho tới khi đảng ấy chứng minh được cái áo kia là của đảng ấy.”

“Cám ơn, Olivia!” Charlie bắt đầu cảm thấy lạc quan hơn. “Mình sẽ mặc áo vô ngay đây.”

“Hẹn gặp đảng ấy vào bữa tối,” Olivia chào khi Charlie phóng vù qua tiền sảnh, vô phòng để áo khoác xanh da trời.

Khi Fidelio ra khỏi lớp học tiếng Anh, nó thấy Charlie đang mặc chiếc áo chùng rách tới tả.

“Mừng là em đã hiểu ra,” Fidelio nói khẽ. “Theo anh tới căng tin xanh da trời nào.”

Charlie đi theo. Căng tin xanh da trời nằm ở chót cuối sau khi băng qua mấy cái hành lang dài, và Charlie cố nhớ đường đi bằng cách nghiên cứu những hình vẽ trên các bức tường. Quan trọng nhất là phải biết xem có thể tìm ra thức ăn ở đâu. Hầu hết các bức vẽ đều là chân dung của những người đàn ông, đàn bà nom nghiêm nghị. Cứ như họ vượt thời gian quay trở lại vậy, nhìn trang phục là biết ngay họ thuộc thế kỷ nào. Nó bắt đầu nhận ra những cái họ: Raven, Silk, Yewbeam, Pike, và Bloor. Charlie vốn không giỏi môn lịch sử, nhưng nó chắc chắn những chân dung này đang dẫn dắt nó trở lại cái thời mà người ta vẽ lên tường.

Cuối cùng, chúng đi vô một căn phòng rộng rinh, ảm thấp, bốc mùi bắp cải luộc. Trong khi xếp hàng lĩnh phần ăn của mình, Charlie kể cho Fidelio nghe về chuyến viếng thăm phòng để áo khoác xanh da trời của Olivia.

“Có một thằng trông lấm lét cầm một cái áo chùng,” Charlie nói. “Olivia nói tên nó là Gabriel gì gì đó.”

“Gabriel Silk,” Fidelio chỉnh. “Nó học dương cầm. Anh nghĩ thằng này có phép thuật. Nó chắc chắn là loại quái đâm.”

“Quái đâm?” Charlie hỏi.

Fidelio hất đầu về phía hàng học trò đã lĩnh phần ăn xong.

“Nó là cái thằng ở cuối hàng.”

Charlie thấy một thằng con trai cao nhòng, gương mặt dài, tóc tai rũ rượi, màu lông chuột. Tất cả mọi thứ ở nó đều có vẻ hờ hững và lóng ngóng, kể cả hai bàn tay.

“Trông nó hình như vui vẻ hơn thường ngày,” Fidelio nói. “Ừ! Nhưng giờ hết vui nổi rồi.”

Gabriel Silk vừa đánh rơi chồng sách mà nó cố kẹp dưới nách, giờ lại đang chặt vật giữ thăng bằng đĩa đồ ăn trong khi lượm lại mấy cuốn sách rơi.

“Em thắc mắc không biết có phải đó là áo chùng của em không,” Charlie nói. “Mẹ em thêu tên tất của em đằng sau áo. Mẹ em dùng chỉ xanh lá cây vì không tìm ra sợi chỉ trắng nào.”

“Tối nay tụi mình sẽ coi thử,” Fidelio nói. “Chắc chắn tới lúc đó nó mới cởi áo ra.”

Một cái đĩa đựng thứ gì nâu nâu và xanh lá cây được dúm vô tay Charlie, và nó đi theo Fidelio tới một cái bàn trống. Sau vài miếng, Charlie nhận ra Fidelio hình như đang thưởng thức món bắp cải trông phát ói và bỏ lại đồng màu nâu.

“Anh ăn chay,” Fidelio giải thích. “Họ không bao giờ cho mình xơi cái gì mà mình có thể xơi được. Anh hi vọng em thích món thịt băm của anh.”

“Vậy ra đó là thịt băm à? Em ăn được. Anh ăn phần bắp cải của em đi.”

Hai đứa đang đổi thịt băm với bắp cải, đúng lúc cô Chrystal - giáo viên đàn dây - đi ngang qua bàn chúng.

“Các trò biết như thế là không được phép mà,” cô nói kèm theo nụ cười.

Charlie có ấn tượng rằng cô Chrystal không phải là người nghiêm khắc. Mùi bắp cải đôi lúc bị mùi nước hoa thơm phức của cô đè bẹp.

“Xin lỗi, cô Chrystal,” Fidelio nói, cười ngoác đến mang tai. “Đây là Charlie Bone; trò ấy mới đến hôm nay.”

“Chào, Charlie,” cô Chrystal nói. “Nếu cô có thể giúp gì được cho em thì Fidelio sẽ biết kiếm cô ở đâu.”

Rồi cô lại hào phóng ban một nụ cười rạng rỡ cho Fidelio và đi khỏi. Thật dễ chịu khi biết ít nhất có một giáo viên thân thiện trong Học viện này.

Phần thời gian còn lại trong ngày trôi qua mà không có biến cố nào khó chịu. Charlie đi theo Fidelio từ phòng này tới phòng kia, ra căng tin dùng bữa trà, rồi lại ra sân chạy cuộc cuối trước khi trời tối. Nhưng khi đèn bắt đầu bật sáng tòa nhà xám, cao lớn, và bầu trời đêm phủ trùm các cửa sổ, nó mới thấy nhớ nhà. Và khi đi qua những hành lang trên đường đi ăn tối, nó hình dung ra căn bếp ấm cúng ở nhà số 9 và một đĩa mì Ý đặc biệt mà ngoại Maisie vẫn làm cho nó. Nó ngoái đầu nhìn cánh cổng đôi nặng nề, cao vợi ngăn cách với thế giới bên ngoài.

“Vậy không hay đâu, Charlie,” Fidelio thì thầm. “Họ sẽ không mở cửa cho đến thứ Sáu. Anh đã thử rồi.”

“Lúc mới đến anh có nhớ nhà không?” Charlie hỏi.

“Có. Nhưng không lâu. Thứ Sáu tới mau thôi mà.”

“Em sẽ không được về nhà vào thứ Sáu. Em bị cấm túc rồi,” Charlie nói ủ rũ. “Manfred phạt em.”

“Thật không tin nổi!” Fidelio rõ ràng bị sốc. “Mới ngày đầu tiên mà. Manfred chắc chắn cố ý gán tội cho em rồi.”

Nhưng khi nhìn vẻ mặt bi thương của Charlie, nó vội thêm:

“Sắp có sự ngạc nhiên cho em đây. Chúng ta sẽ gặp toàn trường. Và nhà ăn lớn là một nơi anh không biết làm sao diễn tả hết cho em được.”

Fidelio nói đúng. Chúng cùng nhau bước xuống những hành lang dội âm, đi về phía căng tin xanh da trời, sau đó đi thêm nữa. Giờ, chúng đang đổ dốc, từ từ, vào một cái hang khổng lồ dưới lòng đất, và Charlie thấy những đứa trẻ khoác áo chùng xanh lá cây và áo chùng màu tím nhập bọn với chúng. Cái đám con nít đông đúc đó quành vào một cầu thang rộng, rồi lại đi xuống, xuống một hành lang dài khác, cái này lại dẫn tới một sảnh đường rộng mênh mông.

“Chúng ta đang ở bên dưới thành phố,” Fidelio nói. “Đây là nơi cổ nhất của tòa nhà. Nơi mà người ta cho rằng các hậu duệ của Vua Đỏ đã giam giữ tù nhân của họ.”

Lại Vua Đỏ.

“Vua Đỏ là ai vậy?” Charlie hỏi.

Fidelio nhún vai.

“Ông xây tòa lâu đài bỏ hoang, anh chỉ biết có thế thôi. Anh nghĩ ông ấy thì OK, nhưng người ta nói có mấy đứa con của ông là một bọn thật sự hắc ám. Đi lên nào, không tội mình trễ bây giờ.”

Ở cả hai phía của ba chiếc bàn cực kì dài là những băng ghế đang lấp đầy dần những trẻ con là trẻ con. Áo chùng xanh da trời ngồi bên trái, áo chùng tím ở chính giữa và áo chùng xanh lá cây bên phải. Ở đầu mỗi bàn có một huynh trưởng đang múc xúp ra từ một cái liên thép to tướng. Những đứa trẻ khác đang phân phát từng khúc bánh mì.

Phía cuối sảnh đường, trên một cái bục cao, đội ngũ giáo viên của Học viện ngồi kín cái bàn thứ tư, Bàn Danh Dự, đó là Fidelio nói cho Charlie biết. Cuối cùng, lần đầu tiên, Charlie cũng đã thoáng thấy được giáo sư Bloor. Ông ta mặc áo chùng đen như những giáo viên dạy các môn học khác ngoài ba môn nghệ thuật, nhưng không thể lẫn ông ta vào đâu được. Ông ngồi ngay chính tâm chiếc Bàn Danh Dự và đưa mắt nhìn khắp đám con nít đang lú lo, lách chách. Đó là một người đàn ông lực lưỡng, uy quyền, tóc xám và thẳng, ria mép được tỉa khéo léo.

Dưới đôi lông mày chổi xể, đôi mắt đen nhỏ của giáo sư Bloor quét khắp ba chiếc bàn dài; và Charlie ngây người ra dòm theo ánh nhìn của người đàn ông to lớn, cuối cùng mắt họ giao nhau.

Giáo sư Bloor đứng lên. Ông bước khỏi cái bục cao và bắt đầu đi xuống lối đi giữa các dãy bàn xanh da trời và bàn tím. Ông tịnh không rời mắt khỏi Charlie.

“Sao vậy?” Fidelio hích khuỷu tay Charlie. “Em không thích súp à?”

Charlie không thể trả lời. Giáo sư Bloor đã đến chỗ nó.

“Charlie Bone!”

Đó chính là cái giọng nói nghe rộn cả xương từng thoát ra từ trang báo.

“Hân hạnh có trò ở đây.”

Charlie thều thào rằng nó vui mừng được học ở Bloor, nhưng nó gần như không nhận ra mình đang nói cái gì. Theo bản năng, nó ngó chăm chăm gương mặt to đang đổ bóng xuống, và nó sửng sốt, phát hiện ra rằng không những mình nghe được giọng nói từ những tấm hình, mà khi sợ hãi thì nó còn có thêm khả năng khác: nó đọc được nét mặt. Charlie thấy rằng nó đã biết, không cần hỏi ai là người đã bắt đứa con của tiến sĩ Tolly.

Ngoại Maisie luôn nói rằng gương mặt có thể nói cho ta biết rất nhiều điều về một con người. Gương mặt này bắt đầu nói cho Charlie biết nhiều hơn những gì nó muốn biết. Nó vội đóng chặt tâm trí mình lại trước gương mặt đó, một cách nhanh chóng và cương quyết.

“Có sao không vậy?” Fidelio hỏi Charlie. “Trông em như vừa nhìn thấy một con ma thể.”

Charlie nhìn cái lưng rộng của giáo sư Bloor đi xa dần. Ông ta dừng lại một lần nữa, và nói chuyện với một nữ sinh áo chùng xanh lá cây. Con bé có mái tóc vàng nhạt nhạt, và khi ngược lên, nó cau mày. Charlie nhận thấy đôi mắt to màu xanh da trời của con bé có vẻ hoảng hốt và sợ sệt.

“Charlie!” Fidelio huých nó. “Cái gì thế?”

“Nhỏ kia là ai vậy?” Charlie hỏi. “Nhỏ đang nói chuyện với giáo sư Bloor ấy.”

“Emilia Moon,” Fidelio nói. “Nó học hội họa. Môn ấy nó khá đấy. Trứng với khoai tây chiên ra rồi kìa, tốt nhất em ăn cho hết xúp đi, không thì sẽ không được nhận thêm gì đâu. Luật lệ đấy.”

Charlie lừa vội nuốt xúp cuối cùng vô miệng, ngay khi một đĩa trứng và khoai tây chiên được chuyển tới chỗ nó. Nó chuyển cái tô trống không theo hàng về tận cuối bàn, nơi Billy Raven đang xếp thành từng chồng.

Emilia không đụng tới món xúp. Con bé nhăn nhó với tô xúp như thể không hiểu tại sao từ đâu lại chui ra cái món xúp này. Charlie cảm thấy mình nên báo cho Emilia biết là đã có món trứng và khoai tây chiên, nhưng con bé ở quá xa.

“Tụi mình có bánh pút đình tráng miệng không?” Nó hỏi Fidelio một cách hi vọng.

“Em giỡn chắc. May lắm thì có được một trái táo,” Fidelio nói. “Hoặc một trái lê.”

Và chúng đã may mắn. Một trái lê trôi tới trước mặt Charlie, ngay sau món trứng và khoai tây chiên.

Khi bữa tối chấm dứt và những chiếc đĩa cuối cùng đã được xếp ngay ngắn, giáo sư Bloor tiến lên cái bục cao và vỗ vỗ tay. Im lặng bao trùm tức khắc.

“Tôi có một thông báo,” giáo sư nói nghiêm trang. “Một cậu trai mới tới để nhập vô hàng ngũ những người được ban phép thuật. Charlie Bone, đứng lên.”

Nóng ra cả người, Charlie đứng dậy. Hơn ba trăm cặp mắt quay về phía nó, đầu gối bắt đầu va lập cập vô nhau.

“Charlie!”

Giáo sư đọc to tên nó mà nghe như thể cái tên ấy là một sai lầm ghê gớm.

“Sau bữa tối chúng ta có hai giờ bài tập về nhà. Những đứa trẻ có phép thuật sẽ học trong phòng Nhà Vua.”

Ông dừng lại vài giây, nhìn quanh đám trẻ im thín thít và bất động. Và rồi, bằng giọng ầm ầm như sấm khiến Charlie giật thót lên, ông ra lệnh:

“Giải tán!”

“Phòng Nhà Vua ở đâu?” Charlie rồi rít hỏi, khi Fidelio đứng lên khỏi băng ghế.

“Đi theo Gabriel ấy,” Fidelio khuyên. “Hoặc Billy Raven cũng được... bám theo nó thì dễ hơn. Anh phải đi đây, Charlie. Ba phút nữa tụi anh phải có mặt trong lớp rồi. Gặp lại tối nay!”

11. Chương 10 Phần 2

Fidelio lướt đi, hòa vô dòng áo chùng đủ màu sắc đang dồn ứ về phía cuối nhà ăn tối. Charlie nháu nhàu tìm cái đầu trắng của Billy Raven. Nhưng thằng bé bạch tạng bé xíu này bị chìm lỉm trong khối trẻ con chen lấn xô đẩy nhau. Cuối cùng Charlie cũng phát hiện ra thằng bé. Nó đang thành thạo rẽ đường luôn lách giữa mấy bọn khác, phải mất một hồi Charlie mới đuổi kịp nó.

“Chào em!” Charlie nói, túm được vạt áo chùng của Billy. “Cho anh đi cùng với nhé? Anh không biết phòng Nhà Vua ở đâu.”

“Ít người biết lắm,” Billy nói, cười toét. “Muốn nhớ được đường tới đó cũng phải mất một lúc kìa. Nhưng em sẽ là hướng dẫn viên cho anh, miễn là anh muốn vậy.”

Charlie chưa kịp lắm thắm một lời cảm ơn thì Billy đã ào đi. Trước tiên tới dây ngăn tủ để lấy tập và viết, sau đó trở lại tiền sảnh, xuống một lối đi, quẹo một khúc quanh, và leo lên một cầu thang. Cuối cùng chúng tới cánh cửa đôi cao vợi, sơn đen. Billy đẩy một cánh cửa ra và chúng bước vô một căn phòng lạ lùng, hình tròn. Có mười đứa trẻ đang ngồi quây quanh một chiếc bàn tròn.

Manfred và Asa cũng có mặt ở đó. GABRIEL Silk ngồi giữa Emilia Moon và một nữ sinh tóc quăn, béo tròn, trông bình thường đến nỗi không thể tin được con bé này lại là một trong những đứa có phép thuật. Một nữ sinh vai u thịt bắp, tương phản với nữ sinh mảnh khảnh, nhỏ nhắn ngồi kế bên. Bên cạnh chúng, một nữ sinh da đen, mũi dài và nhọn hoắt, đang khinh miệt nhìn Charlie, và Charlie thấy lòng mình chùng xuống. Nó sẽ phải trải qua bao nhiêu thời gian với một bọn trông kém thân thiện thế này? Nó ước gì Fidelio và Olivia có mặt trong nhóm này.

Có hai cậu bé ngồi quay lưng ra cửa, và một đứa ngoái lại nhìn khi Charlie bước vô. Nó mang những nét như chạm trổ của người Châu Phi, và nở một nụ cười ấm áp nhất mà đã lâu lắm rồi Charlie chưa được thấy.

“Đây là Charlie!” Billy Raven nói.

“Chào, Charlie, anh là Lysander,” cậu bé da đen nói với nụ cười nồng hậu.

Vài đứa trong đám con gái cũng tự giới thiệu. Dorcas phục phịch và vui tươi, Beth bự con, Bindi nhỏ bé, và Zelda có mũi dài. Emilia Moon thậm chí không ngẩng đầu lên.

Về nhẹ nhõm của Charlie vì gặp được vài gương mặt thân thiện không kéo dài được lâu.

“Ngồi xuống, Charlie Bone. Và im lặng!”

Manfred hất hàm về phía một cái ghế trống, đối diện với Emilia Moon. Billy ngồi xuống bên cạnh Lysander.

Trong lúc lóng ngóng với đồng sách vở và tự hỏi không biết phải bắt đầu từ đâu, Charlie cảm giác đôi mắt đen như than của Manfred đang dán chặt vô nó. Nó muốn quan sát kỹ căn phòng nhưng không dám ngẩng đầu lên, cho đến khi nó chắc chắn ánh mắt nhìn đáng sợ của Manfred đã trở về với quyển sách của hắn. Cuối cùng, khi Charlie liếc nhanh được một vòng xung quanh, nó thấy một người nữa đang nhìn nó, đó là người duy nhất trong phòng mà nãy giờ nó không thấy mặt.

Đứa con trai này lớn hơn Charlie, có lẽ mười hai hay mười ba. Mắt nó tròn, trông thất thần, tóc vàng dựng đứng, tua tủa như có dòng điện chạy qua.

Charlie cau mày, hi vọng cậu kia sẽ nhìn đi chỗ khác, nhưng không ăn thua. Xem ra phản ứng dữ dội đó của Charlie lại thêm kích thích đối phương. Cuối cùng, chính Charlie là kẻ quay đi chỗ khác.

Thay vì bắt đầu làm bài tập, mắt nó lại phóng về phía bức tường đằng sau thằng bé tóc vàng. Và kìa, ở đó, chính là Vua Đỏ. Ông đang nhìn chăm chăm ra từ một bức tranh đóng khung vàng, chắc chắn là rất xưa rồi. Bức tranh đã nứt nẻ, và mở đến nỗi những đường nét trên gương mặt dài, sạm màu của ông lơ mờ, ẩn hiện, ngoại trừ đôi mắt đen và cuốn hút. Áo chùng ông mặc bằng nhung đỏ quý, và vương miện mỏng trên mái tóc đen của ông nháng lên một tia sáng vàng, bí ẩn.

“Charlie Bone!” Giọng nói của Manfred làm Charlie giật nảy mình. “Sao không làm bài?”

“Em đang nhìn Vua Đỏ,” Charlie nói, tránh ánh mắt của Manfred. “Phải đó là Vua Đỏ không?”

“Phải! Trở lại bài ngay!”

Manfred lại dán tịt mắt vô Charlie, cho đến khi Charlie mở sách Ngữ văn ra.

Suốt hai tiếng đồng hồ sau đó, không một ai nói gì. Có những tiếng thở dài, tiếng húng hắng hòng, khụt khịt mũi, tiếng hắt xì quanh Charlie, nhưng tuyệt không có tiếng nói nào. Trong một góc tối, chiếc đồng hồ treo tường tíc tắc, cứ mỗi một khắc lại ngân lên tiếng. Tiếng lật giấy, tiếng bút rột rẹt, và Charlie đang có nguy cơ ngủ gật.

Cuối cùng đồng hồ điểm tám tiếng và Manfred đứng lên.

“Tụi bay đi được rồi!” Hấn nói và bước ra khỏi phòng, với Asa lúp cúp theo sau.

Charlie thu dọn tập vở và ra khỏi lớp với Billy Raven.

“Cái anh tóc vàng là ai vậy?” Nó thăm thì.

Cậu tóc vàng mà nó hỏi tới cũng vừa rời phòng, tấm áo chùng xanh lá cây bay phấp phới quanh người, như thể đang bị một cơn gió bí hiểm thổi vô.

“Ồ, đó là Tancred,” Billy đáp. “Anh ấy có thể làm ra bão. Đi thôi. Em sẽ chỉ cho anh phòng ngủ chung.”

Cuộc hành trình này dẫn chúng qua rất nhiều cầu thang, và qua rất nhiều hành lang, Charlie bắt đầu thắc mắc liệu có bao giờ nó tự tìm được đường mà đi ăn sáng hay không. Cuối cùng chúng tới một căn phòng dài lạnh lẽo, tối tăm; sàn nhà trống trơn, chỉ có đúng một ngọn đèn lù mù.

Có sáu cái giường, đặt cạnh nhau sát rít thật bất tiện, dọc theo hai bên tường của căn phòng dài. Những chiếc giường hẹp, và một tủ ngăn kéo nhỏ dựa vô tường. Charlie thở phào khi thấy Fidelio ngồi trên một cái giường ở cuối phòng.

“Lại đây, Charlie!” Fidelio gọi toáng lên. “Em nằm kế anh.” Nó chỉ một cái giường.

Charlie đi tới, đặt phịch cái túi xuống ghế.

“Áo chùng treo trên mắc bên cạnh, đồ đạc còn lại cất trong ngăn kéo.” Fidelio hạ thấp giọng. “Nhìn xem ai ở phía bên kia giường của em kìa. Em có thể kiểm tra áo chùng của nó.”

Charlie thấy Gabriel Silk đang tổng đồ đạc vô cái tủ ngăn kéo bên cạnh giường. Tuy nhiên, Gabriel không cởi áo chùng ra, ngay cả khi vô phòng tắm.

“Rất đáng ngờ,” Fidelio nói. “Em có đèn pin không?”

Charlie đã không hề nghĩ đến đèn pin khi đóng gói đồ đạc.

“Đèn pin là vật dụng thiết yếu,” Fidelio bảo nó. “Em có thể đọc sách khi tắt điện và soi đường đi loanh quanh. Ban đêm ở đây tối đến mức em khỏi nhìn thấy gì luôn.”

Nó lôi một cây đèn pin màu xanh da trời ra khỏi ngăn kéo và đưa cho Charlie:

“Em sẽ cần nó để xem cái áo chùng. Cất dưới gối đi.”

Charlie là đứa cuối cùng trong phòng lên giường đi ngủ. Nó phải mất thời gian dỡ đồ đạc ra, lục tìm tất cả những thứ cần thiết cho ban đêm. Nó lại mắc cỡ vì mấy con gấu Teddy in trên bộ đồ ngủ, nhưng khi thấy có đứa mặc đồ có hình đàn sóc, thì nó nghĩ gấu cũng không đến nỗi nào.

Nó vừa nhảy lên giường thì đèn phụt tắt.

“Im lặng!” Một giọng nữ ồm ồm vang lên. Rồi một bàn tay thò ra đóng cửa lại, phòng ngủ chung chìm trong bóng tối.

Có cái gì đó quen quen trong giọng nói kia, nhưng Charlie không tài nào nhớ ra.

“Đó là ai vậy?” Nó thì thào hỏi Fidelio.

“Giám thị,” Fidelio nói, “phụ nữ gì mà như con rồng.”

Trong phòng đầy những tiếng khịt khịt mũi, tiếng trở mình sột soạt, khi bọn con trai cố tìm cho mình một thế nằm thoải mái trên cái giường nhỏ hẹp, cứng queo. Charlie chờ cho đến khi những tiếng ồn dứt hẳn. Ở giường bên, Gabriel Silk đang thở sâu. Có vẻ nó đã ngủ rồi.

Charlie móc cây đèn pin ra và thò chân xuống sàn nhà. Khi đã chắc bóng đèn pin chìa vô tường rồi, nó bật lên. Tấm áo chùng xanh da trời ở ngay trước mặt nó. Nó nhấc áo ra khỏi móc áo của Gabriel và nhìn những chữ viết tắt bên trong cổ áo.

“Áo mình đây mà,” Charlie thì thầm.

Fidelio đang ngồi nhõng trên giường.

“Lấy đi,” nó thì thào. “Lẹ lên.”

Charlie lấy cái áo chùng rách rưới của Gabriel và định treo lên mắc, thế vô chỗ áo chùng của nó, chợt một tiếng thét hãi hùng vang lên.

“Đừng!” Gabriel thét lạc cả giọng, nhảy lên và cầu xé như điên cái áo chùng, “Đừng làm thế. Làm ơn! Làm ơn lấy đi giùm đi!”

Nó quăng áo chùng rách qua góc giường của Charlie.

Charlie đặt cây đèn pin xuống gối. Cây đèn tỏa một quầng sáng dịu quanh giường.

“Áo chùng đó là của anh mà,” nó nói. “Em không muốn lấy cái áo đó.”

“Cậu không hiểu. Tôi không mặc nó được. Không mặc được. Cái áo đó toàn... kinh dị. Tôi sợ cái áo đó muốn chết luôn.” Gabriel nằm bẹp xuống giường và úp mặt vô hai bàn tay.

“Cậu đang nói về cái gì thế, Gabriel Silk?” Fidelio hỏi với giọng trầm trầm. “Tại sao Charlie phải đưa cho cậu cái áo của nó?”

“Bởi vì tôi không mặc được cái áo kia,” Gabriel hất đầu về phía cái áo chùng cũ. “Người mặc nó trước tôi đã gặp một chuyện gì đó rất hãi hùng. Tôi cảm giác được chuyện đó, cậu hiểu không? Giống như mặc một cơn ác mộng vậy.”

Charlie bắt đầu hiểu ra.

“Đó là phép thuật của anh hả, Gabriel? Anh ‘cảm giác’ được chuyện gì đã xảy ra à?”

Gabriel gật đầu:

“Tôi cảm nhận được từ những thứ người ta mặc trên người. Thật kinh khủng. Nếu không có quần áo mới, mà cứ phải mặc đồ cũ, thì tôi sẽ phải cảm thấy tất cả những cảm giác không phải của mình. Những chuyện lo âu của người khác chẳng hạn. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy hạnh phúc, nhưng ngay cả như vậy cũng không hay ho gì, vì đó là niềm hạnh phúc không thật, mà lại không kéo dài. Vào đầu học kì, tôi có một cái áo chùng mới, nhưng lũ chuột kiếng của tôi đã cắn rách nó và mẹ phải kiếm cho tôi một cái khác.”

Charlie không ngăn nổi tò mò:

“Anh có bao nhiêu con chuột kiếng?” Nó hỏi.

“Năm mươi ba,” Gabriel nói với vẻ đau khổ. “Chúng ăn gần hết cái áo. Tụi tôi không có nhiều tiền, cho nên mẹ tôi hỏi Học viện xem họ có thể cho tôi một cái áo chùng đã dùng rồi không. Và họ đưa cho tôi cái kia.”

Đến lúc này toàn bộ phòng ngủ chung đã thức giấc. Một trong những cậu bé ở giường cuối nói:

“Tao dám cá cái áo đó là của đứa con gái bị mất tích trong khu bỏ hoang. Chắc lúc đó nó đã sợ hãi kinh khủng.”

“Mình nghĩ chúng ta nên im lặng, nếu không bà giám thị sẽ vô, và tất cả chúng ta sẽ bị cấm túc,” một giọng nói cảnh báo.

Charlie không biết phải làm gì. Làm sao nó có thể để Gabriel mặc cơn ác mộng của ai đó được?

“Tôi sẽ làm cho cậu tất cả mọi thứ, bất cứ việc gì,” Gabriel thì thào. “Nhưng làm ơn đừng bắt tôi mặc cái áo đó.”

Charlie lấy áo chùng mới của nó xuống và đưa cho Gabriel.

“Cám ơn! Cám ơn, Charlie!” Gabriel vồ lấy cái áo với lòng biết ơn.

“Có một việc anh có thể làm cho em,” Charlie nói khẽ.

Nó mở ngăn kéo của mình và lấy ra chiếc cà vạt mẹ nó đã đưa cho nó.

“Anh có thể nói cho em biết bất cứ điều gì về người đã đeo cái này không?” Nó đưa chiếc cà vạt cho Gabriel.

Gabriel chẳng nói chẳng rằng, quần chiếc cà vạt vô cổ và nhắm mắt lại. Nó rê những ngón tay dọc theo chiều dài của dải lụa xanh da trời, chạm vô chữ ‘Y’ vàng nhỏ ở đầu chiếc cà vạt. Một khoảng tối phủ bóng trên gương mặt dài của Gabriel.

“Lạ thật,” nó lẩm bẩm. “Dù người đeo chiếc cà vạt này có là ai chẳng nữa thì người đó cũng đã có thời hạnh phúc. Nhưng hiện ông ấy đang mất tích.”

Nó tháo chiếc cà vạt ra khỏi cổ và lấy ngón tay vuốt vuốt:

“Tôi chưa bao giờ cảm thấy bất kì cái gì như thế này. Như thể người này đang không biết mình là ai nữa.”

Rồi trả lại chiếc cà vạt cho Charlie.

Ít nhất thì ba nó đã từng hạnh phúc. Charlie đinh ninh rằng “mất tích” có nghĩa là “chết”. Nó cắt chiếc cà vạt vô ngần kéo. Vẫn chẳng biết được gì nhiều hơn về ba nó.

Nó định tắt đèn pin đi ngủ, thì một hình hài nhỏ thó hiện ra dưới chân giường của Gabriel. Mái tóc trắng hiện lờ mờ trong bóng tối.

“Anh có thể nói cho em biết về người này không?” Billy thì thào. Nó đặt một chiếc khăn quàng xanh da trời dài lên cái mền của Gabriel.

Gabriel thở dài nhưng không phản đối. Nó quàng chiếc khăn vô cổ, và một lần nữa, nhắm mắt lại.

“Ừm, người này lúc nào cũng hỏi hử,” nó nói. “Ở đây, ở đó, ở khắp nơi. Ông ấy phải luôn hỏi hử, không ngừng lại được.”

Nó dừng lại.

“Và giờ thì, tôi nghĩ là, ông ấy chết rồi.” Nó tháo chiếc khăn ra.

“Không còn gì khác sao?” Billy Raven nài nỉ. “Ông ấy không nói gì hết sao?”

“Xin lỗi, chuyện đó tôi không làm được,” Gabriel nói, vẻ lấy làm đáng tiếc. “Tôi không nghe được giọng nói. Và khi người ta chết thì những thông điệp sẽ yếu hơn rất nhiều.”

“Ra vậy. Cám ơn anh,” Billy rón rén bước đi, giọng nó buồn bã vọng trong bóng đêm.

Charlie tắt đèn pin, chồm sang nhét dưới gối Fidelio. Fidelio đã ngủ say. Tiếng thở nhè nhẹ của Fidelio khiến Charlie buồn ngủ, nhưng sau đó, bất chợt, nó tỉnh như sáo. Lúc này Gabriel nói cái gì đó mà nó chưa hiểu.

“Anh Gabriel,” Charlie gọi thầm. “Ba em đã đeo chiếc cà vạt đó đó. Ba em mất hồi em hai tuổi. Sao anh lại nói ông bị mất tích?”

“Bởi vì ông ấy đang mất tích,” Gabriel nói, giọng buồn ngủ.

“Ý anh là ba em chết hử?”

“Không, ý tôi là mất tích. Không phải là chết.”

Charlie nhìn chăm chăm vô bóng tối. Nó lắng nghe những tiếng thở nhè nhẹ đang tràn ngập không gian không nhìn thấy được bao quanh mình, biết rằng trong mấy giờ tới, nó sẽ nằm đó, chỉ có lắng nghe thôi.

“Không chết sao?” Nó thì thầm. “Gabriel, anh chắc chứ?”

“Chắc chắn,” Gabriel vừa nói vừa ngáp. “Chúc ngủ ngon, Charlie!”

12. Chương 11

Bí mật trong tủ tường

Charlie thức dậy, cổ họng khô khốc, mắt cay xè. Nó chỉ ngủ được có một tiếng. Nó miễn cưỡng mặc vào chiếc áo chùng rách nát thâm thẫm của Gabriel. Xét cho cùng thì cái áo đó cũng không gây ác mộng gì cho nó.

Gabriel và Fidelio chờ trong lúc Charlie đánh vật với mái tóc như hàng rào của nó, nhưng sau năm phút cả hai đều nhất trí rằng việc chải đầu của Charlie chẳng có mấy tác dụng.

“Nếu không đi sớm thì sẽ chỉ còn mấy rẻo thịt xông khói cháy thôi đấy,” Fidelio cảnh báo.

Charlie đói cồn cào. Nó vút toẹt cái lược xuống và tắt tả đi ăn sáng cùng bọn bạn. Nó vui mừng vì có một lũ đồng hành, bởi vì xem ra nó sẽ chẳng bao giờ mò ra được đường xuống dưới tầng trệt nếu không có chúng.

Gabriel vô cùng hạnh phúc được mặc áo chùng của Charlie, trông nó như một người khác hẳn. Nói đúng ra, nó cười suốt, chân bước thoăn thoắt. Giờ thì nó đã vứt bỏ được những cảm giác hãi hùng, chết khiếp kia.

Bữa điểm tâm gồm bột yến mạch, thịt xông khói bị cháy và một ca trà.

“Ngày nào tụi mình cũng ăn uống thế này à?” Charlie hỏi, cố nuốt một bụm yến mạch.

“Ngày nào cũng vậy,” Fidelio xác nhận.

Charlie cố không nghĩ đến những bữa điểm tâm dồi dào của ngoại Maisie.

Ngày thứ hai của nó ở Học viện không đến nỗi tệ như ngày đầu tiên. Với sự giúp đỡ của Fidelio, và đôi khi của Gabriel, Charlie đã có thể tìm ra tất cả các phòng học. Vào ngày thứ ba, thậm chí nó còn một mình mò được đường ra vườn.

Thứ Sáu đã tới. Là cái ngày Charlie sợ chết khiếp. Khi các tiết học chấm dứt, nó ngồi trên giường và nhìn Fidelio thu dọn đồ đạc.

“Sẽ có chuyện gì đây, khi mọi người đã về nhà cả?” Charlie hỏi.

“Coi như em bị bỏ lại một mình,” Fidelio đáp. “Không việc gì phải lo cả. Dĩ nhiên, với thằng Manfred thì cũng phải lo một chút, nhưng không phải chỉ có mình em. Nên nhớ là Olivia cũng bị cấm túc, còn Billy Raven thì không bao giờ về nhà, vì nó không có nhà. Anh sẽ tới gặp Benjamin để lấy cái thùng mà em nhờ anh giấu. Sau đó vào lúc... để coi nào... 11 giờ rưỡi thứ Bảy, anh sẽ tới và vấy tay làm ám hiệu cho em. Nếu tụi này xoay sở xong vụ chuyển cái thùng, anh sẽ giơ hai ngón cái lên.”

Charlie đã có lúc muốn nói với Fidelio về đứa bé, nhưng bây giờ thì không phải lúc.

“Em sẽ gặp anh bằng cách nào?” nó rầu rĩ hỏi.

“Cứ đến tháp nhạc. Olivia sẽ chỉ cho em. Anh sẽ vấy tay lên ô cửa sổ nhìn ra đường trên tầng hai, lúc đó em chỉ còn bốn tiếng nữa là được ra ngoài rồi.”

Charlie thở dài.

“Tươi tỉnh lên nào!” Fidelio vỗ vai Charlie rồi cầm túi xách lên.

Charlie theo Fidelio xuống lầu và nhìn bạn vung vẩy túi xách đi về phía hai cánh cửa cao bằng gỗ sồi. Cổng bây giờ đang để mở, và bọn trẻ ủa ra, hăm hở đón một kì nghỉ cuối tuần tự do.

Fidelio quay lại và vẫy chào thật nhanh. Nó gần như là đứa cuối cùng rời trường. Chợt một ham muốn mãnh liệt thôi thúc Charlie liềm phóng ra ngoài trước khi cánh cửa đóng lại. Nó tiến lên vài bước, liếc quanh thật lẹ, và tăng tốc.

“Thôi đi, Bone!”

Charlie quay ngoắt lại. Manfred Bloor đang đứng trong một hốc tối ở quãng giữa hành lang.

“Mày tưởng không ai trông thấy mày chắc?”

“Em không tưởng gì hết,” Charlie đáp.

“Dem bài tập của mày vào phòng Nhà Vua và ở đó làm cho đến khi nghe chuông báo bữa tối.”

Trong lúc Manfred nói, hai cánh cửa đồ sộ đóng lại, và giọng nói của nó dội ông ổng trong cái sảnh trống trơn.

“OK,” Charlie lầu bầu.

“Phải nói là ‘Thưa vâng, anh Manfred’ chứ, không có cái kiểu ‘OK’ như vậy.”

“Vâng, anh Manfred.”

Charlie tìm thấy Olivia và Billy đang tán gẫu trong thư viện.

“Tụi mình không cần phải im lặng khi không có Manfred ở đây,” Billy vui vẻ nói.

Charlie tự hỏi làm sao Billy có thể sống sót nổi - bị giam hãm trong Học viện Bloor hết tuần này đến tuần kia, một thân một mình trong phòng ngủ chung tối tăm khi ai nấy đã về nhà hết.

“Em có bao giờ ra khỏi đây chưa?” nó hỏi Billy.

“Em có một bà dì sống bên bờ biển, cho nên kì nghỉ em hay về đó,” Billy nói. “Em không cô đơn vì có...” nó ngập ngừng, gần như khều khào trong cổ họng, “... luôn có những con vật.”

“Con gì hả?” Olivia hỏi. “Tớ chẳng thấy có con vật nào cả.”

“Bà bếp trưởng có một con chó,” Billy nói. “Nó già lắm rồi nhưng rất dễ chịu, ngoài ra còn có... chuột... và những con khác nữa.”

“Nhưng không thể nói chuyện với một con chuột được,” Charlie nói.

Billy im lặng. Nó cúi gằm xuống quyển sách và bắt đầu đọc. Hai tròng kính khiến cho mắt nó trông như hai bóng đèn đỏ, to thô lỗ.

Đột nhiên, nó thì thào, “Thực ra em nói được.”

“Nói được gì cơ?” Olivia hỏi.

Billy hắng giọng. “Nói được với chuột.”

“Thật không?” Olivia gấp sách lại. “Hay quá! Đó là món của đẳng ấy đó hả? À, ý là phép thuật của đẳng ấy đó hả?”

Billy gật đầu.

“Tức là em có thể hiểu được chúng?” Charlie hỏi.

Chậm rãi và nghiêm nghị, Billy lại gật đầu.

Charlie huyết gió khe khẽ. Bấy lâu nay Benjamin vẫn hay nói rằng nó ao ước có ngày nghe được con Hạt Đậu nói gì.

“Em có thể tới nói chuyện với con chó của bạn anh được không?” Charlie ướm hỏi Billy.

Billy không đáp, chỉ dăm dăm nhìn Charlie, mặt thộn ra.

“Có lẽ đề nghị này ngớ ngẩn thật,” Charlie nói. “Xin lỗi, lẽ ra anh không nên hỏi.”

“Anh chị làm ơn đừng nói với ai nhé. Không phải con vật nào em cũng nói chuyện được. Động vật có rất nhiều ngôn ngữ. Lắng nghe bọn chúng một lần.”

Charlie và Olivia thề thốt rằng tụi nó sẽ không hé răng với ai về chuyện này. Bọn chúng lại quay về với đồng sách vở, nhưng một lúc sau, Charlie nhận ra là Billy không làm bài tập hay đọc sách gì cả, chỉ chăm chăm nhìn vào khoảng không.

“Em có thể nói với anh chị điều này được không?”

Cả Charlie lẫn Olivia đồng loạt nói, “Được chứ.”

“Chuyện này xảy ra cách đây một tuần. Em đang trên đường ra vườn sau bữa trà thì nghe tiếng Manfred đang nói chuyện với ai đó. Em không biết đó là ai, nhưng em nghe có tiếng con gái khóc trong phòng huynh trưởng.”

“Không phải tớ đâu đấy,” Olivia nói ngay.

“Đúng là không phải chị,” Billy thừa nhận. “Nhưng mà là con gái, như em nói rồi đấy, và người ấy đang khóc, thế nên em mới biết rằng có người đang gặp rắc rối to. Em liền đi chậm lại để nghe ngóng, nhưng Manfred thành linh phóng ra, tổng cho em một quả lộn nhào. Anh ta chửi em là đồ đui mù, ngu xuẩn và đủ thứ kinh khủng khác nữa, cho nên em phải tức tốc ra vườn ngay.”

“Rồi đằng ấy có bị làm sao không?” Olivia hỏi dồn.

“Chân em bị đau,” Billy nói. “Vì vậy, em phải đi chậm. Đang khập khiễng đi xuống hành lang thì em nghe có tiếng mèo. Có ba con cả thấy. Bọn nó nói với em, ‘Mở cửa cho chúng tôi vô. Nhanh lên, Billy. Tới cánh cửa trong tòa tháp ấy.’”

“Tháp nào?” Charlie hỏi. “Có hai cái tháp.”

“Em đoán đó là cái tháp nhạc. Vì tháp kia không có cửa. Em sợ bị Manfred trông thấy, nhưng em không thể làm lơ tiếng nói của lũ mèo. Em vừa lết vừa chạy cho đến khi tới được ngọn tháp. Em băng qua căn phòng trống ở tầng trệt, và khi tới cửa em chỉ việc mở chốt ra cho lũ mèo vô.”

Charlie biết Billy sẽ nói gì tiếp, nhưng nó không cất ngang.

“Đó là mấy con mèo rất kì lạ.” Đôi đồng tử màu hồng ngọc của Billy vốn đã to giờ còn giãn nở to hơn. “Trông chúng nó giống như những ngọn lửa, đỏ, cam và vàng. Chúng cảm ơn em, rất lịch sự, rồi bảo với em rằng Vua Đỏ phái chúng tới.”

“Nhưng ông ấy đã chết từ hàng trăm năm rồi mà,” Olivia ngạc nhiên.

“Em cũng hỏi lũ mèo về điều đó, nhưng chúng nó chỉ nhìn em rất tức cười, xong nói ‘Tất nhiên’, rồi chạy thẳng về phía cầu thang. Ngay trước khi biến mất, con mèo đỏ nói ‘Để cửa đó, Billy!’, và em làm theo. Em vọt ra vườn thiệt nhanh, nhưng em chỉ ở đó được một vài phút thì có chuông báo cháy. Phòng của Manfred bị cháy, và Manfred đang ở trong đó.”

“Thì ra là lũ mèo,” Charlie thở gấp gáp.

“Chắc là chúng đã hất đổ một cây nến,” Olivia nói. “Thằng Manfred luôn luôn thấp nến ở trong phòng. Đứng bên ngoài có thể nhìn thấy ánh nến dập dờn trong phòng nó.”

“Họ có tìm ra ai đã cho lũ mèo vô không?” Charlie hỏi.

“Họ nghĩ đó là thầy Pilgrim,” Billy nói, “vì thầy luôn ở trong tháp nhạc.”

“Vậy là ông ấy bị khiển trách rồi!” Olivia nói.

“Giáo viên không bị khiển trách đâu,” Billy lẩm bẩm. “Phải không?”

Chưa ai kịp trả lời nó, thì từ ngoài cửa vọng lên một tiếng quát, “Im lặng trong phòng Nhà Vua.”

Olivia đeo một bộ mặt cộc cằn hướng về phía cánh cửa. Charlie cố nín cười. Billy cau mày lo lắng và quay lại với đồng bài tập về nhà của mình.

Cuối cùng, khi chuông báo bữa tối reng lên, bụng Charlie sôi ùng ục. Dường như mấy ngày nay nó luôn luôn cảm thấy đói.

Chúng cùng xuống sảnh đường ăn tối, nhưng ngay trước khi cả bọn bước vô, Olivia cảnh báo Charlie rằng chúng sẽ phải ngồi ăn chung bàn với Manfred. Tim Charlie chột thất lại. Nãy giờ nó mong ngóng cho tới giờ ăn tối, nhưng làm sao có thể tận hưởng bữa tối khi luôn phải cố tránh cái nhìn gườm gườm của Manfred?

“Nó đã khi nào... thôi miên bồ chưa?” Charlie hỏi Olivia.

“Chưa. Nó không quan tâm tới tớ. Ý tớ là tớ chẳng có phép thuật gì hết, cho nên chẳng có gì đe dọa nó cả. Tớ chỉ làm nó cáu thôi.”

“Nó không thôi miên được em,” Billy nói một cách nghiêm trang với hai đứa kia. “Tại mắt em. Nó không thể nào vượt qua được.” Billy cười đầy mãn nguyện.

Sảnh đường ăn tối rộng mênh mông và dội âm. Những bước chân của bọn trẻ nện vang vào sự tĩnh lặng bí hiểm, khi chúng đi ngang qua những băng ghế trống trơn để tới chiếc bàn có Manfred đang ngồi, trông trông nhìn vào một cây nến. Có hai chỗ bên phải và một chỗ bên trái hẳn đã được sắp sẵn. Charlie chui ngay vào ghế bên phải, cách xa Manfred nhất.

Hầu hết giáo viên đã về nhà, nhưng giáo sư Bloor, và cả giáo sư Saltweather, vẫn ở lại. Thầy Pilgrim, ngồi hơi tách biệt những người khác một chút; một cái nhú mày nhẹ thoáng qua trên gương mặt thầy khi lũ trẻ tiến đến gần, còn đầu như thể thầy không trông thấy bọn chúng.

Charlie nghĩ đây là một trong những bữa tối tệ hại nhất mà nó từng ăn. Tệ hơn nữa, ngoài việc phải cố tránh nhìn vào Manfred, thì cái thằng già này còn không cho chúng nói chuyện với nhau.

“Bọn bay đừng có mong đã cấm túc mà lại còn tận hưởng,” Manfred nói, giọng cay nghiệt.

Vì thế trong khi chúng ăn, chẳng hề có tiếng trò chuyện để át đi tiếng cắn, tiếng nhai, tiếng uống nước và tiếng nuốt... tiếp nối nhau.

Cuối bữa ăn, khi tất cả đĩa đã được vét sạch và xếp chồng, mấy đứa tranh nhau ra khỏi nhà ăn càng lặng lẽ càng tốt. Nhưng khi cửa vừa sập lại sau lưng, Olivia nói liền, “Tụi mình có hai tiếng đồng hồ trước khi ngủ. Bắt đầu thám hiểm ở đâu đây?”

Charlie và Billy không có ý kiến gì, thế nên Olivia đề nghị tháp Da Vinci. Charlie muốn biết tên tháp có nguồn gốc từ đâu, nhưng Olivia nhún vai và nói, “Người ta vẫn gọi nó như vậy. Tổ nghi hồi trước khoa hội hoạ vẫn dùng căn phòng ở tầng thượng, nhưng bây giờ nó bỏ không. Có người nói với tớ là nó không an toàn. Bên trong mục nát rệu rã rồi.”

Charlie tự hỏi mắc gì chúng lại đi khám phá một tòa nhà không an toàn và dễ sụp, nhưng nó không muốn tỏ ra lo lắng. Ngoài ra, Olivia đã quyết định rồi. Con nhỏ chìa cho chúng xem cây đèn pin giấu bên trong túi áo chùng, giải thích là có thể trong tháp sẽ không có đèn.

Chúng phải mất nửa giờ mới tìm ra một lối có khả năng sẽ dẫn đến tháp Da Vinci. Có một cánh cửa nhỏ xíu ở cuối một hành lang trên lầu ba.

“Cùng tầng với phòng ngủ chung của tớ,” Olivia bảo cả bọn. “Vì thế nếu bị bắt ở đây thì tụi mình sẽ có cơ để giải thích.”

Cánh cửa đã chốt, nhưng ngạc nhiên thay, không khoá. Olivia đẩy những cái chốt ra, chúng cứng và gỉ sét.

“Nhiều năm rồi không ai ở đây,” Charlie quan sát.

“Chính xác. Càng thêm thú vị chứ sao.” mắt Olivia sáng long lanh. “Lẹ lẹ lên!”

Cánh cửa kêu kít khi cô nàng kéo nó ra. Một hành lang tối tăm uốn cong hiện ra và biến mất ở một góc quẹo mạng nhện giăng xám xịt. Không thấy công tắc, cũng chẳng thấy đèn dầu hay bóng đèn điện đâu cả.

Chúng nhẹ nhàng lách qua cửa, và thấy mình bước đi trên những miếng ván lót sàn rộng, đóng bụi dày đặc. Mùi những thứ ẩm ướt, mục nát phả ra từ những góc ngách tối tăm.

“Tụi mình nên đóng cửa lại,” Charlie nói, hơi dè dặt.

“Phải đóng sao?” Billy hỏi.

Olivia bật đèn pin cái tách, và một luồng sáng mạnh mẽ toả tròn lối đi trước mặt chúng. “Không sao đâu, Billy” con bé vỗ về.

Khi Charlie đóng cửa thì có cái gì đó làm cửa dính lại, nó nhìn xuống xem đó là cái gì thì chợt chú ý đến đôi giày của Olivia. Cô nàng đang “diện” đôi giày đen bằng loại da cứng, bóng lộn, gót cao chót vót. Charlie hi vọng chúng sẽ không gặp quá nhiều cầu thang cũ.

Ấy thế mà, ngay khi vượt qua cái góc mạng nhện, thứ đầu tiên chúng gặp phải là một cầu thang cũ mèm. Đó là con đường độc đạo để ra khỏi hành lang này. Chúng chỉ còn cách leo lên một cầu thang xoắn ốc, dốc đứng, hoặc là leo xuống những bậc thang bằng đá hẹp veo.

“Tụi mình leo lên đi,” Billy nài nỉ. “Dưới đó thấy ghê quá.”

“Nhưng coi bộ hấp dẫn,” Olivia thì thào. Nó rọi đèn pin vào cái lỗ tối om phía dưới. Xem ra cái lỗ không có đáy.

“Lên chứ đừng xuống!” Charlie nói, lưu ý đến vẻ lo lắng của Billy. Nó nhớ là Billy không thể nhìn rõ. “Để anh đi trước cho, Billy, em đi ngay sau anh, còn Olivia đi sau cùng. Thế là an toàn nhất.”

Billy trông có vẻ bớt sợ đi, còn Olivia vui vẻ đồng ý. “Đằng ấy sẽ cần đèn pin nếu đằng ấy đi trước,” nó vừa nói vừa đưa cái đèn cho Charlie.

Những bậc thang xoắn ốc hẹp tí rì và gập ghềnh. Thực tình, Charlie phải bò lên. Nó nghe tiếng Billy hỏi hộp thở hì hụi sau lưng, và tiếng giày của Olivia thỉnh thoảng cà rột rột lên nền đá lở.

Bất thành hình, có một tiếng lóc cóc, vài tiếng lẩn thông thốc, rồi một tiếng rú dội vang, và sau đó là một sự im lặng ghê người. Chuyện xảy ra hẳn đã quá rõ rồi.

“Anh có nghĩ là chị ấy chết rồi không?” Billy thì thào.

Tiếng rên lại nổi lên, như vậy ít nhất thì câu hỏi đã được trả lời. Có điều Olivia bị thương nặng đến cỡ nào?

“Tụi mình sẽ phải xuống thôi, Billy à,” Charlie nói. “Em có xuống được không?”

“Được,” Billy nói, không chắc lắm.

Thật chậm và thật cẩn thận, chúng dò dẫm tìm lại các bậc thang. Tiếng rên rĩ bắt đầu yếu dần và Charlie gọi to, “Bám chặt vào, Olivia. Tụi này đang xuống đây.”

Chúng đã xuống đến chiều nghiêng nhỏ, trước khi những bậc thang bằng đá ẩn chìm vào màn đen.

“Để anh đi trước,” Charlie đề nghị. “Em có muốn đợi ở đây không, Billy?”

“Không. Một mình thì không.” Billy cuống quýt bám theo Charlie.

Cầu thang gỗ gồ ghề bắt đầu uốn cong và Charlie rọi đèn pin xuống, thấy Olivia ở dưới sàn, rúm ró dựa vào một cánh cửa kiểu cổ.

“Bồ OK chứ?” là câu hỏi đầu tiên của Charlie.

“Dĩ nhiên là không rồi. Hai đầu gối tớ bị thương, đầu tớ bị đập mạnh. Hồi nãy tại tớ không thấy đường đi, phải không?”

Charlie không muốn đề cập đến đôi giày cao gót của Olivia. “Tụi này kéo bồ lên nhe? Bồ có đứng dậy được không?”

“Để tớ ráng coi.” Olivia chộp nắm cửa phía trên đầu và từ từ đu người đứng lên. Ất hẳn cô nàng phải tì mạnh lắm vô cánh cửa, bởi vì, một tiếng rắc đột ngột vang lên và cánh cửa cũ kĩ đổ ập vào trong, mang theo Olivia treo bên trên.

“Í í í íiiiiiiii!” Olivia thét lên, kinh hoàng.

Không thể bảo Olivia phải im lặng lúc này được. Charlie vội vàng bò theo sau cô nàng. Khi giẫm lên cánh cửa bị sập, với ánh đèn pin rọi vào căn phòng bên kia, Charlie trông thấy một thứ gì đó rất lạ thường, và trong tích tắc, nó phải lơ phất Olivia để chĩa đèn pin xa hơn vào căn phòng.

“Chao!” nó thốt lên. “Thật kì lạ.”

“Gì vậy?” Olivia lồm cồm bò dậy. Giờ thì nó cũng đã nhìn thấy vật ấy.

Căn phòng chứa đầy áo giáp, hay đúng hơn, những mảnh áo giáp. Ngoài ra còn có những hình thù bằng kim loại. Chúng vạ vật trên bàn và trên ghế; chúng nằm bừa bãi dưới sàn nhà và treo lủng lẳng trên tường. Những chiếc đầu lâu thép sáng loáng, với những hố mắt lõm sâu và cái miệng nhe ra thật ghê rợn; những

ngón tay bằng thép để trong những chiếc thùng; những bàn chân kim loại thò ra khỏi tủ ngăn kéo; những cánh tay, cẳng chân, xương sườn và cùi chỏ bằng kim loại, tất cả chất thành đồng hỗn độn dưới sàn nhà. Gồm nhất là những bộ xương treo đong đưa từ trên trần nhà xuống.

“Ái chà!” Olivia nói. “Trông như xương của Frankenstein vậy.”

Billy, này giờ đứng nép mình giữa hai đứa kia, hỏi, “Frankenstein là ai vậy?”

“Một bác sĩ làm ra một con quái vật từ một người chết.” Olivia giải thích cho nó.

“Từ những mẩu xác chết chứ,” Charlie đính chính.

Olivia nín lấy cánh tay nó. “Em có nghe thấy chứ?”

Charlie vừa định hỏi xem Olivia nghe thấy cái gì, thì chợt có tiếng những bước chân lộp cộp, thấp thoáng đang tiến đến gần. Những bước chân không vọng tới từ cầu thang đá sau lưng chúng, mà từ một cánh cửa ở phía cuối căn phòng.

“Nhanh!” Olivia đẩy cả hai thằng con trai khỏi cánh cửa sập, vào một cái tủ tường đang mở hé hé. Ngay khi chúng vừa vào bên trong, Olivia liền kéo cửa đóng lại, trước khi chúng kịp liếc thấy những thứ trong tủ.

Cả Olivia lẫn Charlie đều đưa tay bịt chặt miệng Billy lại. Dù gì thì nó cũng còn nhỏ hơn chúng nhiều, mà trong tủ lại chứa đầy những bộ xương.

Charlie tắt đèn pin đúng lúc có ai đó bước vào phòng. Đèn bật lên. Ánh đèn chiếu qua những kẽ lá sách của cánh cửa tủ, và thân mình bọn trẻ được ánh sáng tô như ngựa vằn, với những sọc sáng, tối xen kẽ. Olivia ráng nhin cười. Nheo mắt nhìn qua một khe hở, Charlie thấy giáo sư Bloor đang di chuyển giữa đồng áo giáp và những hình thù kim loại.

Bây giờ các hình thù đã dễ nhìn hơn, và Charlie nhận ra một số là động vật – chó, mèo và có cả một con thỏ. Chúng là của tiến sĩ Tolly, nó nghĩ thế. Nhưng làm cách nào mà cuối cùng chúng lại tụ về đây, trong một căn phòng bí mật ở Học viện Bloor? Chúng được mua, được cho, hay bị ăn cắp?

Người đàn ông cao lớn đi đi lại lại. Ông ta bắt đầu đi về hướng cái tủ tường. Khi đi ngang qua một con chó kim loại, ông ta nhặt nó lên và giật mạnh cái đuôi. Ông ta đập mạnh thân con chó vào cái bàn. Con chó vỡ tan tành và một đồng bánh xe, răng cưa, lò xo và đinh vít đổ ào ra. Giáo sư Bloor chăm chú nhìn đồng đồ sáng loáng đó, gầm gừ, và rồi vung tay xô chúng xuống khỏi bàn. Rõ ràng ông ta đang lục tìm cái gì đó và nổi giận vì không tìm ra. Ông ta lại nhắm tới cái tủ và quả quyết đi về phía đó.

Ba đứa gần như không dám thở. Olivia, Charlie và Billy bấu chặt tay vào nhau. Những móng tay dài của Olivia cắm sâu vào lòng bàn tay Charlie, và nó sắp sửa thét lên thì cửa bật mở, với một tiếng kết thật to, và một giọng nói vang lên:

“Biết ngay là sẽ tìm thấy ba ở đây.”

13. Chương 12

Những manh mối sau cùng

“Cánh cửa cũ đó đổ rồi,” giáo sư Bloor nói.

“Hà? Chắc có đứa nào quậy phá?”

“Ta không nghĩ vậy. Chỉ tại ẩm mục và cũ nát quá thôi.”

“Hừmm. Con nghi lắm,” cái giọng quen quen nói.

“Tất cả cái đồng mà Tolly gửi cho chúng ta...” Giáo sư Bloor đá một cánh tay kim loại khiến nó lăn lông lốc về phía tủ tường. “Toàn đồ dờm! Còn cái thật đang ở đâu?”

“Con đã nói rồi mà ba! Mụ Ingledew đưa nó cho thằng Charlie Bone rồi.”

“Sao con chắc vậy được!”

Nắm tay Olivia đã nói lỏng ra, và Charlie có thể rút bàn tay khỏi những móng tay làm nó đau đớn này giờ. Billy, tạm thời quên bếng bộ xương treo sau lưng, giờ đang hé mắt nhìn qua khe lớn nhất trên cửa. “Manfred đấy,” nó thì thầm.

Charlie cũng đã nhận ra tiếng nói. “Suýt!” nó khe khẽ. “Nghe nào.”

“Con chắc mà, ba,” Manfred nhấn mạnh. “Asa vẫn đang theo dõi. Nó thấy Charlie ra khỏi nhà mụ Ingledew với một cái bao lớn màu đen. Mụ không đưa cho nó thì còn đưa ai nữa?”

Giáo sư Bloor âm ừ rồi thả mình xuống một chiếc ghế trông có vẻ rất cổ. Bụi bốc lên mịt mù chung quanh khi ông ta ngã người xuống miếng đệm da rách toạc. “Ta không hiểu tại sao thằng nhóc lại biết chỗ mà đến. Làm sao nó lại biết cái đó đang ở nhà mụ Ingledew.”

“Đó là do mấy con mèo, chắc chắn,” Manfred nói. “Ba biết bọn chúng vẫn làm gì mà - hất đồ đồ trên bàn, đánh lạc hướng người ta. Dĩ nhiên là nếu thằng nhóc có được tấm hình, thì sau đó thể nào nó cũng mò đến nhà mụ Ingledew để trả lại. Cho nên con dám cá chắc với ba là một trong mấy con ôn mèo đó đã lên vô tiệm hình Kwik khi người ta đang cho hình vô bao. Chỉ cần một giây lơ đãng là... úp... lộn hình, lộn phong bì.”

“Ta sẽ lột da sống mấy con thú đó nếu tóm được chúng!” Giáo sư Bloor nói. “Chín trăm năm lén lút và chôn mũi vào công việc của người khác.”

“Cả ăn cắp và đốt nhà,” Manfred tiếp lời.

Trong bóng tối rùng rợn của tủ tường, ba đứa trẻ há hốc miệng thở, nhìn nhau. “Chín trăm năm,” Olivia mấp má.

Billy lắc đầu không tin. Charlie nhúu mày và nhún vai. Tại sao không? Nó nghĩ. Có nhiều chuyện còn kì lạ hơn thế đang diễn ra hằng ngày, ở đây.

“Lại nói đến vụ hoả hoạn,” giáo sư Bloor lẩm bẩm. “Liệu có chắc là do bọn mèo đó hay không?”

“Con đã nói với ba rồi, con thấy tụi nó dưới cửa sổ phòng con lúc con đang cố dập lửa.”

“Và con nghĩ là đứa con gái cũng có liên quan đến việc này à?”

“Tất nhiên. Con đã nện cho nó một trận ra trò.”

“Con không nên làm như thế, Manfred,” giáo sư Bloor nghiêm mặt nói. “Chẳng ích gì đâu.”

“Lúc ấy con mất bình tĩnh. Con phát điên lên khi nó không đáp trả. Nó đang dần tỉnh ra, ba biết không. Con không thể giữ cho nó mê lâu hơn nữa.” Manfred thở dài một cách thiếu kiên nhẫn. “Làm như con không có đủ việc để làm hay sao ấy, lại còn phải để mắt đến lão Pilgrim.”

“Thế cái vấn đề con con đó ra sao rồi?”

“Con không chắc. Có thể là do con tưởng tượng, nhưng con nghĩ lão ấy đã thay đổi kể từ khi thằng nhóc đó tới đây. Lẽ ra chúng ta không nên mang nó vô trường”

“Việc chẳng đáng dừng mà, Manfred. Không thể để thằng bé đó ở ngoài một khi chúng ta biết nó có phép thuật.”

“Con hiểu, con hiểu.”

Trong tủ, Olivia nhăn nhó chỉ vào Charlie, thì thào, “Là đằng ấy đấy.”

Charlie lại nhún vai. Giáo sư Bloor và thằng con trai nham hiểm của lão nói về chuyện gì vậy? Cô bé đang tỉnh ra là ai? Tại sao Manfred lại phải canh chừng thầy Pilgrim? Charlie chăm chú lắng nghe, hầu tìm ra manh mối.

Nhưng Manfred và ba nó hình như sắp đi khỏi. Đang có vẻ như Charlie sẽ không biết được gì thêm về nó hay về con bé sắp tỉnh dậy kia, thì bỗng nhiên, ngay trước khi rời khỏi phòng, Manfred nói, “Cũng không còn lâu nữa đâu, Asa theo rất sát. Nó tin chắc là cái thằng hay đi với con chó đang giấu cái vật ấy. Chúng ta chỉ việc dụ cho ba má nó tránh ra là sẽ lấy được.”

“Manfred,” giọng giáo sư Bloor giờ đã xa, nhưng vẫn có thể nghe rõ lời. “Phải hủy cái vật ấy trước khi nó đánh thức con bé.”

Ánh đèn trong phòng vụt tắt và cánh cửa khép lại.

Trong vài giây, ba đứa trẻ vẫn im thin thít. Khi chắc chắn chỉ còn có bọn này với nhau, Olivia nói: “Chà, thú vị quá hả?”

“Chúng mình ra khỏi đây mau,” Charile nói. “Mình có nhiều thứ để kể cho hai người.”

Billy là đứa đầu tiên chui ra khỏi tủ tường. Nó chạy ù qua cánh cửa sập và leo lên những bậc thang gỗ, trước khi cả hai đứa kia phải bụi trên người xong.

Đáng lí ra chúng không cần phải mất công phủ bụi làm gì, bởi vì, đến khi bò ra khỏi tháp Da Vinci, thì cả ba chúng nó một lần nữa lại dính đầy mạng nhện. Olivia bị sưng vù ở mắt cá, đầu gối bầm tím và có vài vết rách, nhưng cô nàng không muốn làm ầm lên. Charlie cảm kích quá, nó bảo, “Mình nghĩ bỏ nên đến gặp bà giám thị. Nhờ may trong đám bụi bẩn ấy có thứ gì gồm ghiếc thì sao, bỏ biết đó, một con rệp cổ hay một thứ gì đó chẳng hạn.”

“Giám thị ấy hả? Bà đó hung dữ như con rồng vậy,” Olivia nói. “Chắc chắn bà ấy sẽ tọc mạch hỏi xem tớ đã làm gì. Tớ sẽ giấu đầu gối dưới lớp quần thun bó, để ngày mai về mẹ tớ sẽ lo liệu.”

Billy nhắc Charlie về điều Charlie lúc này muốn nói với cả bọn.

“Yên trí, anh nói đây,” Charlie bảo. “Theo toàn bộ những gì mà Manfred và giáo sư Bloor nói với nhau... Ờ... thì mọi việc đã xảy ra đều có đầu đuôi cả.”

Olivia đề nghị cả bọn vào phòng ngủ chung của nó, vì cái phòng đó gần hơn phòng của tụi con trai. “Nó ở hành lang này, chỉ còn cách ba phòng nữa thôi,” Olivia nói. “Tụi mình còn có thể tắm rửa sạch sẽ trước khi bà giám thị bắt đầu đi tuần như thường lệ.”

Cô nhỏ nói ra điều này quá trễ. Bà giám thị đã bắt đầu những vòng tuần tra rồi đấy. Ngay khi cả bọn vừa tới phòng ngủ chung của Olivia thì cửa bật mở, và bà giám thị xò ra. Chỉ khi đó, Charlie mới khám phá ra tại sao giọng nói của bà ta lại có vẻ quen thuộc đến thế. Bà giám thị chính là bà cô Lucretia Yewbeam.

Tất nhiên, Billa và Oliva chỉ đơn thuần nhận ra bà ta là giám thị của trường thôi, nhưng Charlie thì sưng sốt đến nỗi nó cảm tưởng như vừa bị tống một trái vô bụng. Nó gấp gáp thở, hóp hóp không khí và nói lắp bắp, “Bà Lu... Lu... Lucretia!”

“Ta là giám thị!” bà cô Lucretia cau kính.

“Con... con... con không... không biết bà là giám thị,” Charlie lắp bắp, vẫn còn bị sốc.

Thời buổi này ai cũng phải đi làm để kiếm sống,” giám thị Yewbam đáp lời.

Ngỡ ngàng hết sức, Olivia và Billy hết quay nhìn Charlie lại ngó sang bà Lucretia, rồi lại quay nhìn Charlie.

“Bọn bay dơ dáy hết chỗ nói,” bà giám thị nói tiếp. “Chúng mày vừa chui ở đâu ra, hả?”

Olivia đã sẵn sàng cho câu hỏi này. Không một chút chần chừ, nó đáp, “Dạ, tụi con ra vườn chơi, nhưng khi quay về thì cửa đã khóa, thế nên tụi con phải đi lòng vòng và tìm thấy một cửa sổ, tụi con leo vô một căn phòng trống bẩn thỉu kinh khủng. À, thực ra thì, tụi con bị té vì cửa sổ khá cao.”

Bà giám thị nhăn mặt. Bà có tin Olivia không? Cũng có thể ai đó đã khóa cửa khu vườn thật. Bà hăm dọa, “Ta định sẽ phạt tất cả tụi bay thêm hai mươi bốn giờ cấm túc nữa; nhưng may phước cho tụi bay là ta cũng muốn nghỉ, cho nên lần này ta tha cho tụi bay, chỉ cảnh cáo thôi.”

“Tụi con cảm ơn bà,” Olivia vồn vã nói.

“Tuy nhiên!” Giám thị Yewbeam không dễ dàng bị đánh lừa như thế. “Tất cả tội bay phải đi ngủ, ngay tức khắc.”

“Nhưng tội con còn được thức một tiếng nữa cơ mà,” Billy nói một cách dững cẫm.

“Một tiếng ấy là để tắm rửa,” bà giám thị lạnh lùng phán. “Hai tội bay đi ngay đi.” Rồi bà quay sang Olivia. “Còn mày thì để tao rửa sạch đầu gối cho nào!”

Bỏ lại Olivia cho sự chăm sóc còn lâu mới dịu dàng của bà giám thị. Charlie và Billy tìm đường quay về phòng ngủ chung của chúng.

Rốt cuộc ngôi trường gần như vắng tanh này cũng có cái gì đó đáng nói. Đó là nước trong vòi nóng bỏng. Cho đến bây giờ Charlie chỉ mới tắm nước lạnh có một lần. Nó không phải là đứa thích tắm. Nhưng hôm nay là lần tắm lâu nhất, nóng nhất mà nó nhớ được.

Năm phút sau khi bọn con trai đã leo lên giường thì có tiếng gõ cửa, và Olivia xằng xái ulla vào. Cô nàng bận áo đầm ngủ bằng nhung trắng, điểm những bông hoa tím bự tổ chảng, và mái tóc màu tím đã chuyển sang màu nâu nhạt.

“Bà giám thị bắt tố tội sạch,” nó thông báo cho bọn con trai biết. “Đó chỉ là thuốc nhuộm xịt lên tóc thôi mà.” Rồi nó nhảy tót lên ngồi phía chân giường của Charlie. “Nào, bồ có chuyện gì tính kể với tội này vậy?”

“Chuyện là thế này,” Charlie bắt đầu, rồi nó kể cho hai đứa bạn nghe tất cả mọi việc đã xảy ra với nó, từ lúc nó nhìn thấy tấm hình người đàn ông lạ ẵm đứa bé cho đến khi nó vào Học viện Bloor. “Mình luôn nghĩ rằng món đồ trong thùng rất có giá trị, một món đồ quý có thể đổi lấy cháu gái của cô Ingledew, bất kể con bé đó là ai. Nhưng hình như giáo sư Bloor chỉ muốn hủy nó đi.”

“Trước khi nó đánh thức con bé,” Olivia thêm vào. “Và con bé đó chắc chắn là đứa bé đã bị đánh cắp.”

“Vậy tức là, dù gì đi nữa thì món đồ trong thùng vẫn còn giá trị,” Billy xen vào, “vì tác dụng gì gì của nó. Kiểu một loại bùa...”

“Hừm,” Olivia rung đùi. “Mấy người biết tố nghĩ gì không?” Rồi không đợi hai đứa con trai hỏi, nó nói luôn. “Tớ nghĩ rằng Manfred đã thôi miên con bé. Có lẽ con bé đã bị thôi miên suốt từ hồi bị đánh cắp, bị đánh đổi, hay bị sao đó. Nhưng trò thôi miên này đang mất dần linh nghiệm, cho nên Manfred cứ phải liên tục thôi miên, để bảo đảm con bé không tỉnh lại và chạy trốn, hoặc nhớ ra mình thực sự là ai.”

“Olivia, bồ thiệt là thông minh,” Charlie reo lên. “Thực tình, có dạo mình nghĩ con bé đó chính là bồ.”

“Tớ à? Không đời nào. Ai thôi miên là tớ biết ngay,” Olivia toét miệng cười. “Tuy nhiên tớ dám chắc tớ có thể tìm ra con bé đó là ai.”

“Bằng cách nào?” Charlie hỏi.

“Quan sát thôi. Chuyện này tớ siêu lắm. Nếu đứa bé bị đem đi đổi cách đây tám năm, lúc ấy nó mới gần hai tuổi, thì giờ nó phải cỡ bằng tuổi tội mình. Chắc chắn con nhỏ đó cũng có phép thuật, thế nên giáo sư Bloor mới muốn bắt nó. Vậy thì, để coi ai có những đặc điểm giống như tớ mô tả nào? Đám phép thuật đẳng ấy có mấy người đâu nhỉ?”

“Mười hai,” Billy đáp, “Năm người là nữ. Zelda quá lớn, chị ấy mười ba rồi. Beth cũng vậy. Chỉ còn lại Dorcas, Emilia và Bindi.”

“Không thể là Dorcas,” Olivia tuyên bố. “Nhỏ đó hoạt bát, vui vẻ. Tớ chưa bao giờ thấy ai bị thôi miên mà lại thế cả.”

“Emilia,” Charlie la lên. “Tất nhiên rồi. Nghĩ mà coi. Lúc nào trông nó cũng như đang mê man sao đó, và nó có vẻ sợ giáo sư Bloor nữa.”

“Ai mà không sợ lão ấy?” Olivia nói. “Nhưng tớ nghĩ đẳng ấy nói đúng, Emilia ở chung phòng với tớ, thế nên để tớ chong mắt canh chừng cho. Tớ phải đi đây. Chúc các đẳng ấy ngủ ngon. Sáng mai gặp lại nha.” Olivia nhảy phắt xuống giường và phóng ra cửa.

Olivia vừa mới rời khỏi phòng thì tiếng bà Lucretia Yewbeam quát om, “Tắt đèn!” Và một bàn tay trắng thò vô qua cánh cửa mở, tắt đèn đi.

Trong giây lát, hai đứa trẻ im. Có bốn cái giường trống ở Charlie và Billy. Phía bên kia của căn phòng, tất cả các giường cũng trống hoác. Điều này khiến Charlie ớn lạnh. Nó tự hỏi, sẽ như thế nào nếu nó là Billy, một mình trong căn phòng to lớn và tối tăm này và mỗi cuối tuần.

“Billy,” nó thì thào. “Cuối tuần sau em về nhà anh nhé? Họ có cho không?”

“Ồ, được chứ,” Billy hồ hởi đáp. “Em đã đến nhà anh Fidelio rồi. Nên em chắc họ sẽ cho em tới nhà anh thôi.”

“Hay quá.”

Rồi có một tiếng cọt két, tiếng lê chân nhè nhẹ, và một tia sáng đèn yếu ớt chĩa về phía giường Charlie. Charlie chỉ nhận ra đáng người nhỏ bé của Billy trong bộ đồ ngủ màu xanh nhạt.

“Charlie, anh nói là anh có thể nghe người trong hình nói chuyện, phải không?”

“Ồ,” Charlie trả lời một cách không chắc chắn. “Thỉnh thoảng.”

Một tấm hình nhàu nát được đặt lên gối của Charlie.

“Anh làm ơn cho em biết mấy người này đang nói gì đi?” Billy hỏi. “Đây là ba mẹ em.”

Charlie nhìn chăm chăm vào bức hình. Nó thấy một đôi vợ chồng trẻ đang đứng dưới một tán cây. Người phụ nữ mặc áo đầm nhạt màu đến nỗi trông cô giống như một con ma. Mái tóc màu vàng nhạt, gần như trắng. Cả hai đều mỉm cười, nhưng chỉ cười ở miệng. Đôi mắt của người phụ nữ có vẻ sợ hãi, còn mắt của người đàn ông thì tức giận.

Giọng nói thành linh phụt lên trong tai Charlie, khiến nó giật thót đến mức cúi đầu về phía trước, như thể nó vừa bị đập một cú.

‘Thôi nào, mỉm cười vì thằng con trai bé nhỏ của cô đi, Raven: Quá khó hay sao?’ Không thể nhầm lẫn cái giọng nói sắc lạnh đó vào đâu được.

Người đàn ông trẻ này nói, ‘Mày sẽ không bao giờ thoát khỏi chuyện này đâu.’

Tiếng nói sắc lạnh tiếp tục, ‘Nhìn con trai ta đây, ông Raven. Nó đẹp chứ hả? Thằng Manfred bé bỏng của ta ấy? Thế, thế. Nhìn vào mắt nó đi. Hệt như hai hòn than lấp lánh đáng yêu, đúng không?’

“Anh có nghe thấy gì không?” Billy hỏi.

Charlie không biết phải nói gì. Làm sao nó có thể để Billy nghe được những lời kinh khủng đó? Nó quyết định nói dối, nhưng trước khi nó kịp nói thì có một điều xảy ra. Điều mà chưa từng xảy ra với nó trước đây. Nó bắt đầu nghe được những ý nghĩ của người đàn ông.

‘Chúng ta vẫn có thể trốn thoát. Chúng ta sẽ ẵm bé Billy và lái xe trốn đi, đến nơi họ không thể tìm thấy chúng ta. Giá mà thằng bé kia đừng nhìn mình như thế. Mắt nó y như hắc ín vậy!’

“Sao?” Billy lo lắng hỏi.

“Người phụ nữ...” Những ý nghĩ của Charlie chạy loạn xạ, nó quyết định nói dối. “Người phụ nữ nói ‘Nhanh lên anh, em phải trở lại với Billy bé bỏng.’ Và người đàn ông nói, ‘Đúng rồi, thằng nhóc của chúng ta thật quý giá. Nó sẽ trở thành một ngôi sao!’”

Ngay cả trong ánh sáng mờ mờ, Charlie cũng có thể nhìn thấy nụ cười hạnh phúc của Billy.

“Còn gì nữa không?” Billy hỏi.

“Không. Anh rất tiếc.”

“Thế người chụp hình có nói gì không? Em không sao tìm được ra đó là ai.”

“Không, anh không nghe thấy gì cả.” Charlie đưa trả lại tấm hình cho Billy.

“Một ngày nào đó có thể em sẽ được nhận làm con nuôi,” Billy nói. “Rồi em sẽ lại có ba mẹ, và em sẽ có nhà như tất cả mọi người.” Nó bò lên giường, và mấy phút sau đã ngủ say sưa, tấm hình nhàu nát được giấu sâu dưới gối.

Charlie nằm thao thức một lúc lâu, cố nghĩ xem điều gì đang diễn ra trong trường Bloor. Trẻ sơ sinh thì bị đánh cắp, con nít thì biến mất, và những ông bố cũng biệt tăm? Người cha mà nó nghĩ là đã chết hóa ra vẫn còn sống, nhưng lại không biết mình là ai.

“Ông cậu Paton.” Charlie lẩm bẩm. “Có thể ông cậu sẽ tìm ra. Mình cá là ông cậu biết nhiều hơn những gì ông cậu thừa nhận.”

Còn một ngày nữa thôi là Charlie đã ở nhà rồi. Và cuối cùng, khi ngủ thiếp đi được, thì những câu hỏi đã dành cho ông cậu Paton cũng đã hình thành trong óc Charlie.

14. Chương 13

Trò đấu trí

Trong bữa ăn sáng ngày hôm sau, Charlie nhẹ cả người khi thấy Manfred vắng mặt ở bàn ăn.

“Cứ cuối tuần là anh ta ngủ trễ,” Billy nói với nó. “Anh ta thức đến nửa đêm. Đứng từ cửa sổ phòng tội mình là thấy nền của Manfred thấp trong phòng.”

“Lúc ấy hắn làm gì?” Charlie thì thầm.

“Luyện tập ma thuật,” Olivia đáp lời, đảo tròn mắt.

Charlie nghĩ, rắc rối là ở chỗ, dám Olivia nói đúng lắm.

“Vậy là hắn sẽ không theo dõi tội mình nguyên buổi sáng hôm nay, phải không?” nó hỏi.

“Không đâu,” Billy quả quyết với nó. “Dĩ nhiên là tội mình vẫn cần phải lên phòng và làm bài. Tất cả sách vở sẽ được sắp sẵn cho tội mình, với một tờ câu hỏi phải trả lời, nhưng tội mình có thể nói chuyện, vẽ tranh hay làm bất cứ việc gì tùy thích, miễn là ở đó đến 12 giờ và làm xong các câu hỏi.”

Chúng theo nhau đến phòng Nhà Vua, ở đây, Charlie thấy một tờ câu hỏi cực kì lắt léo đang chờ nó. Làm chưa hết một nửa, bỗng nó sực nhớ đến Fidelio. “Mình đã hứa phải đến tháp nhạc lúc mười một giờ rưỡi,” nó nói với hai đứa kia. “Fidelio sẽ đến để ra hiệu là anh ấy đã chuyển xong cái thùng.”

“Để tội này ở đây lo cho,” Olivia sốt sắng đề nghị. “Và nếu đằng ấy chưa trả lời xong mấy câu hỏi, thì lúc quay về cứ cốp-pi bài làm của tớ.”

“Cám ơn nha,” Charlie đáp với lòng biết ơn. Nó nhớ ra là nó không biết đường đến tháp nhạc. Sẽ phải mất cả thế kỉ mới lần ra đường tới đó mất. “Fidelio nói bồ sẽ chỉ đường cho mình, nhưng nếu bồ mắc lo cho mình ở đây thì...”

“Để tớ vẽ bản đồ cho đằng ấy,” Olivia nói.

Cô bé nói là làm. Trong khi Charlie nhấp nha nhấp nhồm với đề bài của mình, cứ năm phút lại liếc nhìn đồng hồ, thì Olivia hí hoáy vẽ sơ đồ đường dẫn đến tháp nhạc. Con bé dúm tờ giấy cho nó.

“Đằng ấy xem là hiểu được chứ?” nhỏ hỏi.

Charlie nghiêng cứu tám bản đồ. “Ừ, mình sẽ đi qua cánh cửa cuối cùng ở cuối hành lang chính.”

“Ừ, phải rồi.”

“Gần... rưỡi rồi đó,” Billy nhắc.

Charlie vọt bắn lên.

“Nếu có ai vô đây hỏi, tụi này sẽ phịa là đằng ấy mới vô nhà vệ sinh,” Olivia nói.

Charlie bước ra cửa, mở cửa và nhìn ra ngoài. Không có ai ngoài đó cả. Nó vẫy chào Olivia và Billy thật nhanh, lỉnh lẹ ra hành lang và khép lại cánh cửa sau lưng.

Theo sơ đồ của Olivia, nó đến hành lang chính và chạy thục mạng về phía cánh cửa nhỏ hình vòng cung, gần cổng vào. Cánh cửa trông xưa lắc xưa lơ này dường như đã bị khoá. Lòng Charlie chùng xuống. Nó vặn cái vòng sắt bự dùng làm nắm đấm cửa, tới lần thứ ba thì cánh cửa bật ngả về sau. Charlie bước vào một lối đi tối như hũ nút và cẩn thận chốt cửa lại sau lưng.

Charlie nhận ra mình bây giờ đang ở trong phần tòa nhà ngay dưới phòng của Manfred. Nó bắt đầu đi nhón chân.

Hành lang đá tối tăm, dài hun hút, dẫn tới một căn phòng trống ở tầng trệt của tháp. Charlie trông thấy cánh cửa mà chắc hẳn Billy đã mở ra cho lũ mèo vô. Cánh cửa giờ đây được chốt chắc chắn. Đối diện cánh cửa này là một dãy cầu thang đá dẫn lên những tầng trên.

Charlie bắt đầu dò dẫm lên những bậc thang xoắn ốc, không có tay vịn hay dù chỉ một sợi dây thừng để bám vào. Cuối cùng, nó bước vô một căn phòng trống khác, có hai cửa sổ nhìn ra quảng trường. Nó chăm chú nhìn ra ngoài. Không thấy bóng dáng Fidelio đâu cả. Có lẽ tại nó chưa đủ cao để có được tầm nhìn tốt. Charlie leo thêm dây cầu thang thứ hai, nó không dừng lại ở tầng kế tiếp mà lẹ làng leo tiếp dây cầu thang thứ ba. Từ đây nó có thể thấy toàn cảnh thành phố. Sáng hôm đó trời tươi sáng, lành lạnh, và phía xa xa, ngôi nhà thờ đồ sộ nhô hẳn lên khỏi lớp lớp mái nhà chung quanh nguy nga, tráng lệ; chóp tháp màu vàng óng của nó lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Thình lình, có hai cái bóng chạy băng qua vòi phun nước ở phía dưới và tới chân tháp thì dừng lại. Hai cái bóng đó vẫy tay. Vậy là Fidelio có dẫn Benjamin theo cùng.

Charlie vẫy tay đáp lại. Fidelio có giấu được cái thùng trót lọt không? Charlie giơ ngón tay cái bên phải ra ngoài cửa sổ và nhún vai. Rồi nó xoè hai bàn tay ra. Liệu bọn kia có hiểu nó hay không?

Rõ ràng là không. Fidelio và Benjamin bắt đầu hành động một cách rất kì dị. Benjamin kéo một sợi dây tưởng tượng, trong khi Fidelio để tay sau mông và lúc lắc tay giống như một cái đuôi. Charlie lắc đầu và nhún vai. Bọn chúng làm gì vậy? Hành động đó chẳng có ý nghĩa gì cả.

Cả hai thằng kia rõ ràng là đang rất hào hứng về một điều gì đó, nhưng Charlie muốn biết là cái thùng có an toàn không. Nó thử dùng hai bàn tay tạo ra đủ loại hình, để minh hoạ cho câu hỏi: “Có an toàn không? Cái thùng ấy? Đâu rồi?”

Chẳng được cái tích sự gì. Benjamin và Fidelio hẳn đang có điều gì đó khác trong đầu. Cho dù điều đó là gì thì Charlie cũng phải đợi đến tối nay mới biết được. Nó vẫy tay thêm lần nữa và định chạy xuống cầu thang, thì chợt nghe có tiếng bước chân ở bên dưới. Nếu chạy qua cánh cửa vào hành lang rộng, thì nó sẽ bị lộ diện ngay bên ngoài phòng Manfred. Cách duy nhất để thoát thân là chạy tiếp lên trên.

Khi Charlie bắt đầu rón rén lên tầng bốn, có tiếng nhạc văng vẳng khắp khu vực cầu thang chật hẹp. Ai đó đang chơi đàn piano. Hay tuyệt. Đó là một giai điệu mê li, vừa mạnh mẽ lại vừa réo rắt. Người nghệ sĩ này có vẻ làm chủ tất cả mọi cung bậc trên phím đàn.

Như thể có một sợi chỉ ma thuật kéo Charlie về phía âm thanh ấy. Nó không dừng lại ở tầng bốn, mà cứ vậy leo lên tiếp, bây giờ thì chậm lại và hơi sờ sợ, vì nhận ra mình không thể dừng lại được. Hơn nữa, nó sợ cái mà nó có thể nhìn thấy khi lên đến đỉnh tháp.

Căn phòng mà nó cuối cùng cũng bước vào không trống trải như những phòng kia. Phòng này chất đầy sách nhạc. Những chồng tập nhạc nằm dưới sàn. Các kệ sách đóng trên những bức tường xếp kín những cuốn sách giao hưởng đóng bìa da – chúng được xếp theo tên của các nhà soạn nhạc kiệt xuất: Mozart, Chopin, Beethoven, Bach, Liszt. Một số cái tên quen thuộc với Charlie, một số khác nó chưa bao giờ nghe nói đến.

Phía bên trong một cánh cửa nhỏ bằng gỗ sồi, một dòng suối nhạc piano trầm bổng vọng ra. Charlie sờ vào nắm đấm cửa. Nó xoay nắm đấm, mở cửa ra và cứ thế đứng ở ngưỡng cửa mà chăm chăm nhìn vô phòng. Trong phòng trống rỗng, ngoại trừ một cây đàn piano đen nhẫy, khổng lồ và người đàn ông ngồi phía sau:

thầy Pilgrim. Ông thầy piano xa lạ nhìn thẳng vào Charlie; nhưng hình như ông không nhận ra là cửa mở, mặc dù gió lùa khiến một vài tờ báo bay khỏi bậu cửa sổ.

Charlie không biết phải làm gì. Nó cứ đứng ngây ra, như bị thôi miên, và rồi, cuối cùng, nó bước vô phòng và khép cửa lại sau lưng. Thầy Pilgrim vẫn mê mải dạo đàn, hết nhìn xuống đôi tay mình lại thả hồn ra bầu trời bên ngoài cửa sổ, nét mặt thầy vô định, đôi mắt đen và sâu thăm thẳm.

Xa xa, tháp đồng hồ của ngôi nhà thờ lớn bắt đầu điểm giờ cho toàn thành phố. Một, hai, ba... lúc đó là 12 giờ, Charlie chợt nhớ ra. Nó sẽ trễ mất. Người ta sẽ thắc mắc không biết nó ở đâu. Không chừng chính Manfred sẽ đi tìm nó. Nó toan quay đi, thì bỗng nhiên, thầy Pilgrim ngừng chơi. Hình như thầy đang lắng nghe tiếng chuông đồng hồ. Đến tiếng gõ thứ mười hai thì thầy Pilgrim đứng dậy. Trông thấy Charlie đứng lớ xớ bên cánh cửa, thầy nhăn mặt.

“Con... con xin lỗi, thưa thầy, con bị lạc,” Charlie lập bập nói. “Tiếng đàn của thầy rất... à... hay quá... thưa thầy, làm con chỉ muốn lắng nghe.”

“Cái gì?” thầy Pilgrim hỏi.

“Nhạc của thầy làm con chỉ muốn lắng nghe, thưa thầy.”

“Ồ.”

“Con xin lỗi vì đã tự tiện vô phòng thầy,” Charlie lí nhí. “Thưa, con đi đây.”

“Đợi đã.” Người thầy xa lạ vòng qua cây đàn piano, bước về phía Charlie. “Con là ai?”

“Dạ, con là Charlie Bone.”

“Charlie sao?”

“Dạ phải.”

Charlie thấy một thoáng quan tâm nhá lên trong đôi mắt đen của thầy Pilgrim, rồi vụt tan. “Ra vậy,” thầy lẩm bẩm. “Con nên chạy đi thì hơn.”

“Vâng, thưa thầy.”

Trong chớp mắt, Charlie đã biến khỏi. Nó phóng qua cửa, lao xuống các bậc thang xoắn ốc với thời gian chỉ bằng một nửa lúc nó đi lên. Nó chạy được đến phòng Nhà Vua mà không gặp phải ai, ngoại trừ người gác cửa nhe răng cười và nháy mắt hết cỡ với nó khi nó chạy lẹ qua hành lang.

“Làm gì thế?” Olivia hỏi ngay khi Charlie học tốc vào phòng. “Manfred nãy giờ thò mặt vô đây hai lần, hỏi xem đăng ấy ở đâu!”

“Thế bồ nói gì với nó?” Charlie hỏi lại.

“Tớ nói như tụi mình đã nhất trí với nhau. Nói bồ ở trong nhà tắm.”

“Những hai lần cơ à?” Charlie lo lắng.

“Lần thứ hai em nói anh bị đau bụng,” Billy nói rành rọt, vẻ nghiêm trang. “Nhưng em không biết anh ấy có tin hay không.”

Vừa lúc đó, thầy Paltry-Kèn Sáo bước vô, thu lại sách và bảo bọn trẻ chuẩn bị đi ăn trưa.

Bữa trưa hôm ấy có bánh mì sandwich kẹp pho mát và một quả táo cho mỗi phần ăn. Các giáo viên trực trong ngày thứ Bảy ngồi ở dãy bàn cao, nhưng Manfred và giáo sư Bloor lại không xuất hiện.

“Vào cuối tuần họ dùng bữa ở chái phía tây tòa nhà,” Billy giải thích, “cùng với bà Bloor và những người khác trong gia đình.”

Charlie kinh ngạc.

“Vậy ra còn nhiều người nhà Bloor nữa à?”

“Có một ông lão già, già khiếp,” Billy nói. “Em chưa bao giờ thấy ông ấy, nhưng con chó của bếp trưởng có nói về ông ấy cho em nghe.”

“Tớ cá là đằng ấy biết rất nhiều thứ từ con chó của bếp trưởng,” Olivia nhận xét.

“Đúng thế,” Billy công nhận.

Sau bữa trưa, bọn trẻ được phép ra vườn và Olivia cứ nhất mực rủ cả bọn đến gần khu đổ nát. Billy không hăm hở lắm, nhưng Charlie lại tò mò.

“Thôi nào, Billy,” Olivia động viên. “Tụi mình chỉ nhìn thôi mà. Tớ chưa bao giờ được chơi trò huỷ diệt cả.”

“Mình cũng chưa,” Charlie xen vào.

“Em cũng thế,” Billy cầu nhàu, nhưng cũng miễn cưỡng theo chân hai đứa lớn ra chỗ những bức tường rêu phong, xỉn màu. Chúng cao ít nhất phải bốn mét, Charlie nhắm đoán, và dày chắc. Những viên đá lớn lộ lộ hiện ra khỏi những rặng cây, tựa hồ như ranh giới của một thành phố cổ xưa đã biến mất. Cổng vào là một mái rộng hình vòm, và bên trong cổng, mấy đứa có thể thấy một mảnh sân lát gạch, phủ đầy rêu, từ đó có năm lối nhỏ râm mát rẽ ra.

Charlie nghĩ đến cô bé bị biến mất và rùng mình. “Chuyện gì đang diễn ra ở đó vậy?” Nó làm bầm.

Olivia đoán được những gì nó nghĩ:

“Tớ chắc chắn là sẽ không bao giờ chui vô đó một mình, dù chỉ một giây. Nó làm tớ sờn cả tóc gáy. Tớ cứ thắc mắc không biết chuyện gì đã xảy ra cho con bé tội nghiệp kia. Người ta nói là áo chùng của nó bị xé thành từng mảnh.”

“Đó là một con sói,” Billy nói.

“Sói?” Charlie và Olivia nhìn nó chằm chằm.

“Con chó của bà bếp trưởng nói với em như vậy,” Billy cho biết. Nó không bao giờ nói dối đâu. Chó không nói dối bao giờ. Chính xác, nó nói con vật đó là một giống sói. Con sói đó vẫn sống trong trường này, nhưng ban đêm nó chạy ra ngoài khu đổ nát.”

Bất giác cả bọn ngóc cổ ngược nhìn lên bầu trời, những đám mây chiều đang ùn ùn kéo tới.

Olivia thụt lùi lại một bước, rồi quay đầu chạy thục mạng qua bãi cỏ, miệng thét lên thảm thiết: “Khôôôông! Khôôôông!”

Hai thằng con trai chạy theo sau, bật cười hích hích trước đôi chân trắng đang chạy trời chết và tiếng thét thất thanh, nghe thiết tức cười của cô nàng, tuy Charlie thầm thú nhận là trong tiếng cười của chính nó có pha chút sợ hãi.

Chúng phóng bừa qua cửa vườn và đâm sầm vào Manfred.

“Olivia Vertigo, đi sắp xếp đồ đạc,” hần lạnh lùng ra lệnh. “Bone, đi theo anh.”

“Tại sao?” Charlie hỏi, cúi gằm mặt xuống sàn nhà.

“Tại vì anh đã nói thế thì mày phải đi,” Manfred trịch thượng.

Charlie rất muốn chạy lên phòng chung cùng với Olivia. Chẳng còn lâu nữa, mẹ nó cũng sẽ đến cổng đón nó. Rõ ràng là Manfred sẽ không thể ngăn nó về nhà. Nhưng biết đâu, hần cũng có thể làm việc đó lắm chứ.

Manfred quay đi và bật ngón tay tanh tách. Charlie nhe răng cười một cách căng thẳng với hai đứa bạn rồi đi theo thằng lớn kia.

“Chúc may mắn!” Olivia thì thầm.

Manfred dẫn đường đến phòng huynh trưởng. Hôm nay phòng vắng lặng và Manfred cho phép Charlie ngồi trên một trong mấy cái ghế dựa, trong khi hần ngồi ở vị trí thường ngày của mình ở sau chiếc bàn giấy lớn.

“Đừng có chờ ra thế, Charlie!” Manfred cố giãn ra một nụ cười, nhưng xem ra nó không được giỏi trong chuyện này cho lắm. “Anh không có ăn thịt mày đâu.”

Charlie chẳng tin. Mắt nó vẫn ngó tịt xuống đất.

“Anh chỉ muốn biết mày giấu cái thùng, mà bà Ingledew đã đưa cho mày ở đâu. Nó là của bọn anh, mày biết mà.” Giọng Manfred nhẹ nhàng và đầy vẻ dụ dỗ, nhưng Charlie không bị mắc lừa.

“Tôi chẳng hiểu anh đang nói gì,” nó chối phắt.

“Đương nhiên là mày biết chứ, Charlie. Nó không có gì hay ho cho mày đâu. Thực ra nó chỉ đem phiền phức đến cho mày thôi. Nào, nói đi, nó đâu rồi?”

Charlie không trả lời, Manfred bắt đầu mất kiên nhẫn. “Nhìn tao đây, thằng kia!” nó quát lên.

Mắt Charlie vẫn dán chặt xuống đất.

“Mày nghĩ mày tiếp tục được như thế trong bao lâu nữa, hả?” Manfred chế nhạo. “Này, nhìn tao đây. Này, chỉ một cái nhìn thôi mà. Chẳng có đau đớn gì đâu.”

Charlie nhận ra ánh mắt mình đang từ từ bị hút về phía khuôn mặt nhợt nhạt của Manfred. Nó không thể cưỡng lại được. Nếu Manfred mà thôi miên được nó, thì mọi thứ sẽ tiêu tan. Nó biết mình sẽ phun ra cho thằng đó tất tần tật. Và sau đó, một ý nghĩ khác bật ra trong đầu nó. Rằng nó có thể chiến đấu với Manfred lắm chứ. Nếu nó đọc được nét mặt và lắng nghe được ý nghĩ của Manfred, thì có thể nó sẽ bẻ gãy được sự kiểm soát của thằng già kia.

Thế là, Charlie nhìn vào khuôn mặt mỏng dính, lạnh lẽo và đôi mắt đen như than đá, rồi cố nghe tiếng nói từ những ý nghĩ của Manfred. Nhưng không có giọng nói nào cả. Thay vào đó là một hình ảnh loang lổ trong đầu Charlie, hình ảnh một người đàn ông đang chơi piano.

“Ngừng lại!” Manfred ra lệnh. “Ngừng việc đó lại, Bone!”

Nhưng Charlie cứ bám chặt vào hình ảnh đó, và giờ đây nó có thể nghe được tiếng nhạc, sâu lắng, mượt mà và tuyệt đẹp.

“Ngừng lại!” Manfred rít rống lên.

Một li nước bay vèo qua đầu Charlie và đập mạnh vào bức tường sau lưng nó, vỡ tan tành. Charlie nhảy khỏi chiếc ghế nó đang ngồi khi đến lượt một cuốn sách bị chăng bay vào nó. Thứ vũ khí tiếp theo Manfred vớ được để ném là cái chặn giấy bằng thủy tinh, nhưng trước khi hắn ném thì của bật mở, và giáo sư Bloor ngó vào.

“Chuyện gì thế này?” ông ta hỏi.

“Nó không đáp ứng,” Manfred rít lên. “Nó cứ ngăn con. Thằng này lại còn chơi được trò đấu trí nữa.”

“Thật thú vị,” giáo sư Bloor nói. “Rất thú vị. Con không nên rơi vào trạng thái như vậy, Manfred à. Ta cảnh báo con đấy. Con phải kiềm chế bản thân chứ.”

Charlie liếc nhanh lên tường. Cái li vỡ nằm vắt lên thành chiếc ghế lúc nãy nó ngồi, và một vệt bắn lớn, ướt nhèm nhẹp làm loang lổ tấm giấy dán tường màu hoa hồng.

“Charlie, mẹ trò đang chờ đó,” giáo sư Bloor tử tế nói với nó. “Đi sắp xếp đồ đạc ngay đi.”

“Vâng, thưa ông,” Charlie hăm hờ trả lời. Nó ra khỏi phòng lẹ hết mức mà nó dám.

Billy đang chờ nó trong phòng ngủ chung. Thằng bé không ở đó một mình. Bên cạnh giường của nó, một con chó già nhất mà Charlie từng thấy đang nằm dưới sàn nhà. Con chó mập ù, và bộ mặt nâu, dài ngoẵng của nó nhúm nhịu lại, gấp nếp nhiều đến độ khó mà nhận ra mắt với mõm nằm ở đâu. Nó đang thở như kéo bễ - cũng chẳng có gì ngạc nhiên vì chắc hẳn nó đã phải leo lên gần chục cái cầu thang từ nhà bếp tới đây. Cái mùi của nó nhắc Charlie nhớ đến mùi rau cải thối của mẹ.

“Nó được phép vô đây hả?” Charlie lo lắng hỏi.

“Không ai biết đâu,” Billy trấn an. “Em được ở một mình vào những ngày cuối tuần, ngay cả bà giám thị cũng về nhà vào thứ Bảy.”

Charlie bắt đầu thấy đồ đạc vô túi, “Phải chi em có thể về nhà với anh,” nó buồn bã. “Ồ đây vào ban đêm chắc chắn là kinh khủng lắm.”

“Em quen rồi,” Billy đáp. “Em đã có con May Phước để trò chuyện. Hôm nay tụi em có nhiều chuyện phải bàn với nhau.”

“May Phước?” Charlie nhìn sinh vật nhần nhúm, béo núc ních dưới chân Billy.

“Cái tên đẹp chứ hả?” Billy hỏi.

Charlie không muốn tranh luận. Nó rất muốn xem Billy giao tiếp với chó như thế nào, nhưng nó không thể đợi được, phải về nhà thôi. Nó chào tạm biệt Billy và phóng như bay qua nhiều hành lang và cầu thang ra cổng.

15. Chương 14

Trò đấu trí

Trong bữa ăn sáng ngày hôm sau, Charlie nhẹ cả người khi thấy Manfred vắng mặt ở bàn ăn.

“Cứ cuối tuần là anh ta ngủ trễ,” Billy nói với nó. “Anh ta thức đến nửa đêm. Đứng từ cửa sổ phòng tụi mình là thấy nền của Manfred thấp trong phòng.”

“Lúc ấy hắn làm gì?” Charlie thì thầm.

“Luyện tập ma thuật,” Olivia đáp lời, đảo tròn mắt.

Charlie nghĩ, rắc rối là ở chỗ, dám Olivia nói đúng lắm.

“Vậy là hắn sẽ không theo dõi tụi mình nguyên buổi sáng hôm nay, phải không?” nó hỏi.

“Không đâu,” Billy quả quyết với nó. “Dĩ nhiên là tụi mình vẫn cần phải lên phòng và làm bài. Tất cả sách vở sẽ được sắp sẵn cho tụi mình, với một tờ câu hỏi phải trả lời, nhưng tụi mình có thể nói chuyện, vẽ tranh hay làm bất cứ việc gì tùy thích, miễn là ở đó đến 12 giờ và làm xong các câu hỏi.”

Chúng theo nhau đến phòng Nhà Vua, ở đây, Charlie thấy một tờ câu hỏi cực kì lắt léo đang chờ nó. Làm chưa hết một nửa, bỗng nó sực nhớ đến Fidelio. “Mình đã hứa phải đến tháp nhạc lúc mười một giờ rưỡi,” nó nói với hai đứa kia. “Fidelio sẽ đến để ra hiệu là anh ấy đã chuyển xong cái thùng.”

“Để tụi này ở đây lo cho,” Olivia sốt sắng đề nghị. “Và nếu đằng ấy chưa trả lời xong mấy câu hỏi, thì lúc quay về cứ cốp-pi bài làm của tớ.”

“Cám ơn nha,” Charlie đáp với lòng biết ơn. Nó nhớ ra là nó không biết đường đến tháp nhạc. Sẽ phải mất cả thế kỉ mới lần ra đường tới đó mất. “Fidelio nói bô sẽ chỉ đường cho mình, nhưng nếu bô mắc lo cho mình ở đây thì...”

“Để tớ vẽ bản đồ cho đằng ấy,” Olivia nói.

Cô bé nói là làm. Trong khi Charlie nhấp nha nhấp nhồm với đề bài của mình, cứ năm phút lại liếc nhìn đồng hồ, thì Olivia hí hoáy vẽ sơ đồ đường dẫn đến tháp nhạc. Con bé dúm tờ giấy cho nó.

“Đằng ấy xem là hiểu được chớ?” nhỏ hỏi.

Charlie nghiên cứu tấm bản đồ. “Ừ, mình sẽ đi qua cánh cửa cuối cùng ở cuối hành lang chính.”

“Ừ, phải rồi.”

“Gần... rưỡi rồi đó,” Billy nhắc.

Charlie vọt bắn lên.

“Nếu có ai vô đây hỏi, tụi này sẽ phịa là đằng ấy mới vô nhà vệ sinh,” Olivia nói.

Charlie bước ra cửa, mở cửa và nhìn ra ngoài. Không có ai ngoài đó cả. Nó vẫy chào Olivia và Billy thật nhanh, lỉnh lẹ ra hành lang và khép lại cánh cửa sau lưng.

Theo sơ đồ của Olivia, nó đến hành lang chính và chạy thục mạng về phía cánh cửa nhỏ hình vòng cung, gần cổng vào. Cánh cửa trông xưa lắc xưa lơ này dường như đã bị khoá. Lòng Charlie chùng xuống. Nó vặn cái vòng sắt bự dùng làm nắm đấm cửa, tới lần thứ ba thì cánh cửa bật ngả về sau. Charlie bước vào một lối đi tối như hũ nút và cẩn thận chốt cửa lại sau lưng.

Charlie nhận ra mình bây giờ đang ở trong phần tòa nhà ngay dưới phòng của Manfred. Nó bắt đầu đi nhón chân.

Hành lang đá tối tăm, dài hun hút, dẫn tới một căn phòng trống ở tầng trệt của tháp. Charlie trông thấy cánh cửa mà chắc hẳn Billy đã mở ra cho lũ mèo vô. Cánh cửa giờ đây được chốt chắc chắn. Đối diện cánh cửa này là một dãy cầu thang đá dẫn lên những tầng trên.

Charlie bắt đầu dò dẫm lên những bậc thang xoắn ốc, không có tay vịn hay dù chỉ một sợi dây thừng để bám vào. Cuối cùng, nó bước vô một căn phòng trống khác, có hai cửa sổ nhìn ra quảng trường. Nó chăm chú nhìn ra ngoài. Không thấy bóng dáng Fidelio đâu cả. Có lẽ tại nó chưa đủ cao để có được tầm nhìn tốt. Charlie leo thêm dây cầu thang thứ hai, nó không dừng lại ở tầng kế tiếp mà lẹ làng leo tiếp dây cầu thang thứ ba. Từ đây nó có thể thấy toàn cảnh thành phố. Sáng hôm đó trời tươi sáng, lành lạnh, và phía xa xa, ngôi nhà thờ đồ sộ nhô hẳn lên khỏi lớp lớp mái nhà chung quanh nguy nga, tráng lệ; chóp tháp màu vàng óng của nó lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Thình lình, có hai cái bóng chạy băng qua vòi phun nước ở phía dưới và tới chân tháp thì dừng lại. Hai cái bóng đó vẫy tay. Vậy là Fidelio có dẫn Benjamin theo cùng.

Charlie vẫy tay đáp lại. Fidelio có giấu được cái thùng trót lọt không? Charlie giơ ngón tay cái bên phải ra ngoài cửa sổ và nhún vai. Rồi nó xoè hai bàn tay ra. Liệu bọn kia có hiểu nó hay không?

Rõ ràng là không. Fidelio và Benjamin bắt đầu hành động một cách rất kì dị. Benjamin kéo một sợi dây tưởng tượng, trong khi Fidelio để tay sau mông và lúc lắc tay giống như một cái đuôi. Charlie lắc đầu và nhún vai. Bọn chúng làm gì vậy? Hành động đó chẳng có ý nghĩa gì cả.

Cả hai thằng kia rõ ràng là đang rất hào hứng về một điều gì đó, nhưng Charlie muốn biết là cái thùng có an toàn không. Nó thử dùng hai bàn tay tạo ra đủ loại hình, để minh hoạ cho câu hỏi: “Có an toàn không? Cái thùng ấy? Đâu rồi?”

Chẳng được cái tích sự gì. Benjamin và Fidelio hẳn đang có điều gì đó khác trong đầu. Cho dù điều đó là gì thì Charlie cũng phải đợi đến tối nay mới biết được. Nó vẫy tay thêm lần nữa và định chạy xuống cầu thang, thì chợt nghe có tiếng bước chân ở bên dưới. Nếu chạy qua cánh cửa vào hành lang rộng, thì nó sẽ bị lộ diện ngay bên ngoài phòng Manfred. Cách duy nhất để thoát thân là chạy tiếp lên trên.

Khi Charlie bắt đầu rón rén lên tầng bốn, có tiếng nhạc văng vẳng khắp khu vực cầu thang chật hẹp. Ai đó đang chơi đàn piano. Hay tuyệt. Đó là một giai điệu mê li, vừa mạnh mẽ lại vừa réo rắt. Người nghệ sĩ này có vẻ làm chủ tất cả mọi cung bậc trên phím đàn.

Như thể có một sợi chỉ ma thuật kéo Charlie về phía âm thanh ấy. Nó không dừng lại ở tầng bốn, mà cứ vậy leo lên tiếp, bây giờ thì chậm lại và hơi sờ sợ, vì nhận ra mình không thể dừng lại được. Hơn nữa, nó sợ cái mà nó có thể nhìn thấy khi lên đến đỉnh tháp.

Căn phòng mà nó cuối cùng cũng bước vào không trống trải như những phòng kia. Phòng này chất đầy sách nhạc. Những chồng tập nhạc nằm dưới sàn. Các kệ sách đóng trên những bức tường xếp kín những cuốn sách giao hưởng đóng bìa da – chúng được xếp theo tên của các nhà soạn nhạc kiệt xuất: Mozart, Chopin, Beethoven, Bach, Liszt. Một số cái tên quen thuộc với Charlie, một số khác nó chưa bao giờ nghe nói đến.

Phía bên trong một cánh cửa nhỏ bằng gỗ sồi, một dòng suối nhạc piano trầm bổng vọng ra. Charlie sờ vào nắm đấm cửa. Nó xoay nắm đấm, mở cửa ra và cứ thế đứng ở ngưỡng cửa mà chăm chăm nhìn vô phòng. Trong phòng trống rỗng, ngoại trừ một cây đàn piano đen nhẫy, khổng lồ và người đàn ông ngồi phía sau:

thầy Pilgrim. Ông thầy piano xa lạ nhìn thẳng vào Charlie; nhưng hình như ông không nhận ra là cửa mở, mặc dù gió lùa khiến một vài tờ báo bay khỏi bậu cửa sổ.

Charlie không biết phải làm gì. Nó cứ đứng ngây ra, như bị thôi miên, và rồi, cuối cùng, nó bước vô phòng và khép cửa lại sau lưng. Thầy Pilgrim vẫn mê mải dạo đàn, hết nhìn xuống đôi tay mình lại thả hồn ra bầu trời bên ngoài cửa sổ, nét mặt thầy vô định, đôi mắt đen và sâu thăm thẳm.

Xa xa, tháp đồng hồ của ngôi nhà thờ lớn bắt đầu điểm giờ cho toàn thành phố. Một, hai, ba... lúc đó là 12 giờ, Charlie chợt nhớ ra. Nó sẽ trễ mất. Người ta sẽ thắc mắc không biết nó ở đâu. Không chừng chính Manfred sẽ đi tìm nó. Nó toan quay đi, thì bỗng nhiên, thầy Pilgrim ngừng chơi. Hình như thầy đang lắng nghe tiếng chuông đồng hồ. Đến tiếng gõ thứ mười hai thì thầy Pilgrim đứng dậy. Trông thấy Charlie đứng lớ xớ bên cánh cửa, thầy nhăn mặt.

“Con... con xin lỗi, thưa thầy, con bị lạc,” Charlie lập bập nói. “Tiếng đàn của thầy rất... à... hay quá... thưa thầy, làm con chỉ muốn lắng nghe.”

“Cái gì?” thầy Pilgrim hỏi.

“Nhạc của thầy làm con chỉ muốn lắng nghe, thưa thầy.”

“Ồ.”

“Con xin lỗi vì đã tự tiện vô phòng thầy,” Charlie lí nhí. “Thưa, con đi đây.”

“Đợi đã.” Người thầy xa lạ vòng qua cây đàn piano, bước về phía Charlie. “Con là ai?”

“Dạ, con là Charlie Bone.”

“Charlie sao?”

“Dạ phải.”

Charlie thấy một thoáng quan tâm nhá lên trong đôi mắt đen của thầy Pilgrim, rồi vụt tan. “Ra vậy,” thầy lẩm bẩm. “Con nên chạy đi thì hơn.”

“Vâng, thưa thầy.”

Trong chớp mắt, Charlie đã biến khỏi. Nó phóng qua cửa, lao xuống các bậc thang xoắn ốc với thời gian chỉ bằng một nửa lúc nó đi lên. Nó chạy được đến phòng Nhà Vua mà không gặp phải ai, ngoại trừ người gác cửa nhe răng cười và nháy mắt hết cỡ với nó khi nó chạy lẹ qua hành lang.

“Làm gì thế?” Olivia hỏi ngay khi Charlie học tốc vào phòng. “Manfred nãy giờ thò mặt vô đây hai lần, hỏi xem đăng ấy ở đâu!”

“Thế bồ nói gì với nó?” Charlie hỏi lại.

“Tớ nói như tụi mình đã nhất trí với nhau. Nói bồ ở trong nhà tắm.”

“Những hai lần cơ à?” Charlie lo lắng.

“Lần thứ hai em nói anh bị đau bụng,” Billy nói rành rọt, vẻ nghiêm trang. “Nhưng em không biết anh ấy có tin hay không.”

Vừa lúc đó, thầy Paltry-Kèn Sáo bước vô, thu lại sách và bảo bọn trẻ chuẩn bị đi ăn trưa.

Bữa trưa hôm ấy có bánh mì sandwich kẹp pho mát và một quả táo cho mỗi phần ăn. Các giáo viên trực trong ngày thứ Bảy ngồi ở dãy bàn cao, nhưng Manfred và giáo sư Bloor lại không xuất hiện.

“Vào cuối tuần họ dùng bữa ở chái phía tây tòa nhà,” Billy giải thích, “cùng với bà Bloor và những người khác trong gia đình.”

Charlie kinh ngạc.

“Vậy ra còn nhiều người nhà Bloor nữa à?”

“Có một ông lão già, già khiếp,” Billy nói. “Em chưa bao giờ thấy ông ấy, nhưng con chó của bếp trưởng có nói về ông ấy cho em nghe.”

“Tớ cá là đằng ấy biết rất nhiều thứ từ con chó của bếp trưởng,” Olivia nhận xét.

“Đúng thế,” Billy công nhận.

Sau bữa trưa, bọn trẻ được phép ra vườn và Olivia cứ nhất mực rủ cả bọn đến gần khu đổ nát. Billy không hăm hở lắm, nhưng Charlie lại tò mò.

“Thôi nào, Billy,” Olivia động viên. “Tụi mình chỉ nhìn thôi mà. Tớ chưa bao giờ được chơi trò huỷ diệt cả.”

“Mình cũng chưa,” Charlie xen vào.

“Em cũng thế,” Billy cầu nhàu, nhưng cũng miễn cưỡng theo chân hai đứa lớn ra chỗ những bức tường rêu phong, xỉn màu. Chúng cao ít nhất phải bốn mét, Charlie nhắm đoán, và dày chắc. Những viên đá lớn lộ lộ hiện ra khỏi những rặng cây, tựa hồ như ranh giới của một thành phố cổ xưa đã biến mất. Cổng vào là một mái rộng hình vòm, và bên trong cổng, mấy đứa có thể thấy một mảnh sân lát gạch, phủ đầy rêu, từ đó có năm lối nhỏ râm mát rẽ ra.

Charlie nghĩ đến cô bé bị biến mất và rùng mình. “Chuyện gì đang diễn ra ở đó vậy?” Nó lăm bằm.

Olivia đoán được những gì nó nghĩ:

“Tớ chắc chắn là sẽ không bao giờ chui vô đó một mình, dù chỉ một giây. Nó làm tớ sờn cả tóc gáy. Tớ cứ thắc mắc không biết chuyện gì đã xảy ra cho con bé tội nghiệp kia. Người ta nói là áo chùng của nó bị xé thành từng mảnh.”

“Đó là một con sói,” Billy nói.

“Sói?” Charlie và Olivia nhìn nó chằm chằm.

“Con chó của bà bếp trưởng nói với em như vậy,” Billy cho biết. Nó không bao giờ nói dối đâu. Chó không nói dối bao giờ. Chính xác, nó nói con vật đó là một giống sói. Con sói đó vẫn sống trong trường này, nhưng ban đêm nó chạy ra ngoài khu đổ nát.”

Bất giác cả bọn ngóc cổ ngược nhìn lên bầu trời, những đám mây chiều đang ùn ùn kéo tới.

Olivia thụt lùi lại một bước, rồi quay đầu chạy thục mạng qua bãi cỏ, miệng thét lên thảm thiết: “Khôôôông! Khôôôông!”

Hai thằng con trai chạy theo sau, bật cười hích hích trước đôi chân trắng đang chạy trời chết và tiếng thét thất thanh, nghe thiết tức cười của cô nàng, tuy Charlie thầm thú nhận là trong tiếng cười của chính nó có pha chút sợ hãi.

Chúng phóng bừa qua cửa vườn và đâm sầm vào Manfred.

“Olivia Vertigo, đi sắp xếp đồ đạc,” hần lạnh lùng ra lệnh. “Bone, đi theo anh.”

“Tại sao?” Charlie hỏi, cúi gằm mặt xuống sàn nhà.

“Tại vì anh đã nói thế thì mày phải đi,” Manfred trịch thượng.

Charlie rất muốn chạy lên phòng chung cùng với Olivia. Chẳng còn lâu nữa, mẹ nó cũng sẽ đến cổng đón nó. Rõ ràng là Manfred sẽ không thể ngăn nó về nhà. Nhưng biết đâu, hần cũng có thể làm việc đó lắm chứ.

Manfred quay đi và bật ngón tay tanh tách. Charlie nhe răng cười một cách căng thẳng với hai đứa bạn rồi đi theo thằng lớn kia.

“Chúc may mắn!” Olivia thì thầm.

Manfred dẫn đường đến phòng huynh trưởng. Hôm nay phòng vắng lặng và Manfred cho phép Charlie ngồi trên một trong mấy cái ghế dựa, trong khi hần ngồi ở vị trí thường ngày của mình ở sau chiếc bàn giấy lớn.

“Đừng có dờ ra thế, Charlie!” Manfred cố giãn ra một nụ cười, nhưng xem ra nó không được giỏi trong chuyện này cho lắm. “Anh không có ăn thịt mày đâu.”

Charlie chẳng tin. Mắt nó vẫn ngó tịt xuống đất.

“Anh chỉ muốn biết mày giấu cái thùng, mà bà Ingledew đã đưa cho mày ở đâu. Nó là của bọn anh, mày biết mà.” Giọng Manfred nhẹ nhàng và đầy vẻ dụ dỗ, nhưng Charlie không bị mắc lừa.

“Tôi chẳng hiểu anh đang nói gì,” nó chối phắt.

“Đương nhiên là mày biết chứ, Charlie. Nó không có gì hay ho cho mày đâu. Thực ra nó chỉ đem phiền phức đến cho mày thôi. Nào, nói đi, nó đâu rồi?”

Charlie không trả lời, Manfred bắt đầu mất kiên nhẫn. “Nhìn tao đây, thằng kia!” nó quát lên.

Mắt Charlie vẫn dán chặt xuống đất.

“Mày nghĩ mày tiếp tục được như thế trong bao lâu nữa, hả?” Manfred chế nhạo. “Này, nhìn tao đây. Này, chỉ một cái nhìn thôi mà. Chẳng có đau đớn gì đâu.”

Charlie nhận ra ánh mắt mình đang từ từ bị hút về phía khuôn mặt nhợt nhạt của Manfred. Nó không thể cưỡng lại được. Nếu Manfred mà thôi miên được nó, thì mọi thứ sẽ tiêu tan. Nó biết mình sẽ phun ra cho thằng đó tất tần tật. Và sau đó, một ý nghĩ khác bật ra trong đầu nó. Rằng nó có thể chiến đấu với Manfred lắm chứ. Nếu nó đọc được nét mặt và lắng nghe được ý nghĩ của Manfred, thì có thể nó sẽ bẻ gãy được sự kiểm soát của thằng già kia.

Thế là, Charlie nhìn vào khuôn mặt mỏng dính, lạnh lẽo và đôi mắt đen như than đá, rồi cố nghe tiếng nói từ những ý nghĩ của Manfred. Nhưng không có giọng nói nào cả. Thay vào đó là một hình ảnh loang lổ trong đầu Charlie, hình ảnh một người đàn ông đang chơi piano.

“Ngừng lại!” Manfred ra lệnh. “Ngừng việc đó lại, Bone!”

Nhưng Charlie cứ bám chặt vào hình ảnh đó, và giờ đây nó có thể nghe được tiếng nhạc, sâu lắng, mượt mà và tuyệt đẹp.

“Ngừng lại!” Manfred rít rống lên.

Một li nước bay vèo qua đầu Charlie và đập mạnh vào bức tường sau lưng nó, vỡ tan tành. Charlie nhảy khỏi chiếc ghế nó đang ngồi khi đến lượt một cuốn sách bị chăng bay vào nó. Thứ vũ khí tiếp theo Manfred vớ được để ném là cái chặn giấy bằng thủy tinh, nhưng trước khi hắn ném thì cửa bật mở, và giáo sư Bloor ngó vào.

“Chuyện gì thế này?” ông ta hỏi.

“Nó không đáp ứng,” Manfred rít lên. “Nó cứ ngăn con. Thằng này lại còn chơi được trò đấu trí nữa.”

“Thật thú vị,” giáo sư Bloor nói. “Rất thú vị. Con không nên rơi vào trạng thái như vậy, Manfred à. Ta cảnh báo con đấy. Con phải kiềm chế bản thân chứ.”

Charlie liếc nhanh lên tường. Cái li vỡ nằm vắt lên thành chiếc ghế lúc nãy nó ngồi, và một vệt bắn lớn, ướt nhèm nhẹp làm loang lổ tấm giấy dán tường màu hoa hồng.

“Charlie, mẹ trò đang chờ đó,” giáo sư Bloor tử tế nói với nó. “Đi sắp xếp đồ đạc ngay đi.”

“Vâng, thưa ông,” Charlie hăm hở trả lời. Nó ra khỏi phòng lệ hết mức mà nó dám.

Billy đang chờ nó trong phòng ngủ chung. Thằng bé không ở đó một mình. Bên cạnh giường của nó, một con chó già nhất mà Charlie từng thấy đang nằm dưới sàn nhà. Con chó mập ù, và bộ mặt nâu, dài ngoẵng của nó nhúm nhịu lại, gấp nếp nhiều đến độ khó mà nhận ra mắt với mõm nằm ở đâu. Nó đang thở như kéo bễ - cũng chẳng có gì ngạc nhiên vì chắc hẳn nó đã phải leo lên gần chục cái cầu thang từ nhà bếp tới đây. Cái mùi của nó nhắc Charlie nhớ đến mùi rau cải thối của mẹ.

“Nó được phép vô đây hả?” Charlie lo lắng hỏi.

“Không ai biết đâu,” Billy trấn an. “Em được ở một mình vào những ngày cuối tuần, ngay cả bà giám thị cũng về nhà vào thứ Bảy.”

Charlie bắt đầu thấy đồ đạc vô túi, “Phải chi em có thể về nhà với anh,” nó buồn bã. “Ồ đây vào ban đêm chắc chắn là kinh khủng lắm.”

“Em quen rồi,” Billy đáp. “Em đã có con May Phước để trò chuyện. Hôm nay tại em có nhiều chuyện phải bàn với nhau.”

“May Phước?” Charlie nhìn sinh vật nhả nhúm, béo núc ních dưới chân Billy.

“Cái tên đẹp chứ hả?” Billy hỏi.

Charlie không muốn tranh luận. Nó rất muốn xem Billy giao tiếp với chó như thế nào, nhưng nó không thể đợi được, phải về nhà thôi. Nó chào tạm biệt Billy và phóng như bay qua nhiều hành lang và cầu thang ra cổng.

16. Chương 15 Phần 1

Câu chuyện của nhà phát minh

Mẹ Charlie đang ngồi trên một chiếc ghế lớn chạm trổ, ngay gần cánh cửa chính. Mới đầu Charlie chưa nhìn thấy mẹ, vì mẹ nó bị thân hình vạm vỡ của giáo sư Bloor che khuất. Ông ta đang nói chuyện với mẹ Charlie một cách nghiêm trọng, còn bà Amy trông cứ thấp thỏm như một nữ sinh vừa làm điều gì sai trái. Khi thấy Charlie, bà vẫy nhẹ nó một cái và mỉm cười một cách lo lắng.

Giáo sư Bloor quay người lại.

“A, cậu ấy đây rồi,” ông ta cố tỏ ra hồ hởi. “Ta đang thông báo cho mẹ con biết con đã học tốt như thế nào trong tuần lễ đầu tiên, ngoại trừ... ờ... phạm một tội nhẹ trong vụ áo chùng.”

“Thưa ông, đúng thế ạ.” Charlie không biết sẽ phải giải thích với mẹ như thế nào đây về cái áo chùng bị xé rách. Thôi thì cứ giấu nhẹm đi, nó quyết định như thế.

Mẹ Charlie đứng lên, hôn vội lên má nó một cái và dắt nó đi thật nhanh ra cửa, không để ông Bloor kịp nói thêm tiếng nào nữa.

“Cuối tuần vui vẻ nhé,” giáo sư Bloor nói với theo, giả dờ như không biết là đã cướp đi mất đứt hơn phân nửa kỳ cuối tuần của Charlie.

“Vâng, thưa ông,” Charlie đáp lời, cũng giả dờ quên thêm vào tiếng cảm ơn.

Mẹ Charlie không dă động gì đến cái tội nhẹ của nó.

“Mẹ hi vọng con không ngán đi bộ chứ, Charlie. Trời chưa đủ tối nên ông cậu Paton chưa ra ngoài được, mà mẹ thì không kiếm đủ tiền để đi taxi. Và vì con đã lỡ mất chuyến xe buýt của trường, nên...”

“Không sao đâu, mẹ.”

“Họ thật không phải chút nào. Ai lại phạt cấm túc con ngay tuần đầu tiên,” bà bức bối nói. “Mà thôi, quên vụ này đi, đúng không? Ngoại Maisie đã nấu tất cả những món con thích.”

Charlie cảm thấy đói ngấu.

Họ băng qua quảng trường có vòi phun nước, rồi đi vào một con hẻm dẫn ra Phố Lớn. Đúng lúc đi được nửa con phố, thì Charlie nhận ra bên kia đường có một lão già đang bám theo hai mẹ con nó.

Ngay lập tức, Charlie biết đó là ai. MÀN CẢI TRANG THIỆT LÀ VÔ VỌNG. Quần áo trông chẳng hợp gì cả, bộ râu quai nón màu trắng trông biết ngay là râu giả, không “ăn” chút nào với mớ tóc đỏ rực lòi ra sau cái nón lưỡi trai cũ sờn.

“Mẹ, mình đi nhanh hơn được không, mẹ?” Charlie hỏi. “Có người bám theo mẹ con mình.”

“Bám theo?” Bà Amy đứng sững lại và ngoái ra sau. “Ai đi theo chúng ta?”

“Có một thằng đấy mà,” Charlie nói với mẹ. “Nó ở bên kia đường. Lạ thật, vì nó biết nhà mình rồi mà. Hình như nó bám theo chỉ để hù cho mẹ con mình sợ thôi!”

“Nhanh lên, Charlie!” Bà Amy túm lấy cánh tay Charlie và kéo tuột nó vào một ngõ hẻm khác. “Đường này đi sẽ lâu hơn, nhưng mẹ không thể chịu nổi chuyện bị theo dõi.”

Charlie nhớ ra, trước đây việc này đã từng diễn ra với mẹ nó. Ngay sau đám cưới, ba nó đã bắt đầu phải nơm nớp ngoái nhìn lại sau. Mẹ nó đã kể với họ như thế. Nhưng lúc đó ai đã đi theo họ?

Lúc này, mẹ Charlie đang làm một lộ trình vòng vèo qua những con hẻm nhỏ, hoàn toàn lạ lẫm đối với Charlie.

“Lâu lắm rồi mẹ mới đi đường này, nhưng nó không thay đổi nhiều lắm. A, đây rồi!” Khi bà thốt ra câu này thì hai mẹ con đã đâm ra quảng trường nhỏ trước mặt nhà thờ.

“Ôi!” bà sững sốt, áp tay lên ngực, như thể cảnh tượng tòa nhà khổng lồ đã làm bà nghẹt thở. “Ba con xưa vẫn hay chơi đàn organ ở đây,” bà thì thầm. “Nhưng mẹ đã không quay trở lại nơi này từ khi... từ khi... ba con ngừng chơi.”

Bà Amy rảo bước nhanh hơn, như không thể chịu đựng thêm được nữa, và tất nhiên, hai mẹ con đều nhận ra mình đang đi ngang qua tiệm sách của cô Ingledew.

“Con biết cái cô sống ở đây,” Charlie dừng lại để dòm qua cửa sổ. “Mình vào nha mẹ?”

“Đóng cửa rồi mà,” mẹ nó nói nhanh. “Con nhìn tấm bảng này.” Và sau đó, khi họ vội vàng đi tiếp, bà nói thêm, “Tôi qua ông cậu Paton đã tới đây. Lúc về ông cậu đem theo một túi đầy sách. Gần đây không biết có điều gì mà khiến ông cậu của con thay đổi đột ngột. Chẳng còn giống ông cậu chút nào hết.”

Phải chăng cuối cùng thì ông cậu Paton đã ngẩng đầu lên?

Ngoại Maise đã trông thấy hai mẹ con từ xa, trước khi họ leo lên những bậc tam cấp của căn nhà số 9. Khi Charlie bước qua cửa nhà bếp thì ấm nước đang sôi, và một bữa tiệc thịnh soạn đã được dọn sẵn trên bàn.

“Họ đâu có quyền giữ cháu cách xa chúng ta thêm cả một ngày như vậy,” ngoại Maise kêu lên, ôm chầm lấy Charlie, ghì nó đến nghẹt thở.

“Tại nó vi phạm nội qui,” một tiếng nói phát ra từ chiếc ghế xích đu cạnh lò sưởi. “Nó cần phải học mà hiểu nội qui.” Nội Bone nhăn mặt nhìn Charlie. “Gớm, coi tóc với tai kia! Mày không đem lược đến trường à?”

“Dạ, có chứ,” Charlie thanh minh, “nhưng giám thị không nói gì về chuyện tóc tai của tụi con. Nội biết con nói tới giám thị là có ý muốn nhắc tới ai chứ?”

“Tất nhiên là Lucretia,” nội Bone cau kỉnh.

Đây quả là một bất ngờ lớn cho ngoại Maisie và bà Amy, hai người há hốc miệng ra nhìn nội Bone.

“Sao mẹ không cho chúng tôi biết?” Mẹ Charlie la lên.

“Mắc gì ta phải nói,” bà già khụt khịt. Đoạn bà quay trở lại với quyển sách đang đọc dở, như thể không hề có chuyện gì xảy ra.

“Chà,” ngoại Maisie lên tiếng. “Có người lại khệnh khạng thế đấy!”

Nội Bone giả ngơ luôn lời nhận xét này, cũng như làm ngơ luôn bữa trà thân mật mà các thành viên khác trong nhà (trừ ông cậu Paton, dĩ nhiên) sắp ngồi xuống dùng.

Charlie nặn óc nghĩ ra cách để hỏi thăm ông cậu, nhưng nội Bone trông băng giá đến nỗi nó quyết định thôi luôn. Nó không muốn làm nổ thêm cuộc tranh cãi nào nữa, mà chỉ muốn ních đầy các món khoai khoai rồi mau mau đi gặp Benjamin.

“Đi đâu đó, hả?” Nội Bone hỏi sau bữa trà, khi Charlie đi ra cửa trước.

“Dĩ nhiên là nó đi gặp bạn nó,” ngoại Maisie trả lời thay.

“Chi vậy?” nội Bone chất vấn. “Nó có bốn phận ở nhà với gia đình vào cuối tuần.”

“Đừng ngây ngô như thế chứ, bà Grizelda,” ngoại Maisie sức lại. “Cháu cứ đi đi, Charlie.”

Charlie vọt bắn ra cửa, trước khi nội Bone kịp mở miệng thêm câu nào nữa. Nó chạy băng qua đường, tới nhà số 12, và ở đó, không những nó được gặp Benjamin mà còn có cả Fidelio. Trông hai đứa có vẻ rất hào hứng. Chúng lập tức lôi ngay Charlie vô bếp, nơi những mẩu pizza, khoai tây chiên, chuối và bánh quy thừa còn vung vãi trên bàn. Con Hạt Đậu đang say mê thưởng thức những miếng đồ ăn rơi xuống sàn, nhưng ngay khi Charlie đi vô, nó liền nặng xị cả lên: nhảy chồm chồm, thè cái lưỡi cực kỳ nhớp nháp liếm lấy liếm để lên mặt Charlie.

Charlie cố dứt ra khỏi con Hạt Đậu, trong khi Benjamin bắt đầu thuật lại những gì đã xảy ra. Có vẻ như tụi nó đã phát hiện được một điều gì đó vô cùng hệ trọng.

“Chính Fidelio,” Benjamin nói. “Bồ biết không, cái giọng nói trong con chó máy bồ tặng mình đó... ờ... anh Fidelio bảo nếu tụi mình cho cái băng chạy tới thì có lẽ sẽ có thêm gì đó nữa. Và đúng là có thêm thật.”

“Vậy hóa ra sáng nay hai người muốn diễn tả điều đó cho mình hả?” Charlie gật gù. Trò hề lạ lùng của lũ bạn nó bỗng nhiên đã có ý nghĩa. “Hai người làm điệu bộ như kéo cái đuôi chó vậy...”

“Thế lúc ấy em không hiểu hả?” Fidelio cười toe toét. “Ngồi xuống đi, Charlie, và nghe câu chuyện giết gân đây!”

Charlie nhận thấy lũ bạn đã tìm cách kéo được cái thùng của tiến sĩ Tolly ra khỏi tầng hầm rồi. Nó kéo ghế ra và ngồi vô bàn. Đứng giữa mặt bàn là con chó kim loại, bao quanh là bìa cứng và vụn bánh.

“Nghe đây,” Fidelio đồng dục. Nó giật đuôi con chó, và ngay khi giọng nói quen thuộc của tiến sĩ Tolly bắt đầu đưa ra lời hướng dẫn, Fidelio nhún tai trái con chó cho cuộn băng chạy tới.

“Rồi,” nó cao giọng. “Tới rồi đó.”

Tiến sĩ Tolly nói trở lại, lần này giọng ông nghe khác hẳn, khẩn thiết và sâu thẳm hơn. Charlie xích ghế lại.

‘Julia thương mến,’ giọng nói bắt đầu, ‘nếu nghe được những lời này thì chị sẽ khám phá ra bí mật về đứa con yêu dấu của tôi; đứa bé trước đây là Emma Tolly, nhưng giờ đây nó đã mang một cái tên khác. Tôi hi vọng chị đã tìm ra một nơi an toàn để giấu cái thùng đề Mười Hai Tiếng Chuông của Tolly. Tôi không thể gửi chìa khóa hay lời hướng dẫn cách mở nó cho chị được, vì tôi không tin tưởng ai, Julia à. Họ nghe trộm ngoài cửa phòng tôi, ăn cắp thư từ của tôi, và đến lúc chị nghe được lời nhắn này thì chúng đã đánh cắp cuộc đời tôi. Tôi biết rõ lắm. Tôi đã yếu sức lắm rồi. Tôi không thể ra khỏi giường. Những kẻ thù của tôi đã đầu độc tôi, Julia, và đây chính là hình phạt cho những gì tôi đã làm với con mình.’

Và thế là, giờ đây, tôi sẽ kể cho chị biết sự việc đó đã xảy ra như thế nào, tôi đã rơi vào tình thế trở trêu này sao. Như chị biết đấy, tôi đã quyết định trao bé Emma cho người khác. Chính lòng tham đã thúc giục tôi. Thứ chúng trao cho tôi để lấy con của gái tôi là một thách thức gây hứng thú nhất trong đời tôi. Chúng đưa cho tôi một bản sao rất hoàn hảo tổ tiên của tôi, hiệp sĩ từ Toledo với thanh gươm sắc bén nhất trần đời. Tôi sẽ phải biến bản sao đó thành người thật – tôi mới ngạo mạn làm sao khi tin rằng mình có thể làm được điều đó. Tôi đã làm việc cật lực trong 5 năm. Không thành công. Tôi chỉ là một nhà khoa học, chứ không phải là một phù thủy. Khi Emma lên 7 tuổi, tôi yêu cầu họ trả con lại. Họ từ chối, với lí do là tôi đã không hoàn thành nhiệm vụ của mình.’

Đúng lúc này, Benjamin bỗng hắt xì một cái, cắt ngang thứ bùa mê mà giọng nói đầy thuyết phục của tiến sĩ Tolly đang truyền qua lũ trẻ.

“Chà chà, thú vị thật,” Charlie tám tặc. “Nhưng cũng chẳng giúp cho tụi mình biết được gì nhiều.”

“Chi tiết đầu độc thú vị đấy chứ,” Benjamin nói.

“Nghe đi,” Fidelio yêu cầu chúng. Nó tạm dừng cuộn băng lại. “Phần kế tiếp là phần hay nhất. Tất cả mọi việc đều diễn ra ở đó.”

Benjamin và Charlie im bật, đầy ý thức trách nhiệm, trong khi Fidelio bật lại cuộn băng. Một lần nữa, giọng nói trầm sâu của tiến sĩ Tolly lại vang lên từ con chó máy.

‘Julia, chúng hứa là tôi sẽ được gặp và thăm con. Tôi nghĩ đó sẽ là một cuộc sống tốt cho Emma bé nhỏ, được bảo bọc trong một gia đình chan chứa tình yêu thương – có cha mẹ, có anh – thay vì phải sống với tôi, một gã hay gắt gỏng, đãng trí. Họ nói họ sẽ cho con tôi biết sự thật nó là ai, để một ngày kia, con bé có thể chọn trở về với tôi hoặc đến sống với chị, Julia à. Đó là hi vọng của tôi. Đó là trước khi tôi biết những gì Manfred có thể làm...’

Charlie ngó Fidelio, đang trợn tròn mắt. Benjamin thì thầm: “Phải đó là...?”

“Suýt!” Fidelio ra hiệu.

‘Tôi nhớ rõ ngày hôm ấy,’ tiến sĩ Tolly tiếp. ‘Chị còn nhớ chứ, trước tiên tôi đến tiệm sách của chị, và mặc cho Emma một chiếc váy trắng và thắt ruy băng lên tóc cho con bé. Nhưng chị không đi tới quảng trường trước nhà thờ cùng với cha con tôi. Giá mà lúc ấy chị cũng đến đó.’

Ở đó có bốn người – Bloor, vợ và con trai ông ta, và một lão già. Thằng bé lúc ấy khoảng 8 tuổi. Chúng đặt cái thùng dưới chân tôi và, đúng là trong thùng có một bức tượng; sau đó, tôi nâng con gái bé bỏng của mình lên và lão già chìa tay ra.

Đúng giây phút đó thì sự việc xảy ra, Julia ạ. Đó là khi tất cả mọi thứ bắt đầu đi chệch lối. Khi chiếc đồng hồ to trên đầu chúng tôi bắt đầu điểm giờ, thì một người đàn ông từ trong nhà thờ chạy bổ ra. Tôi nhận ra anh ta ngay lập tức. Đó là người đánh đàn organ trẻ tuổi cho nhà thờ. Trong khi ca đoàn vẫn đang hát, thì anh ta chạy về phía chúng tôi. Anh ta giơ tay lên và la lớn. “Ngừng lại! Các người không được làm thế!”

Khi anh ta xông tới chặn trước mặt tôi, thì lão già liền đâm một đâm vô mặt anh ta. Người nhạc công trẻ đánh trả lại và lão già ngã xuống, đập đầu xuống nền đá. Lão ta thét lên đau đớn. Liền đó, tôi nhận thấy Manfred nhìn trừng trừng người đàn ông kia, đôi mắt nó trông như hai hòn than đen ngòm. Anh nhạc công lập tức đưa tay ôm mặt và quỵ xuống.

Lúc ấy Emma khóc thét lên vì khiếp sợ, nhưng Manfred quay đôi mắt khủng khiếp ấy về phía tôi, và tôi thấy mình đặt đứa con đang gào khóc của mình vô tay nó. Khi đồng hồ nhà thờ gõ mười hai giờ, nó nhìn con bé và con bé nín khóc ngay lập tức. Con bé dường như sợ đến chết trân.

17. Chương 15 Phần 2

Tôi là một kẻ hèn nhát, Julia ơi. Lúc đó tôi đã làm một việc tồi tệ hết sức. Tôi đã bỏ chạy. Tôi xách cái thùng lên và chạy trốn vô những ngõ hẻm, như thể đang bị ma quỷ của địa ngục đuổi theo sau lưng.

Sau này, tôi mới khám phá ra là chúng đã gửi Emma cho một gia đình khác. Chúng nhất định không nói cho tôi biết là ở đâu. Lão già bị tàn tật suốt đời sau cú ngã kia. Còn anh nhạc công trẻ tuổi kia thì tôi không bao giờ nhìn thấy nữa. Tôi hiểu rằng cả anh ta và bé Emma của tôi đều ở trong tình trạng còn tồi tệ hơn bị thôi miên. Họ sẽ bị yếm bùa suốt đời, nếu tôi không tìm được cách giải bùa cho họ. Và vì thế, tôi lại đi tìm cách. Trong cái thùng ghi Mười Hai Tiếng Chuông của Tolly có một âm thanh có thể đánh thức bé Emma tỉnh lại. Gia đình Bloor biết được điều tôi đang làm, và tất nhiên, họ muốn phá hủy sáng chế của tôi. Nếu cô ấn lên các mẫu tự, từng chữ từng chữ một, ấn mạnh và cẩn thận, thì cái thùng sẽ mở ra...’

“Vậy ra đó là cách mở cái thùng,” Charlie nói.

“Khoan!” Fidelio giơ tay lên. “Nghe cái này đi đã!”

‘Suýt nữa thì tôi quên, giọng tiến sĩ Tolly lại cất lên. Tại sao chúng lại muốn con của tôi? Bọn tôi, giáo sư Bloor và tôi, cùng là sinh viên với nhau. Việc tôi thổ lộ những bí mật riêng tư của mình với người bạn cũ là lẽ tự nhiên. Tất nhiên, tôi không thể nói cho ai khác. Rằng Emma biết bay. Việc chỉ mới xảy ra một lần khi bé được vài tháng tuổi. Nhưng biết đâu đây...?’

Hãy bảo trọng, Julia. Đoạn ghi âm này đã hết. Người bưu tá đang ở ngoài cửa. Vĩnh biệt chị.’

“Mấy bồ nghĩ thế nào?” Fidelio hỏi. “Một câu chuyện hay chứ hả? Tưởng tượng coi! Con bé đó, dù nó là ai đi chăng nữa, thì tuyệt nhất là nó biết bay.”

“Mình nghĩ đó là Emilia Moon,” Charlie thì thào. “Và người đánh organ...”

“Người đánh organ thì sao?” Fidelio hấp tấp hỏi.

“Không sao cả,” Charlie đáp.

Người đánh organ đó có thể chính là ba nó, nhưng bây giờ làm sao chúng có thể tìm được ông? Ông đang lưu lạc ở đâu, ai mà biết được. Trước tiên, bọn nó phải làm Emma Tolly tỉnh lại đã, và rồi, có lẽ một ngày nào đó sẽ đánh thức tới ba nó.

Fidelio hăng hái vạch kế hoạch hành động càng sớm càng tốt. “Tụi mình phải đem cái thùng ra khỏi đây vào tối nay,” nó nói. “Bây giờ thì đã biết công dụng của nó rồi.”

“Asa lại theo đuôi mình,” Charlie thông báo. “Thế nào nó cũng theo dõi từng bước đi của tụi mình.”

“Lo gì,” Fidelio trấn an. Nó chỉ cho Charlie xem cái thùng khổng lồ đựng cây mộc cầm mà nó đã xách theo.

“Ba anh nói sẽ tới đây đón anh bằng xe hơi. Nếu bây giờ em và Benjamin ra đi bộ loanh quanh khu này thì Asa có thể sẽ theo đuôi hai em. Khoảng 10 phút nữa ba anh sẽ tới, lúc đó thì Asa sẽ không còn lẩn quẩn ở đây mà thấy được anh đem thùng đựng đàn mộc ra xe. Nếu có, thì nó cũng chỉ nghĩ là một loại nhạc cụ.”

Cả bọn nhất trí đây là một kế hoạch tuyệt vời. Bọn chúng nhấc cái thùng của tiến sĩ Tolly, bỏ vô thùng đựng đàn mộc trống không, rồi Charlie và Benjamin lên đường ra công viên. Đến lúc này trời đã xẩm tối, nhưng với con Hạt Đậu bị cột dây đi bên cạnh, chúng cảm thấy rất an toàn. Chẳng bao lâu, chúng đã nhận ra cái bóng hóa trang cực kì kịch cớm của Asa, ở bên kia đường, đang lén lút nhảy lóc cóc từ gốc cây này qua gốc cây kia, nhưng chúng cố không lộ ra là đã nhìn thấy thằng này.

Sau hai mươi phút đi loanh quanh, Charlie và Benjamin trở lại nhà số 12 đường Filbert. Fidelio và cái thùng to tướng đã biến mất.

“Thế là xong rồi!” Benjamin sung sướng reo lên.

“Tuyệt vời, Fidelio lão luyện của chúng ta,” Charlie mừng rỡ. “Mình phải về nhà đây. Ngày mai gặp lại nha.”

“Tụi mình đem theo cuốn băng cho cô Ingledew chứ?”

“Ý hay đó,” Charlie tán thành.

Nó băng qua đường, chạy về nhà, háo hức muốn kể ngay cho ông cậu Paton những gì đã xảy ra. Ông cậu đang đứng một mình, có vẻ rất nhàn hạ, trong hành lang, nhưng xem ra không ở trong tâm trạng để nghe chuyện bí mật. Ông cậu sắp sửa ra phố. Ông mặc một bộ com lê cực kì lịch lãm, và thật kinh ngạc, có thắt thêm một chiếc nơ bướm màu tía. Tóc ông cậu đã được hót ngắn, mặt ông cậu sáng sủa và vừa mới cạo nhẵn. Người ông cậu tỏa ra mùi thơm nồng, thay cho mùi hỗn hợp của mực và báo cũ như mọi khi.

“Chao ôi,” Charlie vỗn vĩa. “Ông cậu Paton sắp đi đâu vậy?”

Ông cậu có vẻ bối rối. “Mày nhờ ta lấy chìa khóa cho mày ở chỗ cô Ingledew mà.”

“Bây giờ không cần nó nữa đâu,” Charlie thì thầm.

Ông cậu Paton không để ý đến điều đó. “Ta... hự hự...” Ông cậu tăng hắng. “Ta đến đón cô Ingledew đi ăn tối.”

“Thế à!”

Đây đúng là tin sốt dẻo. Theo Charlie nhớ thì ông cậu Paton chưa từng đưa ai đi ăn tối bao giờ.

Ông cậu hạ giọng và ghé sát người xuống Charlie, nói: “Bà Bone sẽ không vui vì chuyện này đâu.”

“Dĩ nhiên,” Charlie nói, miệng cười toe toét.

Ông cậu Paton vỗ nhẹ lên vai nó, nháy mắt rồi đi khỏi. Đêm ấy trời đen như mực.

Charlie cảm thấy mừng vô kể cho ông cậu. Nó thầm chúc ông may mắn và có một buổi tối an bình.

Nội Bone đóng cửa giam mình trong phòng, vì thế bầu không khí trong bếp thật dễ chịu và yên tĩnh. Ngoại Maisie và mẹ Charlie đang đọc tạp chí. Cả hai ngược nhìn khi Charlie đi vô, hăm hở muốn nghe tất cả mọi chuyện của tuần đầu tiên ở trường mới. Charlie kể cho họ nghe những chuyện thú vị, buồn cười. Nó bỏ qua chuyện Gabriel Silk và lời quả quyết kì lạ của thằng này rằng ba nó vẫn chưa chết. Nó cũng lược bỏ phần chiếc áo chùng. Sau này chắc chắn nó sẽ phải tìm lời giải thích cho chuyện đó.

Charlie được phép thức khuya hơn thường lệ. Không có nội Bone quanh quẩn một bên, không ai bắt nó phải đi ngủ sớm hơn cả. Hơn nữa, ngày hôm sau là Chủ Nhật và mẹ nó đã đảm bảo rằng nó có thể nường trên giường bao lâu tùy thích. Nhưng sau một hồi lâu thì mắt Charlie bắt đầu nhú lại, nó ngáp trọ quai hàm và đành phải thú nhận là có nguy cơ ngủ gật. Nó hôn ngoại Maisie và mẹ, chúc hai người ngủ ngon, rồi đi về giường.

Charlie không biết mình đã ngủ được bao lâu thì có một chuyện lạ diễn ra. Có tiếng bước chân chậm chậm ngoài cửa phòng nó. Đi tới đi lui. Đi lui đi tới. Cầu thang run lên kọt kẹt và có bóng người đi qua hành lang. Dù đang mệt rã rời, Charlie cũng ráng tuột khỏi giường và kiễng chân đi xuống cầu thang.

Ông cậu Paton đang ngồi ở bàn bếp. Trên bàn, một cây đèn cầy chập chờn, leo lét. Ông cậu đã lột áo khoác và cà vạt quăng xuống đất, vùi mặt vào hai cánh tay khoanh vòng lại.

“Ông cậu Paton, có chuyện gì vậy?” Charlie khê hỏi. “Chuyện gì vậy ạ?”

Ông cậu không trả lời, chỉ rên rĩ. Charlie kéo ghế ra ngồi đối diện với ông, chờ ông bình tĩnh lại, lòng thắc mắc không hiểu ông cậu gặp chuyện gì ghê gớm vậy.

Cuối cùng, ông cậu Paton cũng ngẩng đầu lên và than thở: “Charlie, tiêu hết rồi.”

“Gì cơ ạ?” Charlie gặng hỏi.

“Ta đã không nhịn được,” ông cậu Paton trầm ngâm. “Sự việc cứ thế xảy ra. Người bạn của ta, cô Ingledew ấy, trông thật quyến rũ. Cô mặc áo đầm đen, tóc búi cao, cổ trắng như cổ thiên nga... Ôi, ta đã bị chinh phục mất rồi.”

“Đương nhiên là thế rồi ạ,” Charlie đồng tình.

“Ta đã cố nhịn cho đến lúc dùng bánh pudding.”

“Đúng thôi, ngon quá mà!”

“Không, không phải vậy,” ông cậu Paton rên rĩ, “Mặc dù ta có thấy là món nào cô ấy cũng thích.”

“Ông cậu và cô ấy ăn gì vậy?”

“Sò. Rau trộn Caesar. Vịt quay và bánh pudding phủ kem với trái cây.”

“Ngon quá đi mất,” Charlie reo lên. Nó chẳng biết những món đó ra sao, ngoại trừ món vịt.

“Nhưng rượu đã bốc lên đầu ta, và ta quá say, quá sung sướng.” Ông cậu Paton thở dài sườn sượt. “Có một ngọn nến trên bàn của bọn ta, như thế cũng không hề chi, nhưng ở đằng sau Julia, trên vách tường, có một bóng đèn tỏa ánh sáng đỏ dịu dịu... và... búp... bóng đèn bể. Miếng thủy tinh văng tứ tán. Vương khắp trên tóc, trên chiếc áo đầm đen dễ thương của cô ấy. Ta nhảy lên, thêm một bóng đèn ở bàn kế bên vỡ tan. Thử hình dung đến tình cảnh khốn khổ của ta mà xem.”

Nhưng người ta không hề biết đó là do ông cậu,” Charlie an ủi.

“À, đó chính là lúc ta tự biến mình thành một thằng khùng. ‘Xin lỗi, xin lỗi’, ta đã rói rít kêu lên, và một cái bóng đèn nữa vỡ tan. Rồi thêm một cái nữa, ta lao ra ngoài, miệng vẫn lảm nhảm xin lỗi. Ta quá mắc cỡ. Ta không thể ở lại đó được, tất cả bóng đèn trong nhà hàng chắc sẽ nổ tung mất thôi.”

“Ông cậu đừng bận tâm làm gì,” Charlie vỗ về. “Thế nào ông cậu cũng sẽ nghĩ ra một lời giải thích với cô Ingledew thôi mà.”

“Nhưng, Charlie à, ta chưa thanh toán hóa đơn!” Ông cậu Paton rên lên. “Thử tưởng tượng coi ấy sẽ phần nộ như thế nào. Cô ấy nghĩ ta là kẻ hèn nhát, chỉ vì sợ mấy cái bóng đèn nổ mà bỏ mặc cho cô ấy trả tiền.”

“Ông cậu chỉ cần nói cho cô ấy biết sự thật,” Charlie nói.

“Khôôông!” Ông cậu Paton rên rĩ như sấm một cách tuyệt vọng. “Chúng ta bị dày dọ. Ta và mày. Bị dày dọ trong sự khác người, trong nỗi ám ảnh khủng khiếp của gia đình chúng ta.”

“Không phải vậy đâu,” Charlie phản đối kịch liệt. “Ông cậu hãy bình tĩnh lại nào! Con có điều quan trọng muốn nói với ông cậu, và con thực sự muốn ông cậu tập trung.”

Ông cậu Paton lại gục đầu xuống cánh tay đang khoanh lại, và lần này dường như ông không buồn động dậy nữa. Thế nên Charlie bắt đầu kể lại tất cả những gì mà tiến sĩ Tolly đã nói trong băng. Cuối cùng thì ông cậu Paton cũng ngẩng đầu lên, và lần này thì hết sức chăm chú.

“Ôi trời, Lyell.” Ông cậu Paton thốt lên khi Charlie kể tới đoạn người chơi đàn organ.

“Đó là ba của con, phải không?”

“Chắc chắn rồi,” ông cậu Paton khẳng định. “Kể tiếp đi, Charlie.”

Khi Charlie kết thúc câu chuyện kỳ lạ của tiến sĩ Tolly, thì ông cậu Paton đã trở nên hoạt bát hơn.

“Nhóc à, tất cả vụ này thật hết sức, hết sức lạ lùng, không thể diễn tả thành lời nổi. Và bi đát nữa, bi đát quá đi. Đứa trẻ tội nghiệp đó. Và ba của mày... Trời ơi, giá mà ta có thể ngăn chặn được điều đó. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, ta nghĩ rằng, trong lúc cố cứu đứa bé thì số mệnh của ba mày đã được định đoạt.”

“Nhưng, ông cậu Paton ơi, ba con vẫn còn sống,” Charlie tiết lộ.

“Cái gì? Không, ta rất tiếc, Charlie à, mày sai rồi.”

Charlie kể với ông cậu về Gabriel Silk về cái áo chùng xanh và chiếc cà vạt của ba nó. “Con thấy nó chẳng có lí do gì để nói dối con cả,” Charlie bảo. “Ông cậu thử tới gặp nó coi, ông cậu Paton nó có khả năng đó mà. Cũng y như con có tài nghe được tiếng nói của và Manfred có tài thôi miên... và như... như ông có thể làm nổ bóng đèn vậy.”

“Ta nghĩ là ta phải tin mày, Charlie. Nhưng chính mắt ta đã thấy nơi chiếc xe hơi lao xuống hầm đá. Ba mày không thể thoát ra khỏi đó được, và nếu ông ấy có thoát ra được thì hiện giờ ông ấy ở đâu cơ chứ?”

Charlie buồn rầu nhún vai. Nó không biết câu trả lời, nhưng hết sức bất ngờ, nó được biết là sau đó không ai tìm ra xác ba nó.

“Con nghĩ là bà nội đã ngăn không cho họ kết liễu ba, vì đó là con trai bà. Nhưng vì không bắt được ba làm theo những gì bà muốn, nên bà đã để mặc cho tai nạn và tất cả mọi chuyện xảy ra. Tất cả bọn họ, cả gia đình nhà Bloor và nhà Yewbeam, đều cùng một phe, ngoại trừ ông cậu, ông cậu Paton ạ. Nếu ai đó ngăn trở hay làm điều gì họ không thích, thì họ sẽ trừ khử người đó, hay giấu người đó đi, hay làm cho người đó quên mất mình là ai.”

“Ôi!” Đột nhiên ông cậu Paton đầm mạnh xuống bàn. “Ta trách chính bản thân mình. Luôn cúi đầu xuống không phải là điều tốt. Lúc ấy ta đã biết là có điều gì đó đang diễn ra, không thể chối cãi... Đạo ấy mấy bà chị của ta đang âm mưu tính toán điều gì đó; họ cứ xầm xì với nhau, họ có những buổi gặp gỡ bí mật, à... lại có cả những cuộc viếng thăm của giáo sư Bloor và lão già Ezekiel, ông nội cực kì kinh khủng của hần nữa. Vậy mà ta chẳng quan tâm.”

“Ông nội?” Charlie hỏi, hơi ngạc nhiên.

“Ừ, ông nội,” ông cậu Paton nhắc lại. “Đúng là một lão già tội lỗi. Bây giờ lão ta phải hơn trăm tuổi là ít. Một buổi tối, ta nhận được điện thoại của Lyell. Ba mày đã phát hiện ra điều gì đó và ông ấy cần lời khuyên của ta. Đạo ấy, ba mày sống ở bên kia thành phố cùng với mày và mẹ mày. Ta bảo ta sẽ gặp ông ấy ở bên ngoài nhà thờ.” Ông cậu Paton ôm lấy mặt. “Nhưng ta đã không đến, Charlie à,” Ông cậu rên rĩ. “Ta quên khuấy đi mất, ta mãi vui đầu vô cuốn sách của ta, mày biết đó. Nhưng cuốn sách làm sao lại có thể so với mạng người được? Từ ấy ta không bao giờ còn nhìn thấy ba mày nữa.”

Mặc những biến cố khủng khiếp và kì bí bao quanh sự biến mất của ba mình, Charlie vẫn cảm thấy rất tự hào. Ba nó đã cố gắng ngăn không cho tội ác xảy ra.

“Ông cậu Paton ơi, ngày mai con sẽ đem cuộn băng của tiến sĩ Tolly cho cô Ingledew. Và trong lúc ở đó, con sẽ cố giải thích về việc nổ bóng đèn và mọi thứ cho ông cậu”

“Mày thật tử tế quá,” ông cậu Paton ừ ừ. “Nhưng ta e là viễn cảnh của ta đã an bài mất rồi.”

“Không phải vậy,” Charlie cãi lại. Thành linh nó nhận ra mình và ông cậu đang rất ồn ào. Nó ngạc nhiên, nội Bone ở đâu mà sao lại không nện xuống sàn nhà, hay nhảy bổ xuống lầu, lao vào câu chuyện nhỉ.

“Hay nội bị sao rồi?” nó hỏi.

Trong đêm hôm đó, lần đầu tiên ông cậu Paton mỉm cười.

“Ta đã cho một thứ vô sữa của bà ấy. Bà ấy sẽ không tỉnh giấc trong nhiều giờ. Có thể là không tỉnh lại cho đến buổi uống trà ngày mai.”

Charlie phá ra cười. Nó không thể nào nhịn nổi. Ngoác tận mang tai, nó và ông cậu vừa cười vừa cùng nhau bước lên cầu thang, tạm quên đi những vấn đề rắc rối của mình. Ít nhất là vào lúc này.

18. Chương 16

Cuộc mặc cả trong đêm của Billy

Khi Billy Raven nói với Charlie rằng nó không phiền gì khi phải ở một mình trong phòng ngủ chung dài hút, thì điều đó chẳng đúng chút nào. Thực ra, Billy rất sợ những tối thứ Bảy. Nó trằn trọc khó ngủ, biết rằng mình lại phải một mình trải qua trọn một ngày và một đêm nữa.

Đúng ra thì cũng có con May Phúc bầu bạn với Billy, theo cách riêng của chó, nhưng kiến thức về loài người của con chó già này khá là hạn chế. Chuyện của nó toàn là chuyện thú vật, và cảm xúc cũng là cảm xúc của loài vật, và vì bây giờ May Phúc đã già rồi, nên nó cứ ca cẩm về bệnh tật. Tuy Billy rất thông cảm với May Phúc, nhưng nó nghĩ sẽ thích hơn nếu có một thằng bạn, hay một nhỏ bạn, để mà trò chuyện.

Ở Học viện cũng có những trẻ mồ côi khác, Billy biết vậy, nhưng tất cả bọn chúng đều đã được các gia đình dễ chịu, thân thiện nhận làm con nuôi rồi. Billy thường tự hỏi tại sao không ai muốn nhận nuôi nó cả. Và nó quả quyết rằng đó là vì trông nó kì dị quá – có lẽ người ta sợ tóc trắng và mắt đỏ.

Ở phía bên kia mảnh sân gạch, những ngọn nến trong phòng Manfred lập loè như những ngôi sao nhỏ ghé rợn. Billy nhìn nến cháy hồi lâu, rồi không kéo màn lại, nó bước qua con May Phúc, leo lên giường. Nó chưa kịp ngả đầu xuống gối thì con chó già thở phì một cái và ngồi dậy.

“Có người muốn gặp Billy,” May Phúc nói.

“Ai muốn gặp tôi?” Billy hỏi, hơi chột dạ.

“Lão già. Bây giờ. Tôi sẽ chỉ.”

“Bây giờ á? Nhưng khuya rồi và... và... tại sao ông ấy muốn gặp tôi?”

“May Phúc không biết. Đi ngay nào.”

Billy xỏ đôi dép lê, với lấy đèn pin trong ngăn kéo, rồi quấn mình trong chiếc áo choàng tắm, đi theo May Phúc ra khỏi phòng ngủ chung.

Pin trong đèn của Billy còn rất yếu, và nó khó mà nhìn thấy cái đuôi của May Phúc đang ve vẩy ở đằng trước. Mấy hôm rồi Billy có định sẽ hỏi xin pin của một anh lớn nào đó, nhưng nó không biết chắc phải hỏi xin ai. Cuối tuần tới có thể nó sẽ về nhà Charlie. Charlie sẽ cho nó một bộ pin mới, nó chắc như vậy.

May Phúc đi nhanh hơn thường lệ rất nhiều, và cứ vài quãng Billy lại phải chạy mới theo kịp con chó già. Tuy nhiên, khi tới một cầu thang, May Phúc bước chậm lại. Chợt nó rướn thân mình lên, thở phà phà. Trên đầu cầu thang đó, không khí đặc và ẩm. Giờ đây, cả hai chúng nó sắp bước vào lãnh địa của gia đình Bloor. Billy rùng mình nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra nếu Manfred thấy nó đứng lơ xơ ngoài cửa phòng.

“Mi có chắc là không nhầm lẫn gì chứ?” Billy hỏi con chó. “Mi có nghĩ là mi lầm rồi không?”

“May Phúc không bao giờ lầm,” con chó khịt mũi. “Theo tôi.”

Billy đi theo con chó, dọc theo những hành lang nồng nặc mùi nến, và rồi lại lên một cầu thang khác, đi vào một vùng tối âm u, nơi có những luồng khí chốc chốc lại phòi ra khỏi vách tường rồi nổ một cái “phụp”, với mạng nhện giăng phất phơ, thả từ trên trần nhà vỡ nát, tối thui xuống.

“Mùi dễ chịu,” May Phúc khen.

“Dễ chịu?” Billy lấy làm lạ. “Giống mùi trứng thối... và... và mùi con gì chết thì có.”

“Dễ chịu mà,” May Phúc lặp lại. Nó đã tới một cánh cửa đen có tay nắm bằng đồng, khổng lồ. Trên cánh cửa có một mảng sơn lớn bị trầy do những đường cắt sâu gây ra, và khi May Phúc giơ một chân lên và bắt đầu cào vào cánh cửa, thì Billy nhận ra những đường cắt ấy là gì. Rõ ràng, con chó già này thường xuyên tới đây.

Sau ba lần cào cửa, một giọng nói khô khốc và ngạo mạn vang lên, “Vô đi!”

Billy vịn nắm đấm cửa và bước vô. Nó nhận ra mình đang ở trong một căn phòng kì lạ. Ánh sáng duy nhất là phát ra từ ngọn lửa cháy trong lò sưởi bằng đá khổng lồ ở cuối phòng. Bên cạnh lò sưởi là một lão già ngồi trên xe lăn. Những sợi tóc trắng, mỏng te hờ hững lòi ra khỏi cái nón lưỡi trai bằng len đỏ; và bên dưới vành nón, khuôn mặt xương xẩu của lão già nhô ra như một cái đầu lâu, cặp mắt lão đen và sâu hoắm, gò má lõm, đôi môi mỏng đến độ gần như không có, tuy nhiên, cái miệng khủng khiếp của lão mỉm cười khi Billy bước vô.

“Lại gần đây, Billy Raven.” Lão già ngoắc một ngón tay dài và cong vẹo.

Billy nuốt nước miếng và tiến lại gần. Hơi nóng trong phòng thật ngọt ngào, và Billy không thể tưởng tượng nổi tại sao lão già còn choàng một chiếc khăn len quanh vai. Nó tiến vài bước vô giữa phòng và dừng lại. May Phúc lịch bạch đi ngang qua nó và nằm xuống cạnh lò sưởi, thở ầm ỉ.

“Trong này nóng quá, thưa ông,” Billy vừa nói vừa há miệng đớp không khí.

“Rồi con sẽ quen thôi. Con cún của ông mê lò sưởi, phải thế không, Percy?” Lão già cười hềnh hếch, đầy vẻ âu yếm với con chó, mặc dù cái cười của lão y như một tiếng rú.

“Cháu tưởng đây là con chó của bà bếp trưởng chứ, thưa ông.”

“Nó cứ nghĩ nó là con chó của bà bếp, bởi vì ông không dẫn nó đi dạo được nữa. Phải vậy không, Percy?”

“Nó nói với cháu tên nó là May Phúc.” Billy liều tiến thêm một chút vào phòng.

“Tên nó là Percival Pettigrew Pennington Pitt. Nhưng nó cứ nghĩ tên nó là May Phúc.” Lão già cười khọc khọc. “Con muốn uống sữa cao không, Billy?”

Billy chưa bao giờ uống sữa cao cả. Nó không biết món ấy có mùi vị ra sao.

“Món đó nóng và ngọt và cho con cảm giác tuyệt vời.” Một lần nữa, ngón tay cong vẹo của lão già lại ngoắc một cái. “Có một xoong sữa đang hâm nóng trên lửa ấy. Và trên cái bàn con của ông ở đằng kia, con sẽ thấy có hai cái ca màu xanh da trời đựng cao và đường, đã được trộn rồi. Con chỉ việc đổ sữa vô đó và khuấy đều, sau đó chúng ta sẽ có một cuộc trò chuyện nho nhỏ thú vị, được chứ, Billy?”

“Vâng,” Billy líu ríu đáp. Nó thực hiện lời chỉ dẫn của lão già, và chẳng bao lâu sau, nó đã ngồi trên một chiếc ghế to, thoải mái, thích thú thưởng thức tách cao đầu tiên trong đời.

Lão già uống xì xụp vài ngụm rồi nói, “Bây giờ thì, Billy à, ông nghĩ là con đang tự hỏi ông là ai. Ông là Bloor Cự Kị. Ha ha!” Tiếng cười nhạo đó nghe thật bệnh hoạn. “Nhưng ông cũng là Ezekiel. Con có thể gọi ông là ngài Ezekiel.”

“Cám ơn ông,” Billy nói.

“Tốt! Tốt! Nào, Billy, con đang có vấn đề, đúng không? Chưa ai nhận nuôi con, hả? Không ai nhận con. Thật đáng tiếc quá nhỉ? Con có muốn được nhận làm con nuôi không, Billy? Con có muốn có ba mẹ dễ thương, tử tế và vui vẻ không?”

Billy nhồm dậy.

“Muốn!” nó hấp tấp.

Đường như có một thoáng chớp nhỏ trong đôi mắt sâu hoắm của lão già.

“Rồi con sẽ được như vậy, Billy à. Ông đã kiếm được cha mẹ cho con rồi. Họ là những người tuyệt vời và rất, rất mong đón con về.”

“Thật chứ?” Billy gần như không tin nổi điều đó. “Nhưng làm sao họ lại biết cháu?”

“Chúng ta đã nói cho họ biết mọi chuyện về con. Họ biết con thông minh như thế nào, con là đứa ngoan ngoãn ra sao, và họ đã xem hình của con lưu ở trường.”

“Vậy là họ đã biết về...” Billy sờ sờ mái tóc trắng của nó.

Lão Ezekiel thấy ra một nụ cười nham hiểm. “Họ biết con là đứa bị bạch tạng, và điều đó chẳng làm họ lo lắng tí nào.”

“Ôi,” Billy cảm thấy ngây ngất vì vui sướng. Nó húp một ngụm dài món sữa ca cao ngọt ngào, béo ngậy để ổn định tinh thần.

Lão Ezekiel bây giờ đang nhìn chằm chằm nó.

“Billy này, nếu bọn ta sắp xếp cho con vụ làm con nuôi, thì mong con sẽ làm gì đó để đền đáp cho bọn ta.”

“Cháu hiểu,” Billy ngập ngừng đáp.

“Con vừa có một người bạn mới, đúng không? Một thằng nhóc trong phòng ngủ chung của con tên là Charlie Bone ấy?”

Giọng nói của lão rất ân cần và nhẹ nhàng, và Billy được trấn an một lần nữa.

“Dạ,” nó đáp.

“Ông muốn con nói cho ông nghe tất cả những việc nó làm – nó đi đâu, và quan trọng hơn cả là nó nói những gì. Con nghĩ là con có thể làm được những điều này không?”

Lão già chồm về phía trước, chăm chú nhìn Billy bằng đôi mắt đen sắc lạnh.

“Được ạ,” Billy lí nhí. “Cháu sẽ đến ở nhà anh ấy vào kì cuối tuần tới, nếu cháu được phép.”

“Con sẽ được phép, Billy. Sẽ rất tuyệt. Và bây giờ con có thể nói cho ông mọi thứ mà con đã biết về nó cho tới lúc này đi nào.”

Với viễn cảnh được mãi mãi sống với ba mẹ tử tế và tuyệt vời, Billy hăm hở nói với lão già tất cả mọi thứ mà lão muốn biết. Nó không nghĩ làm như thế sẽ gây nguy hiểm cho Charlie, và thậm chí nó còn thú nhận phần của nó trong vụ bí mật theo dõi giáo sư Bloor trong tháp Da Vinci. Lão già nhăn mặt khi nghe tới điều này và lầm bầm chửi trong cổ họng; nhưng lão nhanh chóng lấy lại vẻ ân cần quan tâm, trong lúc Billy tiếp tục kể tỉ mỉ tất cả những chi tiết nó còn nhớ được. Duy có một điều về Charlie mà nó không nói với lão già. Nó không nói với lão rằng Charlie biết ba mình vẫn còn sống, chỉ vì chính nó không nghe được cuộc nói chuyện giữa Gabriel với Charlie về chiếc cà vạt xanh da trời.

“Cám ơn nhé, Billy,” lão già nói khi Billy kể xong. “Bây giờ con đi được rồi. Con chó sẽ đưa con về phòng ngủ chung. Percy, dậy đi!”

May Phúc chớp mắt và lão đảo đứng dậy.

Billy nhẹ nhàng tuột khỏi cái ghế ấm áp, dễ chịu và đặt cái ca không lên bàn. “Khi nào thì con được gặp ba mẹ mới của con hả ông?” nó hỏi.

“Mọi việc sẽ đâu vào đấy.” Giọng nói của lão già chẳng còn chút nồng hậu nào. “Con phải làm đúng nhiệm vụ của con trong vụ thoả thuận đầu tiên này đã.”

“Vâng, thưa ông.” Với May Phúc đang thở khọt khẹt bên cạnh, Billy đi ra cửa, quay lại và nói: “Chúc ông ngủ ngon. Khi nào thì con...”

“Chừng đó con chó sẽ mang tin đến.” Lão Ezekiel vội tiến nó bằng một cái vẩy tay thiếu kiên nhẫn.

Khi chỉ còn một mình, lão già chỉ ngón tay bị biến dạng của mình vô cái xoong. Cái xoong từ từ nhấc lên không trung, lão lại ra hiệu, cái xoong nhẹ nhàng bay về phía cái ca không.

“Rót vô,” lão ra lệnh.

Cái xoong ngả về phía trước và rót sữa ấm vào ca, nhưng lại để nhỏ vài giọt lên cái khăn choàng len của lão.

“Đồ ngu.” Lão Ezekiel la lên. “Mày mãi vẫn không học được sao?”

Căn phòng nóng bức dường như đã làm con May Phúc kiệt sức. Phải mất một lúc lâu con chó mới về đến phòng ngủ chung, và vào lúc cây đèn pin của Billy bị cạn sạch nhiên liệu, nó đành phải đi bên cạnh, một tay để lên đầu con chó già. May Phúc biết đường đi ngay cả trong bóng đêm tối mịt và chỉ dừng lại một lần để nói.

“Tai tôi đau, đừng đụng vô.”

“Xin lỗi,” Billy nói.

“Cần thuốc nhỏ tai.” May Phúc thì thào. “Billy có không?”

Billy không biết làm thế nào mà moi được thuốc nhỏ tai.

“Để coi,” nó trả lời.

Về đến phòng ngủ chung, chúng thấy bà bếp trưởng đang lo lắng đi đi lại lại ở ngoài. Bà thấp tròn, mái tóc xám và đôi má hồng đỏ lên. Đúng hình mẫu của một bà bếp trưởng.

“Nãy giờ ta chạy kiếm con chó ấy khắp nơi,” Bà bếp trưởng nói. “Phải xức thuốc cho nó.”

“Nó nói là nó cần thuốc nhỏ tai,” Billy nói với bà.

“Vậy hả?” Bà bếp trưởng biết mối quan hệ của Billy với May Phúc. “Nó thì bộ phận nào mà chẳng cần nhỏ thuốc? Nãy giờ con ở đâu vậy, cu Billy?”

“Con vừa phải đi gặp một ông già.”

“Tội nghiệp,” bà bếp trưởng thở dài một cách tử tế. “Nếu ta là con thì bây giờ ta sẽ đi ngủ ngay.”

Billy chúc bà bếp trưởng và May Phúc ngủ ngon rồi lên giường. Nó nằm thao thức một hồi lâu, cố hình dung xem ba mẹ mới của nó như thế nào.

19. Chương 17

Chàng hiệp sĩ tỏa sáng, rung chuông và hát thánh ca

Thật sung sướng khi thức dậy vào sáng chủ nhật mà biết rằng nội Bone vẫn còn say ngủ. Charlie nhảy ra khỏi giường và đi xuống ăn một bữa sáng thỏa thích với ngoại Maisie và mẹ.

“Ngoại tin chắc là dạo gần đây con có vài bữa điếm tâm chẳng ra gì, đúng không nào?” Ngoại Maisie hỏi.

“Năm bữa à,” Charlie đáp. Nó xin phép bà và mẹ là nó sẽ tới nhà Benjamin hơi lâu lâu, và để đền bù cho khoảng thời gian đó, nó sẽ đi rửa đĩa sau bữa điếm tâm.

Nhưng mẹ không muốn nó làm như vậy.

“Con cứ đi, vui vẻ thoải mái vào,” mẹ nó nói, tươi cười vẫy tay tạm biệt nó.

Benjamin trông có vẻ lo lắng khi ra mở cửa cho Charlie.

“Mình vừa nhận được thư của ba má,” nó bảo.

“Mình ngạc nhiên tưởng ba má bỏ ở nhà chứ,” Charlie ngạc nhiên.

“Mình cũng tưởng vậy. Nhưng có lẽ ba má đã đi hồi sớm nay. Mình nhớ mang máng là má có vô hôn mình khi trời vẫn còn tối. Khi thức dậy, mình thấy bức thư này dưới gối.” Benjamin dẫn Charlie vô bếp, nói con Hạt Đậu đang xoi nột món bánh đa rắc bắp.

“Mình đọc thư được không?” Charlie hỏi.

Benjamin đưa bức thư cho Charlie. Rõ ràng là bức thư được viết vội, vì nét chữ xô ào ào trên trang giấy, với những vòng móc nguệch ngoạc dính vào nhau. Lá thư viết:

‘Benjamin yêu quý của ba má,

Như con đã biết, ba má là những thám tử tư. Đạo gần đây ba và má đang cùng điều tra chung một vụ án. Đó là vụ một người lau cửa sổ bị mất tích. Vụ này đã ngốn hết thời gian của ba má, làm cho ba má mệt nhoài, và ba má rất tiếc. Benjamin yêu quý, là ba má thường phải để con ở nhà một mình. Ba má sẽ đền bù cho con khi về nhà.

Đây là lí do ba má viết lá thư này. Vụ mất tích kì lạ của người lau cửa sổ vừa chuyển sang một bước ngoặt đầy lí thú. Ba má vừa nhận được thông tin là anh ta có thể đang bị mắc kẹt trong một cái thang ở Scotland, vì thế ba má sẽ tới đó ngay tức khắc, trước khi anh ta biến mất lần nữa.

Hãy tự chăm sóc mình nhé, Benjamin thân yêu.

Thương con nhiều.

Ba má.

Tái bút: Một phụ nữ dễ mền do dịch vụ xã hội gợi đến sẽ trông nom cho con đến khi ba má trở về.’

“Mình không thích cái đoạn nói về người phụ nữ dễ mền,” Charlie nhận xét khi đã đọc xong lá thư. “Từ ‘dễ mền’ có thể hiểu theo nhiều cách của mỗi người.”

“Miễn bà ấy tốt với con Hạt Đậu là được rồi, mình không quan tâm,” Benjamin nói, về thờ ơ.

Hai thằng quyết định đến nhà cô Ingledew ngay tức khắc. Benjamin đã cẩn thận sang thêm một cuộn băng, đề phòng trường hợp Manfred xuất hiện bất ngờ để lục soát chúng, hoặc điều gì khủng khiếp tương tự xảy ra. Nó cũng đã đẩy một chiếc va-li to xuống tầng hầm, và thả một tấm thảm lên trên, để bất cứ ai lòng sục kiếm cái thùng của tiến sĩ Tolly sẽ bị đánh lừa mất một lúc.

“Chắc là bỏ phải tắt bật lắm nhỉ,” Charlie trầm trồ thán phục.

Với sự dẫn đường của con Hạt Đậu, hai đứa xuất phát, tới hiệu sách. Vì là ngày Chủ Nhật nên chúng thấy hiệu đóng cửa (tất nhiên rồi), nhưng sau vài tiếng gõ cửa và vài lần gọi thật lớn, cô Ingledew đã ra. Cô mặc một chiếc áo choàng dài màu xanh lá cây, và trông cô buồn rười rượi.

“Các cháu muốn gì?” Cô hỏi. “Trời đất ơi, hôm nay là Chủ Nhật mà.”

“Cháu xin lỗi, cô Ingledew,” Charlie nói. Nó báo cho cô biết về cuộn băng chúng đã tìm thấy trong con chó kim loại.

“Nó rất có ý nghĩa với cô đấy,” nó nói. “Vì thế tụi cháu mang nó tới cho cô đây. Nó sẽ nói cho cô biết tất cả mọi điều về cháu gái của cô. Cô bé đang ở trong học viện, và tụi cháu nghĩ mình có thể đánh thức bạn ấy.”

“Đánh thức bạn ấy? Các cháu đang nói về cái gì vậy? Đi vô đây đã, cả hai đứa.” Cô liếc con Hạt Đậu. “Nó không ăn sách đấy chứ?”

“Không bao giờ,” Benjamin cam đoan.

Chúng theo cô Ingledew đi qua tấm rèm và vào phòng khách ăm cúng, nơi xếp sách thành hàng, con Hạt Đậu chú ý cẩn thận để không làm đổ những chồng sách nhỏ nằm rải rác trên sàn.

Cô Ingledew nhét cuộn băng vô một chiếc máy ghi âm đầy bụi bặm và ra hiệu cho hai đứa ngồi xuống. Chúng ấn mình vào chiếc ghế bành duy nhất còn trống (những ghế khác đều chất đầy ấp sách và báo), trong lúc cô Ingledew ngồi ghé vào một bên cạnh bàn. Cô bấm nút cho băng chạy và giọng nói tiến sĩ Tolly vang vang khắp căn phòng.

Hai đứa quan sát nét mặt cô Ingledew khi cô lắng nghe. Nhiều lần cô lắc đầu và thường xuyên quệt tay ngang mắt. Chốc chốc, cô lại thốt lên “Ồ, không” và cuối cùng, khi băng đã hết, cô nghẹn ngào, “Cô nhớ rất rõ ngày hôm đó. Có một điều lạ lùng đã xảy ra – đáng lí cô phải đoán ra mới phải.”

“Là điều lạ lùng gì ạ?” Charlie hỏi.

“Máy con mèo,” cô Ingledew đáp.

“Mèo à?” Charlie bật dậy.

“Cô không biết chúng ở đâu tới, nhưng vào cái ngày bé Emma phải đi, thì chúng đột nhiên xuất hiện trong nhà bếp của cô. Chúng làm lửa bùng lên bằng cách hất cho một chiếc khăn lau đĩa rớt vô bếp ga. Phải mất một hồi mới dập được đám cháy đó. Bộ lông của chúng rất rực rỡ – đỏ, cam, vàng – và chúng cứ vây tròn quanh đứa bé, cứ như cố gắng bảo vệ nó vậy. Cuối cùng, khi tiến sĩ Tolly bỗng đứa bé đi, chúng cào vô mặt chú ấy một vết kinh khủng.”

“Một trong mấy con mèo đó có trong bức hình,” Charlie nói.

“Cô dám chắc đó chính là nó,” cô Ingledew công nhận. “Lúc trước chúng lảng vảng khắp nơi. Nhưng khi Emma đi rồi thì chúng biến mất luôn.” Cô xoa trán. “Vậy là bé Emma tội nghiệp vẫn còn bị mê ngủ. Điều này thật hết sức không bình thường.”

“Bạn ấy bị thôi miên,” Charlie nói. “Manfred cũng đã làm như thế với cháu. Có điều hẳn thôi miên bạn ấy nặng hơn. Nhưng sức thôi miên đang mất dần tác dụng, cô Ingledew ạ. Cháu nghe bọn họ nói chuyện về cháu gái của cô, Manfred nói rằng nó đã chán ngấy vì cứ phải “kìm giữ con bé”. Như vậy sẽ không phải mất nhiều công sức để làm bạn ấy tỉnh lại đâu cô ạ, và tội cháu nghĩ là tội cháu có một thứ để làm được việc đó.”

“Nhưng hiện giờ Emma là ai trong trường cháu, Charlie?”

“Tội cháu nghĩ đó là một nữ sinh tên là Emilia Moon,” Charlie nói. “Bạn ấy có mái tóc vàng hoe, mắt xanh, trông hơi mơ màng. Bạn ấy ít nói nhưng vẽ rất giỏi.”

“Nancy,” cô Ingledew thì thào. “Nghe tả thì con bé có vẻ giống chị Nancy của cô quá.Ồ, ước gì cô có thể gặp con bé ấy.”

“Cô cứ để chuyện đó cho tội cháu, cô Ingledew à,” Charlie nói, nhồm đững lên. “Tội cháu sẽ tìm cách làm bạn ấy tỉnh lại, rồi bạn ấy có thể về sống với cô.”

Cô Ingledew thở gấp gấp. “Có nên làm điều đó không? Biết đâu con bé đang hạnh phúc khi sống với gia đình Moon.”

“Trông bạn ấy có vẻ không vui,” Charlie ái ngại. “Chắc chắn bạn ấy còn không biết là bạn ấy biết bay nữa.”

“Đúng thế ạ,” Benjamin xác nhận. “Ước gì cháu cũng biết bay.”

“Cô nghĩ thật khó có chuyện Emma biết bay. Tiến sĩ Tolly trước đây không bao giờ đề cập đến chuyện này.” Cô Ingledew búng mình ra khỏi bàn. “Cô không biết phải cảm ơn cháu thế nào cho đủ, Charlie, và cả cháu nữa, Benjamin,” cô xúc động, “Các cháu đã mang hi vọng đến cho cô. Hãy cho cô biết khi nào thì các cháu cần cô giúp nhé.”

“Nhất định rồi,” Charlie nói. Nó vừa liếc thấy một mảnh thủy tinh nhỏ xíu lấp lánh trên tóc cô Ingledew, và phân vân không biết làm sao để đề cập đến vụ nổ bóng đèn không may kia. Nó phải nói thôi, vì ông cậu Paton. Nhưng con Hạt Đậu đang sửa âm ỉ và chúng đã đi qua tấm rèm, hướng ra cửa.

Charlie đột ngột đứng lại, hắng giọng và nói, “Về ông cậu của cháu, thưa cô Ingledew...”

Mặt cô Ingledew ửng đỏ lên. “Cô không muốn nói đến chuyện đó.”

“Nhưng đó là một tai nạn.”

“Tai nạn à? Thật xấu hổ chưa từng thấy.”

“Ý cháu muốn nói tới vụ bóng đèn, cô Ingledew à. Ông cậu của cháu không thể kiểm soát được mình.”

“Bóng đèn?” Cô Ingledew không hiểu. “Ông ấy đột ngột bỏ cô lại, ừm, nói chính xác là bỏ chạy. Ai cũng có thể nghĩ cô là một bà chán.”

“Không phải đâu ạ. Hoàn toàn ngược lại. Chính vì ông cậu của cháu nghĩ cô rất đẹp nên mới xảy ra chuyện đó.”

Nhìn vẻ bối rối của cô Ingledew, Charlie sốt sắng đi thẳng vào vấn đề và nói toẹt ra sự thật về thiên khiếu kì dị của ông cậu nó.

Cô Ingledew sưng người nhìn Charlie, ban đầu không tin, sau thì kinh hãi. Cuối cùng, một thoáng lo lắng hiện ra trên nét mặt cô.

“Ra là thế,” cô lầm bầm. “Thật là kì dị.”

“Ông cậu thực lòng rất muốn gặp lại cô,” Charlie nói tiếp, tràn trề hi vọng.

“Hừm,” cô Ingledew ậm ừ. “Bây giờ cô cảm thấy hơi mệt, các cháu à.”

Cô mở cửa và hai đứa ngoan ngoãn bước ra. Cánh cửa đóng chặt lại sau lưng chúng.

“Mình không hề biết là ông cậu của bồ đã làm những chuyện đại loại như vậy,” Benjamin nói.

“Đừng nói với ai nhé,” Charlie dặn dò. “Đáng ra mình không nói với cô Ingledew đâu, nhưng ông cậu Paton tha thiết muốn gặp lại cô Ingledew, vì thế mình nghĩ tốt nhất là nói ra sự thật.”

“Mình lại nghĩ điều đó làm cho cô ấy sợ chết khiếp,” Benjamin nói. “Giờ tụi mình ghé nhà anh Fidelio đi. Lẹ lên. Mình có bản đồ đây.”

Benjamin và con Hạt Đậu chạy đua với nhau ở phía trước, trong khi Charlie đứng đỉnh theo sau, cảm thấy chuyện giữa cô Ingledew và ông cậu nó thật bí ẩn. Xem ra nó đã làm cho tình huống thậm chí còn xấu hơn.

Nhà của Fidelio trông thật lạ mắt, hay nói chính xác hơn, thật là lạ tai. Đó là một ngôi nhà cũ, rộng rãi, may mắn thay, nằm biệt lập giữa một quảng trường rải sỏi. Cái gọi là vườn chỉ là những mảng cỏ lưa thưa chung quanh nhà, trồng bên trong một bức tường thấp bằng gạch.

Khi Benjamin và Charlie đến nơi, tiếng ồn từ trong nhà phát ra khủng khiếp đến nỗi chúng tìm thấy mấy cái xà bằng gỗ sồi đỡ mái hiên rung lên, và hai viên ngói tuột khỏi mái nhà rồi vỡ vụn dưới lối đi lát gạch.

Tiếng ồn hợp thành từ nhiều loại nhạc cụ – nổi bật là tiếng vĩ cầm, tiếng hồ cầm, tiếng sao, tiếng thụ cầm, và tiếng dương cầm. Một tấm biển đồng gắn trên cửa cho chúng biết nơi này được gọi là Mái Ấm Gia Đình Gunn(*). Khi nghe tiếng trống không ngớt dội ra từ một cửa sổ thấp, hai thằng nghĩ, thật đúng là súng nổ ùng ùng đoàng.

(*) Họ của Fidelio là Gunn, đọc hơi giống với từ “gun” – có nghĩa là súng.

Charlie tự hỏi không biết làm thế nào mà người trong nhà nghe được chuông cửa. Và ngay lập tức, nó vỡ lẽ ra: khi nó nhấn chuông, một giọng nói được thu âm cất lên oang oang: “MỞ CỬA! MỞ CỬA! MỞ CỬA!”

Hai đứa giật nảy người ra sau, và con Hạt Đậu tru lên một tràng dài sợ hãi. Mấy giây sau, Fidelio ra mở cửa, Charlie và Benjamin nhận ra mình đang bước vào một vương quốc âm nhạc. Trẻ con rần rần chạy ngược xuôi trên cầu thang, ra vô khắp các phòng, tay đứa nào đứa nấy cầm bản nhạc hoặc rất nhiều loại nhạc cụ.

“Đây là... ý em là tất cả những người này đều thuộc gia đình anh à?” Charlie ngạc nhiên hỏi.

“Hầu hết,” Fidelio trả lời. “Gia đình anh có mười người, tính cả ba và mẹ. Còn đâu là mấy người bạn yêu nhạc của nhà anh ghé chơi. Anh cả Felix của anh đang bắt đầu thành lập một ban nhạc rock.”

Một người đàn ông to lớn, có râu quai nón bằng gang qua chiếu nghỉ trên đầu cầu thang, và Fidelio gọi với theo, “Ba ơi, đây là Benjamin, còn đây là Charlie!”

Ông Gunn tươi cười nhìn xuống lũ trẻ và hát to lên:

“Benjamin và Charlie, ăn lúa mì, chào mừng cả hai con, tuy chẳng có chi.”

Ông cười ha ha rồi biến mất vô một căn phòng tràn ngập tiếng vĩ cầm.

“Xin lỗi nhé,” Fidelio phân bua. “Ba anh thích chuyển tất cả mọi thứ thành bài hát. Anh đã cất cái thùng vô căn phòng ở trên tầng cao nhất rồi. Đi nào.”

Rồi nó dẫn hai đứa bạn và con Hạt Đậu đang run lấy bầy đi lên cầu thang, đi ngang qua những cánh cửa rung lên bần bật vì âm thanh. Căn phòng của ban nhạc rock khiến Hạt Đậu rên lên thật thê thảm. Benjamin phải lấy cả hai tay bịt tai nó lại. Bất cứ khi nào đi ngang qua một đứa trẻ tóc vàng nhạt và có tàn nhang giống như Fidelio, thì cu cậu lại giới thiệu, “Đây là Benjamin, còn đây là Charlie,” và hai thằng bé sẽ được chào đón bằng nụ cười rạng rỡ cùng với lời “Xin chào” hoặc “Chào”, hoặc “Rất hân hạnh gặp hai em”.

Sau cùng, chúng đã đến một cánh cửa nơi chót vót của căn nhà, và Fidelio dẫn hai đứa vô một căn phòng đầy ắp, như muốn nứt ra vì những thùng đựng nhạc cụ đủ mọi kích cỡ.

“Đây là ‘nghĩa trang’ dành cho nhạc cụ,” Fidelio giải thích. “Là nơi nhà anh cất giữ tất cả mọi thứ bị gãy vỡ, để một ngày nào đó sẽ sửa chúng lại.”

Nó kéo cái thùng dài đựng mộc cầm ra ánh sáng, cạy nắp và nhấc cái thùng kim loại của tiến sĩ Tolly ra ngoài.

“Tự mình mở nó ra nhé?” Fidelio vừa hỏi vừa đặt cái thùng xuống sàn nhà.

Đột nhiên Charlie cảm thấy hoang mang. Nó vừa không thể chờ nổi giây phút mở ra xem trong thùng có cái gì, tuy nhiên, nó lại hơi sợ. Ông cậu Paton chẳng đã đề nghị nó khi mở thùng thì phải để ông có mặt, để giúp đỡ nếu có gì đó không ổn hay sao? Nhưng cái gì có thể không ổn được trong một ngôi nhà thân thiện và ồn ào như thế này cơ chứ? Sẽ không ai nghe được những âm thanh mà tiến sĩ Tolly đã chế ra; và nếu có chẳng nữa, thì họ cũng sẽ chẳng nghĩ gì về chuyện ấy cả.

“Được rồi,” Charlie nói.

“Bỏ mở đi, Charlie,” Benjamin giục.

Charlie bước về phía trước và quỳ xuống cạnh cái thùng. Bây giờ nó có thể nhìn thấy rất rõ các chữ: MUỖI HAI TIẾNG CHUÔNG CỦA TOLLY. Đầu tiên nó sờ vào các mẫu tự “M”, ấn nhẹ nhưng dứt khoát. Tiếp đến là chữ “U”, đến đây thì Charlie nhận thấy nó không thể dừng lại được nữa. Quá sức là dễ dàng. Nó ấn từng chữ, từng chữ một, và khi nó ấn ký tự cuối cùng, là “Y”, một tiếng vỗ nhẹ phát ra từ bên trong nắp thùng.

Charlie lẹ làng đứng lên và lùi lại vài bước.

Với một tiếng “rắc” thật lớn, nắp thùng bung ra sau, và một bức tượng người bắt đầu nhô lên khỏi cái thùng.

Chắc chắn đây không phải là những gì Charlie mong đợi. Nó đã tưởng tượng tổ tiên của tiến sĩ Tolly phải là một cụ già, mặc đồ nhung. Trong khi hình nhân bật ra khỏi cái thùng này là một hiệp sĩ. Những cánh tay và cẳng chân của chàng được bọc trong áo giáp sáng lóa, gồm những vòng kim loại khâu chuỗi vào nhau, và trên đầu chàng đội một cái mũ tròn chóp phẳng, cũng bằng những vòng kim loại khâu lại. Có một khoảng giáp hở ở mặt, nhưng cũng chỉ nhìn thấy được có mắt và mũi. Thật là một cảnh tượng kì lạ và đầy ma lực – cái hình người oai dũng, thanh cao và sáng lóa này bật dậy như một bông hoa nở nhanh. Đáng sợ nhất là thanh gươm sáng loáng trong tay phải của hiệp sĩ.

Khi bức tượng đã đạt đến hết chiều cao của nó, thì thành linh, chàng hiệp sĩ vung gươm lên, cả ba thằng bé và con chó cùng nhảy vọt ra sau, cùng với những tiếng kêu, tiếng hét và tiếng sủa đầy giận dữ. Khi chúng yên lặng rồi, thì ở đâu đó bên trong người hiệp sĩ một hồi chuông bắt đầu ngân lên. Một, hai, ba... tiếp tục... và trong lúc tiếng chuông ngân vang, thì một dàn đồng ca tông trầm cất lên một bài thánh ca nghe có vẻ rất cổ.

“Tiếng La Tinh đó,” Fidelio thì thầm. “Anh đã nghe người ta tập hát bài này trong nhà thờ lớn.”

Bất giác, Charlie hiểu ra việc tiến sĩ Tolly đã làm. Ông đã sử dụng những âm thanh từng bao bọc xung quanh bé Emma Tolly vào đúng lúc cô bé bị thôi miên – hoặc bị yểm bùa. Tiến sĩ Tolly tin là những âm thanh này có thể sẽ đánh thức con gái mình dậy, và nếu như cô bé không thể nhớ ra mình là ai, thì chí ít, khi nghe những âm thanh này, cô bé cũng sẽ mang máng nhận ra được rằng đã có điều gì đó xảy ra với mình.

Hồi chuông bên trong người hiệp sĩ sáng chói rung lên lần thứ mười hai. Chàng hiệp sĩ hạ gươm xuống và bắt đầu chìm trở vào cái thùng.

Thật kì lạ khi nhìn cái cách chàng hiệp sĩ hạ người và thu nhỏ lại – chàng cúi oặt đầu và gieo mình xuống, cho tới khi nằm gọn gàng trong chiếc giường bọc vải lụa, bây giờ chàng không dài gì hơn chiều dài của thanh gươm sáng loáng.

“Chao!” Benjamin kinh ngạc.

“Tuyệt vời!” Fidelio thốt lên.

“Mình thắc mắc không biết cái thứ này có đúng là sẽ làm Emilia tỉnh lại được hay không.” Charlie lẩm bẩm.

Fidelio vẫn còn lắc đầu không tin. “Cách nào mà ông ấy làm được như thế nhỉ?” nó lẩm bẩm. “Vị hiệp sĩ đó làm bằng thứ gì vậy?”

“Gương mặt trông rất thật,” Benjamin nhận xét. “Mắt sáng quắc luôn.”

“Bằng thủy tinh,” Charlie nói. “Phần còn lại là một loại hợp chất nào đó.”

Nó nghĩ đến những mảnh tượng kim loại quái đản trong xương của giáo sư Bloor.

“Mình cá là tiến sĩ Tolly đã đánh lừa gia đình Bloor trong nhiều năm: gửi cho bọn họ những robot, tượng kim loại, với những bộ xương được tô màu, giả bộ như chúng có chứa bí mật đánh thức Emilia dậy. Để bọn họ đừng quấy nhiễu ông nữa. Nhưng cuối cùng họ cũng bắt được ông.”

“Họ chỉ bắt được ông ấy, chứ không lấy được Mười Hai Tiếng Chuông của Tolly,” Benjamin gật gù.

Charlie đóng nắp thùng lại. “Anh nghĩ là nó sẽ an toàn ở đây cho đến cuối tuần sau chứ?” nó hỏi Fidelio.

“Tất nhiên. Nhưng tụi mình cần một bạn nữ giúp đỡ nếu tính đem Emilia đến đây.”

“Không lo,” Charlie nói chắc nịch. “Olivia Vertigo khoái mấy chuyện như thế này lắm.”

Ba đứa con trai quay trở về vương quốc âm nhạc, lần này chúng gặp bà Gunn, bà cũng có mái tóc màu vàng nhạt và mặt đầy tàn nhang y như những người khác trong gia đình. Bà đang mang một cây hồ cầm băng qua hành lang, nhưng liền dừng lại và âu yếm vỗ đầu từng đứa một khi chúng đi ngang.

Rời khỏi Mái Ấm Gia Đình Gunn, Benjamin và Charlie thẳng tiến về nhà số 9, nơi ngoại Maisie đã hứa về một bữa trưa linh đình đang chờ chúng.

Chẳng bao lâu sau, Charlie và Benjamin đã ngồi trước gà quay, khoai tây, củ cải và nhiều loại rau củ đặc biệt khác mà mẹ Charlie mang từ tiệm hoa quả về. Có ba món tráng miệng để mà lựa chọn và lũ nhóc chén cả ba: kem, bánh pudding, bánh xoài hấp.

Ông cậu Paton nói vọng xuống là không thấy đói chút nào, thế là con Hạt Đậu lãnh phần của ông cậu. Ngoại Maisie đoán không biết có nên chứa lại một chút thức ăn cho nội Bone hay không. “Gần như chưa khi nào bà ấy nằm trên giường lâu như vậy,” ngoại Maisie nhận xét.

Charlie cười tủm tỉm. “Sao ngoại không để Hạt Đậu xoi nốt đồ ăn còn lại cho rồi? Con đảm bảo nó muốn chén luôn phần của nội Bone đấy.”

Ngoại Maisie tán thành, và thế là con Hạt Đậu hăng hái dọn sạch phần ăn trưa thứ hai.

Benjamin ở lại tới bữa trà. Đó là lúc nội Bone thức dậy. Bà loạng choạng bước xuống lầu trong cái áo choàng xám.

“Chuyện gì thế này?” bà gắt gỏng. “Đã bốn giờ rồi. Sao không ai gọi ta dậy?”

“Bà đang mệt mà, Grizelda,” ngoại Maisie trả lời. “Chúng tôi không muốn đánh thức bà.”

“Mệt? Mệt? Ta chẳng bao giờ thấy mệt cả,” nội Bone nổi cáu.

Benjamin và Charlie liền trốn ra vườn, ở đó chúng chơi tất cả những trò mà Hạt Đậu ưa thích. Sau một lúc thì mọi thứ dường như đều trở lại giống y chang những dịp cuối tuần ngày xưa, như thể không có gì thay đổi từ khi chúng gặp nhau lần đầu, lúc cả hai mới lên 5. Kể từ đó, Hạt Đậu đã bực con lên rất nhiều.

Nhưng, tất nhiên là đã có những đổi thay. Ngày mai Charlie phải trở về Học viện Bloor, và tối nay, một người hoàn toàn xa lạ sẽ đến chăm sóc Benjamin.

“Bồ có muốn mình đưa bồ về không?” Charlie hỏi khi bạn nó quyết định nên về nhà.

Benjamin lắc đầu, “Không sao đâu mà,” nó trả lời. “Mình đã có Hạt Đậu rồi.”

20. Chương 18

Chiến tranh bùng nổ

Nếu Charlie đi cùng Benjamin đến nhà số 12, thì những gì xảy ra đêm hôm đó có lẽ đã được ngăn lại. Nhưng ai có thể nói chắc được? Nói gì đi nữa thì dòng họ nhà Yewbeam vẫn là một dòng họ đầy uy quyền.

Khi Benjamin và con chó của nó bước lên những bậc cấp dẫn tới cửa trước, con Hạt Đậu bỗng tru lên với vẻ bất an, và Benjamin tự hỏi con người “đề mẩn” mà ba mẹ đã thuê đến để trông nom nó kia có thể là ai.

Người và chó cùng nhau bước vô hành lang. Một cái túi đen điệu dàng đặt dưới chân cầu thang, nhưng không có vẻ gì là túi của một cô bảo mẫu cả.

“Xin chào!” Benjamin tần ngần gọi.

Có ai đó từ trong bếp đi ra. Đó là một người cao, trang phục toàn màu đen, tóc xám búi trên đầu và những hạt ngọc trai to tròn đeo lủng lẳng ở tai. Bà ta không mang ủng đỏ, nhưng Benjamin biết ngay đó là ai. Hay đúng hơn, nó biết ngay bà này có liên quan đến bà mang ủng đỏ.

“Bác là...?” nó không biết phải kết thúc câu hỏi như thế nào.

“Bác là người bảo mẫu của cháu, cháu à.” bà ta nói.

“Chứ bác không phải là...?”

“Phải. Bác là một trong những bà cô của Charlie. Như vậy càng làm cho mọi chuyện được thêm phần thoải mái dễ chịu hơn, đúng không? Cháu có thể gọi bác là Eustacia.”

“Cám ơn bác,” Benjamin nói, lo lắng. “Có thực là ba mẹ cháu đã yêu cầu bác đến đây không?”

“Tất nhiên rồi,” bà ta đáp, có vẻ hơi bực mình. “Chứ không thì sao mà ta lại ở đây?”

“Tại cháu thấy hơi lạ...” Benjamin nói.

Bà cô Eustacia tỉnh queo trước câu nói đó. “Tốt hơn hết là cháu nên vào ăn tối đi,” bà ta nhỏ nhẹ. “Bác đã nấu một chút súp nóng rất ngon.”

Benjamin theo bà ta vô bếp và kéo một chiếc ghế ra khỏi bàn. Hạt Đậu gừ một tiếng nhỏ và ngồi xuống bên cạnh Benjamin.

“Chó không được ở trong bếp,” bà cô Eustacia nhắc. Đoạn bà ta đổ một ít chất lỏng, dính dính màu nâu đang bốc hơi vô một cái tô và để trước mặt Benjamin.

“Suyt!” bà ta xùy con Hạt Đậu. “Ra ngoài!”

Con Hạt Đậu nhe răng ra, gầm gừ.

Bà Eustacia lùi lại một bước. “Một con chó mới kinh tởm làm sao!” bà ta quàu quạu... “Benjamin, đuổi nó ra khỏi bếp ngay lập tức.”

“Cháu không thể làm thế được,” Benjamin nói. “Nó thích ăn cùng lúc với cháu.”

“Ha!” bà Eustacia dùng dùng mở các tủ và tìm thấy một hộp thức ăn cho chó, bà ta xúc một ít vào cái tô có chữ “CHÓ” và đặt cái tô ra ngoài hành lang.

“Giờ thì,” bà ta ra lệnh, vừa vẫy một ngón tay vào mặt Hạt Đậu, “Ăn đi!” Bà ta chỉ cái tô.

Con chó đảo tròn mắt và nép sát vào người Benjamin.

Benjamin quyết định rằng mới gặp thì tốt nhất là tránh cãi vã với bà Eustacia, nên nó cúi xuống con Hạt Đậu và nói: “Hạt Đậu, ăn tối đi. Tao không sao đâu.”

Hạt Đậu gầm gừ và lúp cúp đi ra ngoài hành lang, rồi đứng đó ồn ào đánh chén tô thức ăn cho chó. Benjamin ước gì mình có thể ăn thực phẩm của chó. Món đó chắc chắn phải ngon hơn cái thứ súp nâu gớm ghiếc này mà bà cô Eustacia mới múc cho nó.

Khi cuối cùng đã xoay sở tổng được hết món súp xuống họng, Benjamin bị hộ tống đến tận chân giường.

“Mai còn đi học,” bà Eustacia bảo. “Tối nay cháu nên ngủ sớm đi.”

“Bác sẽ ngủ ở đây à?” Benjamin hỏi.

“Đương nhiên.” Người phụ nữ trông cau kỉnh trả lời. “Bác là bảo mẫu của cháu mà.”

Benjamin nhớ ra nó cần phải giả bộ như “Mười Hai Tiếng Chuông Cửa Tolly” vẫn còn trong nhà.

“Tối nay mày ngủ lại ở dưới này nhé,” nó bảo Hạt Đậu, rồi lấy cái ổ chó, đem ra đặt gần cửa tầng hầm.

Con Hạt Đậu có vẻ bối rối, nhưng rồi cũng vâng lời bước vào ổ của mình.

Benjamin chui vào giường, nhưng nó nằm thức thao láo, chờ cho bà Eustacia lên lầu. Cuối cùng, khi đã chắc rằng bà đã lên giường, nó rón rén đi xuống chỗ điện thoại trong hành lang và quay số của Charlie.

“A lô,” tiếng ngoại Maisie vui vẻ cất lên.

“Đây là...” Benjamin không dám nói gì thêm vì có một bóng đen đã xuất hiện ở trên đầu cầu thang.

“Cháu nghĩ là cháu đang làm gì vậy, hả?” bà Eustacia hỏi lớn.

Bên kia đầu dây, giọng ngoại Maisie vẫn dòn dập, “Alô! Alô! Ai đó?”

“Bỏ điện thoại xuống,” bà Eustacia ra lệnh.

“Cháu chỉ muốn gọi cho bạn cháu thôi mà,” Benjamin giải thích. Đúng lúc này con Hạt Đậu bắt đầu sủa vang.

“Gần nửa đêm rồi,” bà Eustacia quát. “Về giường mau!”

“Dạ,” Benjamin đau khổ trả lời. Nó đặt điện thoại vào chỗ cũ rồi lê bước lên giường.

Vào sáng thứ Hai, Charlie phải rời nhà thật sớm. Chiếc xe buýt màu xanh của Học viện dừng ở đầu đường Filbert, chính xác vào lúc 7 giờ 45 phút, sau đó nó phải mất thêm một tiếng nữa để đón các học sinh khoa nhạc từ khắp nơi trong thành phố.

Vậy nên Charlie không gặp được Benjamin trước khi rời khỏi nhà, và chỉ nghe lảng máng lời ngoại Maisie nói với theo, “Đêm qua Benjamin có gọi đến đây. Bà nghĩ là Benjamin, vì bà nghe có tiếng chó sủa.”

Phải đến khi ngồi trên xe buýt rồi thì Charlie mới nhớ lời ngoại Maisie, và nó tự hỏi không biết Benjamin muốn nói gì với nó đêm qua.

Nó tình cờ gặp Fidelio khi cả bọn đang chen chúc đi vô cổng Học viện. Chúng hẹn gặp nhau vào giờ ra chơi và sẽ nói chuyện với Olivia Vertigo.

Giờ thì Charlie không còn ngỡ ngàng như một nam sinh mới toe nữa. Hôm nay nó biết chính xác phải đi đâu và làm cách nào tìm ra các vật dụng. Buổi học nhạc với thầy Paltry- Kèn Sáo không được suôn sẻ cho lắm, nhưng nó cố gắng tránh bị phạt cấm túc, và thực ra thì nó đã gắng cư xử cho đúng đắn trong tiết tiếng Anh.

Đến giờ giải lao, trong khu vườn mênh mông đầy sương mù, Charlie và Fidelio bí mật quan sát Olivia đang tán gẫu với một nhóm con gái, trông đứa nào cũng thật kinh dị. Chúng bôi mặt trắng toát, mang ủng cao lênh khênh trông hết sức nguy hiểm, và cả bọn đều để tóc hoặc được tẩy trắng, hoặc được nhuộm màu. Hôm nay tóc Olivia có màu chàm.

Charlie ngoắc tay ra hiệu cho Olivia, cô nàng liền băng băng bước qua bãi cỏ trong đôi ủng khổng lồ, để dây cui và mũi bọc kim loại.

“Mình cá là Manfred sẽ bắt bỏ cởi đôi giày đó ra,” Charlie lưu ý Olivia.

“Tớ sẽ cố tránh đường hắn,” Olivia bảo. “Thế, có gì mới không?”

“Đi dạo đi,” Fidelio đề nghị. “Để người ngoài khỏi nghĩ là tụi mình đang bày mưu tính kế.”

Với Olivia khật khưỡng đi ở giữa, hai thằng con trai lần lượt thuật lại những gì đã xảy ra trong dịp cuối tuần qua.

Olivia rất háo hức. “Mấy người cần tớ đem Emilia tới Mái Ấm Gia Đình Gunn chứ gì?” cô bé hỏi. “Con ấy sẽ không bao giờ chịu đi với một trong hai ấy đâu.”

“Đúng vậy!” Charlie nói.

Nó đã để ý thấy Billy Raven lẻo đẻo đi theo chúng ở phía sau, và tự hỏi không biết có nên nói cho thằng bé bạch tạng ấy biết những gì đang xảy ra hay không. Nhưng nó quyết định không nói. Bởi vì bây giờ, càng ít người biết bí mật của chúng càng tốt. Cuối tuần này Billy sẽ về nhà cùng với nó. Lúc đó cu cậu sẽ hiểu ra thôi.

Olivia đồng ý dành cả tuần còn lại để kết bạn với Emilia, như thế nó có thể đến nhà Emilia vào cuối tuần.

“Sẽ không dễ đâu,” Olivia nói. “Bởi vì Emilia có vẻ hơi xa cách, mọi người biết ý tớ muốn nói gì rồi đấy. Nhưng tớ cho là nếu đã bị thôi miên thì chắc chắn sẽ thành như thế.”

Nói rồi Olivia sải bước đi luôn, chỉ vẫy tay chào một cái, để có thể dành nốt hai phút cuối giờ giải lao với đám bạn gái “kinh dị” của mình.

Mãi đến khi vô căng tin Charlie mới gặp Gabriel Silk. Cậu ta phóng ào tới chiếc bàn Charlie đang ngồi cùng Fidelio, làm đổ cả nửa li nước vô đĩa khoai tây chiên.

“Xin chào!” cậu ta hớn hờ. “ Mọi việc ổn cả chứ? Có cần tôi giúp gì không?”

“Bây giờ thì không, cảm ơn anh,” Charlie trả lời.

Garbiel trông có vẻ hân hoan khác thường. Rõ ràng là cậu ta đang mặc toàn đồ mới hoặc đồ đem-lại-cảm-giác-hạnh-phúc. Charlie nhận ra Gabriel có thể là một người bạn hữu ích để kéo về phe mình. Nó đã bắt đầu nghĩ đến việc người nào về phe nó, người nào chống lại nó. Và tự hỏi, tại sao lại phải thế nhỉ?

Mãi đến giờ ăn tối nó mới thấy Manfred, nhưng thật vô cùng nhẹ nhõm cho nó, thằng già này chẳng đếm xỉa gì đến nó cả. Tuy nhiên, Asa vẫn phóng những cái nhìn ranh ma qua chiếc bàn dài. Bữa tối này giống y hệt như bữa tối của thứ Hai tuần trước: xúp, trứng và khoai tây chiên, và một trái lê.

“Lúc nào cũng y vậy,” Fidelio ngao ngán.

“Ngày mai sẽ là xúp, xúc xích với khoai tây, bắp cải và một trái táo.”

Charlie ước gì nó có thể đổi tài nghe thấy tiếng nói của mình thành tài biến thức ăn dở thành thức ăn ngon. Nó nhắm mắt lại và giả bộ như có thể làm được. Nó nhận ra món trứng trắng mỏng nguội lạnh đúng là có ngon hơn.

Vì bây giờ đã biết đường đến phòng Nhà Vua nên nó nhận ra mình là người đầu tiên có mặt trong phòng. Hay gần như là vậy. Zelda và Beth đang chơi trò gì đó. Chúng không để ý đến Charlie. Zelda có nước da đen và trông cộc cằn; Beth to con và lực lưỡng với mái tóc xoăn nhạt màu. Chúng đang nhìn nhau trừng trừng ở hai đầu bàn. Ở giữa bàn, một cái hộp gỗ đựng bút chì đang di chuyển, lúc thì về hướng này, sau lại về hướng kia.

Charlie ngồi xen vô khoảng trống rộng rãi giữa hai đứa kia và ném tập vở cái “phịch” xuống bàn.

“Shhh!” Zelda suyt.

Hộp bút chì vọt về phía con bé.

“Xin lỗi,” Charlie nói.

Hộp bút chì bay lơ lửng và rồi di chuyển về phía Berth. Con nhỏ găm gù, chăm chăm nhìn cái hộp, khiến nó quay về phía Zelda. Charlie nhận ra cả hai đều được có phép thuật giống hệt nhau: điều khiển đồ vật bằng ý nghĩ.

Bọn trẻ khác bắt đầu lục tục bước vô phòng, phá vỡ sự tập trung của hai đứa con gái. Tancred và Lysander cùng vô một lúc. Hôm nay Tancred cười tươi roi rói với Charlie. Tóc anh ta trông như càng bị nhiễm điện tợn, và Charlie nhận thấy mái tóc Tancred kêu lắc rắc khi Tancred cố vuốt nó xuống.

“Khỏe không, Charlie Bone?” Lysander hỏi nó với nụ cười xởi lởi.

“Mình khỏe, cảm ơn,” Charlie mỉm cười đáp lễ.

“Câm miệng!” Zelda nổi cáu khi hộp bút chì nhảy tót sang một bên, phóng vèo lên không trung rồi lộn phập xuống sàn nhà.

“Cái trò điên rồ,” Lysander nhận xét.

“Đó không phải trò chơi!” Zelda quắc lại, trong khi nhặt hộp bút chì lên.

Charlie đã xoay được một chỗ ngồi cùng bên bàn với Manfred, cho nên nó sẽ không phải lo lắng gì nữa về cái nhìn chòng chọc khùng khiếp của Manfred. Ngồi từ đây, nó có thể quan sát Vua Đỏ tốt hơn nhiều, và trong giờ học nó nhận ra mình nhiều lần cứ ngó chăm chăm vô khuôn mặt tối, bí hiểm ấy. Việc này có một tác dụng lạ kì: làm lòng nó dịu xuống, và bài tập về nhà dường như trở nên dễ hơn nhiều so với bình thường. Và đúng vậy, nó đã làm xong đồng bài tập trước khi chuông reng.

Fidelio và Charlie đã nhất trí với nhau là không được nói, dù chỉ thì thầm, bất cứ điều gì về Mười Hai Tiếng Chuông Cửa Tolly trong phòng ngủ chung. Billy cứ nhìn theo Charlie một cách lộ liễu, và ngay trước khi đèn tắt, nó đến đứng cuối giường của Charlie.

“Cuối tuần này em đến nhà anh vẫn được chứ?” Billy hỏi.

“Tất nhiên,” Charlie bảo. “Mẹ anh nói được mà.”

“Và... và anh sẽ làm gì đó với Emilia Moon phải không?” Giọng Billy nghe có vẻ hơi run run.

Charlie đáp: “Anh chưa biết.” Nó thấy có gì đó không ổn ở Billy.

Billy lần vội về giường khi tiếng “Tắt đèn” găm lên. Một bàn tay hộ pháp vòng qua cánh cửa và nhấn công tắc đèn. Charlie tưởng tượng bà cô Lucretia đang rình rập dọc theo các hành lang, nghe ngóng ngoài các cánh cửa. Cuối cùng, trước khi chìm vô giấc ngủ, nó bỗng nhớ đến lời nói của ngoại Maisie, “Đêm qua Benjamin có gọi đến đấy. Bà nghĩ đó là Benjamin vì bà nghe có tiếng chó sủa.”

Tại sao Benjamin lại gọi vào giờ trễ như vậy, và tại sao nó không nói gì hết? Và tại sao con Hạt Đậu lại sủa? Charlie ngủ thiếp đi trước khi có thể suy đoán ra mọi chuyện.

Benjamin chẳng hề ngủ được. Nó sẽ có một ngày cực kì không thoải mái đây. Trời lạnh và gió lồng lộng, và trong khi đi bộ từ trường về nhà, nó hình dung ra tất cả những món khoái khẩu, nóng sốt mà nó có thể nấu cho nó và Hạt Đậu: xúc xích, khoai tây chiên, phô mai hơi nóng, thịt gà viên, và chuối nướng vỉ. “Tuyệt! Tuyệt!” Benjamin tự nói với mình. Nó tạm quên bà Eustacia Yewbeam đi.

Nhưng bà ta kia kia, đang đập xoong chảo rầm rầm trong nhà bếp của Benjamin, như thể đang chuẩn bị một bữa đại tiệc chứ không phải là một chén súp không ra gì. Khi Benjamin đòi ăn xúc xích, bà ta liếc nó một cái thật sắc và nói: “Để làm gì nào? Bây giờ không phải là Giáng sinh.”

Hạt Đậu phóng ra khỏi ổ, sửa mũi rờ rờ và liếm khắp người Benjamin: mặt, hai bàn tay, tai và cổ.

“Cả ngày nay con chó đó không cục cựa gì cả,” bà Eustacia càu nhàu. “Muốn cắt dây chỗi vô cái tủ tường cũng không được.”

“Nó là một con chó tuyệt vời mà.” Benjamin kiêu hãnh nói. Sau đó, nó phải cay đắng mà hối tiếc về những lời này.

Tối đó, nó nghe thấy tiếng chân bà Yewbeam đi rảo khắp các phòng. Bà ta đang làm gì nhỉ? Bà ta có nguyên một ngày để lục lọi rồi kia mà. Nó có cảm giác mơ hồ là có một người nữa đang ở trong nhà. Cuối cùng, Benjamin nhắm mắt lại và chìm trong giấc ngủ khó nhọc.

Một hỗn hợp âm thanh kinh khủng, với những tiếng tru, tiếng rú, và rên rỉ dựng Benjamin dậy. Nó nhảy ra khỏi giường và chạy tới đầu cầu thang.

“Hạt Đậu?” nó gọi. “Phải mà không?”

Một tiếng gừ khê, rồi một hồi tru, sau đó là tiếng sủa inh tai đáp lời nó. Có cái gì đó đang tấn công con Hạt Đậu. Benjamin lao xuống lầu.

“Hạt Đậu! Hạt Đậu! Tao tới liền đây,” nó thét lên.

Có tiếng rú lên kinh hoàng, và cánh cửa mở toang một cái đánh “sầm”.

Benjamin chạy qua ngoài hành lang về phía cửa mở. Nó suýt đổ ập lên thân hình bất động của Hạt Đậu.

“Hạt Đậu!” Benjamin thét lên, quỳ xuống cạnh cái đầu bồm xồm của con chó.

Hạt Đậu rên lên một tiếng yếu ớt, buồn thảm, và Benjamin vượt lên bộ lông thô ráp, nhận ra bộ lông phủ đầy một thứ gì đó nhơm nhớp.

Đèn ngoài hành lang bật sáng và bà phăm phăm đi xuống cầu thang. “Có chuyện gì đó?” bà ta hỏi.

“Con chó của cháu bị tấn công,” Benjamin la lên. “Người nó dính toàn máu.”

“Ta... ta... ghê quá!” Bà Yewbeam tuyên bố. “Chúng ta sẽ gọi bác sĩ thú y vào sáng mai.”

“Cháu không thể để nó như thế này được,” Benjamin cãi lại.

Nó chạy vô bếp và xông ra lại với một chén nước và một ít mảnh vải cũ. Bà Eustacia đứng nhìn trong khi Benjamin rửa sạch vết máu và bôi thuốc sát trùng cho Hạt Đậu. Vết thương của con chó giống như những vết cắn to. Nhưng loài vật nào có thể đột nhập vô nhà? Và tại sao nó lại đột nhập vô đây?

Bà Eustacia giục Benjamin đi ngủ. Nhưng nó không chịu.

“Cháu sẽ ngủ ở dưới này với con Hạt Đậu,” nó nói. Nó lấy ra một cái mền và một cái gối rồi nằm suốt đêm bên cạnh con chó bị thương.

Trong ánh sáng lạnh lẽo của sáng thứ Ba, Hạt Đậu trông rất yếu. Benjamin nhất quyết không đến trường nữa.

“Hạt Đậu có thể sẽ chết lúc cháu vắng nhà,” nó khóc.

“Vớ vẩn,” bà Yewbeam cố sức kéo Benjamin lên phòng nó.

“Không! Không! Không!” nó gào lên.

Bà ta mang quần áo của nó xuống lầu và cố bắt nó thay quần áo. Nó chống cự và vùng vẫy. Bà ta tát tai, xô đẩy và kéo giật nó.

“Cứu tôi với!” Benjamin hét lên, cho dù nó không biết mình đang cầu cứu ai.

Và rồi nhớ lại những lời Charlie đã dặn, nó vọt ra cửa trước, nhảy xuống mấy bậc thang, vẫn mặc nguyên đồ ngủ, phóng qua đường đến nhà số 9, đâm vào cửa thình thình.

Cửa mở tung, Benjamin ngã dúi vào hành lang. Nó ngẩng lên thì nhận ra trước mắt là gương mặt quàu quàu của nội Bone.

“Mày đang làm trò gì thế hả, Benjamin Brown?” nội Bone hỏi.

“Con muốn gặp ông cậu Paton,” Benjamin vừa đáp vừa ráng gượng dậy. “Ông Paton Yewbeam ạ.”

“Ông ấy không rảnh cho mày gặp đâu,” nội Bone nói.

“Ông rảnh mà,” Benjamin nói rồi gọi toáng lên: “Ông cậu Paton ơi!”

“Suyt!” nội Bone ra lệnh.

Mấy cánh cửa trên lầu đồng loạt mở ra, ngoại Maisie và mẹ Charlie từ trên đầu cầu thang nhìn xuống.

“Benjamin, chuyện gì đó con?” mẹ Charlie hỏi.

“Con chó của con bị tấn công. Con cần ông cậu Paton của Charlie,” Benjamin hét lên.

Khi hai người phụ nữ bắt đầu chạy xuống chỗ Benjamin, thì ông cậu Paton xuất hiện ở bậc thang trên cùng, khoác áo choàng nhưng đỏ.

“Ai cần ta vậy?” ông hỏi.

“Con! Con ạ, ông Yewbeam ơi!” Benjamin rối rít. “Con chó của con bị thương. Nó chết mất. Ông làm ơn giúp con với được không?”

Ông cậu Paton lao ào xuống phóng ra cửa trước.

“Paton, cậu chưa thay quần áo chỉnh tề,” nội Bone nhắc theo.

“Vớ vẩn!” Ông cậu Paton nói.

“Mặt trời lên rồi,” ngoại Maisie lầm bầm.

“Đừng lo lắng về mặt trời,” ông cậu Paton nói. “Nhanh lên Benjamin.” Ông mở cửa trước và chạy xuống các bậc cấp, với Benjamin chạy bên cạnh.

Xe cộ đã bắt đầu nhộn nhịp như thường lệ trên đường Filbert, hối hả lao về hướng trung tâm thành phố, nhưng ông cậu Paton không thèm chú ý. Chẳng thèm nhìn trái hay nhìn phải, ông băng thẳng qua nhà số 12. Những chiếc xe hơi rít lên rồi dừng phắt lại, các bác tài bóp còi inh ỏi và chửi rửa người đàn ông cao lớn mặc áo choàng đỏ, và thằng bé mặc pyjama sọc xanh.

Vừa bước vô căn nhà số 12 thì ông Paton chạm mặt ngay với bà chị của mình.

“A, ra là bà, Eustacia,” ông cậu Paton nói. “Lẽ ra tôi phải biết điều này.”

“Cậu nói vậy là có ý gì?” bà Eustacia lạnh lùng hỏi.

“Benjamin, ba mẹ mày đâu rồi?” Ông cậu Paton hỏi.

“Con nghĩ ba mẹ con đang ở Scotland tìm kiếm một người lau cửa sổ bị mất tích,” Benjamin đáp.

“Lát nữa chúng ta sẽ nói tới việc đó,” ông cậu Paton nói. “Bây giờ, con chó đâu?”

Benjamin dẫn ông cậu Paton qua hành lang tới cái ổ của Hạt Đậu. Con chó to nằm một đồng trông thật thương tâm, cái mũi toạc của nó tì lên hai bàn chân trước. Mắt nó nhắm nghiền và gần như không thở nữa.

“Trời ơi,” ông cậu Paton thốt lên và cúi xuống con chó. “Một con vật to lớn man rợ đã tấn công con chó của mày, Benjamin à. Một con gì đó có hàm răng và móng vuốt khác thường.”

“Đó là lỗi của con,” Benjamin nức nở. “Con nói là nó bảo vệ tầng hầm. Nhưng con thật là ngu, thật ra đâu có gì trong ấy đâu.”

Nó ngừng lại, sức nhớ ra là bà Eustacia Yewbeam đang lảng vảng ở cửa trước, nhưng đã quá trễ.

“Làm thế nào mà con vật hoang đó vô đây được?” nó hỏi ông cậu Paton. “Ban đêm cửa khóa hết mà.”

“Có ai đó đã mở cửa cho nó vô,” ông cậu Paton vừa nói vừa liếc nhìn bà chị của mình. “Chúng ta phải đem con Hạt Đậu đến bác sĩ thú y,” ông nói với Benjamin. “Và phải thật nhanh lên. Ta thấy thời gian cho con chó đáng thương này có vẻ sắp hết rồi.”

Benjamin chợt nảy ra một ý. Nó nhớ ông Onimous đã nói ông có một phương cách đặc biệt đối với thú vật ra sao.

“Con biết một người sẽ tới đây,” nó nói. “Ông Onimous, người diệt chuột. Con có danh thiếp của ông ấy. Ông có những con mèo rất kì lạ, giống như những ngọn lửa vậy.” Benjamin đứng lên và chạy vô bếp.

“Ta đi đây,” bà Eustacia nói, đoạn bà ta vội dấn bước ra trước cửa, nhanh đến nỗi hai ông cháu hầu như không thấy bà ta lĩnh đi.

“Chuyện gì xảy ra vậy, ông cậu Paton?” Benjamin hỏi. “Sao ai lại đối xử với con Hạt Đậu như vậy? Mà tại sao mấy bà chị của ông lại xấu xa và giận dữ như vậy?”

“Chiến tranh bùng nổ rồi, Benjamin,” ông cậu Paton nói. “Có một việc đã âm ỉ từ lâu lắm rồi. Tính cho đến bây giờ thì họ mặc sức làm những gì họ muốn, nhưng họ đã đi quá xa, và một số người trong chúng ta sẽ không chịu đựng điều đó nữa.”

21. Chương 19

Con gái của nhà phát minh

“Olivia đang tác động được đến Emilia,” Fidelio thông báo cho Charlie.

Thứ Sáu tới rồi, và chúng đang rảo bước quanh khu vườn sương giá. Ở ngay phía trước mặt, chúng thấy Olivia và Emilia đang mải mê trò chuyện, hay đúng hơn, Olivia đang nói và Emilia xem ra đang lắng nghe.

Vài tiếng nữa tất cả bọn chúng ai sẽ về nhà nấy. Ngay cả Olivia cũng đã tránh xa được rắc rối suốt cả tuần. Vừa nhìn thấy hai đứa, cô bé lao lại, hay đúng hơn là bước đi huỳnh huých trong đôi ủng khổng lồ.

“Tốt rồi,” nó thì thào. “Chiều mai tớ sẽ đến nhà Emilia. Vậy, chờ tụi này vào khoảng giờ uống trà nha.”

“Bồ định đưa Emilia rời gia đình Moon bằng cách nào?” Charlie hỏi.

“Để tớ nghĩ sau,” Olivia rầm rập đi mất.

Chuông reo và bọn chúng bắt đầu thơ thẩn trở về Học viện. Billy Raven vù qua khi chúng vừa tới cửa.

“Gặp lại em sau nhé, Billy,” Charlie nói. “Nhớ là em sẽ về nhà với anh đó.”

“Chỉ một đêm thôi,” Billy nói. “Thứ Bảy em phải quay về.”

Charlie ngổ ngang. “Anh tưởng em muốn ở lại hết cuối tuần chứ,” nó nói.

“Em phải về. Bà giám thị bảo thế.” Billy liếc nó, lúng túng một cách lạ lùng rồi biến biệt tăm.

“Cả tuần nay nó hành xử rất kì khôi,” Fidelio nhận xét. “Tối qua nó rời khỏi phòng ngủ chung mấy tiếng liền. Cái mùi khùng khiếp của con chó đó, cái con May Phúc ấy, hay cái tên gì đại loại vậy, làm anh thức dậy. Sau đó anh không sao ngủ được.”

“Chắc nó bị mộng du,” Charlie nói. “Coi bộ nó có vẻ mệt mỏi.”

Cả hai không nghĩ đến Billy nữa. Vào lúc 3 giờ rưỡi, chúng thu dọn đồ đạc, và đúng 4 giờ thì lên đường về nhà bằng một trong những chiếc xe buýt của Học viện: xe xanh da trời cho khoa nhạc, xe màu tím cho khoa kịch và xe xanh lá cây cho khoa hội họa. Charlie để ý thấy Olivia đã xoay sở leo lên được chiếc xe xanh lá

cây cùng với Emilia. Olivia đội một cái nón to tướng màu xanh lá cây và mặc lộn trái chiếc áo chùng tím ra ngoài - lớp vải nỉ lót bên trong có màu xanh lá cây cấu bẩn.

“Cứ tin Olivia đi!” Charlie toét miệng cười một mình.

“Chị ấy làm gì vậy?” Billy hỏi. Nó đang ngồi cạnh Charlie.

“Ồ, không có gì. Chị ấy giỡn ấy mà.”

“Ồ,” Billy chưng hửng.

Ngoại Maisie quan tâm hết mức tới Billy. Bà đã nướng riêng cho nó một ổ bánh sôcôla đặc biệt, và đã dọn sẵn cho nó một chiếc giường ấm êm trong phòng Charlie.

“Thằng bé tội nghiệp quá,” bà cứ lẩm bà lẩm bẩm khi dạo quanh bàn, hết rót nước cam vắt, cắt bánh, lại cố vỗ về cho Billy ăn bánh quy phủ kem lòng trắng trứng và bánh nướng nhân mứt. Billy tận hưởng niềm vui sướng tốt độ. Nó chưa bao giờ thấy cùng lúc có nhiều món mê li ở trên cùng một cái bàn như vậy.

“Tuần này ở nhà có khá nhiều biến cố,” mẹ Charlie nói trong khi rót trà. “Con chó của Benjamin bị tấn công và ông cậu Paton của con đã ra tay. Chúng ta chưa bao giờ thấy cậu linh động đến vậy. Cậu ra ngoài giữa ban ngày ban mặt.”

“Trong chiếc áo ngủ,” ngoại Maisie thêm vào.

“Hạt Đậu bị tấn công?” Charlie lo lắng hỏi. “Bây giờ ông cậu Paton đang ở đâu? Còn nội Bone đâu rồi?”

“Đang giam mình trong phòng,” ngoại Maisie nói. “Đêm nào cũng có chiến trận kịch liệt. La lối, giậm chân, gõ cửa ầm ầm. Ngoại không biết chúng ta đã mất bao nhiêu bóng đèn rồi.”

Ngay khi uống trà xong, Charlie dẫn Billy qua đường tới nhà Benjamin. Một phụ nữ tóc ngắn, vàng hoe, đeo kính ra mở cửa. Cô mặc bộ com-lê xám và, dầu có vẻ khô khan, cô có một nụ cười ấm áp và thân thiện.

“Chào con, Charlie,” cô nói. “Con không nhận ra cô à? Cô là cô Brown, má của Benjamin.”

Charlie sửng sốt. Nó đã không gặp cô Brown trong một thời gian dài. Nó chắc chắn trước đây tóc cô dài và đen.

“Đây là Billy ạ,” nó nói.

“Vô đi! Vô đi!” cô Brown nói. “Con Hạt Đậu đang được chữa trị.”

“Chữa trị?” Charlie nói khi bước vô hành lang.

Có những va li trên cầu thang, ủng cao su trên sàn, áo khoác và áo mưa vắt lủng nhùng trên ghế và trên thành cầu thang. Cái quái gì thế này?

“Benjamin ở trong phòng khách đó, Charlie,” cô Brown nói. “Gặp con nó sẽ vui lắm.”

Charlie dẫn Billy tới một căn phòng phía sau nhà. Nó ít khi vô đó. Benjamin vẫn thích ở trong nhà bếp hơn.

Khi cửa mở, nó được đón bằng một tiếng suýt lớn và một tiếng ngoao dài, cảnh báo. Nó gần như không tin vào mắt mình. Dương Cừu, con mèo màu đồng đỏ, đứng trên lưng một chiếc ghế bành; con Nhân Mã đứng trên lưng một chiếc ghế khác; còn con Sư Tử ngồi lắt léo trên tay ghế trường kỷ. Chúng dữ tợn nhìn xoáy vào Charlie, sau đó thì dịu lại. Dương Cừu thậm chí còn thích thú gừ gừ nho nhỏ.

Benjamin đang ngồi trên ghế trường kỷ cạnh con Sư Tử.

“Vô đây, Charlie,” nó thì thầm. “Ông Onimous đang chữa cho Hạt Đậu.”

Hạt Đậu đang nằm trên sàn, với ông Onimous quỳ bên cạnh. Một tay ông cầm lọ nước gì màu xanh lá cây và tay kia ông cầm một cục bông gòn. Hạt Đậu bị băng ở mũi và bị khâu một bên tai. Trên người nó, ở chỗ bị mất một mảng lông, có những vết rách lam nhám.

“Nó đỡ hơn rồi,” Benjamin nói khẽ.

Charlie lướt vô phòng, ngồi xuống cạnh Benjamin, nhưng ngay khi Billy bước vào, ba con mèo cùng gừ lên đầy vẻ đe dọa.

Ông Onimous ngược lên.

“Chuyện gì vậy?” ông hỏi. “Tôi cần yên lặng.”

Billy đứng tựa lưng vào tường. Trông nó thật hốt hoảng.

“Ai đây?” Benjamin hỏi.

“Billy Raven,” Charlie thì thào. “Trong Học viện. Billy không có nhà nên sẽ ở với mình vào cuối tuần.”

“Chào em, Billy,” Benjamin nhỏ nhẹ nói. “Ngồi đi!”

Ông Onimous bây giờ đang thay băng mũi cho Hạt Đậu. Con chó rên rỉ yếu ớt. Lúc đó Billy tiến tới một bước, và cả ba con mèo cùng nhảy xuống sàn, gầm gừ rồi hú lên.

“Chúng nó không thích em,” Billy the thê.

Ông Onimous nhăn mặt nhìn nó. “Sao lại không thích?” ông hỏi. “Ta nghĩ tất cả các cậu nên ra khỏi phòng ngay. Kẻo Hạt Đậu già nua ở đây sẽ bị kích động.”

Charlie, Benjamin và Billy cùng đi vô căn bếp cực kì ngăn nắp.

“Sao, chuyện là thế nào?” Charlie hỏi.

“Nhiều chuyện lắm,” Benjamin đáp.

Đầu tiên, nó kể về việc xuất hiện khủng khiếp của bà cô Eustacia trong nhà. Tiếp theo, nó mô tả vụ tấn công bí hiểm vào con Hạt Đậu; rồi việc nó chạy qua nhờ ông cậu của Charlie giúp đỡ ra sao; và từ lúc ấy, cuộc sống của nó đã thay đổi như thế nào - bởi vì ông cậu Paton không biết làm cách nào mà đã kiếm ra ba má nó và nhất quyết giục họ phải về nhà ngay.

“Mình nghĩ ông cậu Paton đã nhờ cảnh sát kiếm ba má mình,” Benjamin nói. “Má vẫn hay mặc cái áo mưa màu vàng này nên rất dễ nhận ra. Dù sao thì ba má cũng đã về nhà. Ông cậu Paton nói ba má đã bị người ta lừa và bị cuốn vô một vụ tìm kiếm vịt trời. Mình nghĩ trong vụ này có bàn tay của bà nội bồ. Khi ba má về nhà, ông cậu Paton kêu họ ra nói chuyện riêng rất lâu, và từ hôm đó, má bảo từ nay má sẽ chỉ đi làm lúc nào mình tới trường thôi, sẽ không bao giờ đi làm đêm và không bao giờ đi làm vào ngày nghỉ nữa.”

Charlie hầu như không tin vào việc đó. Ông cậu Paton cuối cùng đã ngẩng đầu lên. Rõ ràng là khi ông cậu muốn làm việc gì là việc đó phải được.

Ông Onimous thỉnh linh thờ đầu vô bếp. “Giờ tụi này đi đây, các cậu bé,” ông hồ hởi. “Tóm lại là Hạt Đậu đang bình phục tốt. Thứ Hai tôi sẽ quay lại.”

Rồi như mọi khi, ông biến mất trong một luồng sáng, cùng với ba con mèo bay vèo theo sau như những chòm pháo bông màu lửa.

“Ông này tức cười thật,” Billy lầm bầm. “Ông ấy hơi giống con chuột.”

Bọn kia đều công nhận, mặc dù Benjamin nhấn mạnh là ông Onimous có những năng lực phi thường.

“Mình đã nghĩ là con Hạt Đậu chết chắc,” nó nói, “nhưng ông Onimous chỉ cần đặt hai bàn tay ngồ ngộ của ông lên người Hạt Đậu là nó khỏe lại liền. Xong mấy con mèo cứ đi vòng quanh Hạt Đậu để giữ ấm cho nó, dù bọn chúng không thích chó.”

“Bọn chúng cũng không thích em,” Billy lảng lảng nói. “Thú vật luôn thích em, nhưng bọn chúng thì không.”

Charlie chợt nhớ ra. “Billy có thể hiểu được loài vật,” nó nói với Benjamin. “Bồ có muốn Billy trò chuyện với Hạt Đậu không? Nó có thể nói cho tụi mình biết thực sự chuyện gì đã xảy ra.”

Benjamin nghi nghi hoặc hoặc. Nó nhìn Billy một cách lạ lẫm. “Billy cũng là người có phép thuật giống như bồ phải không?” nó hỏi Charlie.

“Ừ,” Charlie đáp. “Em làm được, phải không Billy?”

Thằng bé gật đầu.

“Được rồi.” Benjamin dẫn hai đứa kia quay lại phòng khách. Ở đó, Hạt Đậu đang liếm những móng vuốt bị thương của nó. Nó có vẻ như hơi sợ Billy, nhưng khi thằng bé bạch tạng bắt đầu phát ra những tiếng ngâm nga, âm ừ nghe rất buồn cười thì con chó trở nên thư giãn hẳn. Nó vểnh tai lên và lắng nghe.

Khi Billy ngừng âm ừ thì con Hạt Đậu bắt đầu nói, hay đúng hơn, nó rừ rừ, sau đó nó buông một tiếng rên mệt mỏi và nằm xuống.

“Sao?” Charlie hấp tấp. “Nó nói gì vậy?”

“Nó nói nó bị một con sói tấn công,” Billy đáp.

“Cái gì?” Benjamin kêu lên.

“Đó không phải là một con sói bình thường,” Billy tiếp. “Đó vừa là một thằng bé vừa là một con sói. Em nghĩ ý Hạt Đậu muốn nói đó là một thằng bé biến thành sói.”

22. Chương 20

Tên gián điệp tội nghiệp

“Trời!” Benjamin rơi phịch xuống ghế. “Một con sói!”

“Phải là một đứa trong đám có phép thuật,” Charlie quả quyết. “Chắc chắn. Một nam sinh nào đó có tài biến thành sói – một loại ma sói. Và bà Eustacia đã mở cửa cho nó vô để nó tống con Hạt Đậu khỏi cửa tầng hầm. Bà ấy nghĩ cái thùng của tiến sĩ Tolly vẫn còn ở dưới hầm.”

“Chứ nó không còn ở đó sao?” Billy buột miệng.

Hai đứa quay lại nhìn Billy. Liệu chúng có thể tin tưởng Billy không? Chúng phải tin nó thôi, Charlie nhận thấy như vậy, bởi vì ngày mai cả bọn sẽ cùng nhau đến Mái Ấm Gia Đình Gunn. Chúng không thể để Billy lại.

“Cái thùng của tiến sĩ Tolly để ở chỗ khác rồi,” Charlie đáp. “Về nhà anh sẽ kể chuyện cái thùng cho em nghe sau.”

Lúc chia tay, Benjamin trông rất phấn khởi, đứng ở bậc thềm vẫy tay chào cả đám. Mẹ nó bước ra, cũng vẫy tay, rồi khoác vai Benjamin, hai mẹ con cùng nhau quay vô nhà.

“Ông cậu Paton của anh quả là tài,” Charlie tự hào nói với Billy. “Mãi mấy ngày cuối tuần rồi Benjamin mới được gặp lại ba má. Tối anh cũng còn không nhớ mẹ của Ben trông thế nào nữa.”

“Em sắp có ba mẹ mới rồi đó,” Billy khoe.

“Thật không? Tuyệt! Em kiếm được hồi nào vậy?” Charlie hỏi.

“Ồ, mới hôm kia thôi,” Billy đáp. “Chỉ cần em... ngoan.”

“Thế thì anh sẽ giúp em không rơi vô mấy chuyện rắc rối trong trường mình,” Charlie hứa.

Tối hôm đó trước khi đi ngủ, Charlie bàn với Billy những việc mà nó hi vọng sẽ xảy ra vào ngày hôm sau.

“Nhưng Emilia sẽ làm gì khi chị ấy tỉnh lại rồi?” Billy hỏi.

“Bọn anh không biết,” Charlie thú nhận. “Bọn anh thậm chí còn không biết nó đó có đúng là Emilia Tolly không, hoặc nó có chịu đến Mái Ấm Gia Đình Gunn không. Bây giờ chỉ biết trông cậy ở Olivia thôi.”

Ba mẹ Olivia rất chiều con. Khi cô nàng nói rằng phải đi gặp một bạn gái tên là Emilia Moon, sống ở đường Washford, cách xa nhiều dặm, thì mẹ Olivia liền chở nó đến nhà Emilia, và đồng ý sẽ đón cả hai đứa ở Mái Ấm Gia Đình Gunn lúc 5 giờ chiều.

“Có cần mẹ vô nhà Emilia với con không?” Từ trong xe, mẹ Olivia nói vọng ra.

Olivia đứng bên cổng một ngôi nhà có tên là Ánh Trăng. Nó vẫy tay:

“Không cần đâu mẹ ơi. Con vô được mà.”

Nhưng bà Vertigo cũng chờ cho đến khi nhìn thấy Olivia nhấn chuông. Một phụ nữ tóc hoa râm ra mở cửa, khi đó bà Vertigo mới chào lớn, “Tàmmmm... biiêttt!” và lái xe đi.

“Cần gì?” người phụ nữ tóc xám hỏi Olivia.

“Cháu đến gặp Emilia,” Olivia đáp. “Bạn ấy có mời cháu.”

“Emilia không bao giờ mời ai cả.” Người phụ nữ gầy còm, vẻ mặt cau có không thêm mời Olivia vô nhà.

“À, chắc là bạn ấy quên rồi,” Olivia nhanh miệng. “Bác không thể để cháu ra về bây giờ đâu vì mẹ cháu vừa đi xong, mà nhà cháu ở cách đây nhiều dặm.”

“Xi!” Bà ta nghiêng hai hàm răng vào nhau. “Emilia!” bà ta hét. “Ra đây!”

“Mày đã mời con bé này đến đây hả?” bà ta chất vấn.

Olivia vẫy tay rồi rút và mỉm cười với Emilia cho đến khi cô bé này đáp, “Dạ.”

“Mày không có quyền,” bà ta bực dọc. “Thôi thì chúng mày vô đi,” bà ta nói một cách gượng ép.

Olivia bước vô một ngôi nhà lạnh lẽo, và gọn gàng một cách khác thường. Emilia mỉm cười ỉu xiu với nó rồi đi trước, dẫn đường lên lầu, vô phòng riêng. Đó là một căn phòng khá buồn tẻ. Không có tranh ảnh gì trên tường hết, và tất cả mọi đồ đạc của Emilia đều bị tổng hết vô những ngăn kéo tủ to tướng hay những tủ âm tường. Trên giường trải một tấm mền trắng, sạch sẽ, và ngồi chồm hổm trên gối là một chú vịt nhồi bông trông cũng tươi tắn nốt.

“Để thương quá hả,” Olivia nói chỉ để cho có chuyện mà thôi.

Emilia mỉm cười.

“Tụi mình ra ngoài đi?” Olivia đề nghị.

“Ngoài vườn chắc có nhiều thứ hay hơn.”

Emilia đồng ý.

Khu vườn gồm một bãi cỏ ngắn nấp, có những bụi cây bụi rậm rạp bao quanh. Đằng sau một chiếc ghế xích đu ở cuối vườn, Olivia phát hiện một bức tường trông đầy hứa hẹn.

“Bên kia bức tường là gì vậy?” nó hỏi Emilia.

“Chỉ là một ngõ hẻm,” Emilia đáp. “Nó dẫn ra đường cái.”

“Tụi mình leo qua đó đi.”

“Chi vậy?”

“Vì tớ muốn cho đằng ấy xem một thứ,” Olivia nói. “Rất đặc biệt. Tớ không thể nói cho bồ biết đây là cái gì, nhưng nó đang ở trong nhà Fidelio Gunn.”

“Có lừa gạt không đấy?” Emilia lộ vẻ lo lắng.

“Emilia, tin tớ đi,” Olivia trấn an. “Tớ là bạn của đằng ấy mà.”

Giọng nói du dương của Olivia có sức thuyết phục đến độ, một loáng sau Emilia đã leo qua tường.

“Tụi mình sẽ quay về trước khi mẹ đằng ấy phát hiện ra,” Olivia hứa.

Trong lúc đó, ở trên gác mái ở Mái Ấm Gia Đình Gunn, Fidelio, Charlie, Benjamin, và Billy đang tóp tép nhai đĩa bánh mì kẹp thứ hai. Chúng ngồi trên đồng hộp và thùng đựng nhạc cụ, giữa tiếng nhạc dội tung bừng từ dưới nhà.

Charlie quyết định ăn chỉ để cho khỏi lo nghĩ. Liệu việc nó đang làm có đúng đắn không? Olivia có tìm ra nhà Fidelio không? Emilia có tỉnh lại không? Và ngộ nhờ nhỏ đó lại kêu thét, phản ứng dữ dội, hay ngất xỉu... hay... biến thành một cái gì đó thì sao? Biến thành một con chim chẳng hạn?

Nghĩ tới đó, Charlie nhón một miếng bánh khác.

“Mẹ anh là ca sĩ mà làm bánh mì kẹp ngon tuyệt,” nó vừa bảo Fidelio vừa nhấp nhấp một miếng chuối chấm bơ đậu phộng.

“Fidelio!” ông Gunn hát vang từ dưới hành lang. “Có hai cô nương muốn gặp con đó!”

“Bảo hai bạn ấy vô đi ba!” Fidelio nói to.

“Lên đi hai con, tầng trên cùng, phía bên phải, coi chừng đừng đầu, và đừng nhảy lò cò!” ông Gunn hát.

Olivia bật cười hì hì, nhưng Emilia im lặng. Mà Charlie cũng không chắc có phải là Emilia im lặng không, vì có quá nhiều tiếng ồn trong vương quốc âm nhạc này.

“Bọn tớ đây!” Olivia vừa nói vừa sầm sập đi vô phòng.

Emilia theo sau. Trông con bé có vẻ bối rối, nhưng không có vẻ gì sợ hãi.

“Olivia đã giải thích rồi chứ?” Charlie hỏi Emilia.

“Bạn ấy có một thứ gì đó để chỉ cho tôi xem,” Emilia chậm chạp nói.

“Đúng vậy. Nó là một thứ do ba bồ chế ra,” Charlie nói.

Emilia nhú mày. “Ba tôi là một nhân viên kế toán. Ông ấy không chế đồ vật gì hết.”

“À, thực ra thì, ba của em là một nhà phát minh sáng chế đấy,” Fidelio nói. “Nhưng ông đã mất và để lại cho em cái thùng này.” Nó chỉ vô cái thùng bằng kim loại nằm giữa phòng.

“Làm sao anh biết?” Emilia hỏi, nếp nhú mày của con bé hẳn sâu hơn.

Fidelio nhìn Charlie, và Charlie tiếp lời, “Mọi việc xảy ra từ khi mình gặp cô của bồ.”

“Tôi có một người cô? Tôi không bao giờ biết là mình có một người cô cả.”

“Cô ấy là một người rất tốt. Suốt mấy năm qua cô ấy chỉ mong gặp lại bồ.” Charlie nói với Emilia. “Cô ấy đưa cho mình cái thùng này, sau đó tụi mình khám phá ra trong đó có cái thứ làm... ưm... làm bồ tỉnh lại.”

Emilia trông càng hoang mang tợn. Olivia ngồi xuống một chiếc rương lớn và kéo Emilia ngồi xuống kế mình.

“Chuyện đâu sẽ có đó. Tụi này không để điều gì tệ lậu xảy ra cho bồ đâu,” nó nói.

“Hóa ra là tôi không tỉnh táo mà tôi không biết,” Emilia lẩm bẩm.

“Anh nghĩ chúng ta nên làm ngay đi thôi,” Fidelio thúc giục. “Hết giờ rồi. Nhanh lên, Charlie.”

Charlie bước về phía trước. Nó rê những ngón tay, thật mạnh nhưng thật cẩn thận, lên các mẫu tự bên hông cái thùng MUỖI HAI TIẾNG CHUÔNG CỦA TOLLY. Khi ấn chữ cuối cùng, nó nhìn quanh phòng. Tất cả mọi người đang nhìn chăm chăm vô ngón tay nó. Nó nhận thấy cặp mắt của Billy Raven mở to và tối sầm, lấp đầy hết cả hai gọng kính tròn, khiến thằng bé trông như mất hồn.

Charlie ấn đến kí tự cuối cùng, nắp thùng bật mở, nó đứng qua một bên và quan sát nét mặt Emilia, nhưng chính Olivia lại là đứa la lên thảng thốt. Mặt Emilia vẫn chỉ mang vẻ dăm chiêu.

Khi chàng hiệp sĩ vung gươm lên, tất cả bọn đều nhảy chồm lên, bật lùi ra sau, kể cả Emilia. Và rồi chuông bắt đầu rung, cùng tiếng đàn đồng ca vang khắp căn phòng.

Trong một thoáng, Emilia như phải chịu một cơn đau quặn quai. Nó cong vai lại, một tay ụp lên miệng. Rồi nó nhắm nghiền mắt, ngồi phịch lên một cái hộp đàn, nước mắt bắt đầu tuôn lã chã xuống hai má.

Những đứa kia trở mắt nhìn, hoảng sợ. Nước mắt Emilia chảy thành dòng và nó bắt đầu thút thít không sao kìm lại được. Thân mình nó ngật ngưỡng đảo tới đảo lui. Nó cứ rên rĩ và thở dài cho đến khi chàng

hiệp sĩ hạ gươm xuống và ngã vô thùng. Khi bài thánh ca kết thúc và tiếng chuông ngân lên lần cuối thì Emilia im lặng. Giờ, cả hai tay nó ôm lấy mặt và toàn thân bất động.

Không đứa nào có mặt trong phòng dám nói gì. Charlie đóng cái thùng lại, tự hỏi phải làm gì tiếp theo đây.

Cuối cùng Emilia nói, tựa như hụt hơi, “Mình không biết là hóa ra mình lại bất hạnh đến thế. Suốt cuộc đời mình đã phải sống với những người không thương yêu mình.”

Olivia vòng tay ôm quanh người bạn và nói, “Sẽ đâu vô đó thôi, Emilia à. Bây giờ đằng ấy sẽ hạnh phúc. Rồi đằng ấy sẽ thấy, Charlie, nói cho Emilia nghe đi.”

Thế là Charlie kể cho Emilia nghe về người mẹ tội nghiệp đã mất của con bé, về ba con bé, tiến sĩ tolly, nhà phát minh sáng chế. Rồi Charlie kể tới cô Julia Ingledew, người sống trong một tiệm sách và luôn mong gặp Emilia, mong được chăm sóc con bé mãi mãi. Cuối cùng, Charlie kể cho Emilia về điều kì lạ nhất.

“Ba bồ nói là bồ biết bay đó, Emilia. Đó là lí do tại sao người ta muốn bồ ở trong Học viện Bloor.”

“Mình?” Emilia kinh ngạc. “Mình đâu có biết bay.”

“À, nhưng bồ đã bay một lần rồi,” Charlie nói. “Có lẽ việc đó chỉ xảy ra khi nào thật cần mà thôi.”

“Thí dụ như lúc đằng ấy hoảng sợ,” Olivia cắt nghĩa thêm.

“Ngày mai mình sẽ dẫn bồ đến gặp cô của bồ,” Charlie nói với Emilia.

“Nhưng bằng cách nào?” con bé lo lắng.

“Mình sẽ kiếm cách,” Charlie tự tin nói. “Bồ phải biết là bồ có thể ra khỏi gia đình Moon bất cứ lúc nào bồ muốn, vì giờ bồ đã biết mình là ai.”

Bất thành linh, một tiếng gọi với lên, xuyên qua tiếng hát, tiếng sáo, tiếng trống, tiếng vĩ cầm và tiếng dương cầm...

“Bà Vertigo tới!”

“Mẹ tớ tới thật đúng lúc,” Olivia reo lên. “Nhanh lên, Emilia”

Emilia đi theo Olivia xuống lầu, nơi bà Vertigo đang say sưa chuyện trò với bà Gunn. Trước sự nằng nặc của Olivia, mẹ nó đành bỏ dở câu chuyện thú vị về bệnh phổi của mình để lái xe chở hai con bé về lại ngõ hẻm phía sau đường Washford.

Bà Vertigo rất ngạc nhiên khi thấy Olivia và Emilia leo qua tường, nhưng bà cũng làm theo yêu cầu là cứ lái xe đi vòng ra trước nhà và chờ Olivia đi ra từ cửa trước. Mọi việc chỉ mất chừng hai phút.

“Mẹ đúng là một ngôi sao, mẹ ơi,” Olivia vừa nói vừa leo vô xe. “Mọi thứ đều hoàn hảo.”

“Con sống một cuộc sống sôi động quá đấy, Olivia,” bà Vertigo nói. Trong thực tế bà đúng là một ngôi sao. Một ngôi sao điện ảnh.

Mất một lúc sau khi hai cô bé đi khỏi, bốn đứa con trai vẫn ngồi im lặng, không biết nói gì. Charlie nhẹ cả người khi thấy kế hoạch của chúng đã hoàn thành. Bây giờ đến phần việc của nó là tìm ra một ngôi nhà thực sự cho Emilia.

“Tụi mình làm gì với cái thùng bây giờ?” Fidelio hỏi.

“Anh tiếp tục giữ nó ở đây được không?” Charlie hỏi. “Em nghĩ tụi mình sẽ còn cần đến nó.”

“Để chỗ anh thì nó sẽ an toàn,” Fidelio khẳng định.

Billy Raven đứng lên. “Bây giờ em phải quay về đây,” nó nói. “Học viện sẽ cho xe đến rước em.” Giọng Billy hơi run run và nó cúi gằm xuống sàn khi nói.

Charlie tự hỏi không biết có phải thằng nhỏ bị bệnh hay không. Nó đồng ý dẫn Billy về nhà ngay lập tức. Đã đến giờ Fidelio phải tập đàn vĩ cầm, và khi ba thằng bé vừa bước ra khỏi Mái Ấm Gia Đình Gunn, chúng đã nghe thấy bạn mình góp phần làm tiếng ồn đã ồn càng ồn thêm.

Trong lúc rảo bộ trở lại đường Filbert, Charlie và Billy, mỗi đứa chìm trong những suy nghĩ của riêng mình, nhưng Benjamin thì vừa nhảy chân sáo, vừa huýt gió, vừa tía lia chuyện trò, hăm hở được trở về với ba má và con chó quý giá của nó.

Một chiếc xe hơi đen đậu bên ngoài căn nhà số 9. Bọn nhóc bước lại, vừa hé mắt nhìn qua cửa kính xe màu khói ám thì cửa xe bật mở ngay, một cây gậy kiêu cộ điệu dàng vụt ra, khỏi mạnh vô đầu gối Charlie.

“Ui da!” nó nhảy ra sau. “Ai trong đó vậy Billy?”

“Chắc chắn cụ Bloor rồi,” nó đáp.

Có điều gì đó khiến Charlie bỗng lo lắng. “Billy, em sẽ không nói với ai về Emilia chứ?” nó hỏi. “Sẽ không để ai biết vụ này cho tới khi tụi này xong việc nha.”

Billy lắc đầu.

Charlie dẫn Billy vô nhà lấy giỏ xách. Sau lời cảm ơn qua quýt với ngoại Maisie và cô Bone, Billy chạy ra và chui vô chiếc xe hơi đen.

“Thằng bé thiệt kì lạ,” ngoại Maisie nhận xét khi chiếc xe màu đen chuyển bánh, rời khỏi vệ đường.

Emilia Moon nằm trên giường trong căn phòng trắng, ngăn nắp của mình.

“Emilia Tolly,” nó lẩm bẩm.

Nó lặp lại cái tên và kết luận là thích cái tên đó hơn tên Emilia Moon nhiều.

Điện thoại trong hành lang reo mấy hồi. Thật bất thường. Gia đình Moon không bao giờ có điện thoại gọi đến vào ban đêm cả. Nhưng Emilia chẳng quan tâm tới điều đó. Nó đang quá phấn khích. Trước nay nó chưa bao giờ cảm thấy thực sự phấn khích điều gì. Cuộc sống của nó nhạt nhẽo, lạnh lùng và nề nếp. Không cái gì có thể làm nó ngạc nhiên hay thích thú. Thế rồi bất thành linh, tất cả đều thay đổi.

“Bây giờ mình là Emma,” nó thì thầm.

Cửa phòng bất ngờ xịch mở và bà Moon thò đầu vô.

“Thay quần áo và sắp xếp đồ đạc. Chúng ta phải đi ngay.”

“Đi đâu?” Emma lo lắng hỏi.

“Trở về Học viện. Vừa có điện thoại.”

“Tại sao?” Emma hỏi. Phải chăng họ đã phát hiện ra việc nó tới Mái Ấm Gia Đình Gunn?

“Mày đã phạm luật, Emilia,” bà Moon lạnh lùng nói. “Nào, lẹ lên.”

Với đôi tay run rẩy, Emilia mặc quần áo và đi xuống lầu. Bà Moon chớp lấy cánh tay nó và lôi ra xe, ở đó ông Moon, gầy còm, đeo kính, đang ngồi chờ bên tay lái. Emma cùng cái túi của nó bị tổng vô ghế sau và họ lái xe đi thẳng.

Học viện Bloor ở bên ngoài trông rất bề thế và đầy hăm dọa. Duy chỉ có một quầng sáng ở trên đỉnh của tòa nhà cao, còn lại tất cả đều chìm trong tĩnh lặng và hoang vắng.

Emma đi giữa hai ông bà Moon, băng qua cái sân gạch và bước lên những bậc thang rộng. Ông Moon giật sợi dây xích treo bên hông cánh cổng khổng lồ, và một tiếng chuông rung lên ở đâu đó, sâu trong tòa nhà.

Tim Emma thót lại khi Manfred ra mở cửa. Nó cố né khỏi đôi mắt đen như than của Manfred, nghĩ rằng sẽ gặp phải một cái nhìn khủng khiếp, làm cứng cả người. Nhưng Manfred thậm chí còn không muốn ngó tới Emma.

“Cám ơn,” hắn nói với ông bà Moon. “Vô đi, Emilia!”

“Tạm biệt, Emilia,” bà Moon nói. Bà ta đặt cái túi của Emilia xuống sàn, sát chân nó. “Phải ngoan ngoan đấy.”

Những cánh cổng nặng nề đóng lại và Emma chỉ còn lại một mình với Manfred.

“Tại sao anh lại đem tôi tới đây,” nó hỏi, “vào giữa đêm hôm khuya khoắt như thế này?”

“Mày đã phạm luật, đúng chưa, Emilia? Mày phải bị trừng phạt.”

Bỗng nhiên Emma cảm thấy mình dừng cảm hẫng lên. Đó là cảm giác rất kì lạ. Nó cũng nhận thấy mình đang giận dữ.

“Tôi không phải là Emilia,” nó cứng giọng. “Tôi là Emma Tolly.”

Manfred cười to. Đó là thứ âm thanh kinh khủng và quỷ quyệt.

“Chẳng mấy chốc bọn tao sẽ tổng lời nói bấy bạ đó ra khỏi người mày, Emma Tolly! Tao chưa bao giờ nghe đến cái thứ rác rưởi đó. Cầm giỏ lên rồi đi theo tao.”

Một điều gì đó bên trong Emma muốn chống trả, nhưng nó không biết mình có thể chống lại như thế nào. Nó chỉ có một mình với Manfred, theo như nó nhận định. Có thể lát nữa nó sẽ kiếm ra cách mà tẩu thoát.

Manfred dẫn nó qua những hành lang mà nó chưa bao giờ thấy, đi lên những cầu thang xoắn ốc chật hẹp, nguy hiểm, và ngang qua những căn phòng trống rỗng giăng đầy mạng nhện. Hai tay hấn cầm hai chiếc đèn lồng, nhưng Emma hầu như chẳng thấy được mình đang đi đâu. Rõ ràng không có điện đóm gì trong khu vực này của tòa nhà. Những con dơi kêu chín chít và bay chấp chới qua lại khắp trần nhà mục nát, và gió rền rĩ qua những cửa sổ vỡ. Cuối cùng, chúng đến một căn phòng nhỏ, có một chiếc giường kê sát vách tường. Trên đó có một chiếc gối và một tấm mền, ngoài ra không có gì khác. Nền nhà trống trơn, vách tường là những phiến đá khổng lồ.

Manfred đặt một chiếc đèn lồng xuống nền nhà.

“Khuya! Khuya rồi!” hấn nói. “Ngủ ngon, Emilia Moon.”

Hấn ta đóng cánh cửa nặng nề lại sau lưng, và Emma nghe thấy một tiếng “tách” lớn khi chìa khóa xoay trong ổ. Khi những bước chân của Manfred xa dần, nó thử mở cửa. Cửa khóa, đúng như nó nghĩ.

Emma ngồi lên giường. Không khóc. Nó đã khóc đủ cho một ngày rồi. Nó cứ ngồi đó và nghĩ miên man về những điều tuyệt vời mà rốt cuộc nó sẽ không bao giờ có lại được nữa: người cô tốt bụng, những người bạn, cuộc phiêu lưu, và cảm giác hạnh phúc tuyệt vời đó.

“Mọi người sẽ nghĩ là mình đã biến mất,” nó lẩm bẩm, “và sẽ không ai tìm thấy mình.”

Nó nhìn quanh gian phòng giam bẩn thỉu và đáng sợ. Lẽ nào mình bị giam ở đây mãi mãi? Cho đến khi mình già?

“Không,” nó tự nhủ. “Bây giờ mình là Emma Tolly, và Emma sẽ không chịu như thế. Emma là người bền bỉ.”

Với suy nghĩ đó nó nhảy lên và lấy hết sức bình sinh mà kêu gào.

“Cứu! Cứu! Cứu tôi với!”

Nó nghe thấy giọng mình vang dội qua những phòng trống phía bên kia cánh cửa. Nhưng không có tiếng trả lời.

Thế nên Emma lại gào thét lần nữa, và lần này nó đập cửa ầm ầm. Nó rung, gõ và đá túi bụi vô cánh cửa cho đến khi mấy ngón chân bầm tím và khớp đốt ngón tay tấy đỏ, trầy da. Và rồi nó bỏ cuộc, leo lên nằm trên chiếc giường chật hẹp, kiệt sức vì những cố gắng của mình.

Nó vừa định nhắm mắt thì chợt có tiếng cọt kẹt nho nhỏ ngoài cửa. Emma ngồi dậy. Chìa khóa tra quay trong ổ, chốt cửa được kéo ra và cánh cửa mở bung.

Emma lao ra khỏi phòng và nhìn ra. Không thấy ai cả. Nó cầm chiếc đèn lồng lên và rọi đèn ra hành lang phía ngoài. Không có ai – không có gì – nếu không kể lũ dơi đang treo mình trên xà ngang. Dơi không thể mở cửa được, Emma nghĩ.

Giờ đèn lồng lên cao hết mức, nó bắt đầu bước xuống hành lang.

“Ai đó?” nó thì thầm. “Ai cho tôi ra vậy?” lần này nó không nói to, sợ Manfred hùng hổ quay lại.

Đến cuối hành lang, Emma đứng phải một cầu thang. Nó bắt đầu thận trọng leo xuống. Dưới chân cầu thang, các hành lang rẽ nhánh qua trái và qua phải. Emma chần chừ rồi rẽ phải. Cái mùi thật kinh tởm. Những luồng khí chấp chờn xì ra từ các vách tường, và nó tự hỏi phải chăng đó là nguyên nhân gây ra cái mùi ghê tởm này.

Rồi nó nhìn thấy con quái vật. Hay đó là một con chó? Nó lùn tịt và béo phì, như một cái gối kê lên những cẳng chân ngắn ngủi, và cái mặt nó hình như đang biến mất hết, chỉ còn một cái mũi vồng xuống.

Emma thở gấp và co rúm người vào tường. Nhưng con chó không trông thấy nó. Nó toan lên đi hướng khác thì một giọng rít lên:

“Đứng lại, con kia! Quay lại!”

Trước khi bỏ chạy, Emma quay lại nhìn thật lẹ. Nó thấy một người đàn ông ngồi trong xe lăn. Lão già đến mức gương mặt chỉ còn như một cái hộp sọ. Lão quàng một chiếc khăn san trên vai và mái tóc trắng dài thoi xuống như sấp từ chiếc mũ lưỡi trai bằng len.

“Nó chạy rồi!” lão hú lên. “Con ranh con của thằng phát minh! Manfred, tóm lấy nó!”

Cổ nén tiếng hét, Emma bỏ chạy. Nó lao bừa lên cầu thang, chiếc đèn lồng va đập vô tường. Nó chạy dọc theo hành lang, ào vô một căn phòng trông như xà lim, đóng sập cửa lại sau lưng. Rồi nó chờ đợi, biết rằng chút xíu nữa thôi điều tồi tệ sẽ xảy ra.

Không lâu sau, khuôn mặt tức tối của Manfred nhìn chăm chú qua cửa.

“A, mày đây rồi,” hần hả hê, “Tốt hơn từ sau đường có thử như thế nữa nghe chưa.”

Hắn đóng sầm cửa, khóa lại.

“Tao đang giữ chìa khóa, vì thế đừng nghĩ là mày có thể cho nó lọt ra lần nữa đấy. Nếu gây thêm phiền phức nào nữa thì mày sẽ không có mứt trong một tuần.”

Rõ ràng là hắn không nói điều đó với Emma.

Có cái gì đó đập mạnh vô tường và Manfred hét lên, “Dừng lại!”

Một cánh cửa khác đóng sầm, sau đó là thỉnh lặng.

Emma nhón chân đi ra cửa.

“Ai đó?” nó hỏi. Không có tiếng trả lời.

“Xin lỗi vì đã làm bạn gặp rắc rối,” Emma nói.

Vẫn không có tiếng trả lời. nếu có bất cứ ai ở ngoài đó thì người ấy hoặc cũng đã bỏ đi, hoặc món mứt quan trọng đến nỗi người ấy không muốn mạo hiểm để bị tước mất.

“À, dù sao đi nữa cũng cảm ơn bạn vì đã cố giúp tôi,” Emma nói.

Nó ngồi lại lên giường. Nền trong đèn lồng của nó đã sắp cháy hết, và nó khó mà chịu được ý nghĩ phải ở trong bóng đêm mịt mù của căn phòng lạnh lẽo, gai người đó. Nó chong chong nhìn lên những bức tường xám xịt, vẽ hần học, và rồi, trong ánh nến sắp lụi, nó nhận thấy một cửa sổ nhỏ sau chiếc giường. Nếu nó leo lên gối thì có thể với tới, tuy nhiên nó biết cửa sổ chắc chắn phải ở cao bên trên. Cao lắm, và nó không thể nhảy xuống đất được.

“Charlie nói là mình biết bay,” nó lẩm bẩm.

Khi nói những lời này, những ngón tay của Emma bắt đầu tê tê, và một cảm giác giằng giạt chuyển qua hai cánh tay nó, khiến chúng như không có trọng lượng.

Ông cậu Paton Yewbeam đang làm chuyến rảo bộ đêm hôm của mình. Ông cố ý sai những bước thật dài, nhưng tâm trí thì rối bời. Một mặt ông cảm thấy lạc quan. Cuối cùng thì ông cũng đã bắt đầu dàn xếp cho mọi chuyện đâu vào đấy, và các bà chị của ông cũng đã biết ra vị trí của ông ở đâu.

Một bóng đèn nổ tung khi ông cậu đi ngang qua một cột đèn. Vãn tiếng thủy tinh lanh canh rơi như thường lệ. Nhưng rồi còn có một âm thanh khác: tiếng những bước chân lộp cộp, nhẹ nhẹ. Ông cậu Paton thở dài, nhưng không quay lại nhìn. Nếu ai đó đang đi theo ông thì cứ để họ theo. Họ cũng chẳng tìm thêm được bằng chứng gì đâu. Ông thì thăm một mình.

“Giá mà ta đừng nằng nặc mời bữa tối đó. Phải chi hai đứa cứ ở nhà, dùng bữa trong ánh nến thôi... Cô ấy chắc nghĩ ta là thằng khùng. Quên cô ấy đi, Paton à. Cô ấy sẽ không bao giờ tha thứ cho mi đâu.”

Ông cậu Paton chợt nhận ra những bước chân kia đã bắt kịp mình. Một cô bé đi bên cạnh Ông cậu cô bé có khuôn mặt nhợt nhạt. Nó xinh, mái tóc dài hoe vàng, hơi bù xù.

“Cháu xin lỗi,” cô bé rụt rè. “Ông có thể chỉ cho cháu đường đến tiệm sách Ingledew được không ạ?”

“Ta nghĩ là được,” Ông cậu đáp. “Ta tin là ta đang trên đường tới đó.”

“Ô, tốt quá,” cô bé mừng rỡ. “Tên cháu là Emma Tolly.”

23. Chương 21

Vua Đỏ

Khi ông cậu Paton bấm chuông tiệm sách cô Ingledew thì đã 12 giờ rưỡi đêm. Tất nhiên là không ai lên tiếng. Nhưng ông cậu Paton một lần tình cờ biết được là cô Julia Ingledew thường đi ngủ rất trễ. Cô nói rằng mình thường đọc sách đến hai giờ sáng. Ông cậu nhấn chuông lần nữa.

Cánh cửa sổ phía trên cao cột kẹt mở ra, và cô Julia Ingledew ngó ra ngoài.

“Ai đó?” cô giật dử hỏi.

Rồi cô nhìn thấy ông cậu Paton. “Ô, ra là anh. Chọn giờ đến gọi cửa mới hay làm sao.”

“Julia... à... cô Ingledew, thực ra thì không phải tôi. Ồ, đúng hơn đó là tôi... ờ... nhưng có một người nữa muốn gặp cô.”

Ông cậu Paton bước lùi khỏi cửa, nhẹ nhàng kéo Emma lại gần mình.

“Tên cô bé là Emma Tolly.”

“Cái gì? Tôi không... Tôi không thể...”

Cửa sổ đóng ập lại. Rồi tiếng những bước chân vội khua xuống cầu thang rung kèn kẹt. Cửa lớn mở toang, cùng với một tiếng kính coong.

“Con chào cô!” Emma cất tiếng.

“Nancy? Ôi, con giống Nancy quá,” cô Ingledew khóc nức lên. “Vô đi, vô đi con, và cả anh nữa, Paton. Ô, không thể tin nổi. Tôi chỉ... Ô, trời ơi. Tôi biết nói sao đây.”

Cô Julia kéo Emma vô trong tiệm sách. Cô nhìn nó không rời mắt, cứ sờ tóc, vuốt má rồi ôm chặt lấy nó.

“Là con thật rồi. Ôi chao, Emma, chuyện này là thế nào?”

“Con đã tỉnh rồi,” Emma nói. “Charlie Bone và các bạn của bạn ấy đã giúp con, và cái ông tốt bụng này dẫn con tới đây.”

“Cám ơn anh, Paton,” cô Julia cảm động. “Mọi người lại đây dùng một tách trà hay món gì đó nào. Vụ này phải ăn mừng thôi.”

Cô dẫn họ vô căn phòng ấm cúng sau tiệm sách. Emma chăm chú ngắm các kệ đầy những cuốn sách dày cộp, tựa phủ nhũ vàng, lóng lánh trong ánh sáng mờ dịu. Cô bé hít mùi giấy cũ, mùi da thuộc, mùi mực in, và thở hắt ra một cái rồ dài, xong tuyên bố rằng đây là căn phòng tuyệt vời nhất trên đời.

“Nó sẽ là nhà của con đấy, Emma,” cô Ingledew sung sướng nói. “Nếu mọi chuyện xuôi chèo mát mái. Trừ phi con muốn ở lại với những người đã nhận nuôi con hồi trước...”

“Không, không, không!” Emma hét lên. “Con không bao giờ muốn trông thấy căn nhà khủng khiếp đó nữa.”

“Con phải kể với cô tất cả về căn nhà đó đấy,” cô Ingledew nói. “Cô muốn biết tất cả mọi thứ. Còn anh, Paton, tôi cam đoan anh còn nhiều việc phải làm với vụ này lắm. Mời ngồi, xin mời ngồi.”

Cô cuống quýt chạy khắp phòng, thu dọn sách báo trên những cái ghế, vỗ cho gối phồng lên, và phủ bụi các chao đèn.

Một giờ sau, ông cậu Paton đã trên đường về nhà. Ông huýt gió một điệu nhạc vui tươi, trong khi đèn đường chập chờn và nổ lộp bộp trên đầu. Chưa bao giờ ông cậu vui như thế này, kể từ năm lên bảy.

Sáng sớm Chủ Nhật, Charlie thức dậy, thấy ông cậu đang đứng ở cuối giường.

“Tin nóng hổi đây, Charlie,” ông cậu Paton nói. “Ta chẳng chớp mắt được chút nào. Emma Tolly đang ở nhà cô của nó, và sắp tới tụi ta sẽ phải đảm bảo là con bé được ở đó.”

Charlie ngồi bật dậy.

“Đầu đuôi ra sao ạ?” nó nôn nóng.

Ông cậu Paton kể cho nó nghe việc gia đình Moon đã đưa Emma vô Học viện giữa đêm khuya ra sao. Và Manfred đã khóa cửa nhốt con bé như thế nào.

“Nhưng nó thoát ra được.” Charlie tiếp.

“Ồ,” ông cậu Paton thủng thỉnh nói. “Và hiện thời con bé sẽ không nói nó thoát ra bằng cách nào. Nhưng, Charlie à, có người đã đánh hơi được về cuộc thử nghiệm của mày, có đứa đã phản bội mày, và ta nghĩ mày nên kiểm xem đứa đó là ai.”

Charlie có một cảm giác khủng khiếp là nó biết người này. Đó không thể là Benjamin, Fidelio, hay thậm chí là Olivia được. Nó tin tưởng cả ba đứa đó bằng cả mạng sống của nó. Chỉ còn lại Billy Raven mà thôi.

“Đó là Billy Raven,” nó nói. “Con thấy tội nghiệp nó quá, ông cậu Paton à. Nó chẳng có gia đình gì cả, theo con thì nó đang sợ hãi một điều gì đó. Ông cậu có thấy chiếc xe hơi đến đón nó không? Kính xe màu khói, và có người trong xe thò gậy ra đánh con.”

“Cái lão già,” ông cậu Paton lầm bầm.

“Lão già nào ạ? Ý ông cậu đó là ông cố của Manfred?”

“Ta có vài thứ muốn cho mày xem, Charlie à. Sau bữa sáng tới gặp ta nhé.”

Charlie thay đồ và chạy xuống ăn sáng. Nó ngạc nhiên khi thấy nội Bone ở trong bếp, và ngạc nhiên hơn nữa khi bà lại còn mỉm cười lúc nó cắm cúi ăn xúc xích và trứng chiên. Charlie e dè. Nó cứ nghĩ nó sẽ phải nhận một bài giáo huấn về vụ phạm luật chứ; nhưng hình như bà nội nó chưa biết chuyện Emma Tolly đã trốn thoát.

Ngay khi bữa ăn chấm dứt, Charlie vù lên lầu và gõ cửa phòng ông cậu.

“Vô đi, Charlie,” giọng ông cậu Paton không có vẻ mệt mỏi và giận dữ nữa.

Charlie gần như không mở được cửa nữa. Sách nằm la liệt dưới sàn nhà. Nó phải nhón chân lách vô giữa những khoảng trống, trong khi ông cậu Paton chỉ đường cho nó.

“Không phải ở đó. Ừ, đúng rồi... Chú ý chỗ đó, Charlie! Ta không muốn mất chỗ ta đang ngồi đâu.”

“Có chuyện gì vậy, ông cậu Paton?” Charlie hỏi, ngồi xuống một khoảng trống nhỏ, ngay giữa một đồng báo chất ngang giường của ông cậu.

“Có lần mày hỏi ta về Vua Đỏ, phải không Charlie? Và ta vừa khám phá ra... những khám phá quan trọng. Cô Ingledew đã giúp ta kiểm ra vài cuốn sách trong sổ này.”

Ông cậu chỉ những cuốn sách khổng lồ, trông như đồ cổ ở bên cạnh bàn.

“Chúng là vô giá, là kho báu thực sự. Tuy ta chưa dịch hết, nhưng cũng đã công bố một phần đáng kể rồi. Ta có ghi chú lại đây. Nghe này.”

“Sách viết bằng tiếng nước khác ạ?” Charlie hỏi.

“Nhiều thứ tiếng lắm. Giờ nghe nhé. Vua Đỏ đã đến vùng đảo này, tức đảo Anh Quốc, vào khoảng thế kỷ thứ 13. Người ta nói ông đến từ châu Phi, nhưng từ vùng nào của châu Phi thì ta không chắc. Ông được gọi là ‘Vua Đỏ’, vì ông mặc chiếc áo chùng đỏ tươi và có một mặt trời đỏ rực trên tấm khiên của ông. Một trong những người đồng hành với ông là một hiệp sĩ đến từ Toledo, thành phố của những thanh gươm báu. Vua Đỏ lấy con gái của hiệp sĩ, nhưng đáng buồn là bà đã qua đời khi đứa con thứ mười của họ chào đời.

“Vua Đỏ rời lâu đài của mình và đi chu du khắp vùng, để thương khóc vợ. Có nhiều truyền thuyết về những việc làm kì lạ của ông trong khoảng thời gian này: những cơn bão do ông gây ra, tài chữa bệnh của ông, tài tiên đoán chính xác những sự kiện tương lai. Ở đây ghi...”

Ông cậu Paton ôm cuốn sách trải lên đùi và đọc, “... thế này: ‘Vua Đỏ, bằng con mắt đen của mình, có thể tước quyền năng của bất kì kẻ thù nào’. Nói cách khác, ông có thể thôi miên.”

Ông cậu Paton đặt cuốn sách xuống. “Ta có thể trích dẫn hàng trăm sự kiện về những vụ việc bí ẩn, nhưng tóm lại thì, Vua Đỏ là một phù thủy.”

“Và tất cả những người có phép thuật như chúng ta là do ít nhiều được thừa hưởng từ ông?” Charlie hỏi.

“Đúng. Nhưng chuyện đến đó chưa hết.”

Ông cậu Paton chồm người ra trước, một tay chống cằm và ngó Charlie dăm dăm.

“Vị vua này đã vắng mặt khỏi lâu đài suốt 15 năm. Ông không đoái hoài đến những đứa con. Chúng đã thừa hưởng một số, chứ không phải toàn bộ, những phép thuật của ông, theo nhiều cách khác nhau. Khi Vua Đỏ trở về, ông nhận ra các con mình đang gây chiến.”

“Gây chiến?”

“Gây chiến với những láng giềng. Bọn chúng dùng phép thuật của mình để lừa gạt, lấy cắp, cướp bóc, và giết chóc. Dân chúng gần xa vô cùng khiếp sợ bọn chúng.”

“Tất cả những người con của ông đều xấu hết ả?” Charlie thắc mắc.

“Không! Chỉ năm kẻ trong số họ có dã tâm giành quyền lực. Những người còn lại rời khỏi lâu đài - họ biến mất vào các vùng quê. Thậm chí có người còn dong thuyền buồm tới những miền đất lạ, hi vọng thoát khỏi những người anh em khùng khiếp của mình. Chính họ cũng ngần ngại sử dụng phép thuật mà họ được ban cho. Nhưng họ không thể chạy trốn khỏi chuyện đó, Charlie à, bởi vì một số con cái của họ bỗng trở nên hung ác; mà ở đời, thường thì con cái của những kẻ ác lại trở thành người tốt. Chính vì như thế mà các gia đình cứ mãi mãi bị buộc chặt vào nhau, không bao giờ rũ bỏ được quá khứ của mình; và điều đó vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay. Ngay khi một gia đình nghĩ là mình đã rửa sạch mọi tội lỗi, thì bất thành linh, họ lại sinh ra một kẻ xấu xa, dùng phép thuật để cướp phá.”

Ông cậu Paton lắc đầu. “Biết bao cảnh huynh đệ tương tàn, biết bao sự việc đau đầu, và biết bao cảnh khốn cùng.”

“Con thấy mừng vì mình là con một,” Charlie nói.

Ông cậu Paton cười khà khà. “Nếu chúng ta liên kết lại, thì cuối cùng chúng ta sẽ chiến thắng, Charlie!”

Rồi ông cậu nhướng người, ngồi lại vô bàn làm việc của mình.

“Chu chớ!” Charlie đứng phắt dậy và bắt đầu cuộc hành trình nhiều khê băng qua sàn nhà. Ra đến cửa, nó quay lại và nói:

“Chuyện gì đã xảy ra với Vua Đỏ vậy, ông cậu Paton? Bộ ông ấy không dàn xếp nổi mọi việc sao, vì xem ra ông ấy có tất cả mọi quyền năng mà?”

“Ông ấy đã quá trù trừ,” ông cậu Paton nghiêm nghị nói. “Đáng lí ra ông ấy phải giết những đứa con ác ôn đi, nhưng ông ấy lại không làm được. Cùng với ba con báo, Vua Đỏ rời khỏi lâu đài và không bao giờ người

ta thấy ông ấy nữa. Mặc dù có nhiều truyền thuyết cho thấy ông ấy đang lảng vảng vô hình ở các vùng quê khác nhau.”

“Ông cậu chưa bao giờ nói gì về những con báo cả,” Charlie nói.

“Chưa à? Ồ. Ta quên mất.” Ông cậu Paton nở một nụ cười bí hiểm với Charlie. “Chiều nay ta sẽ đến tiệm Ingledew để giúp Julia lo liệu việc giữ bé Emma lại.”

“Ông cậu có nghĩ là được không? Emma có thể ở lại đó mãi mãi không?”

“Chúng ta sẽ làm cho phải được. Gia đình Bloor không muốn cả thế giới biết họ đã và đang làm những điều đồi bại gì. Họ sẽ từ bỏ Emma. Còn với gia đình Moon, họ chẳng có vẻ gì là vui thích vai trò làm cha mẹ cả.”

Ông cậu Paton trông rất tự tin. Đúng ra, trông ông cậu như một người hoàn toàn mới.

Charlie để ông cậu ở lại với những cuốn sách và băng qua đường tới nhà Benjamin. Thật ngạc nhiên, không có ai ở nhà số 12, cả con Hạt Đậu cũng không. Dần dần Charlie nhận ra rằng gia đình Brown đã ra ngoài cả một ngày. Tất cả mọi người. Trước đây điều này chưa hề xảy ra. Benjamin luôn luôn ở nhà, bất cứ khi nào Charlie muốn gặp nó.

Charlie đi thơ thẩn ra công viên, không chừng Benjamin dẫn chó đi dạo lần đầu tiên kể từ khi bị tấn công cũng nên, nhưng chẳng thấy bóng dáng người và chó đâu cả.

Khi về nhà, nó thấy ngoại Maisie đang ngồi trên chiếc ghế xích đu cạnh lò sưởi. “Ngoại cảm thấy không khỏe, Charlie à,” ngoại Maisie nói. “Trưa nay ngoại sẽ không ăn trưa, mà chỉ ngả lưng một chút thôi.”

Chưa bao giờ nghe ngoại nói như vậy. Ngoại Maisie không bao giờ bệnh cả. Charlie nhìn bà ngoại khó nhọc lê bước khỏi bếp. Chuyện gì xảy ra với bà vậy?

Ăn trưa xong, Charlie và mẹ trò chuyện rất lâu về Emma Tolly.

“Nghe như chuyện thần tiên vậy,” bà Amy thở phào. “Mẹ hi vọng câu chuyện sẽ có một kết thúc có hậu.”

“Emma không phải là con nhà Moon,” Charlie gay gắt. “Emma ghét họ. Nó là cháu cô Ingledew mà.”

“Nhưng họ có thể chứng minh được điều đó không?” bà Amy lắc đầu. “Ai mà tin chuyện thôi miên, với lại... hiệp sĩ sáng chói, chuông reo... và lời nhắn của tiến sĩ Tolly cơ chứ.”

“Không cần. Ông cậu Paton bảo gia đình Bloor không muốn người khác biết họ đã làm những gì, vì thế họ sẽ bỏ cuộc, không tranh đấu gì hết.”

“Mẹ không tin đâu,” bà Amy nói. “Sẽ có người phải trả giá vì những việc đã xảy ra. Cẩn thận đấy, Charlie.”

“Mẹ đừng lo cho con, mẹ ạ.”

Sau bữa trưa, mẹ Charlie phải đi làm ở tiệm rau quả. Để đóng gói hàng như bà đã hứa với tiệm.

“Mẹ đi không lâu đâu, Charlie,” mẹ nó dịu dàng. “Nếu con cần gì thì đã có ngoại Maisie ở trên lầu.”

Căn nhà thật tĩnh lặng. Ông cậu Paton đã ra ngoài. Ngó vô phòng ngoại Maisie, Charlie thấy ngoại đang ngủ mê mết. Nó nhẹ lướt ngang qua phòng nội Bone. Tất nhiên nó cũng không muốn làm bà thức dậy. Nó chạy qua nhà số 12 và thấy gia đình Brown vẫn chưa về. Bầu không khí yên ắng và lạnh buốt, và khi Charlie băng qua đường trở về thì những bông tuyết li ti rơi xuống đậu trên đầu nó.

Và rồi nó trông thấy họ: ba bóng người đi rầm rộ trên phố. Các bà cô nhà Yewbeam vai chèn vai, nghênh ngang không chịu lùi bước, và để tránh họ, người ta phải lách xuống lòng đường. Charlie định chạy vô công viên trước khi họ trông thấy nó, nhưng quá trễ, họ đã tăng tốc rồi.

Họ gặp nhau bên ngoài cửa nhà số 9.

“Charlie, tiện quá đi mất,” bà cô Lucretia xởi lởi. “Chúng ta muốn nói chuyện phiếm đôi chút.”

“Chuyện riêng,” bà cô Eustacia thêm vào.

“Ồ,” Charlie ái ngại. Khi leo lên các bậc thang, nó nghe tiếng mấy bà cô thì thảo sau lưng nó.

Bà bước vô hành lang và vắt những chiếc áo khoác ấm lên cánh tay Charlie.

“Tuyệt gớm ghê,” bà cô Venetia nhận xét khi búng búng những móng tay dài lên tóc Charlie.

“Vô đây,” nội Bone gọi với ra từ phòng sau. “Lẹ lên, Charlie. Bọn ta không có cả ngày đâu.”

“Con biết,” Charlie nói giọng móc má, “vì bà Lucretia là một giám thị và bà Eustacia là một bảo mẫu mà.”

Hai bà cô thấy cho nó những cái nhìn kinh tởm, nhưng không nói gì. Một ý nghĩ chợt nảy ra trong đầu Charlie, rằng nó có thể dễ dàng chạy ào lên lầu, và khoá cửa phòng lại, nhưng nó quyết định nên nhận lấy cái “chuyện phiếm” phiền phức này thì hơn. Thế là, nó làm đúng bốn phận, treo những chiếc áo khoác lông chuột chũi lên, và ngồi vô bàn, đối diện với ba bà cô nhà Yewbeam.

“Ồm, Charlie này,” bà cô Lucretia mở lời. “Gần đây mày bận rộn lắm phải không?”

“Chỗ mũi vô những chỗ mày không nên chỗ vô,” bà cô Eustacia thêm.

“Ta hi vọng mày sẽ không biến trò đó thành một thói quen,” nội Bone tiếp.

“Em chắc nó sẽ không thế đâu chị,” bà cô Venetia thở thễ với một nụ cười trông hết sức bệnh.

Bà ta khoanh tay lại, tì lên bàn, và thò cẳng dài về phía Charlie.

“Con chỉ định giúp một người bạn nhỏ thôi, phải không, Charlie? Chúng ta biết tất cả về Emma Tolly. Và chúng ta biết có thể tìm thấy Mười Hai Tiếng Chuông Cửa Tolly ở đâu. Cái thùng đó là của giáo sư Bloor, con biết đó.”

“Không phải,” Charlie phản đối. “Nó là của cô Ingledew và các bà sẽ không lấy được nó đâu.”

“Ồi trời ơi!” bà cô Venetia thỉnh linh giờ tay lên, giả bộ như khiếp sợ. “Một thằng bé dữ tợn. Mười Hai Tiếng Chuông Cửa Tolly muốn ở đâu thì ở. Chúng ta không quan tâm đến nó nữa, đúng không các bà?”

“Chẳng quan tâm tí nào,” họ đồng thanh.

Charlie không tin họ. Mười Hai Tiếng Chuông Cửa Tolly có vai trò đánh thức Emma, và gần như không có lí do gì để họ giữ cái thùng lại. Nhưng trong thâm tâm, Charlie biết có một lí do. Còn một người nữa cần được đánh thức.

Đột nhiên nó buột miệng, “Ba con chưa chết, các bà biết mà.”

Mặt nội Bone trắng bệch. “Mày nói gì vậy?” bà thét lên. “Tất nhiên ba mày chết rồi.”

“Không phải. Ba con chưa chết. Một ngày nào đó con sẽ tìm thấy ba.”

“Đấy là những gì ông cậu mày mớm cho mày đó phải không?” bà cô Lucretia gặng hỏi. “Paton bị điên, mày biết đấy, điên thật sự. Gã chẳng biết mình đang nói gì hết. Mày cấm không được liên hệ với gã nữa.”

“Hứa đi,” bà cô Eustacia gằn giọng.

“Không,” Charlie cương quyết.

Nội Bone giọng nắm tay xuống bàn. Theo sau đó là những phút giây im lặng chết người. Charlie nghĩ đây là lúc nó nên đi. Nó đẩy ghế ra sau và đứng dậy.

“Chờ đó!” bà cô Venetia hét lên. “Ta có một món quà cho con, Charlie.” Bà ta cúi xuống và lôi một thứ gì đó ra khỏi cái túi to bên hông.

“Đây!”

Một gói giấy màu nâu trượt trên mặt bàn bóng láng. Charlie thao láo nhìn cái gói.

“Cái gì vậy?” nó hỏi.

“Mở ra đi!” bà cô Venetia nháy mắt với nó.

Charlie nuốt nước miếng. Chắc là thứ gì đó gớm ghê đây. Nó kéo dây và gói giấy bung ra, để lộ một chiếc áo chùng xanh da trời được gấp lại.

“Một chiếc áo chùng,” Charlie nói. “Nhưng con đã có một cái rồi.”

“Nó rách thê thảm,” nội Bone nói. “Giáo sư Bloor nói mày cần phải có một cái mới, và bà cô Venetia đã tử tế may cho mày đấy.”

“Cô ấy khéo tay lắm,” bà cô Lucretia khen.

Bà cô Venetia cười khoái chí đến nỗi Charlie thấy cả miếng son môi dính trên răng bà.

“Con cảm ơn,” nó ngập ngừng.

“Không có chi,” Bà cô Venetia ra hiệu cho nó đi. “Bây giờ con đi được rồi đó, Charlie.”

Charlie đi khỏi, tay nắm chặt chiếc áo chùng mới. Nó chạy lên lầu và thấy chiếc áo chùng xanh nát cũ của nó đã biến khỏi tủ âm tường. Nó dòm kĩ món quà của bà cô Venetia, nhưng tịnh không thấy có gì bất ổn hay khác thường cả.

Charlie nói với mẹ về chiếc áo chùng khi mẹ nó giúp nó thu xếp đồ đạc.

“Bà cô Venetia thật tử tế,” mẹ nó thận trọng nói, “nhưng như thế chẳng giống bà ấy chút nào. Mẹ chưa từng thấy bà ấy tặng quà cho ai bao giờ, kể cả dịp Giáng sinh.”

“Có lẽ họ không muốn xấu hổ vì con,” Charlie nói, “vì bà Lucretia là bảo mẫu trong Học viện mà.”

“Chắc là vậy,” mẹ nó gật gù. “Yewbeam là một dòng họ kiêu hãnh.”

Nhưng Charlie vẫn không thể không thắc mắc.

24. Chương 22

Trong khu vườn đồ nát

Khi Charlie đến Học viện sáng hôm sau, nó để ý thấy có tiếng huyền ảo, đầy hào hứng trong hành lang chính. Bọn trẻ thật khó mà giữ được im lặng, chúng cứ huých khuỷu tay vào nhau, và chỉ trở cái bàn dài được kê dựa vào một trong những bức tường ốp ván. Trên bàn chất đầy đèn lồng bằng thủy tinh.

“Tối nay có trò chơi trong khu vườn hoang đó,” Fidelio loan báo với Charlie. Chúng đã vô phòng để áo khoác chật ních lũ trẻ đang đầu lảo.

“Có chuyện gì vậy?” Charlie hỏi, nghĩ đến cô nữ sinh không bao giờ trở ra. “Em không biết cách chơi.”

“Đây không hẳn là trò chơi,” Fidelio nói. “Mà giống một cuộc đi săn hơn. Có một chiếc huy chương được giấu ở trung tâm của khu vườn hoang. Người thắng cuộc phải tìm ra chiếc huy chương đó, và phải ra khỏi khu vườn hoang trước khi hết một tiếng đồng hồ. Mỗi khoa sẽ tuần tự tìm kiếm. Tối nay là khoa kịch, ngày mai là khoa hội họa và thứ Tư là đến tụi mình. Không dễ đâu. Năm ngoái chẳng ai tìm được huy chương, còn năm kia thì có người tìm thấy, nhưng phải mất ba giờ đồng hồ mới ra được, thế nên không tính.”

“Có đáng phải làm vậy không?” Charlie cau mày. “Chỉ là cái huy chương thôi mà.”

“Người thắng cuộc sẽ không bị cấm túc trong một năm – trừ phi họ làm điều gì đó hết sức tệ hại. Họ còn được tặng ngày nghỉ, và được phát miễn phí các món như nhạc cụ mới, hộp màu vẽ, hay quần áo hóa trang. Ngoài ra việc đó sẽ khiến người ta cảm thấy hạnh diện.”

“Ồ,” Charlie có cảm giác chơi vơi. Nó tự nhủ mình thật ngớ ngẩn. Sẽ có một trăm đứa trẻ trong khu đồ nát. Làm sao mà lạc được nào? Tuy nhiên, đã có người biến mất trong đó. Và ai đó có thể biến thành một con thú man rợ và đi vô đó để tìm mồi.

“Đừng có u ám như thế chứ, Charlie,” Fidelio trấn an. “Tối nay tụi mình sẽ theo dõi từ phòng triển lãm của khoa hội họa. Phòng đó nhìn ra vườn. Em sẽ thích cho coi, anh bảo đảm với em đó.”

Sau bữa ăn nhẹ vào buổi tối, lũ trẻ của khoa kịch xếp hàng vô hành lang và đi lấy đèn lồng. Phòng triển lãm nhìn ra vườn dần dần đầy ắp các khán giả, theo dõi từng đứa, từng đứa một, bọn trẻ áo chùng tím túa ra vườn. Charlie hài lòng khi thấy Olivia đã quyết định mang đôi giày hữu dụng – loại giày có thể chạy nếu bị ai đó rượt theo.

Một hàng đèn lồng lập lờ trườn qua bãi cỏ như một con rắn dài lấp lánh. Và rồi, từ từ, cái đầu rắn bắt đầu biến mất khi lũ trẻ bị các bức tường đen tối của khu đổ nát nuốt chửng.

“Bây giờ thì sao?” Charlie nín thở hỏi.

“Tụi mình đợi thôi,” Fidelio đáp.

Chúng không phải đợi lâu. Từng đám con nít bắt đầu cuống cuống chạy ra khỏi khu vườn hoang, gần như ngay khi mới bước chân vô. Tụi nó sợ bóng tối hoặc sợ bị lạc đường. Đứa nào chạy ra tới hành lang là tên bị gạch khỏi danh sách ngay. Những chiếc đèn lồng được run run hoàn trả lại, và đám trẻ ngây ngô ấy mau chóng về phòng ngủ.

Olivia là một trong những đứa trở ra sau cùng. Fidelio và Charlie đang chờ trên cầu thang dẫn lên phòng ngủ chung của nó.

“Tớ không thích khung cảnh ở ngoài đó tối nay,” Olivia tíu lia liền. “Không biết có cái gì đằng sau mấy bức tường cứ khiến tớ nổi da gà. Tớ cứ nhìn vô cái bóng đen đó – nó cứ thoát ẩn rồi thoát hiện.”

“Loại bóng đen gì vậy?” Fidelio hỏi.

“Một con thú,” Olivia nói. “Có lẽ là một con chó... em cũng không biết nữa. Em không đến được trung tâm, không ai đến được đó.”

“Mình mừng là bồ đã ra được,” Charlie nói, liếc nhìn đôi giày hữu dụng của Olivia.

“Tớ bám sát Bindi,” Olivia kể tiếp. “Đi kể chị ấy tớ cảm thấy an toàn, vì chị ấy có phép thuật. Manfred đã nhìn tớ một cái thật ghê sợ lúc hắn giao lồng đèn cho mọi người. Tớ nghĩ là hắn đã biết chuyện rồi.”

“Hắn không biết bồ đâu, Olivia” Charlie nói.

Tối hôm sau, đến lượt khoa hội họa chơi trò hủy diệt. Fidelio và Charlie có thêm Olivia cùng đi vô phòng triển lãm. Charlie cảm thấy an tâm khi biết Emma Tolly sẽ không có ở trong đám săn lùng huy chương. Nó tự hỏi không biết Emma có được ở cùng với cô Ingledew hay không. Nếu ông cậu nó mà ra tay trong việc này thì may ra. Ông cậu Paton là người rất uy lực, theo cách riêng của ông cậu.

Không có gì kịch tính trong lượt chơi thứ hai này. Không ai tìm thấy huy chương và tất cả mọi người đều trở ra an toàn.

Và rồi đến tối thứ Tư. Khi lũ trẻ mặc áo chùng xanh xếp hàng lấy đèn lồng, một cơn gió buốt lạnh thổi qua hành lang. Bên ngoài sẽ có gió rít đấy, và Charlie sung sướng vì chiếc áo chùng ấm áp của nó. Lần này đích thân giáo sư Bloor đứng bên bàn phát đèn lồng. Ông ta gật đầu trang nghiêm với Charlie khi tay hay người chạm vào nhau, và nó đột ngột hiểu ra rằng, không phải giáo sư Bloor là người nó sợ, mà thực ra, chính người đàn ông to lớn kia phải sợ nó.

Cửa dẫn ra vườn để mở. Những đứa trẻ đầu tiên bước ra ngoài, lao vô bóng đêm. Không có trăng, cũng chẳng có lấy một vì sao, chúng ngược lên nhìn bầu trời đen kìn kịt. Tuy nhiên, dưới mặt đất lại có một đốm sáng nhờn nhọt, nhảy nhót. Và khi giơ đèn lồng lên, Charlie thấy tuyết rơi xuống đã đóng thành một lớp mỏng. Tuyết kêu lạo xạo dưới chân chúng như thủy tinh vỡ.

“Anh ở ngay sau lưng em đây, Charlie,” Fidelio thì thào, “Cứ đi đi.”

Charlie quay lại, thấy gương mặt rạng rỡ của Fidelio nổi bật trong ánh sáng của đèn lồng.

“Chúc may mắn!” Charlie nói khẽ. “Hi vọng anh sẽ tìm thấy huy chương.”

“Im lặng,” một giọng đánh sắt vang lên. “Nói chuyện hoặc thì thầm sẽ bị phạt.”

Chúng đã đến cổng khu vườn đổ nát. Manfred đứng ở một bên, đánh dấu tên lên cuộn giấy dài khi lũ trẻ đi ngang qua hắn. Trên đầu hắn đung đưa một chiếc đèn lồng to, và Charlie thấy Zelda Dobinski đang đứng sau Manfred, giữ cái cây đỡ đèn lồng. Con bé lạnh lùng lườm Charlie khi nó bước vô cổng vòm đá.

Nó nhận ra mình đang ở trong một khoảnh sân lát gạch, xung quanh có những bờ rào cao, dày đặc. Trước mặt nó là năm cửa vòm, phân cách nhau bởi bốn băng ghế đá. Fidelio thúc vô khuỷa tay Charlie và hất đầu về ô cửa vòm ở giữa. Chúng tiến lên. Thoạt đầu, có vẻ như chúng là cặp duy nhất chọn ô cửa vòm chính giữa, nhưng từ từ, chúng bắt đầu nhận ra các nhóm nhỏ khác cũng đang vội băng qua mặt chúng, hoặc nhón nháo đi sát ngay bên cạnh. Thậm chí một vài đứa còn chạy ngược lại.

“Anh có nghĩ là tụi mình đang đi đúng đường không?” Charlie hỏi khẽ.

“Ai mà biết!” Fidelio đáp.

Chúng rẽ vô một góc ngoặt, và men theo một lối đi hẹp đến nỗi các bức tường cọ vô cùi chỏ khi chúng đi qua.

Có lúc chúng đến được một khoảng trống, nơi có vòi phun nước bắn tung tóe vô một cái hồ giá lạnh. Charlie thích nhất ở đó là một con cá đá khổng lồ, và Fidelio phải kéo áo chùng để lôi nó đi.

Có lúc, chúng lại húc phải một bức tượng mục hay một cái bình mốc. Và khi thời gian dần dần trôi đi, một sự thinh lặng bí hiểm dần bao trùm bọn trẻ. Chúng không còn nghe thấy tiếng lộp cộp của những bước chân vội vã, hay tiếng xì xào của những đứa khác nữa.

“Làm sao tụi mình biết được là đã đến khu trung tâm?” Charlie thì thầm.

“Có một ngôi mộ ở đó,” Fidelio đáp. “Đó là tất cả những gì anh biết.”

“Mộ? Nhưng mộ của ai?”

“Charlie!” Fidelio bỗng kêu to. “Đứng im. Có gì đó không ổn với áo chùng của em kìa.”

“Cái gì?”

Charlie quay vòng và ngó lom lom chiếc áo chùng của mình. Cái áo đang phát sáng. Những sợi chỉ nhỏ xíu sáng chói chạy khắp mặt vải, khiến cho chiếc áo giống như một đám mây lấp lánh kì dị.

“Bà cô của em may nó đó,” Charlie hơi hoảng. “Nhưng sao bà ta lại làm thế này?”

“Có lẽ làm vậy để ai đó có thể đi theo em trong bóng đêm,” Fidelio suy đoán, “hoặc săn đuổi em.”

Charlie cởi phẳng chiếc áo chùng ra và vứt toẹt xuống đất.

“Được, họ sẽ không bắt được em đâu,” nó tuyên bố. “Em có thể bị chết còng chứ nhất định không để bị tóm.”

“Em có thể dùng chung áo với anh nếu trời quá lạnh,” Fidelio nói.

Lối đi kế tiếp chúng chọn rất giống một đường hầm. Chúng gần như phải gặp đôi người lại, hầu tránh đụng đầu vô xà nhà thấp. Charlie bắt đầu cảm thấy khó thở trong cái không gian tù túng như thế này. Nó chạy nhanh về phía trước và thấy lộ ra một khoảng trống hình tròn. Có ba bức tượng đứng ở giữa, nhưng khó mà đoán ra là tựa gì. Nó nhận ra nền trong đèn của mình đã cháy gần hết.

Cứ nghĩ là bạn mình đã ra khỏi đường hầm ở sau lưng, nó gọi, “Hãy, Fidelio, nhìn nè.”

Không có tiếng trả lời. Charlie sầm soi nhìn vào đường hầm. Không có ánh sáng, không có Fidelio.

“Này, nhanh lên. Đừng có loay quanh nữa!”

Charlie lao trở vô đường hầm. Với bàn tay rảnh rang, nó dò dẫm các bức tường và khoảng không gian đen ngòm trước mặt. Hay là bạn nó đã bị ngã hay trượt vô một lối đi khác?

“Fidelio! Fidelio!” Charlie gọi to, không thềm để ý rằng mình có thể bị phạt.

Tiếng gọi của nó chìm vào im lặng. Và rồi ngọn nến tắt phụt.

Charlie chợt nhận ra là nó đã biết, ngay từ đầu, rằng điều này sẽ xảy ra. Nó đã phạm luật, giống như ba nó ngày trước. Nó đã cứu Emma Tolly, và bây giờ nó sẽ bị trừng phạt. nhưng nó sẽ không đầu hàng. Nó phải đấu tranh. Ném cái đèn lồng vô dụng xuống đất, Charlie bắt đầu sờ soạng tìm đường băng qua đường hầm. Ở một khúc nào đó, chắc hẳn là đường hầm sẽ tỏa ra một lối đi khác, rộng rãi, vì nó đã lại ngửi thấy một mùi không khí trong lành, dầu không chính xác là trong lành, mà đúng hơn, đó tựa như một hỗn hợp của lá mục và đá ẩm.

Queo gắt ở một góc, Charlie bắt gặp ánh sáng, gần như không tin rằng mình có thể gặp may đến thế, nó chạy về hướng đó. Đèn lồng thấp trên một ngói mộ bằng đá sừng sững. Ai đó thành linh xuất hiện từ phía sau, và Charlie thấy cái đầu trắng của Billy Raven. Đôi gọng kính tròn của thằng bé sáng lên như hai vầng trăng nhỏ.

“Em đã tìm ra huy chương,” Billy la lên.

Nó giơ ra một chiếc đĩa bằng vàng, lấp lánh dính vô một sợi dây chuyền.

“Giỏi lắm,” Charlie nói. “Anh bị mất đèn lồng, Billy à. Cho anh đi cùng em với nha?”

“Đèn của em,” Billy nói. Rồi chớp lấy đèn lồng và lủi đi thật nhanh.

“Được rồi. Anh không lấy đèn đâu, Billy.”

Charlie nhìn ánh đèn vụt đi, sau đó biến mất. Nó chịu, không biết Billy đi đường nào. Chẳng thể đoán được. Thậm chí không có lấy một âm thanh để dẫn dắt cho nó.

Đột nhiên, nổi lên một tiếng động, tiếng những bước lập rập, nhẹ ru... của bốn chân. Rồi thêm hơi thở của một con vật đang thở khọc khọc. Charlie phóng vù về phía trước. Chúi nhủi và lão đảo, nó chạy trốn khỏi tiếng bước chân nhẹ lướt và cái mùi tanh của con thú dữ.

Fidelio đã bỏ cuộc tìm Charlie. Nó nghĩ bạn mình có lẽ đã tìm được đường ra khỏi khu bỏ hoang rồi. Có điều gì đó rất kì lạ đã xảy ra trong đường hầm chật hẹp. Fidelio bị đẩy xuyên qua một khe nứt, vô một lối đi khác, nhưng nó không thể thấy được ai đã đẩy nó. Nó hỏi nhiều đứa khác xem có thấy Charlie hay không. Chẳng ai thấy cả.

“Billy Raven đã tìm được huy chương,” ai đó nói.

Hừm, Fidelio nghĩ. Mình tự hỏi là làm cách nào mà thằng ấy tìm được chứ?

Có vẻ như Fidelio là người cuối cùng rời khỏi khu đổ nát.

“Charlie Bone đã ra chưa?” nó hỏi Manfred khi hắn đang đánh dấu tên trên cuộn giấy.

“Ra lâu rồi,” Manfred đáp gọn lỏn.

“Anh có chắc không?”

“Tất nhiên là tao chắc,” Manfred cộc cằn.

Fidelio chạy vô tòa nhà. Nó hỏi mọi người xem có ai gặp Charlie Bone không. Tất cả những ai biết mặt Charlie đều thề là không thấy Charlie đâu cả.

“Chuyện gì vậy?” Olivia hỏi khi thấy vẻ mặt nhón nhác của Fidelio.

“Charlie vẫn còn ở trong khu vườn hoang,” nó nói với cô bé.

“Ôi không! Nhưng đã lâu lắm rồi mà. Họ đã nói tất cả mọi người đều đã ra hết rồi.”

“Không đúng,” Fidelio tức giận. Nó chạy lên phòng ngủ chung.

Billy Raven đang ngồi trên giường. Năm sáu thằng bé khác đứng vây quanh nó, trầm trồ ngăm ngăm huy chương treo trên sợi dây chuyền quanh cổ.

“Có ai thấy Charlie Bone không?” Fidelio hỏi cả bọn.

“Không thấy,” tất cả bọn chúng đáp.

Billy Raven chỉ lắc đầu.

“Chúc mừng nhé,” Fidelio nói. “Anh biết là em đã thắng” Nó nằm mẹp xuống giường. Không biết phải làm gì.

Nửa giờ sau, một tiếng nói cất lên, “Năm phút nữa tắt đèn.”

Fidelio chạy bổ ra hành lang.

“Bà giám thị ơi, Charlie Bone chưa vô phòng,” nó la lên.

Người phụ nữ cao lớn trong bộ đồng phục xanh được hồ cứng thậm chí không quay người lại.

“Úi trời,” bà ta nói, rồi bước tiếp.

Fidelio tự vò đầu bứt tai.

“Bà không quan tâm gì hay sao?” Nó gào lên.

Bà ta phớt lờ nó.

“Mày về trễ,” bà ta nói với Gabriel Silk khi anh chàng này chạy vắt giò lên cổ trên hành lang.

“Xin lỗi, Giám thị,” nó lầu bàu.

“Cậu coi,” Gabriel nói với Fidelio, “sau khi bắt đi vợ vẩn trong khu đổ nát dơ dáy đó, họ vẫn bắt tôi phải làm xong bài tập về nhà...”

Nó chợt chú ý đến bộ mặt khổ sở của Fidelio. “Chuyện gì vậy?”

“Charlie vẫn còn ở trong khu vườn hoang,” Fidelio gần như mếu máo.

“Cái gì?” Gabriel Silk thay đổi thái độ tức thì.

Một tia sáng quả quyết lóe lên trong đôi mắt xám của Gabriel, và trông nó như cao hơn, đứng thẳng người hơn.

“Tụi mình phải coi lại vụ này,” nó nói rành rọt và quay đầu đi ngược lại hành lang.

Fidelio bám theo, hoang mang không biết Gabriel định làm gì. Đến đầu cầu thang, Gabriel ngoái lại bảo.

“Fidelio, trở lại phòng ngủ chung. Bây giờ cậu không giúp được gì đâu.”

“Tôi muốn đi với anh,” Fidelio nài nỉ. “Charlie là bạn của tôi.”

“Không được,” Gabriel nghiêm giọng. “Đây không phải là chỗ của cậu. Nguy hiểm lắm. Cậu phải để việc này cho tụi tôi.”

Gabriel xem ra đã có được một cái nhìn hết sức thuyết phục.

Fidelio lùi lại. “Anh nói ‘tụi tôi’ nghĩa là sao?” nó hỏi.

“Những hậu duệ của Vua Đỏ,” Gabriel nói rồi phóng xuống cầu thang.

25. Chương 23

Cuộc chiến của những kẻ có phép thuật

“Trò chạy đâu vậy, hả?” thầy Paltry gọi khi Gabriel đi ngang qua hành lang. “Trò phải ở trong phòng ngủ chung mới phải chứ.”

Gabriel tăng lờ ông thầy. Cậu vọt qua một ngưỡng cửa, lên cầu thang, và lao dọc theo hành lang dẫn đến phòng Nhà Vua. Khi Gabriel xộc vô, trong phòng chỉ có hai người: Lysander và Tancred. Cả hai đang đọc sách.

“Charlie Bone vẫn còn ở trong khu vườn hoang!” Gabriel thông báo.

Lysander và Tancred cùng ngẩng đầu lên.

“Manfred và Zelda cũng ở đó,” Gabriel tiếp.

“Và cả Asa chứ?” Lysander hỏi.

“Mình nghĩ nó đã đổi lối rồi,” Gabriel nói. “Chắc nó cũng vô đó thôi.”

“VẬY là đã đến lúc,” Lysander tuyên bố.

Chúng hợp thành một bộ ba kì lạ: một thằng bé châu Phi, một thằng tóc vàng như bị nhiễm điện, và một thằng gầy trơ xương, mặt dài, nghiêm nghị. Dàn hàng ngang, chúng hùng dũng bước qua giáo sư Bloor, đang khoá cửa văn phòng của mình; ngang qua giáo sư Saltweather, đang khiêng một cái giá nhạc; qua mặt thầy Paltry, đang thu dọn đèn lồng. Không ông thầy nào có thể ngăn được chúng.

Ba thằng bé dần thân vô màn đêm giá lạnh, nện gót trên mặt đất đóng băng, hướng về phía khu vườn hoang.

Đằng sau chúng, bọn trẻ đã tụ tập nơi các cửa sổ dài của phòng triển lãm. Tối hôm đó, sự bất tuân có ở khắp nơi. Olivia Vertigo đã loan tin: một cậu bé bị kẹt trong khu bỏ hoang. Bất chấp những nội quy và mệnh lệnh của bà giám thị, bọn trẻ vẫn tụt khỏi giường, và chạy băng xuống những hành lang tối thui, nháo nhác thì thầm với nhau.

Fidelio đứng bên Olivia cạnh cửa sổ.

“Anh có cảm thấy gì không?” nó hỏi.

Một cơn gió rít lên chần chịt. Cơn gió quẩn quanh ba bóng người đang rầm rập nhắm thẳng tới những bức tường đá cao ngệu, thốc tung áo chùng của họ vào màn đêm gió lộng. Không ai trong số đó cảm đèn lồng, nhưng Fidelio thấy những đám mây đen bay dạt đi, và rồi, một vầng trăng tròn toả ánh bạc khắp khu vườn.

“Chao! Anh Tancred đó,” Olivia xuyết xoa. “Em đã dò hỏi rồi. Người ta bảo anh Tancred có thể gọi gió, và cả bão nữa.”

“Còn Lysander thì sao?” Fidelio hỏi.

“Không rõ lắm,” Olivia thì thào. “Nhưng anh ấy mạnh mẽ lắm. Nghe đồn anh ấy có thể gọi hồn, nhưng tất cả mọi người đều thừa nhận điều đó. Asa Pike có thể thay đổi hình dạng, nhưng chỉ trong đêm thôi.”

“Ra là như thế,” Fidelio gật gù.

Nó biết Manfred có thể làm được gì, và nó đã nghe nói là Zelda Dobinski có thể di chuyển đồ vật bằng ý nghĩ. Nhưng là những loại đồ vật nào? Nó tự hỏi. Liệu con bé ấy có thể di chuyển người ta được không?

Ở sâu trong khu bỏ hoang, Charlie đang co ro nép mình vô một vách tường. Nó tưởng đã thoát khỏi con quái thú, nhưng bây giờ con vật ấy lại đang mò tới gần. Nó nghe thấy tiếng đá lột sột khi con vật lồm lộn quanh cái sân sạt lở.

Charlie loạng choạng đứng dậy. Nó vừa lao về trước được vài bước, thì chợt có cái gì đó vút tới, choán ngang đường nó chạy. Nó hụp xuống và nhận ra những đường viền thô ráp của một pho tượng. Pho tượng này đã suýt giết chết nó. Nó trèo qua pho tượng và thận trọng nhích lên. Có một cái hồ, và tiếng vòi phun đều đặn rót nước vô hồ nghe rào rào. Một gợn nước lớn hất Charlie nhào xuống đất, và đá từ cái vòi phun nứt nẻ đó trút xuống người nó như mưa.

Nó xoay người nằm sấp lại, hai tay ôm chặt lấy đầu.

“Mình sẽ không đầu hàng! Không! Không đời nào!” nó lầm rầm. Nhưng nó có thể cầm cự được bao lâu? Kẻ thù của nó rất mạnh. Có ai đủ uly mãnh để giúp nó không?

Như là câu trả lời, một làn gió nhẹ luồn qua các khóm cây thấp. Con gió mạnh dần lên và biến thành cơn cuồng phong, rít rú quanh những hòn đá cổ và găm thét khắp bầu trời. Gió rung chuyển gác chuông nhà thờ lớn, khiến những hồi chuông ngân lên không ngớt, vang vọng khắp thành phố, như cảnh báo một tai ương gì đó sắp xảy ra. Ngóc nhìn lên, Charlie thấy ông trăng tròn vén mây hiện ra. Ánh trăng ngời chiếu toàn bộ khu đổ nát, soi rọi để tất cả mọi nguy hiểm đều có thể được thấy rõ. Vài tảng đá khổng lồ tự nhiên lăn ra khỏi những bức tường, và Charlie giờ đã có thể bước thẳng qua lỗ trống. Nhưng nó nên đi đường nào bây giờ?

Con quái thú cũng nhìn được đường đi của mình. Nó càng lúc càng diên tiết hơn. Đường như tiếng gầm gừ của nó phát ra từ mọi hốc hẻm, và bất thành linh, nó ở kia, lù lù ngay trước mặt Charlie, chỉ cách vài mét! Cặp mắt nó vàng khè, long lên sòng sọc, và cái mũi tua tua lông của nó chun ra sau, phò đôi hàm nanh dài, sáng loé.

Charlie đứng đờ ra, chờ cho con quái thú vồ tới, nhưng thốt nhiên, có một vật gì đó nhọt nhọt và ma quái nhẹ nhàng nhảy vô giữa chúng. Charlie nhận ra một ngọn giáo và một cái khiên. Và một bóng người hiện ra, rồi thêm một bóng người nữa. Họ bao vây con quái thú, và con vật bị dồn vô góc tường, tru lên sợ hãi.

Hấp tấp lùi trốn khỏi những hình hài như bóng ma, chân Charlie vấp vô một tảng đá phủ đầy rêu với cỏ, khiến nó ngã dúi sang một bên, và nhào vô một bụi gai. Thấy con mồi của mình nằm bất lực, con quái thú liền xông vô tấn công, nhưng hai lưỡi giáo sáng loáng liền phóng xuống, chặn lại, suýt lạng mất cái mũi đen của nó. Mắt con vật trợn trừng trừng, chìa thẳng vào Charlie, nhưng không thể đụng được tới thẳng bề – con thú sợ và không dám vượt qua những lưỡi giáo lấp lánh kia.

Charlie ráng nhồm dậy, và lập chập bước đi. Gai nhọn đã xé toạc mặt và bàn tay nó. Nó nếm thấy vị máu trên môi và cảm thấy máu đang nhỏ giọt từ những ngón tay. Nó run lên bần bật. Bàn chân tê dại, nó thấy đầu mình nhẹ tênh đến độ gần như không thể suy nghĩ được.

“Mình phải thoát khỏi đây trước khi chết cồng,” nó lẩm bẩm, hàm răng va lập cập vào nhau.

Bỗng nhiên, có cái gì đó âm ỉ cọ vô cẳng chân Charlie, nó giật mình nhìn xuống thì thấy con mèo màu đồng Dương Cừu. Con Nhân Mã hiện ra từ phía bên kia, tiếp đến, con Sư Tử nhẹ nhàng nhảy ra từ sau bức tượng phía trước mặt. Mũi con này nới đuôi con kia, lũ mèo bắt đầu vây quanh Charlie, và hơi ấm từ bộ lông rực cháy của chúng thấm vô người Charlie, lan tới tận những khớp xương đau nhức.

Khi Charlie gia tăng nhịp bước, lũ mèo bèn phóng lên phía trước, như một khối lửa dài, dẫn đường cho nó đi qua tòa lâu đài đổ nát.

Dần dần, Charlie phát hiện mình đi ngang qua những bức tượng mà nó đã thấy trước đó, nhiều bức đã đổ sụp xuống đất, nhưng nó vui mừng khi thấy vòi phun nước hình con cá đá vẫn còn nguyên.

Cuối cùng, chúng ra đến mảnh sân có năm cửa vòm. Gió đã lặng, và tiếng chuông xa xa cũng ngừng vang. Ba con mèo nhảy phóc lên ngồi trên một băng ghế đá và bắt đầu tự liếm láp.

“Bọn bay không ra với ta sao?” Charlie hỏi.

Chúng nhìn Charlie và kêu rừ rừ thích thú.

“Cám ơn bọn bay nhé,” Charlie cảm kích.

Từ đây, nó đã có thể thấy bãi cỏ uốn lượn, tuyết phủ trắng xoá, ở phía bên kia vòm cửa cuối cùng. Nhưng ai, hay cái gì, đang ở đằng đó? Nó đã thực sự thoát hay chưa? Charlie ngần ngại, hít thật sâu và lừng khừng bước qua cửa vòm.

Có ai đó bước tới, đi bên cạnh nó.

“Chào em, Charlie,” Gabriel mừng rỡ. “Em bình an rồi.”

Charlie nhẹ nhõm đến độ nó nghĩ mình sắp xỉu đến nơi. Nhưng trước khi nó ngã xuống, thì những cánh tay mạnh mẽ đã đỡ nó đứng thẳng dậy, và Tancred, Lysander lo lắng quan sát gương mặt nó.

“Ái chà!” Tancred la lên.

“Em không sao chứ?” Lysander ân cần.

“Không sao,” Charlie đáp. “Cám ơn các anh,” nó thấy khắp mặt đất vương vãi đầy những nhánh cây to, nhỏ; còn tuyết bị vun lại thành những ụ to thành thành.

“Ồ đây vừa có bão,” nó buột miệng.

“Kèm những thứ khác nữa,” Lysander cười ngất.

“Như thế là quá nhiều đối với một số người,” Tancred phụ họa, thậm chí còn cười ngất hơn Lysander.

Charlie thấy hai bóng người quỳ mọp trên đất. Nó nhận ra đó là Manfred và Zelda.

“Nhanh lên đi nào,” Gabriel giục giã. “Thế nào bà bếp trưởng cũng sẽ bày một đại tiệc lúc nửa đêm cho coi.”

“Tiệc?” Charlie kinh ngạc. “Có được phép làm vậy không?”

“Tối nay là một ngoại lệ,” Lysander nheo mắt nói. “Bất cứ việc gì cũng đều được phép tuốt.”

Khi chúng đến gần khối đen lừng lững của Học viện Bloor, Charlie để ý thấy vài cửa sổ đang rực sáng đèn. Dẫn đầu đám trẻ con đông nghẹt, nó nhận ra Olivia và Fidelio đang nhảy múa như điên cuồng và cuồng quýt vẩy tay.

Charlie vẩy tay đáp lại.

“Tụi bạn em đó, trông tụi nó tức cười quá.”

“Fidelio đã báo cho anh biết là em bị lạc,” Gabriel nói. “Nếu cậu ấy mà không nói thì có lẽ bây giờ em vẫn còn đang ở trong khu quỳ quái đó.”

Charlie rùng mình.

Tancred mở cửa vườn, và chúng vô giữa đám đông trẻ con đang đứng giăng như thành lũy. Hết thấy bọn trẻ tranh nhau la hét.

“Bỏ ra bằng cách nào hay vậy, Charlie?”

“Chuyện gì xảy ra trong đó vậy?”

“Sao em lại bị lạc thế?”

“Tránh đường,” Lysander vừa hét vừa đẩy đám đông đi vô.

“Thôi nào, tất cả,” Tancred thúc hối. “Cho Charlie qua nè.”

Đám đông ngoan ngoãn dạt ra thành một lối hẹp, để cho Tancred, Lysander và Charlie đi giữa hai hàng học trò. Cuối cùng, khi vô đến hành lang, Charlie thấy cái bàn dài để đèn lồng bây giờ chất đầy những đĩa bánh mì kẹp, bánh nướng, xúc xích và khoai tây chiên. Bà bếp trưởng đang hối hả bên cạnh bàn, tất bật phân phát các món ăn.

“A, vị khách danh dự đây rồi,” bà reo lên khi trông thấy Charlie. “Này này, thằng bé lạnh cóng tội nghiệp kia, giờ thì con muốn ăn cái gì nào?”

Charlie ngây ngất. “Ừm... à,” nó lắp bắp, đảo mắt khắp bàn thức ăn. “Con không... ờ...”

Món nào cũng ăn,” Lysander diễn giải. “Nó muốn ăn tất tần tật.”

“Rồi, rồi, có ngay, có ngay,” bà bếp trưởng vừa nói vừa thoăn thoắt múc một đĩa đầy thức ăn.

Charlie bắt gặp Olivia và Fidelio đang cố sức chen lấn khỏi đám đông.

“Tiếp theo bà lấy cho mấy đứa bạn kia của con được không ạ?” nó hỏi bà bếp trưởng. “Tụi nó vừa...”

“Không được,” bà bếp trưởng gạt phắt, rồi trao cho nó cái đĩa. “Phải xong ba đĩa đầu tiên này đã.”

Bà chỉ những người đã cứu Charlie.

“Nếu không có họ, con đã chẳng ở đây được, đúng không nào?”

“À... đúng ạ,” Charlie hơi tên tò. “Con xin lỗi.”

Bà bếp trưởng nháy mắt với nó một cái, rồi phát đĩa thức ăn (loại thập cẩm) cho Gabriel và Tancred, và một đĩa khoai tây cho Lysander, người chỉ thích khoai tây chiên.

Charlie thấy tất cả các giáo viên thuộc khoa thanh nhạc đều có mặt trong hành lang. Họ đang cố sắp xếp lũ trẻ thành từng nhóm. Thầy Paltry mặt đỏ nhừ và có vẻ tức giận, nhưng giáo sư Saltweather xem ra lại có vẻ thích chí. Chốc chốc, ông lại bật hát lên khi hướng dẫn lũ trẻ ra bàn.

Cô Chrystal tươi cười với Charlie và giơ hai ngón tay cái lên với nó. Cô đang giúp bà Dance giữ tội nhỏ hơn ở yên ngoài hành lang. Ngoại trừ Tancred và Lysander, chỉ có các học viên của khoa nhạc mới được phép dự tiệc.

Olivia đã xoay sở đầu đó được một chiếc áo chùng xanh, và cho đến giờ, không ai trong các thầy cô nhận ra nó không phải là học trò của khoa nhạc. Nó chạy lại chỗ Charlie, với hai đĩa xúc xích trên tay.

“Tớ lấy thêm một đĩa cho đằng ấy đây. Tội nghiệp đằng ấy quá, mình mẩy bầm tím cả, eo ôi nhìn đầu tóc kìa.”

Charlie vuốt vuốt đám tóc bù nhùi như cái bờ giậu của nó, bắm đầy lá và nhánh cây nhỏ.

“Ừ, mình quên mất,” nó nói.

Nó đã khá no rồi, nhưng không thể từ chối lời mời của Olivia.

“Tội mình ăn chung đi,” nó đề nghị, rồi hạ giọng hỏi, “Sao bồ lấy được cái áo chùng xanh này vậy?”

“Của Billy đó,” nó bật mí. “Thằng nhỏ mệ quá nên không xuống được, uống cho nó quá. Nó tìm thấy huy chương đấy, đằng ấy biết chứ?”

“Ừ, mình biết,” Charlie ưu tư.

Fidelio liếc Charlie một cái, chân mày nhướng cong lên. Chúng cần phải nói chuyện với Billy Raven, Charlie quyết định. Ai đó (hay một điều gì đó) đang khiến thằng bé này hành xử hết sức kì lạ.

“Mình không tin được là toàn bộ các món ăn này được dọn ra chỉ vì mình bị kẹt trong khu vườn hoang,” nó lẩm bẩm.

“Ấy là do bà bếp trưởng đó,” Fidelio giải thích. “Khi bà ấy quyết định điều gì thì không thầy cô nào có thể ngăn được. Kể cả giáo sư Bloor. Năm ngoái, một nam sinh tên là Ollie Sparks biến mất trong ba ngày. Nó bị lạc trong khu vực nát của tòa nhà và không ai tìm thấy nó. Cuối cùng nó cũng ra được nhờ chui qua một cái lỗ dưới sàn nhà. Khắp người nó trầy xước và bầm tím, tóc bắm đầy mạng nhện. Thậm chí một thời gian sau nó vẫn chưa nói được. Nhưng cuối cùng bà bếp trưởng cũng dọn lên cho nó một bữa tiệc nửa đêm thịnh soạn. Sau đó nó được gởi về nhà, không bao giờ quay lại đây nữa.”

“Em không trách...”

Lời nói kế tiếp của Charlie chợt ngừng lại dờ dưng trên môi, bởi vì cửa vườn đột ngột mở toang, và giáo sư Bloor với bà cô Lucretia xuất hiện. Mỗi người một tay, họ đang kéo cái thân người mềm rũ của Manfred Bloor. Rõ ràng là trông hắn không còn cái vẻ dọa dẫm nữa. Đầu hắn ngửa về trước và đôi mắt dễ sợ nhắm hờ lại. Bà cô Lucretia thấy một cái nhìn héo úa về phía Charlie, trước khi biến mất qua cánh cửa dẫn đến chái phía tây.

Sự im lặng rơi phịch xuống khắp hành lang khi thầy Carp và một giáo viên nữa xuất hiện, đi theo cái hình hài lết đi khập khiễng của Zelda Dobinski.

Tất cả đám nhỏ ngày thường vẫn sợ Zelda và Manfred, giờ việc trông thấy cảnh hai đứa này sống dở chết dở cũng khiến cho mọi trò vui tắt ngấm trên bàn tiệc. Một loáng sau gần như tất cả bọn trẻ bắt đầu chuẩn về phòng ngủ.

Khi Charlie, Gabriel và Fidelio nhẹ nhàng đi vô, tất cả nam sinh trong phòng ngủ chung hình như đã ngủ cả. Nhưng có tiếng sụt sịt phát ra từ phía góc phòng có giường của Billy. Trong bóng tối, Charlie mò tìm đến giường của thằng bé.

“Billy,” nó gọi khẽ. “Em còn thức không?”

“Em xin lỗi vì đã bỏ anh lại trong khu vườn hoang,” Billy thì thầm. “Em không cố tình để anh bị thương đâu.”

“Không sao đâu,” Charlie đáp lại. “Nhưng em đã phản bội Emilia, em có biết không? Em đã nói cho ai đó về việc Emilia ấy tỉnh lại. Sao em lại làm thế, Billy?”

Không có tiếng trả lời.

“Có người nào đó bắt buộc em phải làm thế, đúng không?” Charlie dò hỏi.

Một sự im lặng kéo dài, mãi rồi Billy mới thì thầm:

“Em chỉ muốn được nhận làm con nuôi thôi. Như vậy là sai hử anh?”

Charlie không trả lời.

Ngày hôm sau, nhịp sống trở lại bình thường. Điều khác biệt duy nhất là hầu hết các giáo viên đều biết thông cảm hơn mọi thường. Họ giả dờ đi những cái ngáp và vài lỗi quên của Charlie. Thực ra thì nó đã ngủ gật trong giờ Ngữ Văn. Chỉ có thầy Paltry là vẫn nóng tính như thường lệ.

Và rồi, vào giờ ăn trưa, Fidelio nhảy xổ đến chỗ Charlie, loan báo một tin hết sức động trời: anh trai Felix của nó đã đến, lấy cớ là để giao cây vĩ cầm vừa sửa xong, nhưng kì thực là để báo cho Fidelio hay những gì đang xảy ra ở thế giới bên ngoài.

“Emma và cô Ingledew cứ khoá cửa, ở trong tiệm sách suốt,” Fidelio báo. “Hai dì cháu không cho ai vô. Gia đình Moon nện cửa ầm ầm, đòi Emma phải về với họ. Họ nói cuộn băng của tiến sĩ Tolly chẳng chứng minh được gì cả. Không có giấy tờ và chữ kí thì họ không tin Emma là con gái của nhà phát minh.”

Charlie bật dậy. “Tức là sau những gì tụi mình đã làm, cô Ingledew vẫn không thể giữ Emma lại suốt đời hả?”

“Có lẽ thế thật,” Fidelio buồn bã. “Trừ phi tìm thấy giấy tờ.”

“Giấy tờ gì?” Charlie hỏi.

“Em biết đó, những thứ giấy chứng minh xem em là ai. Đại loại như là giấy khai sinh, giấy nhận con nuôi vậy đó.”

Charlie rên rỉ. “Cái bọn gia đình Bloor ấy, chúng nó có những loại giấy tờ đó mà, phải không? Em cá là bọn họ giấu ở đâu đó.”

“Chắc chắn,” Fidelio tán thành. “Việc kế tiếp chúng ta phải làm là tìm cho ra những giấy tờ đó.”

Charlie hình dung ra viễn cảnh khủng khiếp là một ngày kia nó bị bắt quả tang đang leo vô những gác mái tối hù, và bị cầm tù năm này qua năm khác.

“Không dễ đâu,” nó lầu bàu.

Nhưng việc ấy đã diễn ra mà Fidelio và Charlie không phải làm gì cả. Có người khác đã làm thay chúng, theo một cách cực kì ấn tượng.

Những tiếng nổ bắt đầu diễn ra trước khi đèn tắt một giờ. Tiếng nổ đầu tiên thật khó mà nghe thấy. Chiếc đèn lồng treo phía trên cổng chính nổ bụp một tiếng nhỏ, và những mảnh thủy tinh văng ra. Tiếng nổ kế tiếp lớn hơn. Một tấm kính cửa sổ của chái phía tây nứt ra và vỡ vụn xuống lớp sỏi trên khoảng sân gạch.

Lũ trẻ bật ra khỏi giường, hoặc bươn ra từ các nhà tắm, quỳnh quáng vứt cả khăn tắm và bàn chải, để xem chuyện gì đang xảy ra.

Charlie mở cửa sổ trong phòng ngủ chung, mười hai cái đầu thò ra khỏi các bậc cửa sổ. Phía dưới, chúng thấy một người đàn ông cao lớn, khoác áo dài đen sẫm. Ông đeo bao tay đen, mang khăn quàng trắng, và mái tóc đen rậm rạp óng ánh như viên đá được đánh bóng.

“Ôi chào!”

“Ông ta là ai thế?”

“Ông ta làm gì vậy?”

Những tiếng xì xầm làm ong ong cả đầu Charlie. Nó thấy các cửa sổ khác cũng đã mở, lũ trẻ đang trao tráo dòm xuống sân.

“Đó là ông cậu của mình,” Charlie kiêu hãnh trả lời, kèm theo một nụ cười đắc ý.

“Ông cậu của bồ?”

“Ông ấy muốn gì?”

“Ông ấy làm bể cái cửa sổ đó phải không?”

“Ông ta làm bằng cách nào vậy?”

“Trông ông ấy đâu có giống mấy thằng hay đi đập bể cửa sổ đó!”

Lời bàn tán mỗi lúc mỗi rôm rả hơn, và tiếng bà giám thị từ hành lang, quát quàng quạc.

“Đóng cửa sổ lại! Vô giường mau! Tắt đèn! Tắt đèn!”

Một vài đứa vội vàng trở về giường, nhưng những đứa khác vẫn mãi miết ngó người đàn ông dưới sân. Bây giờ ông đang chậm rãi bước thành những vòng nhỏ, và ngược lên nhìn bọn trẻ. Khi thấy Charlie, ông cười hết cỡ. Charlie nín thở. Nó cảm thấy có tiếng ngậm nga rất lạ, vốn luôn xuất hiện trước khi xảy ra sự cố bể bóng đèn.

“Bloor!” Ông cậu Paton bắt ngờ hét lớn. “Ông biết ta đến đây vì cái gì rồi đấy. Hãy cho ta vô.”

Cánh cửa được trang trí bằng đinh tán đồng vẫn đóng im ỉm. Tiếng xì xào dứt hẳn. Tất cả mọi người nín thở chờ xem điều gì sẽ xảy ra.

“Giỏi lắm,” ông cậu Paton gầm lên.

Giờ, ông quay lưng lại phía bọn trẻ và đối mặt với các phòng riêng của gia đình Bloor ở chái phía tây.

Một tiếng rầm. Những tấm kính của cửa sổ đang sáng đèn bay vèo vèo trong không trung. Tấm này nối tiếp tấm khác. Tiếng nổ lần sau lớn hơn tiếng nổ lần trước, những mảnh kính bay rớt xuống đất càng lúc càng hăng.

Charlie sững sờ. Nó không ngờ là khi cần thì phép thuật của ông cậu nó cũng có thể mạnh mẽ đến vậy.

“Yewbeam!” có giọng nói rít rống. “Dừng lại, nếu không ta sẽ gọi cảnh sát.”

“Ồ, ta không nghĩ vậy đâu,” ông cậu Paton quát lại. “Có những việc đang xảy ra ở đây mà ông sẽ không muốn cho cảnh sát biết đâu. Nào, bây giờ thì đưa giấy tờ của Emma Tolly cho ta, trước khi ta làm bể tất cả bóng đèn trong tòa nhà này.”

Charlie thấy một cửa sổ ở chái phía tây đóng sập lại, nhanh như chớp.

Căn phòng có cánh cửa sổ đó tối thui, nhưng một giây sau, một cửa sổ khác vỡ tan tành. Và bây giờ, ông cậu Paton hướng sự chú ý sang chái phía đông, nơi một số giáo viên không nhận ra bóng đèn là nguồn gốc của những tiếng nổ, vẫn đang bận bịu dọn dẹp các lớp học.

BỐP! BỐP! BỐP! Ba cửa sổ của phòng thí nghiệm khoa học nổ tung. Nhưng lần này tình hình nghiêm trọng hơn nhiều. Có thứ gì đó trong phòng thí nghiệm bốc cháy. Khói đen và mùi hoá chất cháy bị gió cuốn lên, xộc tới lũ trẻ đang đứng nhìn.

“Ngừng lại!” giáo sư Bloor rống lên. “Paton, ta xin ông!”

“Đưa giấy tờ cho ta,” ông cậu Paton yêu sách.

Im lặng.

Thế rồi bất thành lình một cơn mưa như châu báu đủ màu trút xuống. Ai đó đã quên tắt đèn trong nhà nguyện, và những cửa sổ ráp kính màu giờ đây chỉ còn trong dĩ vãng.

“Thôi thôi!” một giọng thét lên.

Trong bầu không khí yên lặng tiếp sau đó, một đám giấy tờ bay lơ lửng từ một cửa sổ trên lầu. Giấy chao liệng và lượn lờ mấy vòng trước khi rơi xuống đất, hết như những bông tuyết khổng lồ ham vui đùa.

Vừa chạy đến nhặt những tờ giấy rơi, ông cậu Paton vừa bật cười, ban đầu là tiếng khà khà trong cổ họng, rồi rộ lên thành một tiếng cười sang sảng, và cuối cùng là một tràng cười “Ha! Ha! Ha!” ngạo nghễ trong chiến thắng.

Lũ trẻ đứng chứng kiến không thể không bắt cười theo, và chẳng mấy chốc, sân Học viện Bloor tràn ngập tiếng cười, và tiếng dội của nó vẫn còn được nghe thấy đến mãi tận lễ Giáng sinh.

26. Chương 24 [hết]

Đêm dài nhất trong năm

Báo chí đưa tin về vụ bể cửa sổ. Họ giật tit NHỮNG VỤ NỔ BÍ HIỂM Ở NGÔI TRƯỜNG CỔ. Những người chỉ nghe kể lại nhất quyết không chịu tin đó là sự thật.

Ông cậu Paton mang giấy tờ chứng nhận của Emma Tolly giao cho cô Ingledew. Và khi những giấy tờ ấy đã xác minh, không một chút nghi ngờ, rằng Emilia Moon đúng thật là Emma Tolly, thì gia đình Moon mới chịu buông hi vọng giành lại con bé. Thật ra họ chẳng màng gì đến Emma, mà chẳng qua họ chỉ tiếc cho món tiền trợ cấp từ nay sẽ thôi được hưởng. Giáo sư Bloor đã trả công họ hậu hĩnh cho việc trông nom con bé.

Rõ ràng chữ kí của tiến sĩ Tolly trên những giấy tờ giao nhận con nuôi đều là giả mạo, nhưng cô Ingledew để cho qua tất cả. Cô chỉ muốn có Emma, và Emma không muốn gì hơn là được sống với dì mình mãi mãi, trong ngôi nhà tuyệt vời, toàn sách là sách.

Vào buổi sáng sau vụ cửa sổ nổ ấy, trong mảnh sân gạch của Học viện Bloor là một cảnh tượng vô cùng ngoạn mục. Mảnh thủy tinh rải khắp sân. Những mảnh lớn sáng loáng, những mảnh nhỏ óng ánh như kim cương, những mảnh vụn lấp lánh đủ mọi màu sắc, tất cả trộn lẫn trong lớp bột thủy tinh nhuyễn màu bạc, sáng lóa và rục rở dưới ánh mặt trời.

Những công nhân tới dọn dẹp “bãi chiến trường” gần như không thể tin vào mắt mình. Họ dán tịt mắt vào những bức tường đã xưa cũ, những cửa sổ tối, trống hoác, và gãi gãi đầu. Chuyện quái gì đã diễn ra trong cái Học viện Bloor này vậy?

“Tôi không thích cho con trai tôi học ở đây đâu,” một người nói.

“Tôi cũng thế,” một người khác đồng tình.

“Một nơi kì quái,” người thứ ba nhận định.

Trong căn nhà số 9 đường Filbert, ngoại Maisie đang bận rộn làm các loại bánh Giáng sinh. Cuộc chiến tranh giữa ông cậu Paton và những bà chị của mình đã kết thúc. Chỉ ít là vào lúc này. Ông cậu Paton là người chiến thắng, nhưng Charlie biết, sẽ còn những trận chiến khác nữa. Cuối cùng thì ông cậu Paton đã ngẩng đầu lên, và những bà cô nhà Yewbeam đang lo lắng. Chẳng chóng thì chầy, họ sẽ tìm cách san bằng tỉ số cho bằng được.

Suốt cả ngày cuối tuần, chiếc ghế bập bênh bên cạnh lò sưởi vẫn trống trơn. Không một lần nào Charlie trông thấy nội Bone. Nhưng nó vẫn cảm thấy nội đang sôi sục, tức tối, hờn dỗi, và nghiền ngẫm ủ ỉa trong phòng riêng. Nó không quan tâm. Nó chỉ cảm thấy bình an. Nó có những người bạn tốt, và có một ông cậu sẽ không chịu khuất phục bất cứ thói ác độc nào nữa. Nó thậm chí còn nghĩ đến việc mua tặng một đôi vớ cho nội Bone nhân dịp Giáng sinh. Chắc chắn nội chỉ cần vớ mới.

Khi mẹ nó nêu ý kiến rằng sẽ tốt hơn nếu Charlie đừng trở lại Học viện Bloor nữa (tất thấy những vết thâm tím trên mình nó khiến mẹ nó sốc), thì Charlie phản đối liền.

“Mẹ, con cần phải quay lại đó,” nó nói. “Để giữ cân bằng.”

Trông mẹ nó hết sức hoang mang.

“Rất khó mà giải thích cho mẹ,” Charlie phân bua. “Con biết đúng là có những việc xấu xa đang xảy ra ở Học viện Bloor, nhưng ở đó cũng có những điều tốt. Con nghĩ ở đó người ta cần con. Để giúp đỡ mọi người...”

“Ừ,” mẹ nó rầu rầu.

Giây phút đó, trông mẹ nó thật náo nức, Charlie nôn nao, mong được nói với mẹ rằng, một ngày nào đó, mẹ sẽ gặp ba. Nhưng nó ráng cố ngậm miệng lại. Còn quá sớm để làm cho mẹ nuôi hi vọng. Thay vì vậy, nó hỏi mẹ xem mẹ nó thích quà gì cho Giáng Sinh.

“Ôi, suýt nữa thì mẹ quên,” mẹ nó thốt lên. “Cô Ingledew sẽ tổ chức bữa tiệc mừng Emma trở về nhà, và tất cả chúng ta sẽ được mời. Con thấy có tuyệt không?” Nụ cười đã bùng sáng trở lại trên gương mặt mẹ.

Thời gian còn lại của học kì trôi qua với những hoạt động tất bật, sôi động: tập kịch, chuẩn bị triển lãm, luyện thanh cho các bài hát mới, sắp xếp các buổi hòa nhạc... Có trốn đi đâu, người ta cũng không thể nào dứt khỏi những tiếng ngân vang, tiếng hát cao vút, và tiếng nhạc nện ình ình.

Manfred và Zelda phải mất một tuần mới bình phục khỏi những gì Tancred và Lysander đã làm với chúng. Cái cặp hay câu bẩn này vẫn chưa trở về là chính chúng. Manfred vẫn dán ánh mắt ma mẫn của hắn xuống sàn nhà, và Zelda bị nhức đầu đến mức nó không thể dùng ý nghĩ để nhắc hộp bút chì lên. Tuy nhiên, Asa vẫn là nó. Vẫn không có dấu hiệu nào cho thấy nó chính là con sói, ngoại trừ đôi mắt nó.

Vào ngày cuối cùng của học kì, khoa kịch trình làng một vở mang tên Tuyết trắng. Ngoại Maisie và mẹ Charlie có mặt trong số khán giả. Nhưng ông cậu Paton thì tránh xa. Ông cảm thấy ở đây người ta không muốn đón tiếp mình. Và Charlie cũng đồng ý với ông.

Olivia đóng vai mục dè ghê độc ác. Nó đúng là một thiên tài. Không ai đoán được nó mới chỉ có 11 tuổi. Khi Olivia bước lên sân khấu diễn màn cuối cùng, tiếng vỗ tay nổi lên như sấm, đình cả tai mọi người.

Lúc Charlie tới chào tạm biệt Olivia, nó thấy Olivia bị những người hâm mộ vây cứng. Nhưng Olivia đã trông thấy Charlie, đang đứng xó xó ra rìa đám đông, thế là nó hét to:

“Hẹn gặp ở bữa tiệc nha, Charlie!”

Bữa tiệc của cô Ingledew diễn ra vào đêm dài nhất trong năm – ba ngày trước Giáng Sinh. Charlie và gia đình nó là những vị khách cuối cùng tới nơi, bởi vì ngoại Maisie đã phải thay đổi quần áo những năm lần, trước khi quyết định mặc chiếc váy xa tanh màu hoa cà, có những viền đăng ten. Nội Bone, vẫn còn giận dỗi, không được mời.

Thật ngạc nhiên khi bao nhiêu người mà cô Ingledew vẫn dồn hết được vô căn phòng khách bé xíu của cô. Fidelio đi cùng ông bố vạm vỡ của mình, và Olivia đi với bà mẹ mình tinh mần bạc của nó. Benjamin dắt theo Hạt Đậu, giờ đã hoàn toàn khỏi hẳn, và có cả ba và mẹ nó cùng đi. Ông Onymous được ba con mèo lửa hộ tống. Bọn mèo nhất định không chịu lánh mặt khi chúng hít ngửi thấy mùi bữa tiệc trong không khí. Và, dù sao thì, chúng cũng đóng một vai trò to lớn trong việc giải cứu Emma.

Những chai nước ngọt, li tách và vô số đĩa đồ ăn ngon mắt, mê li đã được dọn cả lên quầy sách. Ông cậu Paton tự phục vụ mình một đĩa đầy tú hụ. Một tia sáng lóe lên trong mắt khi ông cậu trầm trồ:

“Julia thân yêu, tài nghệ nấu nướng của em thật cừ khôi.”

“Ôi, chỉ là mấy món ăn vặt thôi mà,” cô Ingledew nói, má ửng đỏ.

Căn phòng ấm cúng của cô được thắp sáng toàn bằng nến là nên: nến cao, nến thấp, nến mập, nến ốm... chúng lung linh nhảy ở khắp mọi ngõ ngách. Charlie nhận thấy tất cả những bóng đèn đều đã được tháo ra. Cô Ingledew không dám liều lĩnh một chút nào cả.

Sau một hồi, bọn trẻ quyết định tự tổ chức một bữa tiệc của riêng mình ở ngoài cửa tiệm. Bởi vì có quá nhiều đứa gài chuyện, và có rất nhiều người lớn vui mừng quá đỗi trong phòng khách. Nhưng gần tới nửa đêm, cô Ingledew gọi tất cả trở về. Cô muốn phát biểu một đôi lời.

Bài diễn văn của cô chẳng kéo dài được lâu. Trong nước mắt ngập tràn, cô cảm ơn mọi người đã giúp cô tìm ra đứa cháu yêu quý, con gái người chị Nancy của cô.

“Đó là ngày hạnh phúc nhất cuộc đời tôi, khi ông Yewbeam... ờ... anh Paton, đem Emma đến cửa nhà tôi,” cô xúc động.

Và rồi cô phải ngồi xuống và hỉ mũi, vì nước mắt tuôn ào ạt.

Những lời xuýt xoa cảm thông, cùng những lời chúc mừng nổi lên. Emma chạy lại ôm chặt lấy cô. Nhưng tất cả những bù ngùi xúc động phải lắng xuống do ông Onimous, trông vô cùng lịch duyệt trong chiếc áo gi-lê giả lông, đã nhảy lên một chiếc ghế, bày tỏ rằng ông rất vui ngay từ khi bắt đầu tìm kiếm Emma, và rằng ông hạnh diện biết bao về ba con mèo của mình.

Đúng lúc đó, một bất đồng nho nhỏ nổ ra giữa Hạt Đậu và những con mèo lửa. Nhưng vụ xô xát chỉ dừng lại ở những tiếng gầm gừ và vài cú cào cào, rồi tất cả được lập lại trật tự chỉ bằng một tiếng “ừm” của ông Onimous.

Emma Tolly là người cuối cùng phát biểu trong đêm hôm đó. Con bé trông hoàn toàn khác với Emilia Moon. Mái tóc vàng óng được cột gọn gàng thành một túm đuôi ngựa, và má nó ửng hồng lên vì vui sướng. Cứ như con bé Emilia xanh xao ngày xưa không phải là người thật, mà chỉ là một nhân vật phiên muộn bước ra từ chuyện thần thoại.

“Cháu rất hạnh phúc,” con bé cất lời. “Cháu vẫn không tin nổi là mình đang có mặt ở đây. Cháu cứ tự ngắt vẻo mình hoài. Trước khi cháu có thể nói gì thêm, cháu muốn tất cả mọi người biết rằng, cháu sẽ trở lại Học viện Bloor vào học kì tới.”

Cô Ingledew ngẩng lên, giật mình.

Cô định nói “Không...” nhưng ông cậu Paton nhẹ nhàng ngăn cô lại.

“Con xin lỗi, thưa dì,” Emma nói tiếp. “Con biết mình không nên làm thế, nhưng con đã đổi ý. Đó dù sao cũng là một ngôi trường tốt, và con có những thầy cô tuyệt vời dạy vẽ cho con. Và Fidelio và Olivia vẫn ở đó, và cả Charlie nữa, dĩ nhiên rồi. Họ không sợ gì cả, ngoài ra...” cô bé nhú mày, “Ý con là, còn có những điều khác nữa... Các bạn khác chắc cũng đang cần con. Vì thế con sẽ trở lại.”

Nó cười tươi roi rói. “Và bây giờ con xin cảm ơn tất cả mọi người đã giúp con tìm ra mình là ai, đặc biệt là Charlie, người khởi xướng tất cả mọi việc.”

“Chúc mừng Charlie,” cô Ingledew nâng li lên để rót đầy rượu vào.

“Chúc mừng Charlie!” tất cả mọi người cùng nâng li lên chúc mừng, và ở đâu đó đồng hồ bắt đầu điểm giờ.

[Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - gác nhỏ cho người yêu sách.]

Charlie chỉ mất vài phút mới nhận ra là toàn bộ căn phòng đang nhìn nó. Những ý nghĩ của nó đã trải đi xa lắc, với ai đó vẫn còn đang mê ngủ vào lúc 12 giờ đêm.

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Gác Sách:

Mai – Fuju – auduong_yy

(Tìm - Chỉnh sửa - Đăng)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/charlie-bone-luc-nua-dem-tap-1>